

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0311315789**

*Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 11 năm 2011*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 23, ngày 11 tháng 10 năm 2021*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 02862680680

Fax: 08 62991188

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 2.975.371.740.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm tỷ ba trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 297.537.174

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN HỒ NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 01/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024933000

Ngày cấp: 13/12/2010

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 204 B7/2/9 Nguyễn Văn Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 204 B7/2/9 Nguyễn Văn Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\* Họ và tên: NGUYỄN THỂ TÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 27/08/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022768212

Ngày cấp: 27/08/2010

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 60/3/28 Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 60/3/28 Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

  
TRƯƠNG PHÒNG  
Phó Trưởng Phòng



  
Cù Thành Đức



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 16/03/2021 (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 24/09/2020) (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10);
- Căn cứ các Báo cáo và Tờ trình do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát báo cáo và đệ trình trước Đại hội;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 03/2021/BB-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Biên bản kiểm phiếu biểu quyết số 01/2021/BBKP-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 và Biên bản kiểm phiếu bầu cử số 02/2021/BBKP-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 của Công ty cổ phần Bamboo Capital;

**QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo số 01/2021/BCĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 98,96% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo số 02/2021/BCĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo số 03/2021/BCĐH-BKS-BCG ngày 23/04/2021 của Ban kiểm soát v/v Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,06% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

- Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 04/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 5.** Thông qua Tờ trình số 05/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,00% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 6.** Thông qua Tờ trình số 06/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Phương án chi trả cổ tức 2% bằng cổ phiếu năm 2020.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,09% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 7.** Thông qua Tờ trình số 07/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 8.** Thông qua Tờ trình số 08/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Báo cáo thù lao thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Người quản lý năm 2020 và phương án chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 99,07% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 9.** Thông qua Tờ trình số 09/2021/TTĐH-BKS-BCG ngày 23/04/2021 của Ban kiểm soát v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 10.** Thông qua Tờ trình số 10/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Ủy quyền cho HĐQT thực hiện giao dịch, đầu tư với các bên liên quan và không liên quan của Công ty trong năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 11.** Thông qua Tờ trình số 11/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc vay vốn phát hành trái phiếu huy động vốn của Công ty trong năm 2021.  
*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 99,03% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

- Điều 12.** Thông qua Tờ trình số 12/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025.
- Theo đó, Đại hội thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 đối với Ông Anthony Lim.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 99,06% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 13.** Thông qua Tờ trình số 13/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,66% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 14.** Thông qua Tờ trình số 14/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,47% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 15.** Thông qua Tờ trình số 15/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 97,01% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 16.** Thông qua Tờ trình số 16/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Chính sách thưởng cổ phiếu ESOP căn cứ vào kết quả hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2020 và phương án thực hiện chính sách thưởng cổ phiếu ESOP năm 2021.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 97,31% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 17.** Thông qua Tờ trình số 17/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 99,00% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 18.** Thông qua Tờ trình số 18/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty cổ phần Bamboo Capital.
- Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,97% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
- Điều 19.** Thông qua Tờ trình số 19/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (lần thứ 11).

*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,97% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 20.** Thông qua Tờ trình số 20/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bamboo Capital (lần thứ 3)

*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,96% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 21.** Tờ trình số 21/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị v/v Đăng ký chuyển giao dịch tạm thời cổ phiếu từ HOSE sang HNX.

*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 4,41% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ không tán thành 94,51% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

*Như vậy, Đại hội đã biểu quyết không thông qua Tờ trình số 21/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021.*

**Điều 22.** Thông qua Tờ trình số 22/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 05/05/2021 của Hội đồng quản trị v/v Thông qua chủ trương phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 98,91% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 23.** Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

Ông Tan Bo Quan, Andy trúng cử là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital nhiệm kỳ 2020-2025. Nhiệm kỳ của Ông Tan Bo Quan, Andy là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

*Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 97,00% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*

Như vậy, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital nhiệm kỳ 2020 – 2025 bao gồm 09 thành viên như sau:

- |                                 |                           |
|---------------------------------|---------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hồ Nam            | - Chủ tịch HĐQT           |
| 2. Ông Nguyễn Thế Tài           | - Phó Chủ tịch HĐQT       |
| 3. Ông Phạm Minh Tuấn           | - Phó Chủ tịch HĐQT       |
| 4. Ông Nguyễn Thanh Hùng        | - Phó Chủ tịch HĐQT       |
| 5. Ông Bùi Thành Lâm            | - Thành viên HĐQT         |
| 6. Ông Nguyễn Quốc Khánh        | - Thành viên độc lập HĐQT |
| 7. Ông Khuất Tuấn Anh           | - Thành viên độc lập HĐQT |
| 8. Ông Phạm Nguyễn Thiên Chương | - Thành viên độc lập HĐQT |
| 9. Ông Tan Bo Quan, Andy        | - Thành viên HĐQT         |

**Điều 24.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và có hiệu lực kể từ sau khi kết thúc Đại hội và kèm theo các tài liệu sau:

- Các Báo cáo và Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 11);
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3).

**Điều 25.** Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ công nhân viên Công ty chịu trách nhiệm thi hành và triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được giao phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong phiên họp thường niên kế tiếp.

Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua toàn văn với tỷ lệ tán thành đạt 98,35% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- Như Điều 25;
- HĐQT, BKS, BDH;
- CBTT;
- Lưu: VPHĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỨC TỌA



Nguyễn Hồ Nam



## BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 15 tháng 05 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) được tổ chức hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến, đăng nhập tại website [www.bcg.bvote.vn](http://www.bcg.bvote.vn) hoặc [bcg.bvote.vn](http://bcg.bvote.vn).

Tại địa điểm điều hành Đại hội – Văn phòng làm việc Công ty cổ phần Bamboo Capital – Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 diễn ra với các nội dung chi tiết như sau:

### I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

#### 1. Phần nghi thức khai mạc:

Ông Đỗ Ngọc An – Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.

Thành phần tham dự Đại hội trực tuyến gồm: Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban điều hành (BDH), các cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital, ứng cử viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020- 2025, các đại biểu khách mời, các cơ quan báo chí, truyền thông

#### 2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Việt Cường – Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty là **203.468.140** cổ phần, tương ứng với **203.468.140** quyền biểu quyết (01 cổ phần/01 quyền biểu quyết).
- Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt ngày 13/04/2021 là **9.043** cổ đông, tương ứng với **203.468.140** cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Tại thời điểm khai mạc Đại hội lúc 8 giờ 30 phút hôm nay:
  - \* Số cổ đông tham dự và ủy quyền hợp lệ tham dự, biểu quyết tại Đại hội là **166** cổ đông, tương ứng **135.751.705** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **66,72%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
  - \* Số cổ đông vắng mặt tại Đại hội là **8.877** cổ đông, tương ứng **67.716.435** cổ phần, chiếm **33,28%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



Công ty đã thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“ĐHĐCĐ”) theo Điều 140, 141, 142, 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, ĐHĐCĐ của Công ty hội đủ điều kiện để tiến hành.

3. Bầu Ban Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu:

1. Danh sách Ban Chủ tọa bao gồm:

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Hồ Nam      | - Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội                      |
| - Ông Phạm Minh Tuấn     | - Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên                       |
| - Ông Nguyễn Thanh Hùng  | - Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên                       |
| - Ông Đinh Hoài Châu     | - Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên                    |
| - Bà Hoàng Thị Minh Châu | - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng<br>Thành viên |

*Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban Chủ tọa với tỷ lệ tán thành 99,25%.*

2. Danh sách Ban thư ký đoàn bao gồm:

- |                           |                                     |
|---------------------------|-------------------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết | - Chánh Văn phòng HĐQT - Trưởng ban |
| - Ông Đỗ Ngọc An          | - Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Thành viên |

*Đại hội đã biểu quyết thông qua Thư ký đoàn với tỷ lệ tán thành 99,25%.*

3. Danh sách Ban kiểm phiếu bao gồm:

- |                            |              |
|----------------------------|--------------|
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa   | - Trưởng ban |
| - Bà Lê Thị Kim Ngân       | - Thành viên |
| - Bà Trương Thị Thu Phương | - Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Kim Sang   | - Thành viên |
| - Bà Dương Minh Thi        | - Thành viên |
| - Bà Huỳnh Thị Thảo        | - Thành viên |

*Đại hội đã biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành 99,25%.*

4. Chương trình Đại hội, Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT

*Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT với tỷ lệ tán thành 99,25%.*

5. Ông Nguyễn Hồ Nam - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội phát biểu khai mạc Đại hội.

## II. THÔNG QUA NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH:

Đại hội đã nghe các Báo cáo và Tờ trình của HĐQT và BKS với các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và định hướng kinh doanh năm 2021 (*Báo cáo số 01/2021/BCĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của BDH đính kèm*):  
Do Ông Phạm Minh Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc trình bày.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 (*Báo cáo số 02/2021/BCĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của HDQT đính kèm*):  
Do Ông Nguyễn Thanh Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc trình bày.
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (*Báo cáo số 03/2021/BCĐH-BKS-BCG ngày 23/04/2021 của BKS đính kèm*):  
Do Ông Đinh Hoài Châu – Trưởng Ban kiểm soát trình bày.
4. Tờ trình về phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán (*Tờ trình số 04/2021/TTĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của HDQT đính kèm*):  
Do Bà Hoàng Thị Minh Châu – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng trình bày.
5. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2020 (*Tờ trình số 05/2021/TTĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của HDQT đính kèm*):  
Do Bà Hoàng Thị Minh Châu – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng trình bày.
6. Tờ trình phương án chi trả cổ tức 2% bằng cổ phiếu năm 2020 (*Tờ trình số 06/2021/TTĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của HDQT đính kèm*):  
Do Bà Hoàng Thị Minh Châu – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng trình bày.
7. Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2021 (*Tờ trình số 07/2021/TTĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của HDQT đính kèm*):  
Do Ông Nguyễn Thanh Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc trình bày.
8. Tờ trình báo cáo thù lao thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Người quản lý năm 2020 và phương án chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2021 (*Tờ trình số 08/2021/TTĐH-HDQT-BCG ngày 23/04/2021 của HDQT đính kèm*):  
Do Bà Hoàng Thị Minh Châu – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng trình bày.
9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 (*Tờ trình số 09/2021/TTĐH-BKS-BCG ngày 23/04/2021 của BKS đính kèm*):  
Do Ông Đinh Hoài Châu – Trưởng Ban kiểm soát trình bày.

10. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT thực hiện giao dịch, đầu tư với các bên liên quan và không liên quan của Công ty trong năm 2021 (Tờ trình số 10/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.
11. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc vay vốn phát hành trái phiếu huy động vốn của Công ty trong năm 2021 (Tờ trình số 11/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.
12. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT (Tờ trình số 12/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Ông Phạm Nguyễn Thiên Chương – Thành viên độc lập HĐQT trình bày.
13. Tờ trình thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (Tờ trình số 13/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Hồ Nguyễn Hải My – Phó phòng Quan hệ Nhà đầu tư trình bày.
14. Tờ trình phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ (Tờ trình số 14/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Hồ Nguyễn Hải My – Phó phòng Quan hệ Nhà đầu tư trình bày.
15. Tờ trình Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ (Tờ trình số 15/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Hồ Nguyễn Hải My – Phó phòng Quan hệ Nhà đầu tư trình bày.
16. Tờ trình Chính sách thưởng cổ phiếu ESOP căn cứ vào kết quả hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2020 và phương án thực hiện chính sách thưởng cổ phiếu ESOP năm 2021 (Tờ trình số 16/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Hoàng Thị Minh Châu – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng trình bày.
17. Tờ trình bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh (Tờ trình số 17/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.
18. Tờ trình thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty cổ phần Bamboo Capital (Tờ trình số 18/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm):  
Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.
19. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (lần thứ 11) (Tờ trình số 19/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm).  
Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.

20. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ CTCP Bamboo Capital (lần thứ 3) (Tờ trình số 20/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm).

Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.

21. Tờ trình đăng ký chuyển giao dịch tạm thời cổ phiếu từ HOSE sang HNX (Tờ trình số 21/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT đính kèm).

Do Bà Trần Thị Huệ Linh – Luật sư Tập đoàn trình bày.

22. Tờ trình thông qua chủ trương phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng (Tờ trình số 22/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 05/05/2021 của HĐQT đính kèm).

Do Bà Hoàng Thị Minh Châu – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng trình bày.

23. Một số nội dung khác bổ sung trong cuộc họp: (Không có).

### **III. PHẢN THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI:**

Lúc 11 giờ 00 phút, Đại hội tiếp tục làm việc với phần hỏi đáp và thảo luận tại Hội trường

Ông Nguyễn Hồ Nam thay mặt Ban Chủ tọa điều hành thảo luận các Báo cáo và Tờ trình. Ban Chủ tọa tiếp thu các ý kiến và lần lượt giải đáp các câu hỏi của cổ đông.

Phản ý kiến/câu hỏi của cổ đông và phần giải đáp từ Ban Chủ tọa được ghi nhận tại Phụ lục Hỏi – Đáp đính kèm.

Tất cả các câu hỏi, các vấn đề thảo luận liên quan đến các nội dung chính nêu tại Đại hội đã được Ban Chủ tọa giải đáp một cách thấu đáo, cặn kẽ cho cổ đông tại Đại hội.

Do thời gian có hạn, các câu hỏi của quý Cổ đông gửi đến sau (có ghi rõ địa chỉ email) sẽ được Văn phòng HĐQT hoặc Phòng Quan hệ Nhà đầu tư có thư trả lời cụ thể riêng đến quý Cổ đông.

### **IV. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG CẬP NHẬT TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐẾN THỜI ĐIỂM BIỂU QUYẾT:**

- Ông Nguyễn Việt Cường, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông cập nhật tình hình cổ đông tham dự Đại hội.

Tình hình cổ đông tham dự Đại hội đến 12 giờ 00 phút hôm nay:

\* Số cổ đông tham dự và ủy quyền hợp lệ tham dự, biểu quyết tại Đại hội là 197 cổ đông, tương ứng 140.091.128 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 68,85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

\* Số cổ đông vắng mặt tại Đại hội là 8.846 cổ đông, tương ứng 63.377.012 cổ phần, chiếm 31,15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

### **V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua 22 nội dung Báo cáo và Tờ trình như sau:

1. Báo cáo số 01/2021/BCDH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT về Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 98,96% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
2. Báo cáo số 02/2021/BCDH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT về Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
3. Báo cáo số 03/2021/BCDH-BKS-BCG ngày 23/04/2021 của Ban kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,06% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
4. Tờ trình số 04/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
5. Tờ trình số 05/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,00% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
6. Tờ trình số 06/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Phương án chi trả cổ tức 2% bằng cổ phiếu năm 2020:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,00% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
7. Tờ trình số 07/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2021:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
8. Tờ trình số 08/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT về Báo cáo thù lao thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Người quản lý năm 2020 và phương án chi thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2021.  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,07% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
9. Tờ trình 09/2021/TTĐH-BKS-BCG ngày 23/04/2021 của BKS v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 98,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
10. Tờ trình số 10/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Ủy quyền cho HĐQT thực hiện giao dịch, đầu tư với các bên liên quan và không liên quan của Công ty trong năm 2021:  
*- Tỷ lệ tán thành đạt 99,08% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.*
11. Tờ trình số 11/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc vay vốn phát hành trái phiếu huy động vốn của Công ty trong năm 2021.

- Tỷ lệ tán thành đạt 99,03% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
12. Tờ trình số 12/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 99,06% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
13. Tờ trình số 13/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 98,66% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
14. Tờ trình số 14/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 98,47% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
15. Tờ trình số 15/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 97,01% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
16. Tờ trình số 16/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Chính sách thưởng cổ phiếu ESOP căn cứ vào kết quả hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2020 và phương án thực hiện chính sách thưởng cổ phiếu ESOP năm 2021:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 97,31% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
17. Tờ trình số 17/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 99,00% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
18. Tờ trình số 18/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty cổ phần Bamboo Capital:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 98,97% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
19. Tờ trình số 19/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (lần thứ 11):  
- Tỷ lệ tán thành đạt 98,97% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
20. Tờ trình số 20/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ CTCP Bamboo Capital (lần thứ 3):  
- Tỷ lệ tán thành đạt 98,96% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
21. Tờ trình số 21/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 23/04/2021 của HĐQT v/v Đăng ký chuyển giao dịch tạm thời cổ phiếu từ HOSE sang HNX.  
- Tỷ lệ tán thành đạt 4,41% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.  
- Tỷ lệ không tán thành đạt 94,51% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
22. Tờ trình số 22/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 05/05/2021 của HĐQT v/v Thông qua chủ trương phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng:  
- Tỷ lệ tán thành đạt 98,91% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Như vậy, Đại hội đã biểu quyết không thông qua nội dung Tờ trình số 21/2021/TTĐH-HĐQT-BCG và đã biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình còn lại.

## VI. CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, Trưởng Ban kiểm phiếu đọc Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu tán thành (phiếu)	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự Đại hội
1	Ông Tan Bo Quan, Andy	136.939.940	97,00%

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Quy chế đề cử, ứng cử bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và Điều lệ Công ty, Ông Tan Bo Quan, Andy đã trúng cử là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025. Nhiệm kỳ của Ông Tan Bo Quan, Andy là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

## VII. CẢM ƠN THÀNH VIÊN HĐQT TỬ NHIỆM VÀ RA MẮT THÀNH VIÊN HĐQT MỚI BẦU BỔ SUNG:

- Ông Nguyễn Hồ Nam thay mặt Ban Chủ tọa và Hội đồng quản trị phát biểu cảm ơn thành viên HĐQT đã từ nhiệm.
- Ông Nguyễn Hồ Nam thay mặt Ban Chủ tọa và Hội đồng quản trị chúc mừng Ông Tan Bo Quan Andy, Thành viên HĐQT mới trúng cử. Thành viên HĐQT trúng cử ra mắt Đại hội thông qua kết nối trực tuyến.
- Như vậy, thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 09 thành viên sau:
  1. Ông Nguyễn Hồ Nam - Chủ tịch HĐQT
  2. Ông Nguyễn Thế Tài - Phó Chủ tịch HĐQT
  3. Ông Phạm Minh Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT
  4. Ông Nguyễn Thanh Hùng - Phó Chủ tịch HĐQT
  5. Ông Bùi Thành Lâm - Thành viên HĐQT
  6. Ông Nguyễn Quốc Khánh - Thành viên độc lập HĐQT
  7. Ông Khuất Tuấn Anh - Thành viên độc lập HĐQT
  8. Ông Phạm Nguyễn Thiên Chương - Thành viên độc lập HĐQT
  9. Ông Tan Bo Quan, Andy - Thành viên HĐQT

## VIII. KẾT LUẬN ĐẠI HỘI

- Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCD thường niên năm 2021 của Công ty do Ông Đỗ Ngọc An đại diện Ban Thư ký trình bày.
- Sau khi nghe Ban Thư ký đọc, Đại hội đã thống nhất thông qua nội dung Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCD thường niên năm 2021 với tỷ lệ như sau:
  - Thông qua Biên bản ĐHĐCD với tỷ lệ 98,42% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp thông qua.
  - Thông qua Nghị quyết ĐHĐCD với tỷ lệ 98,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp thông qua.

- Ông Nguyễn Hồ Nam – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Bamboo Capital kết thúc vào lúc 13 giờ 20 phút cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Hồ Nam**





Số: 22/2021/TTĐH-HĐQT-BCG

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***V/v: Thông qua chủ trương phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng***Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ (và các văn bản thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời điểm);
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua trái phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 16/03/2021 (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 24/09/2020) (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10);
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) về huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch kinh doanh năm 2021;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital xem xét thông qua các nội dung sau:

**1. Thông qua chủ trương phát hành trái phiếu, cụ thể như sau:**

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Bamboo Capital.
- Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành: Tối đa 3.000.000.000.000 đồng (*Ba nghìn tỷ đồng*) hoặc một giá trị khác phù hợp với quyền hạn phê duyệt của Hội đồng quản trị tùy vào tình hình cụ thể.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không bao gồm chứng quyền, có hoặc không có tài sản bảo đảm.

**2. Thông qua chủ trương về mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn, cụ thể như sau:**

- Vốn huy động được sẽ bổ sung vốn lưu động, tài trợ các dự án điện mặt trời, dự án điện áp mái, dự án bất động sản, đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn và nhu cầu vốn thực hiện mua bán sáp nhập và thực hiện hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án.




**3. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện và quyết định tất cả các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành trái phiếu và sử dụng vốn huy động, bao gồm:**

- Xây dựng và Quyết định Phương án phát hành, Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu bao gồm nhưng không giới hạn: số lượng các đợt phát hành, giá trị phát hành tương ứng với mỗi đợt phát hành, thời điểm thực hiện từng đợt phát hành, kỳ hạn và các nội dung khác của phương án phát hành, Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu sao phù hợp với quy định của pháp luật.
- Quyết định lãi suất phát hành trái phiếu và các chi phí khác có liên quan đến việc phát hành trái phiếu.
- Quyết định việc sử dụng, phân bổ tài sản đảm bảo dựa trên tình hình tài sản thực tế tại thời điểm phát hành và đàm phán với nhà đầu tư (nếu có).
- Quyết định tất cả các vấn đề khác có liên quan như lựa chọn, đàm phán, ký kết các hợp đồng và các tài liệu có liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu với đơn vị tư vấn, các nhà đầu tư và các đơn vị khác có liên quan.
- Quyết định thời điểm giải ngân và số tiền giải ngân và đảm bảo việc giải ngân phù hợp với mục đích sử dụng vốn theo thỏa thuận tại (các) hợp đồng, thỏa thuận hợp tác, và tình hình thực tế của Công ty.
- Quyết định tất cả các vấn đề khác có liên quan đến việc sử dụng vốn theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
- Quyết định và thực hiện tất cả các hành động và các thủ tục cần thiết, ký kết các văn bản, tài liệu cần thiết theo quy định và/hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để triển khai việc phát hành Trái Phiếu theo đúng quy định của pháp luật.
- Được quyền ký kết, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, hủy bỏ hoặc chấm dứt và quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến Các Văn Kiện Trái Phiếu và các hồ sơ, hợp đồng, tài liệu phát sinh kèm theo (nếu có).
- Được ủy quyền lại các quyền hạn của mình cho nhân sự khác của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ này và hoàn toàn chịu trách nhiệm với Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

**4. Thông qua việc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:   
- ĐHQĐ;  
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
  
**Nguyễn Hồ Nam**



Số: 06/2021/NQ-ĐHDCD-BCG

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**  
**(Thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2021)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 12/08/2021 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 15/05/2021 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 13);
- Căn cứ các Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2021 số 05/2021/BBKP-ĐHDCD-BCG ngày 01/10/2021;

**QUYẾT NGHỊ**

- Điều 1.** Thông qua Tờ trình số 31/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.  
*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 62,6662% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.*
- Điều 2.** Thông qua Tờ trình số 32/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua bổ sung chủ trương phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.  
*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 62,6373% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.*
- Điều 3.** Thông qua Tờ trình số 33/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh.  
*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 62,6644% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.*
- Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 34/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14).  
*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 62,6652% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.*



**Điều 5.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2021 có hiệu lực kể từ ngày ký và kèm theo các tài liệu sau:

- Các Tô trình trình Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản tháng 09/2021;
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2021;
- Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14).

**Điều 6.** Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết này trong phiên họp thường niên kế tiếp.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: VP, HĐQT, P. HTKD.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BAMBOO**  
**CAPITAL**  
Nguyễn Hồ Nam





TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2021

Số: 05/2021/BBKP-DHDCD-BCG

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

*V/v: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 09/2021  
để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông CTCP Bamboo Capital*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 12/08/2021 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 15/05/2021 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 13);
- Căn cứ Nghị quyết số 43/2021/BB-HĐQT-BCG ngày 23/08/2021 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 09/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 48/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital về thông qua nội dung, tài liệu và danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2021;
- Căn cứ "Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tháng 09/2021" của các cổ đông gửi về Công ty cổ phần Bamboo Capital theo 2 hình thức biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết điện tử;

### A. THÔNG TIN CÔNG TY:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL (gọi tắt là Công ty hoặc BCG)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011, thay đổi lần thứ 22 ngày 24/08/2021.

### B. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM:

- Thời gian: 09 giờ 00 phút ngày 01/10/2021.
- Địa điểm: Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) - Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## C. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU, GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU VÀ TỔ THƯ KÝ:

### 1. Ban kiểm phiếu:

- |                           |   |              |
|---------------------------|---|--------------|
| - Ông Nguyễn Hồ Nam       | - Chủ tịch HĐQT,<br>Người đại diện theo pháp luật | - Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Thế Tài      | - Tổng Giám đốc                                   | - Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết | - Chánh Văn phòng HĐQT                            | - Thành viên |

### 2. Giám sát kiểm phiếu:

- |                      |                        |
|----------------------|------------------------|
| - Ông Đinh Hoài Châu | - Trưởng Ban kiểm soát |
|----------------------|------------------------|

### 3. Tổ Thư ký:

- |                       |  |
|-----------------------|--|
| - Bà Hồ Nguyễn Hải My | - Phó phòng Quan hệ Nhà đầu tư         |
| - Ông Lê Văn Sơn      | - Phó Chánh Văn phòng HĐQT             |
| - Bà Đặng Mỹ Linh     | - Chuyên viên Phòng Quan hệ Nhà đầu tư |

## D. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN:

1. Tờ trình số 31/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (đính kèm dự thảo Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);
2. Tờ trình số 32/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua bổ sung chủ trương phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
3. Tờ trình số 33/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh;
4. Tờ trình số 34/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14), (đính kèm dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital sửa đổi, bổ sung lần thứ 14).

## E. PHƯƠNG THỨC GỬI THÔNG BÁO LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN:

Do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19, Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh tiếp tục áp dụng Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/03/2021 từ ngày 16/09/2021 đến ngày 30/09/2021 theo Công văn số 3072/UBND-VX ngày 15/09/2021. Theo đó, nhằm đảm bảo cổ đông nhận được Thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thực hiện quyền đầy đủ, căn cứ Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 13/09/2021, Công ty đã thực hiện các phương thức gửi Thông báo như sau:

1. Đăng tải trên website Công ty;
2. Gửi thư bằng đường bưu chính;
3. Gửi thư điện tử đến các cổ đông có đăng ký địa chỉ email;
4. Nhắn tin SMS đến các cổ đông có đăng ký số điện thoại di động.

## F. PHƯƠNG THỨC GỬI BIỂU QUYẾT VÀ NGUYÊN TẮC KIỂM PHIẾU:

### 1. Phương thức gửi biểu quyết:

- a. Hình thức 1: Gửi Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về Văn phòng Công ty cổ phần Bamboo Capital trước 16 giờ 30 phút ngày 30/09/2021.
  - Địa chỉ nhận thư bằng đường bưu chính:  
Công ty cổ phần Bamboo Capital  
Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: (028) 62.680.680 (Ext. 203) / 0902 355 587 (Ms. Đặng Mỹ Linh)
  - Bản scan Phiếu lấy ý kiến về địa chỉ email: [irbcg@bamboocap.com.vn](mailto:irbcg@bamboocap.com.vn)
- b. Hình thức 2: Cổ đông thực hiện quyền thông qua hình thức biểu quyết điện tử bằng cách truy cập vào website: [bcg.bvote.vn](http://bcg.bvote.vn) từ 08g00 ngày 21/09/2021 đến 16g30 ngày 30/09/2021.
  - Tên đăng nhập: ....
  - Mật khẩu đăng nhập: ..... hoặc Mật khẩu OTP (gửi về số điện thoại của cổ đông để thực hiện đăng nhập và biểu quyết).

### 2. Nguyên tắc kiểm phiếu:

- 01 cổ phiếu tương đương 01 quyền biểu quyết.
  - Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong những trường hợp sau:
    - Không phải Phiếu do Công ty cổ phần Bamboo Capital phát hành;
    - Không có chữ ký của cổ đông là cá nhân, không có chữ ký và đóng dấu của cổ đông là tổ chức;
    - Bị gạch, tẩy xóa, sửa chữa, thêm/bớt nội dung;
    - Công ty nhận được sau thời hạn kết thúc biểu quyết;
    - Phiếu trả lời do Người được ủy quyền lập nhưng không có văn bản ủy quyền hợp lệ;
    - Phiếu của cổ đông có đáp án được chọn từ 2 đáp án trở lên đối với từng vấn đề Công ty xin ý kiến;
    - Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
- Biểu quyết tán thành: Cổ đông lựa chọn đánh dấu (x) hoặc (√) vào mục "Tán thành" thì được xem là biểu quyết tán thành nội dung lấy ý kiến.
- Biểu quyết không tán thành: Cổ đông lựa chọn đánh dấu (x) hoặc (√) vào mục "Không tán thành" thì được xem là biểu quyết không tán thành nội dung lấy ý kiến.
- Không có ý kiến: (i) Cổ đông lựa chọn đánh dấu (x) hoặc (√) vào mục "Không có ý kiến"; hoặc (ii) Không đánh dấu vào mục nào tại các nội dung thì được xem là "Không có ý kiến" về nội dung đó.

## G. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU:

### 1. Số lượng Phiếu lấy ý kiến:

STT	Diễn giải	Số lượng (phiếu)	Số cổ phần biểu quyết (cổ phần)	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty
1	Tổng số Phiếu lấy ý kiến đã được gửi cho cổ đông để lấy ý kiến	18.178	297.537.174	100,000%
2	Số Phiếu lấy ý kiến đáp trả về Công ty: Trong đó:	451	186.591.449	62,712%
2.1	Đáp trả về Công ty theo hình thức văn bản bán cứng	0	0	0%
	Số Phiếu lấy ý kiến hợp lệ	0	0	0%
	Số Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ	0	0	0%
2.2	Đáp trả về Công ty theo hình thức văn bản bán mềm (biểu quyết điện tử)	451	186.591.449	62,712%
	Số Phiếu lấy ý kiến hợp lệ	451	186.591.449	62,712%
	Số Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ	0	0	0%
2.3	Tổng số Phiếu lấy ý kiến hợp lệ	451	186.591.449	62,712%
2.4	Tổng số Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ	0	0	0%
3	Tổng số Phiếu lấy ý kiến không tham gia biểu quyết	17.727	110.945.725	37,288%
	Trong đó, số Phiếu lấy ý kiến gửi bằng đường bưu chính bị hoàn lại vì nhiều lý do (Danh sách đính kèm tính đến 16g30 ngày 30/09/2021)  <i>* Ghi chú: Cổ đông có thể không nhận được thư bằng đường bưu chính nhưng vẫn có thể nhận được email hoặc tin nhắn SMS.</i>	297	3.376.893	1,135%



**2. Kết quả thông qua các nội dung lấy ý kiến biểu quyết (tỷ lệ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty):**

STT	Nội dung biểu quyết	Biểu quyết Không hợp lệ			Biểu quyết Tân thành			Biểu quyết Không tán thành			Biểu quyết Không có ý kiến		
		Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Tờ trình số 31/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông hàng năm ban	0	0	0	412	186.455.283	62,6662	2	8.200	0,0028	37	127.966	0,0430
2	Tờ trình số 32/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua bổ sung chủ trương phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán	0	0	0	395	186.569.339	62,6373	17	88.346	0,0297	39	133.764	0,0450
3	Tờ trình số 33/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh	0	0	0	405	186.449.917	62,6644	5	1.208	0,0004	41	140.324	0,0472
4	Tờ trình số 34/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14)	0	0	0	399	186.452.383	62,6652	1	200	0,0001	51	138.866	0,0467

## H. KẾT LUẬN:

Căn cứ kết quả tỷ lệ biểu quyết tại các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nêu trên, Đại hội đồng cổ đông tháng 09/2021 của Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) đã nhất trí thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Tờ trình số 31/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
  - Tỷ lệ tán thành: **62,6662%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Thông qua Tờ trình số 32/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua bổ sung chủ trương phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
  - Tỷ lệ tán thành: **62,6373%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
3. Thông qua Tờ trình số 33/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh.
  - Tỷ lệ tán thành: **62,6644%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
4. Thông qua Tờ trình số 34/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 20/09/2021 của HĐQT v/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14).
  - Tỷ lệ tán thành: **62,6652%** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Biên bản kiểm phiếu được lập kết thúc vào lúc 10 giờ 00 cùng ngày.

Biên bản này là cơ sở pháp lý để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tháng 09/2021 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Chúng tôi, những thành viên trong Ban kiểm phiếu, Giám sát kiểm phiếu, Tổ Thư ký cũng ký tên dưới đây để cam kết về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu nêu trên.

**BAN KIỂM PHIẾU**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT**



  
Nguyễn Hồ Nam

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Tài

**CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT**



Nguyễn Thị Ánh Tuyết

**GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Đinh Hoài Châu

**TỔ THƯ KÝ**



Hồ Nguyễn Hải My



Lê Văn Sơn



Đặng Mỹ Linh



Số: 32/2021/TTĐH-HĐQT-BCG

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

*V/v: Thông qua bổ sung chủ trương phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán*

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 12/08/2021 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 15/05/2021 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 13);
- Căn cứ Tờ trình số 22/2021/TTĐH-HĐQT-BCG ngày 05/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital ("Tờ trình số 22");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 ("Nghị quyết số 04");
- Căn cứ Nghị quyết số 43/2021/BB-HĐQT-BCG ngày 23/08/2021 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 09/2021;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital xem xét thông qua bổ sung một số chủ trương về phát hành trái phiếu ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital thông qua trong Nghị quyết số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021 như sau:

**I. Bổ sung nội dung liên quan đến chủ trương phương án phát hành:**

- Kỳ hạn trái phiếu: Không quá 05 năm.
- Nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu: lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi hoặc lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.
- Cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán theo đúng quy định pháp luật.



**2. Bổ sung một số nội dung Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:**

- Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bao gồm nhưng không giới hạn việc xây dựng, chỉnh sửa và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đợt phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý (nếu có), tình hình thực tế tại Công ty nhằm triển khai phương án phát hành đạt được hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bamboo Capital, các quy định pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital và quyền lợi của Nhà đầu tư Trái phiếu.
- Quyết định thời gian cụ thể, đối tượng chào bán, số lượng chào bán của từng đợt chào bán nhưng không vượt quá khối lượng chào bán 3.000 tỷ đồng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số 04 đính kèm Tờ trình số 22;
- Thực hiện việc lập phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm phát hành.
- Trong trường hợp đợt chào bán nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hội đồng quản trị lựa chọn các phương thức bù đắp thiếu hụt, bao gồm nhưng không hạn chế các phương thức sau: bảo lãnh phát hành, vay tín dụng ngân hàng, ... và các phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật.
- Xây dựng phương án phát hành, các điều khoản và điều kiện của trái phiếu sao phù hợp với quy định của pháp luật đồng thời thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác như thông tin đã công bố đến nhà đầu tư.
- Thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau từng đợt chào bán theo đúng quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.
- Chủ động quyết định và triển khai các công việc khác (nếu phát sinh) để đảm bảo việc chào bán, đăng ký niêm yết trái phiếu thành công và phù hợp với các quy định của pháp luật chứng khoán.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ thu được từ đợt chào bán, việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán (bao gồm quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong chú trương phát hành và niêm yết trái phiếu này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư và Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.





TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2021

Số: 59/2021/NQ-HDQT-BCG

## NGHỊ QUYẾT

*V/v: Phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng, phê duyệt việc niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán*

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản tháng 09/2021 số 06/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 01/10/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG) ngày 01/10/2021 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14);
- Căn cứ Biên bản họp số 59/2021/BB-HDQT-BCG ngày 19/11/2021 của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bamboo Capital v/v phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng, phê duyệt thông qua việc niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1. Phê duyệt việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng và phương án phát hành Trái Phiếu của Công Ty:**

Phê duyệt việc Công ty cổ phần Bamboo Capital chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2021 với tổng mệnh giá tối đa 500.000.000.000 VND (Bằng chữ:



Năm trăm tỷ đồng) (“Trái Phiếu”) theo phương án phát hành Trái Phiếu được đính kèm tại Phụ Lục I của Nghị quyết này (“Phương Án Phát Hành”).

**Điều 2. Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng:**

Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng như được nêu tại Phương Án Phát Hành.

**Điều 3. Phê duyệt các tài liệu giao dịch, các giao dịch được quy định trong việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:**

- a. Mẫu hợp đồng/thỏa thuận đặt mua Trái Phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua Trái Phiếu (nếu có);
- b. Hợp đồng tư vấn chào bán Trái Phiếu ra công chúng, đại lý phát hành, tư vấn đăng ký lưu ký và tư vấn niêm yết Trái Phiếu;
- c. Hợp đồng đại lý;
- d. Các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
- e. Các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ đoạn (a) đến đoạn (d) của Điều này.

(các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu quy định tại Điều 3 này được gọi chung là “Các Tài Liệu Giao Dịch”).

**Điều 4. Phê duyệt việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu**

Phê duyệt việc đăng ký Trái Phiếu được phát hành thành công theo Phương Án Phát Hành tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tùy từng trường hợp áp dụng) (“VSD”) và việc niêm yết Trái Phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn tất đợt chào bán Trái Phiếu (“Đăng Ký Và Niêm Yết”) theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 5. Phê duyệt việc triển khai thực hiện**

Phê duyệt việc giao cho chủ tịch của Hội Đồng Quản Trị là người đại diện theo Pháp luật của Công ty, hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hợp pháp, căn cứ tình hình cụ thể toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các công việc sau đây:

1. Thương lượng và quyết định các vấn đề liên quan đến việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc:
  - a. Tổ chức thực hiện Phương Án Phát Hành;
  - b. Thương lượng, quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu,
  - c. Quyết định các nội dung cụ thể, việc chuẩn bị và ký kết Các Tài Liệu Giao Dịch, thời điểm chào bán Trái Phiếu ra công chúng, các khoản phí




liên quan đến việc chào bán; thương lượng và quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu, kể cả mức phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán các Trái Phiếu cho các mục đích và phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ Trái Phiếu;

- d. Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
  - e. Quyết định nội dung cụ thể, việc đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu liên quan đến việc chào bán Trái Phiếu (bao gồm Các Tài Liệu Giao Dịch);
  - f. Quyết định việc sửa đổi và điều chỉnh đối với Phương Án Phát Hành và các tài liệu khác trong Các Tài Liệu Giao Dịch (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tình hình thực tế của Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
  - g. Quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn; và
  - h. Quyết định các vấn đề khác liên quan đến Trái Phiếu nhằm thực hiện đăng ký chào bán Trái Phiếu và chào bán Trái Phiếu ra công chúng.
2. Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết; hủy Đăng Ký Và Niêm Yết, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau đây:
- a. Quyết định thời gian Đăng Ký Và Niêm Yết Trái Phiếu cụ thể;
  - b. Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
  - c. Làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan về hồ sơ Đăng Ký Và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký Và Niêm Yết Trái Phiếu; và
  - d. Quyết định và thực hiện các công việc khác mà chủ tịch của Hội Đồng Quản Trị thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công việc Đăng Ký Và Niêm Yết Trái Phiếu tại VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
3. Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết khác nhằm phát hành thành công Trái Phiếu và hoàn tất việc Đăng Ký Và Niêm Yết Trái Phiếu và các nội dung phát sinh trong quá trình Trái Phiếu lưu hành.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này thay thế toàn văn Nghị quyết Hội đồng quản trị số 57/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 10/11/2021 về việc Phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng, phê duyệt việc niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, các Khối, Phòng, Ban và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:   
- Như Điều 6;  
- Ban kiểm soát;  
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam





## PHỤ LỤC I

### PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

(Đính kèm Nghị quyết số 59/2021/NQ-HDQT-BCG ngày 19/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital)

Phương án phát hành này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán các trái phiếu ra công chúng bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Công ty Cổ phần Bamboo Capital ("**Tổ Chức Phát Hành** hay "**BCG**") theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có), với tổng mệnh giá tối đa 500.000.000.000 VND (Bằng chữ: năm trăm tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu**") theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này. Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái Phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu.

#### I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Tổ Chức Phát Hành: Công ty Cổ phần Bamboo Capital
- Tên tiếng Anh: Bamboo Capital Joint Stock Company
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần đại chúng
- Mã chứng khoán: BCG
- Sàn giao dịch: HOSE
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011, đăng ký giao dịch thay đổi lần thứ 23 ngày 11/10/2021.
- Vốn điều lệ: 2.975.371.740.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồ Nam - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## 2. Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
2	Khai thác đá	0810
3	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6	Sản xuất điện	3511
7	Truyền tải và phân phối điện	3512

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

## 3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

### 3.1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong 3 năm trước năm chào bán Trái Phiếu ra công chúng:

(Đơn vị: triệu Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng giá trị tài sản	5.320.626	7.254.645	24.136.826
Vốn điều lệ	1.080.058	1.080.058	1.360.058
Vốn chủ sở hữu	1.407.712	1.624.528	2.963.308
Doanh thu thuần	1.113.321	1.575.879	1.854.945
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.041	189.529	334.643
Lợi nhuận khác	(5.439)	2.805	(1.394)
Lợi nhuận trước thuế	35.602	192.334	333.249
Lợi nhuận sau thuế	11.326	140.522	266.419
Nợ ngắn hạn	2.883.523	3.118.306	10.609.458
Nợ Dài Hạn	1.029.392	2.511.811	10.564.059
Tỷ số dư nợ trái phiếu/Vốn chủ sở hữu	0,2	0,24	0,68

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	0,8%	8,65%	8,99%
---	------	-------	-------

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, 2019 và 2020 của BCG*

*Dự kiến sau phát hành:*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Dự kiến sau phát hành
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (*)	2,78	3,46	7,15	7,31

*(\*) Giá trị Nợ được sử dụng tính toán Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu bao gồm (i) vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và (ii) vay và nợ thuê tài chính dài hạn của BCG vào thời điểm kết thúc năm tài chính*

### **3.2. Tình hình thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu**

Công ty đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi các Trái Phiếu đã phát hành và đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng.

### **3.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tổ Chức Phát Hành cam kết không có bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm.

### **3.4. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành**

#### **a. Báo cáo tài chính năm 2019**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2019 đã được ban hành theo BCTC riêng số 415/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 08/04/2020 và BCTC hợp nhất số 419/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 08/04/2020.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**b. Báo cáo tài chính năm 2020**

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2020 đã được ban hành theo BCTC riêng số 369/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 07/04/2021 và BCTC hợp nhất số 370/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 07/04/2021.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng năm 2020:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**c. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021**

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 đã được ban hành theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ số 550/BCSX/TC/2021/AASCS ngày 14/10/2021 và Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ số 549/BCSX/TC/2021/AASCS ngày 14/10/2021.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng:** “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất:** “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài

chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”.

## II. ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN CHÀO BÁN

Khoản 3 Điều 15 Luật chứng khoán và Điều 19 Nghị định 155/2020/ND-CP quy định các điều kiện mà BCG phải đáp ứng khi chào bán Trái Phiếu ra công chúng. Dưới đây là những đánh giá của BCG về việc BCG đáp ứng các điều kiện này:

*Điều kiện tại Khoản 3 Điều 15 Luật chứng khoán*

1. Điều kiện về vốn điều lệ: Điểm a yêu cầu doanh nghiệp có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán. Tính đến thời điểm 24/08/2021, vốn điều lệ của BCG là 2.975.371.740.000 đồng. Do vậy BCG đáp ứng điều kiện này.
2. Điều kiện về kết quả kinh doanh: Điểm b yêu cầu hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm; Lợi nhuận theo BCTC hợp nhất năm 2020 của BCG là 266.419 triệu đồng, và không có lỗ lũy kế, đồng thời tính đến thời điểm hiện BCG không có nợ quá hạn nào trên 01 năm.
3. Điều kiện phương án phát hành: Điểm c quy định doanh nghiệp phải có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm Phương Án Phát Hành này được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị, BCG đáp ứng điều kiện này.
4. Điều kiện và cam kết: Điểm d quy định doanh nghiệp phải có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Trong các tài liệu Phát hành Trái Phiếu, BCG có cam kết về việc này. Do vậy, khi cam kết được ban hành, BCG đáp ứng điều kiện này.
5. Điều kiện về tổ chức tư vấn: Điểm đ quy định doanh nghiệp phải có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán. Theo Phương Án Phát Hành thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”) sẽ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng cho BCG. Do đó, BCG đáp ứng điều kiện này.
6. Điều kiện vi phạm pháp luật: Điểm e quy định doanh nghiệp không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội

xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. BCG đáp ứng điều kiện này.

7. Điều kiện về tài khoản phong tỏa: Điểm h quy định Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán, BCG đã mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu tại Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á, BCG đáp ứng điều kiện này.
8. Điều kiện về cam kết niêm yết: Điểm i quy định Tổ Chức Phát Hành có cam kết và phải thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. BCG cam kết việc niêm yết trái phiếu, do đó BCG đáp ứng điều kiện này.

#### *Điều kiện tại Điều 19 Nghị định 155/2020/NĐ-CP*

1. Điều kiện về xếp hạng tín nhiệm: Khoản 2 quy định doanh nghiệp phải có kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành Trái Phiếu theo quy định của Chính phủ về các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng. BCG đáp ứng điều kiện này.
2. Điều kiện đại diện người sở hữu trái phiếu: Vì BCG phát hành Trái Phiếu không có tài sản đảm bảo do đó theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định 155/2020/NĐ-CP thì BCG không cần có đại diện người sở hữu trái phiếu.

### **III. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

1. **Tên Trái Phiếu:** Trái Phiếu Công ty cổ phần Bamboo Capital
2. **Loại trái phiếu:** Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm.
3. **Mệnh giá:** 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
4. **Giá chào bán:** 100% mệnh giá, tương đương 100.000 đồng/Trái Phiếu.
5. **Tổng Số Lượng Trái Phiếu Chào Bán:** 5.000.000 Trái Phiếu (Năm triệu Trái Phiếu)
6. **Loại tiền tệ phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam.
7. **Tài sản bảo đảm:** Không có
8. **Hình thức trái phiếu:** Bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (nếu cần) hoặc hình thức khác trong trường hợp vẫn tuân quy phạm pháp luật hoặc các quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tùy từng trường hợp áp dụng) (“VSD”), Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
9. **Lãi suất dự kiến:** Trái Phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi



("Lãi Suất") được xác định như sau:

- Lãi suất cho 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên bằng 11,5%/năm (bằng chữ: mười một phẩy năm phần trăm một năm); và
- Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu tại Kỳ Tính Lãi đó + biên độ 6,0%/năm (bằng chữ: sáu phần trăm một năm)

10. **Kỳ hạn Trái Phiếu:** 05 năm kể từ ngày phát hành

11. **Phương thức thanh toán gốc và lãi:** Thanh toán bằng cách chuyển khoản vào ngày làm việc vào tài khoản của Người sở hữu trái phiếu.

(\* **Thanh toán lãi:** Lãi trả sau, định kỳ 6 tháng/lần, tính từ Ngày phát hành;

(\* **Thanh toán gốc:** Gốc được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc khi được mua lại trước hạn (nếu có).

12. **Hình thức phát hành:** Trái Phiếu được phát hành ra công chúng theo quy định của (i) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, (ii) Nghị Định Số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và (ii) Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

13. **Phương thức phát hành:** chào bán ra công chúng thông qua đại lý phân phối (đại lý phát hành) theo quy định của pháp luật.

14. **Thời điểm phát hành:** Dự kiến Quý IV/2021 – Quý I/2022, sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Ngày phát hành cụ thể sẽ theo thông báo của BCG.

15. **Địa điểm phát hành:** Tại địa điểm của đại lý phân phối (đại lý phát hành) và các địa điểm khác (nếu có).

16. **Thứ tự ưu tiên thanh toán:** Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành, trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản pháp luật có liên quan.

17. **Mua lại Trái Phiếu:** Được quy định cụ thể trong các điều kiện điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu.

18. **Đối tượng mua trái phiếu:** Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đảm bảo đáp ứng theo quy định của Pháp luật.

19. **Đăng ký mua Trái Phiếu:**

- i. Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu, tương đương với 100.000.000 VND (Một trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá.

- ii. Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 10.000 (mười nghìn) Trái Phiếu, tương đương 1.000.000.000 VND (một tỷ Đồng) tính theo mệnh giá

20. **Hạn chế giao dịch:** Không có

21. **Quyền của người sở hữu Trái phiếu:**

- i. được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- ii. được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành;
- iii. có các quyền khác theo các quy định của pháp luật hiện hành và Các Điều Kiện Trái Phiếu;

Việc thay đổi các quyền của người sở hữu Trái Phiếu sẽ được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu.

- 22. **Đăng ký và lưu ký:** Toàn bộ Trái Phiếu sẽ được đăng ký với VSD và được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
- 23. **Tổ chức tư vấn chào bán ra công chúng, tư vấn đăng ký lưu ký và niêm yết Trái Phiếu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”)
- 24. **Tổ chức đăng ký Trái Phiếu ban đầu:** SHS
- 25. **Các cam kết khác đối với người sở hữu Trái phiếu:** như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các tài liệu giao dịch khác của Trái Phiếu.
- 26. **Sửa đổi và bổ sung:** việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này (nếu cần thiết) sẽ theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình cụ thể toàn quyền quyết định.
- 27. **Các điều kiện và điều khoản khác của Trái phiếu:** Được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận, Bản cáo bạch, các văn kiện Trái Phiếu được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình hình cụ thể toàn quyền quyết định .

#### **IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG**

##### **I. Phương án sử dụng vốn**

###### **Mục đích phát hành:**

Vốn huy động sẽ được bổ sung vốn lưu động, tài trợ các dự án điện mặt trời, dự án điện áp mái, dự án bất động sản, đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn và nhu cầu vốn thực hiện mua bán sáp nhập và thực hiện hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án.

### Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với mục đích phát hành nêu trên. Cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Cho Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 vay	247	Quý I/2022
2	Cho Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng vay	253	Quý I/2022
	<b>Tổng</b>	<b>500</b>	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (2).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết đảm bảo hiệu quả dòng tiền của Công ty.

## 2. Phương án trả nợ

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm tiền thu được từ các hoạt động kinh doanh bất động sản, năng lượng tái tạo, ... để cân đối trả nợ gốc và lãi Trái phiếu.

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi các khoản nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu dự kiến chào bán.

Chi tiết kế hoạch trả nợ như sau:

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 06 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn phát hành Trái Phiếu và/hoặc (ii) vốn huy động từ các nguồn khác, lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc thời điểm Trái Phiếu được mua lại trước hạn.



## PHỤ LỤC I

### PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

(Đính kèm Nghị quyết số 59/2021/NQ-HDQT-BCG ngày 19/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital)

Phương án phát hành này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán các trái phiếu ra công chúng bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Công ty Cổ phần Bamboo Capital ("**Tổ Chức Phát Hành** hay "**BCG**") theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có), với tổng mệnh giá tối đa 500.000.000.000 VND (Bằng chữ: năm trăm tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu**") theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này. Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái Phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu.

#### I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Tổ Chức Phát Hành: Công ty Cổ phần Bamboo Capital
- Tên tiếng Anh: Bamboo Capital Joint Stock Company
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần đại chúng
- Mã chứng khoán: BCG
- Sàn giao dịch: HOSE
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011, đăng ký giao dịch thay đổi lần thứ 23 ngày 11/10/2021.
- Vốn điều lệ: 2.975.371.740.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồ Nam - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## 2. Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
2	Khai thác đá	0810
3	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6	Sản xuất điện	3511
7	Truyền tải và phân phối điện	3512

Và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

## 3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

### 3.1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong 3 năm trước năm chào bán Trái Phiếu ra công chúng:

(Đơn vị: triệu Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng giá trị tài sản	5.320.626	7.254.645	24.136.826
Vốn điều lệ	1.080.058	1.080.058	1.360.058
Vốn chủ sở hữu	1.407.712	1.624.528	2.963.308
Doanh thu thuần	1.113.321	1.575.879	1.854.945
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.041	189.529	334.643
Lợi nhuận khác	(5.439)	2.805	(1.394)
Lợi nhuận trước thuế	35.602	192.334	333.249
Lợi nhuận sau thuế	11.326	140.522	266.419
Nợ ngắn hạn	2.883.523	3.118.306	10.609.458
Nợ Dài Hạn	1.029.392	2.511.811	10.564.059
Tỷ số dư nợ trái phiếu/Vốn chủ sở hữu	0,2	0,24	0,68

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	0,8%	8,65%	8,99%
---	------	-------	-------

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018, 2019 và 2020 của BCG*

*Dự kiến sau phát hành:*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Dự kiến sau phát hành
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (*)	2,78	3,46	7,15	7,31

*(\*) Giá trị Nợ được sử dụng tính toán Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu bao gồm (i) vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và (ii) vay và nợ thuê tài chính dài hạn của BCG vào thời điểm kết thúc năm tài chính*

### **3.2. Tình hình thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu**

Công ty đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi các Trái Phiếu đã phát hành và đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng.

### **3.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tổ Chức Phát Hành cam kết không có bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm.

### **3.4. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành**

#### **a. Báo cáo tài chính năm 2019**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2019 đã được ban hành theo BCTC riêng số 415/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 08/04/2020 và BCTC hợp nhất số 419/BCKT/TC/2020/AASCS ngày 08/04/2020.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**b. Báo cáo tài chính năm 2020**

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. BCTC kiểm toán năm 2020 đã được ban hành theo BCTC riêng số 369/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 07/04/2021 và BCTC hợp nhất số 370/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 07/04/2021.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng năm 2020:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:** “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**c. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021**

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất) cho Công ty cổ phần Bamboo Capital. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 đã được ban hành theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ số 550/BCSX/TC/2021/AASCS ngày 14/10/2021 và Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ số 549/BCSX/TC/2021/AASCS ngày 14/10/2021.

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng:** “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

- **Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất:** “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài

chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bamboo Capital và các công ty con tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”.

## II. ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN CHÀO BÁN

Khoản 3 Điều 15 Luật chứng khoán và Điều 19 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định các điều kiện mà BCG phải đáp ứng khi chào bán Trái Phiếu ra công chúng. Dưới đây là những đánh giá của BCG về việc BCG đáp ứng các điều kiện này:

*Điều kiện tại Khoản 3 Điều 15 Luật chứng khoán*

1. Điều kiện về vốn điều lệ: Điểm a yêu cầu doanh nghiệp có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán. Tính đến thời điểm 24/08/2021, vốn điều lệ của BCG là 2.975.371.740.000 đồng. Do vậy BCG đáp ứng điều kiện này.
2. Điều kiện về kết quả kinh doanh: Điểm b yêu cầu hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm; Lợi nhuận theo BCTC hợp nhất năm 2020 của BCG là 266.419 triệu đồng, và không có lỗ lũy kế, đồng thời tính đến thời điểm hiện BCG không có nợ quá hạn nào trên 01 năm.
3. Điều kiện phương án phát hành: Điểm c quy định doanh nghiệp phải có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm Phương Án Phát Hành này được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị, BCG đáp ứng điều kiện này.
4. Điều kiện và cam kết: Điểm d quy định doanh nghiệp phải có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Trong các tài liệu Phát hành Trái Phiếu, BCG có cam kết về việc này. Do vậy, khi cam kết được ban hành, BCG đáp ứng điều kiện này.
5. Điều kiện về tổ chức tư vấn: Điểm đ quy định doanh nghiệp phải có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng, trừ trường hợp tổ chức phát hành là công ty chứng khoán. Theo Phương Án Phát Hành thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”) sẽ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng cho BCG. Do đó, BCG đáp ứng điều kiện này.
6. Điều kiện vi phạm pháp luật: Điểm e quy định doanh nghiệp không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội



xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. BCG đáp ứng điều kiện này.

7. Điều kiện về tài khoản phong tỏa: Điểm h quy định Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán, BCG đã mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu tại Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á, BCG đáp ứng điều kiện này.
8. Điều kiện về cam kết niêm yết: Điểm i quy định Tổ Chức Phát Hành có cam kết và phải thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. BCG cam kết việc niêm yết trái phiếu, do đó BCG đáp ứng điều kiện này.

#### *Điều kiện tại Điều 19 Nghị định 155/2020/NĐ-CP*

1. Điều kiện về xếp hạng tín nhiệm: Khoản 2 quy định doanh nghiệp phải có kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành Trái Phiếu theo quy định của Chính phủ về các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng. BCG đáp ứng điều kiện này.
2. Điều kiện đại diện người sở hữu trái phiếu: Vì BCG phát hành Trái Phiếu không có tài sản đảm bảo do đó theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định 155/2020/NĐ-CP thì BCG không cần có đại diện người sở hữu trái phiếu.

### **III. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

1. **Tên Trái Phiếu:** Trái Phiếu Công ty cổ phần Bamboo Capital
2. **Loại trái phiếu:** Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có bảo đảm.
3. **Mệnh giá:** 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.
4. **Giá chào bán:** 100% mệnh giá, tương đương 100.000 đồng/Trái Phiếu.
5. **Tổng Số Lượng Trái Phiếu Chào Bán:** 5.000.000 Trái Phiếu (Năm triệu Trái Phiếu)
6. **Loại tiền tệ phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam.
7. **Tài sản bảo đảm:** Không có
8. **Hình thức trái phiếu:** Bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (nếu cần) hoặc hình thức khác trong trường hợp vẫn tuân quy phạm pháp luật hoặc các quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (tùy từng trường hợp áp dụng) ("VSD"), Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
9. **Lãi suất dự kiến:** Trái Phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi

("Lãi Suất") được xác định như sau:

- Lãi suất cho 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên bằng 11,5%/năm (bằng chữ: mười một phẩy năm phần trăm một năm); và
- Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu tại Kỳ Tính Lãi đó + biên độ 6,0%/năm (bằng chữ: sáu phần trăm một năm)

**10. Kỳ hạn Trái Phiếu:** 05 năm kể từ ngày phát hành

**11. Phương thức thanh toán gốc và lãi:** Thanh toán bằng cách chuyển khoản vào ngày làm việc vào tài khoản của Người sở hữu trái phiếu.

(\* **Thanh toán lãi:** Lãi trả sau, định kỳ 6 tháng/lần, tính từ Ngày phát hành;

(\* **Thanh toán gốc:** Gốc được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc khi được mua lại trước hạn (nếu có).

**12. Hình thức phát hành:** Trái Phiếu được phát hành ra công chúng theo quy định của (i) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội, (ii) Nghị Định Số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và (iii) Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

**13. Phương thức phát hành:** chào bán ra công chúng thông qua đại lý phân phối (đại lý phát hành) theo quy định của pháp luật.

**14. Thời điểm phát hành:** Dự kiến Quý IV/2021 – Quý I/2022, sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng. Ngày phát hành cụ thể sẽ theo thông báo của BCG.

**15. Địa điểm phát hành:** Tại địa điểm của đại lý phân phối (đại lý phát hành) và các địa điểm khác (nếu có).

**16. Thứ tự ưu tiên thanh toán:** Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành, trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản pháp luật có liên quan.

**17. Mua lại Trái Phiếu:** Được quy định cụ thể trong các điều kiện điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu.

**18. Đối tượng mua trái phiếu:** Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đảm bảo đáp ứng theo quy định của Pháp luật.

**19. Đăng ký mua Trái Phiếu:**

- i. Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 1.000 (Một nghìn) Trái Phiếu, tương đương với 100.000.000 VND (Một trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá.

- ii. Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 10.000 (mười nghìn) Trái Phiếu, tương đương 1.000.000.000 VND (một tỷ Đồng) tính theo mệnh giá

20. **Hạn chế giao dịch:** Không có

21. **Quyền của người sở hữu Trái phiếu:**

- i. được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- ii. được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành;
- iii. có các quyền khác theo các quy định của pháp luật hiện hành và Các Điều Kiện Trái Phiếu;

Việc thay đổi các quyền của người sở hữu Trái Phiếu sẽ được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu.

- 22. **Đăng ký và lưu ký:** Toàn bộ Trái Phiếu sẽ được đăng ký với VSD và được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
- 23. **Tổ chức tư vấn chào bán ra công chúng, tư vấn đăng ký lưu ký và niêm yết Trái Phiếu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”)
- 24. **Tổ chức đăng ký Trái Phiếu ban đầu:** SHS
- 25. **Các cam kết khác đối với người sở hữu Trái phiếu:** như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các tài liệu giao dịch khác của Trái Phiếu.
- 26. **Sửa đổi và bổ sung:** việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này (nếu cần thiết) sẽ theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình cụ thể toàn quyền quyết định.
- 27. **Các điều kiện và điều khoản khác của Trái phiếu:** Được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận, Bản cáo bạch, các văn kiện Trái Phiếu được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình hình cụ thể toàn quyền quyết định .

#### **IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG**

##### **I. Phương án sử dụng vốn**

###### **Mục đích phát hành:**

Vốn huy động sẽ được bổ sung vốn lưu động, tài trợ các dự án điện mặt trời, dự án điện áp mái, dự án bất động sản, đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn và nhu cầu vốn thực hiện mua bán sáp nhập và thực hiện hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án.

### Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với mục đích phát hành nêu trên. Cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Cho Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 vay	247	Quý I/2022
2	Cho Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng vay	253	Quý I/2022
	<b>Tổng</b>	<b>500</b>	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích nêu trên lần lượt theo thứ tự từ (1) đến (2).

Trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân hàng...) đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nêu trên nếu thấy cần thiết đảm bảo hiệu quả dòng tiền của Công ty.

## 2. Phương án trả nợ

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm tiền thu được từ các hoạt động kinh doanh bất động sản, năng lượng tái tạo, ... để cân đối trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu.

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi các khoản nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu dự kiến chào bán.

Chi tiết kế hoạch trả nợ như sau:

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 06 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn phát hành Trái Phiếu và/hoặc (ii) vốn huy động từ các nguồn khác, lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc thời điểm Trái Phiếu được mua lại trước hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BAMBOO CAPITAL**

**(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 14, ngày 01/10/2021)**

*TP. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2021*

# MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	7
Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty.....	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP.....	10
Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ phần, Cổ đồng sáng lập.....	10
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 8. Thu hồi cổ phần.....	13
V. CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ.....	14
Điều 9. Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý.....	14
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	14
Điều 10. Quyền của Cổ Đồng.....	14
Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ Đồng.....	15
Điều 12. Đại hội đồng cổ đồng.....	17
Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng.....	18
Điều 14. Đại Diện Theo Ủy Quyền; Người Được Ủy Quyền Dự Họp.....	20
Điều 15. Thay đổi các quyền.....	21
Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đồng, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đồng.....	21
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng.....	23
Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đồng bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.....	26
Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đồng.....	29
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 20. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	29

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	31
Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	34
Điều 23. Các cuộc họp và các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị.....	35
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....</b>	<b>39</b>
Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý .....	39
Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao.....	39
Điều 26. Bổ nhiệm, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	39
Điều 27. Thư ký Công Ty .....	41
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>42</b>
Điều 28. Ban kiểm soát .....	42
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO .....</b>	<b>45</b>
Điều 29. Trách nhiệm cần trọng.....	45
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	45
Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	47
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>48</b>
Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	48
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>48</b>
Điều 33. Công nhân viên và công đoàn.....	48
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>48</b>
Điều 34. Phân phối lợi nhuận.....	48
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....</b>	<b>49</b>
Điều 35. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 36. Trích lập Quỹ.....	49
Điều 37. Năm tài chính .....	50
Điều 38. Chế độ kế toán .....	50
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG .....</b>	<b>50</b>
Điều 39. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	50
Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chứng.....	51
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>51</b>
Điều 41. Kiểm toán .....	51
<b>XVII. CON DẤU.....</b>	<b>51</b>

Điều 42. Con dấu .....	51
<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>51</b>
Điều 43. Giải thể Công Ty .....	51
Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ Đông .....	52
Điều 45. Thanh lý.....	52
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>53</b>
Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	53
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>53</b>
Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	53
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>53</b>
Điều 49. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật.....	54



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Bamboo Capital là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này gồm hai mươi một (21) Chương, bốn mươi chín (49) Điều, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### *Điều 1. Giải thích thuật ngữ*

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **“Công Ty”** được quy định trong Điều lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL; tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: BAMBOO CAPITAL JOINT STOCK COMPANY; và được viết tắt là BCG.
- b. **“Địa Bàn Kinh Doanh”** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- c. **“Vốn Điều Lệ”** có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và được đề cập tại Điều 5 của Điều lệ này.
- d. **“Luật Doanh Nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
- e. **“Luật Chứng Khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
- f. **“Người Quản Lý”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
- g. **“Ngày Thành Lập”** là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) lần đầu.
- h. **“Pháp Luật”** có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.
- i. **“Người Có Liên Quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
- j. **“Cổ Đông”** có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.

- k. **"Thời Hạn Hoạt Động"** là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- l. **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- m. **"Người Thuê Tôm"** là: (i) Người đại diện cho Cổ Đông là tổ chức, (ii) Cổ Đông là cá nhân hoặc người đại diện của Cổ Đông là cá nhân/ tổ chức, mà Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân) đó nắm giữ hoặc cùng với Người Có Liên Quan quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này nắm giữ từ hai mươi lăm (25)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trở lên.
- n. **"Đại Diện Theo Ủy Quyền"** là người được Cổ Đông là tổ chức/ cá nhân ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật.
- o. **"Người Được Ủy Quyền Dự Hợp"** là người được: (i) Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân); (ii) hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- p. **"Chi Nhánh"** là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công Ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi Nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công Ty.
- q. **"Văn Phòng Đại Diện"** là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công Ty và bảo vệ các lợi ích đó.
- r. **"Địa Điểm Kinh Doanh"** là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của Công Ty được tổ chức thực hiện. Địa Điểm Kinh Doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.
- s. **"Công Ty Con"** là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi (50)% Vốn Điều Lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- t. **"Quy Chế Quản Trị Công Ty"** là văn bản tập hợp các nguyên tắc, quy định về điều hành, quản lý Công Ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.
- u. **"Đối Thủ Cạnh Tranh"** là tổ chức bất kỳ đang cung ứng, hay trong tương lai có thể cung ứng những sản phẩm, dịch vụ hoặc kinh doanh những lĩnh vực có mức độ lợi ích tương tự (hay ưu việt hơn) cho các đối tượng khách hàng. Đối Thủ Cạnh tranh còn được hiểu rộng hơn là đối thủ có khả năng thu tóm quyền sở hữu Công Ty cho mục đích mở rộng lĩnh vực hoạt động, chiếm thị phần hoặc tăng năng lực cạnh tranh.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chú thích hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

*Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty*

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là "**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**". Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là "**BAMBOO CAPITAL JOINT STOCK COMPANY**". Tên viết tắt là "**BCG**". Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Công Ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Theo đó, Công Ty có tư cách pháp nhân kể từ Ngày Thành Lập, và các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
3. Trụ sở chính của Công Ty đặt tại:
  - Địa chỉ : 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - Điện thoại : 028. 62 680 680
  - Fax : 028. 62 991 188
  - Website : <http://www.bamboocap.com.vn>
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
5. Công Ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Địa điểm kinh doanh (sau đây gọi chung là "Đơn vị trực thuộc"); chia, tách và chuyển đổi Đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công Ty theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoạt động theo Khoản 2 Điều 43 hoặc Điều 44 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn kể từ Ngày thành lập.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

*Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty*

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610
2	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
3	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(không hoạt động tại trụ sở).	
4	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón.	4773
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6	Khai thác quặng sắt (không hoạt động tại trụ sở)	0710
7	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (không hoạt động tại trụ sở)	0721
8	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (không hoạt động tại trụ sở)	0722
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
10	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định pháp luật tùy từng thời điểm) (không hoạt động tại trụ sở).	4632
11	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa. Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế. Bán buôn vật liệu xây dựng	4663
13	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh) (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định pháp luật tùy từng thời điểm.)	4659
15	Lập trình máy vi tính	6201
16	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
17	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
18	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511
19	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (loại trừ: không thực hiện hoạt	6810

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	động ("đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng")	
21	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở), Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất sử dụng trong nông nghiệp.	4669
22	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
23	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24	Bán mô tô, xe máy	4541
25	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
26	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
27	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
28	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4542
29	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
30	<b>Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)</b>	<b>7020 (Chính)</b>
31	Chuẩn bị mặt bằng	4312
32	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
33	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
35	Phá dỡ	4311
36	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
38	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ: không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối theo quy định pháp luật tùy từng thời điểm).	4610
39	Xây dựng nhà để ô	4101
40	Xây dựng nhà không để ô	4102
41	Xây dựng công trình đường sắt	4211
42	Xây dựng công trình đường bộ	4212

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
43	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
46	Sản xuất thảm, chần, đệm	1393
47	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời, điện gió (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân).	3511
48	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân).	3512
49	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
50	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty: không ngừng phát triển các hoạt động đầu tư, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, và sản xuất kinh doanh nhằm: tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công Ty cho các Cổ Đông; nâng cao giá trị Công Ty; và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp Luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập**

1. Vốn Điều Lệ của Công ty là: **2.975.371.740.000 đồng** (Hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Mệnh giá của cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần). Tổng số cổ phần của Công ty bằng với Vốn Điều Lệ của Công ty chia cho mệnh giá của cổ phần.

2. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
3. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần theo một mức giá có thể trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một (21) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp Luật), để Cổ đông đặt mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp Luật hiện hành. Cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

#### **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác**

1. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Công Ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh Nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu ưu đãi (nếu có) của Công Ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
2. Cổ Đông của Công Ty sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một (01) chứng nhận cổ phiếu (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai (02) tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như nội dung phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một (01) chứng nhận cổ phiếu ghi danh thì chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và một (01) chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng nhận và Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng nhận này bị mất hoặc được sử dụng với mục đích trái Pháp Luật.
7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
8. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp Luật và thị trường chứng khoán, Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.

### **Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh có thể được thực hiện bằng hình thức: (i) chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường; hoặc (ii) hình thức trao tay; hoặc (iii) theo bất kỳ cách thức nào khác được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ). Bên chuyển nhượng vẫn là chủ sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp nêu điển ra Đại hội đồng cổ đông trong thời gian đó thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho Bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật Doanh Nghiệp.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
4. Trong vòng ba (03) năm kể từ Ngày Thành Lập, các Cổ Đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất hai mươi (20)% tổng số cổ phần phổ thông có thể chuyển nhượng và trong trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập thì cần phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông trong Công Ty. Cổ Đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
5. Các Cổ Đông sáng lập không được rút ra khỏi tư cách thành viên Công Ty trong vòng hai (02) năm tài chính đầu tiên của Công Ty. Việc chấm dứt tư cách thành viên phải được đề nghị bằng văn bản và gửi bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị.



Trong trường hợp này, các Cổ Đông sáng lập còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần của Cổ Đông sáng lập trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

6. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với cổ phần ghi danh chưa được thanh toán đầy đủ. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức. Thủ tục đăng ký chuyển nhượng sẽ được Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại văn bản riêng hoặc trong phương án phát hành.
7. Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ Đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công Ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của Cổ Đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

### **Điều 8. Thu hồi cổ phần**

1. Nếu Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phiếu phải trả thì Hội đồng quản trị gửi một thông báo cho Cổ Đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công Ty tất cả các khoản tiền tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi cổ phần đó theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định của Pháp Luật hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ

### Điều 9. Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý

Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý của Công Ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Ban điều hành

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 10. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết một cách trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác tại Điều lệ này phù hợp với quy định Pháp Luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính Cổ Đông đó trong danh sách Cổ Đông dù tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tra cứu hoặc sao chụp Điều lệ này, số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;
  - f. Trong trường hợp Công Ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công Ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ Đông có sở hữu cổ phần ưu đãi;
  - g. Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 132 của Luật Doanh Nghiệp;
  - h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
  - i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của Pháp Luật;

- j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và
  - k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp Luật.
3. Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c. (i) Kiểm tra và (ii) nhận bản sao hoặc bản trích dẫn đối với danh sách các Cổ Đông tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông sau mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - f. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5 Điều 20, Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông khi thực hiện các quyền được quy định tại Khoản 4 Điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được Công Ty chấp nhận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.

## **Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ Đông**

- 1. Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:
  - a. Tuân thủ Điều lệ này và Quy Chế quản Trị Công Ty; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định Hội đồng quản trị;
  - b. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác tại Điều lệ này phù hợp với quy định Pháp Luật. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

- c. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua đầy đủ và đúng thời hạn theo thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
  - d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
  - e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
  - f. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và Pháp Luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
  - g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
    - g1. Vi phạm Pháp Luật;
    - g2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
    - g3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
  - h. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.
2. Nghĩa vụ của Cổ Đông lớn:
- a. Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty; Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành Cổ Đông lớn.
  - b. Báo cáo về sở hữu của Cổ Đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:
    - b1. Tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ Đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước, địa chỉ liên lạc, nghề nghiệp đối với Cổ Đông lớn là cá nhân;
    - b2. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ Đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
  - c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại Điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ Đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết theo quy định tại Điều lệ này và Pháp Luật.

- d. Cổ Đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công Ty, của các Cổ Đông khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
- e. Quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người Có Liên Quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan số hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

**Điều 12. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty và tất cả các Cổ Đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nếu được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải là nơi chủ tọa tham dự họp và trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công Ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
  - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà Pháp Luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;
  - d. Cổ Đông hoặc một nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cá nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có

- thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản khi Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng: (i) có bất kỳ một Người Quản Lý đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp hoặc (ii) Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
4. Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm d Khoản 3 hoặc Điểm e Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điểm a, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ quan khác theo quy định của Pháp Luật có thẩm quyền giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.
5. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công Ty trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e. Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty.
- i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- j. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- k. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;
- n. Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công Ty;
- o. Quyết định thay đổi Văn Điều lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Văn Điều lệ;
- p. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần được quyền chào bán;
- q. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;
- s. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc Chi Nhánh hoặc giao dịch mua bán/đầu tư có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- t. Công Ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;
- u. Công Ty hoặc các Chi Nhánh ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn ba mươi lăm (35)% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- v. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm

mười một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó;

- w. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - x. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - y. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công Ty và Pháp Luật.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Đại Diện Theo Ủy Quyền; Người Được Ủy Quyền Dự Họp**

1. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số phiếu bầu của mỗi đại diện đó. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất.

Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
  - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
  - d. Số lượng Đại diện Theo Ủy Quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, số cổ phần được ủy quyền đại diện;
  - e. Thời hạn Đại Diện Theo Ủy Quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và Người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
2. Cổ Đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định Pháp Luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông.
3. Hồ sơ cử Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người Được Ủy Quyền Dự Họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
4. Trường hợp ủy quyền lại thì Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền đó của Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc cử Người Được Ủy Quyền dự họp sẽ bị vô hiệu.
5. Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:



- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Tuy nhiên, Điều khoản này không được áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 15. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên, thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền

tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ Đông;
  - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận.
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:
- a. Đề xuất không được gửi đúng quy định tại Khoản 4 Điều lệ này;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
  - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết được quy định tại Khoản 4 Điều này, điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ; và
  - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.
6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp.
8. Trường hợp tất cả Cổ Đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc chủ tọa được bầu của Đại hội đồng cổ đông đề cử một (01) thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi đa số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại Đại hội đồng cổ đông; hoặc nếu được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
3. Nghị quyết liên quan các nội dung loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; giao dịch mua, bán tài sản Công Ty hoặc các Chi Nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công Ty; được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng quản trị xác lập tại Quy Chế Quản Trị Công ty.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

Phiếu biểu quyết có thể được gửi bằng thư bảo đảm đến Hội đồng quản trị, trường hợp ban kiểm phiếu là người có quyền mở, phiếu này có hiệu lực pháp lý ngay cả khi nó không tuân thủ về mặt hình thức.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp (nếu

cổ) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ Đông qua email hoặc fax trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

5. Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và để thông qua các quyết định cần có một số lượng đại biểu dự họp tối thiểu. Số đại biểu dự họp tối thiểu theo quy định là số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện trên năm mươi (50)% tổng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện từ ba mươi ba (33)% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
7. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Hợp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng

đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo cho ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình, ban kiểm phiếu có thể thành lập một bộ phận giúp việc cho mình.

8. Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đến Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
9. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đại biểu cần thiết tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng có một trong các trường hợp sau đây: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; (b) hành vi của những người có mặt cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc (c) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông bị hoãn sẽ không xem xét thêm bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội đồng cổ đông bị hoãn trước đó.

Trường hợp chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. Cách thức bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo trình tự được quy định tại Khoản 1 Điều này.

11. Chủ tọa của Đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Người triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tọa của Đại hội có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tọa của Đại hội sau

khí xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp nếu trên tham gia Đại hội và/hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa hoặc Người triệu tập cuộc họp sau khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
  - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó ("địa điểm chính của Đại hội");
  - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp (nếu có) được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.
15. Hàng năm Công Ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
16. Đại hội đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

***Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông***

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty đối với tất cả các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều 13 Điều lệ. Cụ thể:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đề xuất mức cổ tức cụ thể khi tiến hành lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - d. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập; Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
  - e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - g. Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;
  - i. Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công Ty;
  - j. Quyết định thay đổi Văn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Văn Điều Lệ;
  - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
  - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
  - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
  - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty;
  - o. Quyết định giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc Chi Nhánh hoặc giao dịch mua bán/đầu tư có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - p. Công Ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;
  - q. Công Ty hoặc các Chi Nhánh ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó;
  - s. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Bamboo Capital;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh

doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty cổ phần Bamboo Capital phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Cổ đông có thể thực hiện việc biểu quyết thông qua hình thức văn bản hoặc hình thức biểu quyết điện tử. Khi xét thấy cần thiết, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền triển khai một trong hai hình thức trên hoặc kết hợp cả hai hình thức biểu quyết trên hoặc các hình thức lấy ý kiến cổ đông khác trên nguyên tắc: phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu;



liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty cổ phần Bamboo Capital có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Bamboo Capital trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ Đông, Nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp Luật hoặc Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công Ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định như sau:
  - a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp Luật. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ Đông của Công Ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

#### 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị

Bất cứ người nào vừa là Người Thâu Tóm nhưng đồng thời lại là Đối Thủ Cảnh Tranh hoặc người đại diện của Đối Thủ Cảnh Tranh của Công Ty thì không được đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

Cá nhân/tổ chức ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo một số điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn tối thiểu ở mức đại học hệ chính quy (cử nhân), có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, từng giữ chức vụ quản lý cấp cao (Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám Đốc, Chủ tịch Công ty) tại các doanh nghiệp có quy mô tổng tài sản trên 200 tỷ đồng, với thời gian tối thiểu 5 năm, và có độ tuổi trên 30 tuổi.
  - c. Tình hình tài chính cá nhân lành mạnh, không có các khoản nợ xấu hoặc tiềm ẩn các khoản nợ xấu phát sinh trong 12 tháng tới tính từ thời điểm ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị, không sử dụng nợ vay để đầu tư cổ phiếu BCG nhằm mục đích thâu tóm doanh nghiệp.
  - d. Không liên quan đến các giao dịch "thâu tóm thù địch" các doanh nghiệp khác trong quá khứ.
  - e. Không liên quan đến các hành vi "thao túng chứng khoán" trong quá khứ.
5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ Đông hoặc Nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi (60)% đến dưới bảy mươi (70)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi (70)% đến tám mươi (80)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi (80)% đến dưới chín mươi (90)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công Ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị Pháp Luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
  - c. Thành viên đó (i) bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) có hành vi vi phạm Pháp Luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự; và (iii) các thành viên khác của Hội đồng quản trị đồng thuận quyết định chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Thành viên đó khi/vào thời điểm là Người Thâu Tôm nhưng đồng thời cũng vừa là Đối Thủ Cạnh Tranh hoặc người đại diện của Đối Thủ Cạnh Tranh của Công Ty;
  - g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
7. Việc bỏ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### ***Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị***

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công Ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Cổ Đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là Người Có Liên Quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ một trăm (100)% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán và năm mươi (50)% số cổ phiếu này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của mình theo cơ chế được đề cập trong Quy Chế Quản Trị Công Ty.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp Luật, Điều lệ, Quy Chế Quản Trị Công Ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng Cổ Đông thông qua;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với (i) Tổng Giám đốc hay, (ii) bất kỳ Cán bộ quản lý cấp cao của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định mức tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - d. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - e. Quyết định việc phát hành trái phiếu;
  - f. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - g. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
  - h. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
  - j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - k. Quyết định các khoản đầu tư có giá trị thấp hơn ba mươi lăm (35)% giá trị tổng tài sản Công Ty, căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính gần nhất;
  - l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty.
  - n. Công khai lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng, giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
  - o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể Công ty Con.

- lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- p. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty hoặc Chi Nhánh, Công Ty Con (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công Ty và liên doanh mà có giá trị từ năm mươi (50)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty trở lên);
  - q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;
  - r. Mọi (i) việc vay, nợ và (ii) việc thực hiện mọi khoản bảo đảm và bồi thường của Công Ty với mức giá trị được quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty;
  - s. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp Luật;
  - t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - u. Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - v. Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá mười (10)% mỗi loại cổ phần đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
  - w. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, được đề cập trong Quy Chế Quản Trị Công Ty;
  - x. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; và
  - y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của Pháp Luật và Điều lệ này.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong đó có việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong năm tài chính.
5. Trừ khi Pháp Luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Quy Chế Quản Trị Công Ty.
- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty Con, Công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty.
8. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ Đông.

#### **Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Công Ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của Công Ty.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
  - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - f. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
  - g. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
  - h. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Điều 23. Các cuộc họp và các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị**

**A- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc các thành viên HĐQT độc lập;
  - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
  - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba

(03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

#### 8. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt trực tiếp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Khoản 4 Điều 30 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.

- c. Theo quy định tại Điểm b Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phản quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
9. Biểu quyết thông qua các nghị quyết/quyết định. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng



nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Biên bản cuộc họp: Thư ký Công Ty có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành

viên Hội đồng quản trị và người ghi biên bản tham dự cuộc họp. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không thể sử dụng được tiếng Việt, thì nội dung biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Thời hạn lưu trữ biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Công Ty.

15. Những người được mời họp dự thính: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng Giám đốc, những Cán bộ quản lý cấp cao và các chuyên gia có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

## **B- Các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban nhân sự, Hội đồng đầu tư, và một số Hội đồng, Ủy ban khác căn cứ vào nhu cầu thực tế, để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Hội đồng, Ủy ban đặc biệt sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Hội đồng, Ủy ban quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Thành viên của Hội đồng, Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Hội đồng, Ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Hội đồng, Ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Hội đồng, Ủy ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa tổng số thành viên của Hội đồng, Ủy ban và (ii) nghị quyết của các Hội đồng, Ủy ban chỉ có hiệu lực khi các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp có hơn năm mươi (50)% thành viên Hội đồng quản trị của các Hội đồng, Ủy ban đó.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc chỉ định thành viên của Hội đồng, Ủy ban có thể có sai sót.
5. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Hội đồng, Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

### **Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công Ty có một (01) Tổng Giám đốc và một số Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc) và một (01) Giám đốc Tài chính (CFO) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Theo đó:

1. Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc) là người giúp Tổng Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Pháp Luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.
2. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác đầu tư, kế toán, quản trị tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật.

### **Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công Ty sẽ có một số lượng nhất định và vị trí Cán bộ quản lý cấp cao cần thiết và thích hợp với cơ cấu tổ chức và thông lệ quản lý Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những Cán bộ quản lý cấp cao sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

### **Điều 26. Bổ nhiệm, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
2. Điều kiện và tiêu chuẩn:
  - a. Tổng Giám đốc không được là người thuộc những trường hợp bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, tức là: (i) những người chưa thành niên, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù; (iii) nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và (iv) người trong thời hạn bị cấm làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, Chủ nhiệm, các thành viên Ban quản trị hợp tác xã đã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

- b. Không được là người có quan hệ gia đình của Người Quản Lý, Kiểm soát viên của Công Ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty.

Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c. Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm khi cần thiết đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý cấp cao;
- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ Đông;
- e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- f. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hằng năm và phương án đầu tư của Công Ty do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành;
- i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- j. Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện cho Công Ty hoặc ủy quyền cho Cán bộ quản lý cấp cao để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- k. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

1. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ này và các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.

Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ Đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm Pháp Luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

#### **Điều 27. Thư ký Công Ty**

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty kiêm nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty bao gồm:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
  - b. Chuẩn bị và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp;
  - d. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - e. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; và
  - g. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp Luật;
  - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Pháp Luật.
2. Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều lệ.

## IX. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 28. Ban kiểm soát

- l. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:
  - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong việc quản lý và điều hành Công Ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
  - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công Ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
  - e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này;
  - f. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
  - g. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;
  - h. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều 29 và Điều 30 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - i. Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- j. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
    - j1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
    - j2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
    - j3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
    - j4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;
  - k. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
  - l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
  - m. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - n. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ Đông;
  - o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;
  - p. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều 170, Điều 171 và Điều 173 và các quy định khác của Luật Doanh Nghiệp và Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết lại để đề cử, ứng cử để bầu vào Ban Kiểm soát.
- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20)% đến dưới (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- Trình tự, thủ tục bầu cử Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công Ty.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
4. Ban kiểm soát không được có ít hơn ba (03) thành viên và nhiều hơn năm (05) thành viên, số lượng cụ thể sẽ được Hội đồng quản trị trình và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định nêu tại Điều lệ này. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải cổ đông, thành viên có phần vốn góp hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện các báo cáo tài chính của Công Ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là Người Có Liên Quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao của Công Ty. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam nhưng phải đảm bảo có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là chủ tọa cuộc họp;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; và
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
7. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
8. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị Pháp Luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;



- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và những thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị mất năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO**

### ***Điều 29. Trách nhiệm cần trọng***

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của Công Ty với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### ***Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi***

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác; đồng thời phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, bao gồm cả các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính Người Quản Lý hoặc với Người Có Liên Quan của họ theo quy định của Pháp Luật. Đối với các giao dịch do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Nội dung thông báo bao gồm:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10)% Vốn Điều Lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ

sung phải được thông báo tới Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

3. Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao không phải là Cổ Đông và Người Có Liên Quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp (i) Công Ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
4. Theo Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:
  - 4.1. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
  - 4.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
  - 4.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
  - 4.4. Giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao và Người Có Liên Quan của họ sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:
    - a. Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản Công Ty và Chi Nhánh ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;
    - b. Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản Công Ty và Chi Nhánh trở lên hoặc các hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao và Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một Cán bộ quản lý cấp cao hay Người Có Liên Quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc Công Ty Con vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

### **Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cán và năng lực chuyên môn theo quy định tại Điều lệ này và Quy Chế Quản Trị Công Ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;
  - b. Tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép.

Công Ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người được quy định tại Khoản 2 Điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên theo quy định như sau:

- a. Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- b. Hội đồng quản trị phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao; và

- c. Tổng Giám đốc quyết định việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với những trường hợp không thuộc quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### ***Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ***

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
  - c. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người do đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính của Công Ty.
4. Điều lệ phải được công bố trên website của Công Ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### ***Điều 33. Công nhân viên và công đoàn***

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Cán bộ quản lý cấp cao.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thống lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định của Pháp Luật.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### ***Điều 34. Phân phối lợi nhuận***

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng.
6. Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### ***Điều 35. Tài khoản ngân hàng***

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật, nếu cần thiết.
3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

##### ***Điều 36. Trích lập Quỹ***

Hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công Ty, bao gồm: (i) một khoản trích vào Quỹ dự phòng tài chính. Khoản này không được vượt quá năm (05)% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và sẽ

chỉ được tiếp tục trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng mười (10)% Vốn Điều Lệ của Công Ty; (ii) 15% để lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

### **Điều 37. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày Thành Lập và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười Hai của năm đó, nếu Pháp Luật cho phép.

### **Điều 38. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 39. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công Ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công Ty là một Công ty mẹ thì báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của Công Ty lẫn Báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công Ty.

#### **Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Việc công bố thông tin và thông báo ra công chúng của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp Luật.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 41. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải là những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
5. Đại diện của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty được mời tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 42. Con dấu**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công Ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công Ty;
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành và Quy Chế Quản Trị Công ty.

### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 43. Giải thể Công Ty**

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
  - b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
  3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ Đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
  4. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

#### **Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ Đông**

Các Cổ Đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty khi xảy ra một hay một số các tình huống sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.
2. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

#### **Điều 45. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;



- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công Ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước (nếu có).

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### ***Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ***

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công Ty hay tới quyền của các Cổ Đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh Nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Cổ Đông với Công Ty; hoặc
  - b. Cổ Đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý cấp cao;thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Toà phân quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### ***Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ***

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

1. Bản Điều lệ này gồm hai mươi một (21) Chương, bốn mươi chín (49) Điều, có hiệu lực từ ngày **01 tháng 10 năm 2021**.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản có giá trị như nhau, trong đó:



- a. Một (01) bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
  - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
  - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.
  4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 49. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**BAMBOO**  
**CAPITAL**



**Nguyễn Hồ Nam**



## CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

### I. Bên cam kết

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Bamboo Capital
- Mã số thuế: 0311315789
- Trụ sở chính: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2011 và cấp đăng ký thay đổi lần 23 ngày 11 tháng 10 năm 2021.

### II. Nội dung cam kết

Công ty cổ phần Bamboo Capital cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với Nhà đầu tư với những nội dung sau:

#### I. Điều kiện phát hành

##### I.1 Đặc điểm Trái phiếu được chào bán (sau đây được gọi là "Trái Phiếu")

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Bamboo Capital
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm.
- Mệnh giá: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu
- Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm
- Lãi suất: có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi ("Lãi Suất") được xác định như sau:

i. Lãi suất cho 02 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên bằng 11,5%/năm (bằng chữ: mười một phẩy năm phần trăm một năm); và

ii. Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo sau 02 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6,0%/năm (bằng chữ: sáu phần trăm một năm)

Quy định cụ thể được nêu tại Khoản 5.2 Mục 2 của Các điều khoản và điều kiện của Trái

**Phiếu BCG.**

- 1.2 Số lượng chào bán 5.000.000 Trái Phiếu (Năm triệu Trái Phiếu)
- 1.3 Đối tượng đăng ký mua: Là công dân Việt Nam, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- 1.4 Thời gian phát hành: Dự kiến trong Quý IV năm 2021, Quý I/2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép chào bán trái phiếu ra công chúng.

**1.5 Đăng ký mua trái phiếu**

a) Việc đăng ký mua trái Phiếu sẽ được thông báo sau khi Tổ chức phát hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký mua và tranh toán tiền mua trái phiếu tối thiểu là 20 ngày.

b) Thời gian nhận tiền để nhà đầu tư thực hiện tranh toán đầy đủ tiền mua trái phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố của tổ chức phát hành.

c) Nhà đầu tư sẽ được ưu tiên mua theo thứ tự về thời gian đăng ký cho đến khi đạt đủ số lượng trái phiếu được bán hết.

d) Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu, tương đương với 100.000.000 VND (Một trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá.

Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 10.000 (mười nghìn) Trái Phiếu, tương đương 1.000.000.000 VND (một tỷ Đồng) tính theo mệnh giá.

Đối tranh chấp lớn, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng trái phiếu dưới bốn trăm đơn vị và tối thiểu là 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu đối với nhà đầu tư cá nhân và tối thiểu 10.000 (mười nghìn) Trái Phiếu đối với nhà đầu tư tổ chức.

e) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, nhà đầu tư sẽ nhận được Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu hiệu lực gốc trên Sổ đăng ký (nếu người sở hữu trái phiếu có yêu cầu).

**2. Thời hạn mua gốc và lãi trái phiếu**

2.1 Lãi được thanh toán định kỳ vào ngày tròn 30 (sáu) tháng đầu tiên là Ngày phát hành cho đến Ngày đáo hạn (nếu đến ngày trái phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại hết hạn). Trường hợp trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều kiện Trái Phiếu thì Kỳ tính lãi cuối cùng được tính từ ngày cuối cùng của Kỳ tính lãi gần nhất cho đến những ngày tạo gốc hoặc trái Phiếu được mua lại trước hạn có hiệu quả.

2.2 Các đợt thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc khi trái phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại hết hạn.

**3. Quyền của Người sở hữu trái phiếu**

3.1 Được Tổ chức phát hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị định 155"); được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán Trái Phiếu

Hàng năm, các công ty chứng khoán đều có các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

khí có yêu cầu;

- 3.2. Được Tổ chức phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu kai đến hạn, thực hiện các quyền khác theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu và các thỏa thuận với Tổ chức phát hành;
- 3.3. Được tự do chuyển quyền sở hữu theo giới hạn không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật) Trái Phiếu các mệnh giá và kỳ hạn Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- 3.4. Được cấp trích lục Sổ đăng ký và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nếu có yêu cầu;
- 3.5. Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp đồng ủy lý;
- 3.6. Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành gửi bi một thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người sở hữu trái phiếu trên Thị Trường Phát Hành phải liệt kê các thông tin đó theo quy định của pháp luật;
- 3.7. Được tham dự Hội nghị người sở hữu Trái Phiếu và biên quyết tại Hội nghị người sở hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề nêu trong điều Trái Phiếu, theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- 3.8. Các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

#### 4. Cam kết của Tổ Chức Phát Hành

##### 4.1 Mua lại vào ngày đáo hạn

Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc và hủy bỏ trước hạn theo Điều Kiện 3, Mục 2 của Các Điều Khoản và điều kiện của Trái Phiếu BCG, Tổ chức phát hành sẽ mua lại toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu với giá bằng tổng của mệnh giá và tiền lãi phát sinh những chưa được thanh toán trên Trái Phiếu vào Ngày đáo hạn.

##### 4.2 Mua lại trước hạn theo đề nghị của Tổ chức phát hành sau khi Trái Phiếu niêm yết

- (a) Trừ các số đến bảo toàn thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, Các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu BCG và trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Tổ chức phát hành, Tổ chức phát hành sẽ chỉ được thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn sau khi Trái Phiếu đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán. Tổ chức phát hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, quy chế VSD và Sở giao dịch chứng khoán. Mỗi Người sở hữu Trái Phiếu có quyền quyết định bán hoặc không bán Trái Phiếu của mình cho Tổ chức phát hành. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai với cùng một điều kiện mua cho tất cả Người sở hữu Trái Phiếu theo tỷ lệ ứng mệnh giá Trái Phiếu của từng Người sở hữu Trái Phiếu đang niêm yết trên tổng mệnh giá Trái Phiếu chào mua. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp của Người sở hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành
- (b) Từ khi VSD và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán có quy định khác, Tổ chức phát hành gửi văn bản cho Người sở hữu Trái Phiếu ("Thông Báo Chào Mua") phải nêu rõ phương thức và thời gian mua lại, đồng với Trái Phiếu mua lại, giá mua lại, Ngày mua lại

- (c) Mức giá mua lại của mỗi Trái Phiếu được tính bằng tổng của các khoản sau: (i) số tiền gốc Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản tiền lãi nào chưa được thanh toán tính trên Trái Phiếu được mua lại từ thời điểm mua không bao gồm Ngày mua lại trước hạn, (iii) tất cả các khoản tiền khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại mà phải thanh toán vào thời điểm đó theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu BCG (nếu có).

#### 4.2 Mua lại trước hạn theo yêu cầu của Người sở hữu trái phiếu

- (a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan và Các Điều Khoản Trái Phiếu này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào đều có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại cũng phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đã nghị mua lại vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biên quyết tại cuộc họp của Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.
- (b) Từ khi VSD và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải viết thư cho Tổ Chức Phát Hành ("Yêu Cầu Mua Lại") ít nhất 30 (Ba mươi) Ngày Làm Việc trước Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Yêu Cầu Mua Lại phải nêu rõ thông tin về Người Sở Hữu Trái Phiếu (tên, địa chỉ, người đại diện pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền, thông tin về Trái Phiếu, tổng số lượng Trái Phiếu đang nắm giữ, tổng số lượng Trái Phiếu để nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại, số tài khoản chứng khoán hoặc tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có). Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật về việc Trái Phiếu tại Yêu Cầu Mua Lại không bị ràng buộc hay hạn chế quyền nhượng bán bất kỳ bộ phận nào của nó và không ở trong tình trạng bị tranh chấp, niêm phong hoặc phong tỏa.
- (c) Mức giá mua lại của mỗi Trái Phiếu được tính bằng tổng của các khoản sau: (i) số tiền gốc Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản tiền lãi nào chưa được thanh toán tính trên Trái Phiếu được mua lại từ thời điểm mua không bao gồm Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn, (iii) tất cả các khoản tiền khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại mà phải thanh toán vào thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (nếu có).

#### 4.4 Mua lại bất hợp pháp khi xảy ra sự kiện vi phạm

Trái luật pháp hiện hành, nếu trước khi nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ, khi xảy ra sự kiện vi phạm phù hợp với quy định tại Điều khoản 9, Mục 2 của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu BCG thì Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

## 5. Niêm yết Trái Phiếu

Tổ chức phát hành cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

## 6. Cam kết khác

Các cam kết khác của Tổ chức phát hành được thể hiện tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của BCG được đăng tải trên trang thông tin điện tử [bamboocap.com.vn](http://bamboocap.com.vn)

Các nội dung cam kết trên được thể hiện trong Mục VI. Thông tin về đợt chào bán của Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của BCG.

### iii. Hiệu lực

Cam kết này có hiệu lực kể từ Ngày phát hành cho đến khi trái phiếu đáo hạn hoặc ngày đến hạn khác khi toàn bộ gốc của trái phiếu được hoàn trả đầy đủ cho Người sở hữu trái phiếu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP HĐQT, K.HTKD

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL



Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN HỒ NAM

## CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU BCG

### MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1. QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Công ty Cổ phần Bamboo Capital (“**Tổ Chức Phát Hành**”) phát hành trái phiếu có tổng mệnh giá tối đa 500.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm tỷ Đồng), là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định kết hợp lãi suất thả nổi, trả lãi định kỳ 06 tháng/lần, có thời hạn 05 (năm) năm (“**Trái Phiếu**”) trên cơ sở Các Điều Kiện Trái Phiếu này và bản cáo bạch chào bán ra công chúng (“**Bản Cáo Bạch**”). Việc phát hành Trái Phiếu này theo Phương Án Phát Hành Trái Phiếu đã được thông qua hợp lệ bởi Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 19/11/2021 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15 tháng 05 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Phát Hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có phù hợp với Điều Lệ và quy định của pháp luật.
- 1.2 Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu này (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) điều chỉnh các trái phiếu do Công ty Cổ phần Bamboo Capital (“**Tổ Chức Phát Hành**”) phát hành trên cơ sở Phương Án Phát Hành và Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành.
- 1.3 Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD hoặc được niêm yết/giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý chuyển nhượng đối với Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành (“**Đại Lý**”). Căn cứ Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“**SHS**”) (sau đây gọi là “**Hợp Đồng Đại Lý**”), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Lý ban đầu. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận việc chỉ định SHS là Đại Lý ban đầu như trên. Việc thay thế Đại Lý (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Đại Lý và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.4 Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Bản Cáo Bạch, Hợp Đồng Đại Lý, Nghị Quyết Về Phương Án Chào Bán và bất kỳ văn kiện, hợp đồng và thỏa thuận khác nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu hoặc bất kỳ văn bản nào khác có quy định hoặc có liên quan đến Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu; và bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trên đây được gọi chung là “**Các Văn Kiện Trái Phiếu**” và thuật ngữ “**Văn Kiện Trái**



Phiếu” dùng để chỉ bất kỳ tài liệu nào trong các tài liệu nêu trên.

- 1.5 Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Khoản Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của Các Văn Kiện Trái Phiếu, Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý để Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp. Đại Lý có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các bên có liên quan cung cấp một bản sao y bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào cho mục đích lưu giữ nêu trên.
- 1.6 Bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu (i) đồng ý việc lựa chọn SHS làm Đại Lý, (ii) xác nhận là đã nghiên cứu kỹ và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iii) được hưởng các quyền và lợi ích quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (iv) chịu sự ràng buộc của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

## 2. ĐỊNH NGHĨA

Vì mục đích của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Bản Báo Bạch**” có nghĩa là bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành năm 2021 được quy định tại Điều Khoản 1.1, Mục 1.

“**Bên Chuyển Quyền Sở Hữu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 2.3, Mục 2

“**Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 2.3, Mục 2

“**Các Điều Khoản Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2, Mục 1.

“**Đại Lý**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3, Mục 1.

“**Giấy Đề Nghị Chuyển Quyền Sở Hữu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 2.3, Mục 2.

“**Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 11, Mục 2.

“**Khoản Nợ**” có nghĩa được quy định tại Điều Khoản 9.1, Mục 2.

“**Khoản Tiền Gốc Chậm Trả**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 5.3, Mục 2.

“**Khoản Tiền Lãi Chậm Trả**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 5.3, Mục 2.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 06 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (hoặc đến ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc). Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái

Phiếu thi Kỳ Tính Lãi cuối cùng được tính từ ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến nhưng không bao gồm ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn có liên quan.

“Lãi Suất” có nghĩa được quy định tại Điều Kiện 5.2, Mục 2.

“Luật Chứng Khoán” có nghĩa là luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

“Luật Doanh Nghiệp” có nghĩa là luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

“Luật Phá Sản” có nghĩa là luật phá sản số 51/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2014.

“Ngày Đáo Hạn” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.4, Mục 2.

“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng” là ngày Đại Lý hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) xác lập danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- i. Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:
  - A. là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn mua lại khác để thực hiện thanh toán tiền lãi và/hoặc tiền gốc Trái Phiếu; hoặc
  - B. liên quan đến việc triệu tập Hội Nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu, là Ngày Làm Việc được Đại Lý thông báo theo quy định tại Điều Kiện 1.2, Phần II, Mục 3 (Trình Tự Và Thủ Tục Tổ Chức Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- ii. Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:
  - A. là Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Chảo Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn; hoặc
  - B. là Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định có liên quan và quy chế của VSD hoặc Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của VSD để chốt danh sách trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kể ngày nào từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ (kể cả nghỉ bù) theo quy định của pháp luật.

“**Ngày Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa là một Ngày Làm Việc mà vào ngày đó Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn trong trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.2, Mục 2.

“**Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa một Ngày Làm Việc tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu mua lại Trái Phiếu trước hạn theo quy định tại Điều Khoản 8.3, Mục 2.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4, Mục 2.

“**Ngày Thanh Toán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6, Mục 2.

“**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là mỗi ngày tròn 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, với điều kiện là (i) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ là ngày tròn 06 (sáu) tháng lần thứ nhất kể từ Ngày Phát Hành, và (ii) Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng sẽ là Ngày Dào Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn (nếu có) hoặc ngày mà Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn.

“**Ngày Thanh Toán Thực Tế**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6, Mục 2.

“**Nghị Định 155**” có nghĩa là nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.

“**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là (i) tổ chức/cá nhân được đăng ký là người sở hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký (khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD), hoặc (ii) tổ chức/cá nhân được xác định là chủ sở hữu hợp pháp của Trái Phiếu đó theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD và Sơ Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“**Phương Án Phát Hành**” có nghĩa là phương án phát hành Trái Phiếu được phê duyệt theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 59/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tổ Chức Phát Hành và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm (nếu có).

“**Sổ Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 2.2, Mục 2.

“**Sơ Giao Dịch Chứng Khoán**” có nghĩa là Sơ giao dịch chứng khoán Hà Nội.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.1, Mục 2.

“**Tuyên Bố Đến Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.2, Mục 2.

“**Thời Điểm Khóa Số**” có nghĩa, (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, là thời điểm

18:00 (mười tám) giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, là thời điểm mà VSD thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“**Thông Tư 118**” có nghĩa là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1, Mục 1.

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2, Mục 1.

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3 phần I Mục 3.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” hoặc “**Các Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa được quy định tại Điều Khoản 1.4, Mục 1.

“**VSD**” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam, tùy từng trường hợp áp dụng, một tổ chức thực hiện chức năng đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tập trung của Việt Nam mà tại đó chứng khoán giống hoặc tương tự như Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung nhằm đủ điều kiện giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

## MỤC 2. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ

### 1. TÍNH CHẤT, LOẠI HÌNH, HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

- 1.1 Loại hình Trái Phiếu: Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm. Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (đủ là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành, trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản pháp luật có liên quan.
- 1.2 Hình thức Trái Phiếu: Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử.
- 1.3 Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 Đồng (Một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
- 1.4 Thời Hạn Trái Phiếu
  - Trái Phiếu có thời hạn **05 (năm) năm** kể từ Ngày Phát Hành.
  - Ngày phát hành là ngày kết thúc chào bán Trái Phiếu (“**Ngày Phát Hành**”)

- Ngày đáo hạn là ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành (“Ngày Đáo Hạn”).

- 1.5 Số lượng Trái Phiếu phát hành: 5.000.000 Trái Phiếu ( Năm triệu Trái Phiếu)
- 1.6 Tổng giá trị Trái Phiếu phát hành theo mệnh giá: 500.000.000.000 Đồng (Năm trăm tỷ Đồng)
- 1.7 Đồng tiền phát hành và thanh toán: “VND” hoặc “Đồng”
- 1.8 Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp pháp luật Việt Nam, VSD, Sổ Giao Dịch Chứng Khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
- 1.9 Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu (khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác được Đại Lý chấp thuận) sẽ được cấp 01 (một) trích lục Sổ Đăng Ký và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu, ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Lý. Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

## 2. QUYỀN SỞ HỮU, ĐĂNG KÝ, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU

### 2.1 Quyền Sở Hữu

- (a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó. Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được chuyển giao thông qua chuyển quyền sở hữu và đăng ký tại Sổ Đăng Ký theo quy định tại Điều Khoản 2.2, Mục 2 này.
- (b) Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, quyền sở hữu đối với Trái Phiếu sẽ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### 2.2 Đăng Ký

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Đại Lý lập và thay thế sổ đăng ký ghi tên của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (“Sổ Đăng Ký”) kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD hoặc Trái Phiếu đã đáo hạn hoặc đã được Tổ Chức Phát Hành mua lại toàn bộ (tùy sự kiện nào diễn ra sớm hơn). Sổ Đăng Ký phải được lập bằng văn bản và bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
- (b) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm Tên Trái Phiếu, Mã Trái Phiếu, tổng số Trái Phiếu

đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Dào Hạn, thời hạn, mệnh giá, Lãi Suất, phương thức thanh toán lãi và gốc, thời điểm trả lãi và một số thông tin khác về Trái Phiếu;

- (c) Họ và tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, điện thoại, số, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác) của Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân; tên tổ chức, địa chỉ đăng ký và số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức theo thông tin đăng ký tại thời điểm sở hữu Trái Phiếu hoặc thông tin đăng ký thay đổi tùy từng thời điểm;
- (d) Tổng số Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ và các thông tin khác liên quan đến các Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ, kể cả thông tin về việc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và các hạn chế chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu (nếu có);
- (e) Chi tiết về tài khoản ngân hàng được đăng ký cùng tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Lý hoặc tài khoản khác (theo thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý) để chuyển các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc lập, duy trì và lưu giữ Sổ Đăng Ký (hoặc tài liệu tương đương) sẽ theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

### 2.3 Chuyển Quyền Sở Hữu

- (a) Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tự do chuyển quyền sở hữu các Trái Phiếu của mình phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (b) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký với VSD, việc chuyển quyền sở hữu và thực hiện các giao dịch khác đối với Trái Phiếu được thực hiện thông qua Đại Lý. Các giao dịch chuyển quyền sở hữu phải được đăng ký trong Sổ Đăng Ký theo thủ tục chuyển quyền sở hữu quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này, Hợp Đồng Đại Lý và Đại Lý đã được thanh toán phí chuyển quyền sở hữu (do Đại Lý ấn định) quy định tại Hợp Đồng Đại Lý.

Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào (sau đây gọi là "**Bên Chuyển Quyền Sở Hữu**") cũng có thể chuyển quyền sở hữu các Trái Phiếu của mình cho các tổ chức/cá nhân (sau đây gọi là "**Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu**") theo thủ tục như sau:

Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc Bên Chuyển Quyền Sở Hữu nộp hồ sơ chuyển quyền sở hữu có liên quan cho Đại Lý, bao gồm:

- 03 (ba) bản gốc Giấy đề nghị chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo mẫu quy định tại Hợp Đồng Đại Lý ("**Giấy Đề Nghị Chuyển Quyền Sở Hữu**") được điền đầy đủ thông tin và được ký hợp lệ bởi đại diện có thẩm quyền của Bên Chuyển Quyền Sở Hữu và Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu;
- Bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu (nếu có);
- Hồ sơ pháp lý của Bên Chuyển Quyền Sở Hữu và Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu bao gồm:
  - Trường hợp Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc Bên Chuyển Quyền Sở Hữu là pháp nhân: phải cung cấp bản công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập, Bản sao Công chứng Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân còn hiệu lực của Người đại diện theo pháp luật và/hoặc của Người được ủy quyền bằng văn bản để ký Giấy đề nghị chuyển quyền sở hữu và bản sao y hợp lệ văn bản ủy quyền của đại diện ký kết Giấy Đề Nghị Chuyển Quyền Sở Hữu.
  - Trường hợp Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc Bên Chuyển Quyền Sở Hữu là cá nhân: cung cấp bản sao Giấy Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân.

Các hồ sơ chuyển quyền sở hữu này được điền đầy đủ thông tin và được ký hợp lệ bởi đại diện có thẩm quyền của Bên Chuyển Quyền Sở Hữu và Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu. Đại Lý sẽ ghi nhận và xác nhận việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu vào Giấy Đề Nghị Chuyển Quyền Sở Hữu, đồng thời Đại Lý sẽ cập nhật việc chuyển quyền sở hữu này vào Sổ Đăng Ký phù hợp với Điều Khoản 2.3, Mục 2 này ngay trong Ngày Làm Việc nếu nhận được hồ sơ chuyển quyền sở hữu trước 16:00 giờ. Trường hợp nhận được hồ sơ chuyển quyền sở hữu sau 16:00 giờ, Đại Lý ghi nhận việc chuyển quyền sở hữu vào Sổ Đăng Ký phù hợp với Điều Khoản 2.3, Mục 2 này vào Ngày Làm Việc tiếp theo sau ngày nhận được hồ sơ chuyển quyền sở hữu. Trường hợp nếu có sai sót hoặc không đồng ý với hồ sơ chuyển quyền sở hữu, Đại Lý phải thông báo cho Bên Chuyển Quyền Sở Hữu và Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong vòng một (01) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ chuyển quyền sở hữu như trên

- (c) Bên Chuyển Quyền Sở Hữu vẫn được xem là Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu chuyển quyền sở hữu cho đến khi tên của Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu được ghi vào Sổ Đăng Ký liên quan đến số Trái Phiếu chuyển quyền sở hữu. Phụ thuộc vào việc Đại Lý nhận được đầy đủ các tài liệu được quy định tại Điều Khoản 2.3 (b), Mục 2 trên đây, Đại Lý không được từ chối đăng ký bất kỳ việc chuyển quyền sở hữu Trái

Phiếu nào vào Sổ Đăng Ký nếu việc chuyển quyền sở hữu đó không bị cấm hoặc hạn chế theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và không bị cấm theo các quy định có liên quan của pháp luật. Đại Lý phải xác nhận chuyển quyền sở hữu trên Giấy Đề Nghị Chuyển Quyền Sở Hữu và đăng ký, ghi tên của Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu, số lượng Trái Phiếu đã được chuyển quyền sở hữu thuộc sở hữu của Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu vào Sổ Đăng Ký theo quy định tại Điều Kiện 2.3 (b), Mục 2.

Để tránh nhầm lẫn, Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu nhận chuyển quyền sở hữu ngay khi tên của Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu được ghi vào Sổ Đăng Ký liên quan đến số Trái Phiếu chuyển quyền sở hữu, không phụ thuộc vào việc Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa.

- (d) Để tránh nhầm lẫn, việc “chuyển quyền sở hữu” được quy định tại Điều Kiện 2.3, Mục 2 này được hiểu là bao gồm các giao dịch mua, bán, thừa kế, tặng, cho, các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- (e) Số lượng Trái Phiếu được chuyển quyền sở hữu trong mỗi lần chuyển quyền sở hữu phải là số nguyên.

### **3. NIỀM YẾT, ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU**

- 3.1** Trước khi được đăng ký tại VSD, Trái Phiếu được đăng ký tại Đại Lý theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 3.2** Trái Phiếu sẽ được đăng ký, lưu ký tại VSD và niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 3.3** Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Lý (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD). Việc chuyển nhượng Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký hoặc lưu ký Trái Phiếu tại VSD (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/ hướng dẫn của VSD và các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm đó.
- 3.4** Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSD theo quy định pháp luật hiện hành và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành. Thời gian thực hiện hoàn tất niêm yết kể trên không bao gồm thời gian do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền trì hoãn phê duyệt. Tổ Chức Phát Hành được hủy niêm yết Trái Phiếu theo quy định của pháp luật nếu việc hủy niêm yết là nhằm mục đích mua lại Trái



Phiếu trước hạn hoặc vào Ngày Đáo Hạn theo Điều Khoản 8.

- 3.5 Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSD, niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc chuyển quyền sở hữu và thực hiện các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật quy chế của VSD và các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng) và vai trò của Đại Lý đối với việc đăng ký, quản lý chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu sẽ chấm dứt tại thời điểm này.

#### 4. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 4.1 Quyền Hạn và Thẩm Quyền

Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) chào bán và phát hành Trái Phiếu, ký kết và ban hành các Văn Kiện Trái Phiếu và (B) thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ, thỏa thuận và cam kết của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu.

Việc Tổ Chức Phát Hành chào bán và phát hành Trái Phiếu sẽ không (i) vi phạm bất kỳ điều khoản nào của điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành, (ii) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan đang áp dụng tại Ngày Phát Hành, hoặc (iii) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến bất kỳ sự vi phạm nào đối với bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên.

##### 4.2 Thứ Tự Thanh Toán

Trái Phiếu xác lập và sẽ xác lập tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành cho đến khi đáo hạn các nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào, và ít nhất là ngang bằng với các nghĩa vụ nợ trực tiếp, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp hiện tại và tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam).

##### 4.3 Đáp Ứng Điều Kiện Chào Bán Và Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành cam kết và khẳng định đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán và phát hành Trái Phiếu quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Nghị Định 155, Thông Tư 118 và các văn bản pháp luật hiện hành hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này.

#### 4.4 Công Bỏ Thông Tin

Trong thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành cam kết và bảo đảm rằng sẽ thực hiện đúng, đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ công bố thông tin đối với (i) Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu và (ii) tổ chức phát hành khi chào bán và phát hành trái phiếu ra công chúng theo đúng quy định pháp luật.

#### 4.5 Cam Kết Khác

Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- (a) tuân thủ các quy định của pháp luật áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của mình và áp dụng đối với Trái Phiếu; xin, gia hạn, duy trì hiệu lực và tuân thủ mọi chấp thuận cần thiết và quan trọng cho hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành cũng như cho việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- (b) thực hiện đúng kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu và kế hoạch trả nợ số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích quy định tại phần “KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN” của Bản Cáo Bạch (trừ trường hợp Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành đã điều chỉnh phương án sử dụng vốn và vẫn đảm bảo mục đích phát hành đã công bố trong Bản Cáo Bạch và thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định của Pháp luật);
- (c) thực hiện đầy đủ và chuẩn xác theo các điều kiện phát hành trái phiếu được nêu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này với Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (d) đảm bảo rằng Người Sở Hữu Trái Phiếu được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu phù hợp với mục đích sử dụng vốn của Trái Phiếu;
- (e) Thực hiện thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu đầy đủ, đúng hạn theo quy định tại Bản Cáo Bạch;
- (f) Sử dụng toàn bộ doanh thu và các nguồn thu hợp pháp khác từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công ty con, liên kết (nếu có) của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn hoặc thanh toán cho việc mua lại Trái Phiếu trước hạn và thanh toán cho các nghĩa vụ khác (nếu có) của Tổ Chức Phát Hành đối với và liên quan đến Trái Phiếu;
- (g) Ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được một sự kiện thực tế đã xảy ra mà có thể dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm thì Tổ Chức Phát Hành phải gửi thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với các chi tiết cụ thể về sự kiện đó;

- (h) Tổ Chức Phát Hành cam kết mua lại Trái Phiếu trước thời hạn thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành vi phạm các quy định của pháp luật về phát hành Trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm Phương Án Phát Hành Trái Phiếu, và cam kết mua lại Trái Phiếu trước hạn nếu xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ không thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc hình thức tương tự khác) ngoại trừ các trường hợp sau:
  - A. nhận sáp nhập với doanh nghiệp cổ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm liền kề trước thời điểm sáp nhập không bị lỗ theo báo cáo tài chính riêng lẻ hoặc hợp nhất (nếu có) của doanh nghiệp bị sáp nhập; hoặc
  - B. chia, tách doanh nghiệp mà các công ty mới sau khi chia, tách cũng liên đới chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ có liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu hoặc tài sản chuyển giao cho công ty được chia, tách chiếm tối đa 10% (mười phần trăm) tài sản của công ty trước khi chia, tách; hoặc
  - C. các trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp khác mà Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ tài liệu để chứng minh là không có ảnh hưởng đáng kể đến tổng tài sản hoặc khả năng trả nợ của Tổ Chức Phát Hành và ảnh hưởng bất lợi với Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
  - D. các trường hợp được phép theo quy định tại Các Văn Kiện Trái Phiếu.
- (j) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành và chào bán Trái Phiếu.
- (k) Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.
- (l) Có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin đầy đủ và thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và pháp luật hiện hành;
- (m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Bản Cáo Bạch và phù hợp với quy định pháp luật

## 5. TIỀN LÃI, LÃI SUẤT

### 5.1 Tiền Lãi

- (a) Trái Phiếu được trả lãi sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần tính từ Ngày Phát Hành. Việc tính lãi phát sinh trên tiền gốc Trái Phiếu hoặc trên bất kỳ khoản tiền nào khác trong các trường hợp khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành tính theo số ngày thực tế (không gồm ngày thanh toán) trên cơ sở một năm có 365

(ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

- (b) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến, nhưng không bao gồm: (i) Ngày Đáo Hạn hoặc (ii) Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc (iii) Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn hoặc (iv) ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này, tùy thuộc vào ngày nào đến trước. Lãi phát sinh trên tiền gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán vào (i) mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn, hoặc (iii) Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc (iv) Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn hoặc (v) ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

## 5.2 Lãi Suất

- (a) Trái Phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi ("**Lãi Suất**") được xác định như sau:

- i. Lãi suất cho 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên bằng **11,5%/năm** (bằng chữ: *mười một phẩy năm phần trăm một năm*); và
- ii. Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức như sau: **Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu tại Kỳ Tính Lãi đó + biên độ 6,0%/năm** (bằng chữ: *sáu phần trăm một năm*)

- (b) Vì mục đích của Điều 5.2 (a) này:

- i. "**Lãi Suất Tham Chiếu**" đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu.
- ii. "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- iii. "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" và gọi chung là "**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**").
- iv. Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:
  - A. Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố lãi suất tham chiếu của mình hoặc không có lãi suất tham chiếu vào Ngày

Xác Định Lãi Suất có liên quan theo các quy định trên đây thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó.

- B. Nếu tất cả Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố lãi suất tham chiếu của mình hoặc không công bố lãi suất tham chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo các quy định trên đây thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam áp dụng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn – Hà Nội công bố trên trang thông tin điện tử hoặc xác nhận bằng văn bản tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.
- C. Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu, vào trước ngày đầu tiên của các Kỳ Tính Lãi tiếp theo ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất của Tổ Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học và/hoặc thông tin Lãi Suất Tham Chiếu một cách rõ ràng.
- v. Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì Lãi Suất sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 03 (ba) sau dấu phẩy và tổng số tiền lãi Trái Phiếu của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được làm tròn đến hàng đơn vị.
- (c) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu doanh nghiệp thì:
- nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 5.2 (a), Mục 2 nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định, lãi suất Trái Phiếu được xác định sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật;
  - nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 5.2 (a), Mục 2 nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định, lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được quy định tại Điều Khoản 5.2 (a), Mục 2 nêu trên; và
  - nếu quy định không áp dụng đối với các lãi suất trái phiếu đã được thoả thuận trước thì lãi suất Trái Phiếu được coi là đã được thoả thuận trước trong phạm vi cho phép của pháp luật.
- (iv) Trong trường hợp quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu, lãi suất Trái Phiếu là mức lãi

suất được quy định tại Điều Khoản 5.2 (a), Mục 2 nói trên.

### 5.3 Nguyên Tắc Xác Định Tiền Lãi Trái Phiếu

- (a) Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được hưởng tròn Kỳ Tính Lãi thì tiền lãi Trái Phiếu được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn tròn Kỳ Tính Lãi} = \text{Tổng Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ} \times \text{Lãi Suất} \times \frac{\text{Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi đó}}{365}$$

Trong đó:

- (i) Tổng Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ bằng mệnh giá Trái Phiếu (100.000 VND/Trái Phiếu) nhân với số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu năm giữ;
  - (ii) Lãi Suất là cố nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 5.2, Mục 2; và
  - (iii) Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi đó:
    - Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Số ngày thực tế trong Kỳ Tính Lãi được tính từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi cho Kỳ Tính Lãi đầu tiên;
    - Đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng: Số ngày thực tế trong Kỳ Tính Lãi được tính từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn.
    - Đối với Kỳ Tính Lãi khác: Số ngày thực tế trong Kỳ Tính Lãi được tính từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất trước đó cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi đó.
- (b) Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu cho một thời hạn không tròn Kỳ Tính Lãi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn không tròn Kỳ Tính Lãi} = \text{Tổng Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ} \times \text{Lãi Suất} \times \frac{\text{Số ngày thực tế của thời hạn đó}}{365}$$

Trong đó:

- (i) Tổng Mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ bằng mệnh giá Trái Phiếu (100.000 VND/Trái Phiếu) nhân với số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ;
  - (ii) Lãi Suất là cơ nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 5.2, Mục 2; và
  - (iii) Số ngày thực tế của thời hạn đó được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất trước đó (tùy trường hợp áp dụng) đến nhưng không gồm ngày cuối cùng của thời hạn đó;
- (c) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán ("**Khoản Tiền Gốc Chậm Trả**") tại Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn hoặc ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng) mà không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này, Khoản Tiền Gốc Chậm Trả sẽ tiếp tục hưởng lãi bằng 150% Lãi Suất nhưng không quá 20%/năm, kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn hoặc ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các Khoản Tiền Gốc Chậm Trả, tiền lãi phạt trên Khoản Tiền Gốc Chậm Trả liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán theo quy định này.

$$\text{Tiền lãi phạt trên Khoản Tiền Gốc Chậm Trả} = \text{Khoản Tiền Gốc Chậm Trả} \times \text{Lãi suất áp dụng cho Khoản Tiền Gốc Chậm Trả} \times \frac{\text{Số ngày chậm trả gốc}}{365}$$

- (d) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này ("**Khoản Tiền Lãi Chậm Trả**"), Khoản Tiền Lãi Chậm Trả sẽ tiếp tục hưởng lãi, bằng 150% Lãi Suất Trái Phiếu kể từ và bao gồm ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, cho đến nhưng không bao gồm ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả Khoản Tiền Lãi Chậm Trả và tiền lãi phạt trên Khoản Tiền Lãi Chậm Trả liên quan hạn thanh toán theo quy định này.

$$\text{Tiền lãi phạt trên Khoản Tiền Lãi Chậm Trả} = \text{Khoản Tiền Lãi Chậm Trả} \times \text{Lãi suất áp dụng cho Khoản Tiền Lãi Chậm Trả} \times \frac{\text{Số ngày chậm trả lãi}}{365}$$

- (c) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần với một khoản tiền phạt vì phạm và có hiệu lực áp dụng đối với Trái Phiếu thì nếu quy định tại Điều Khoản 5.3 (c), Mục 2 và Điều Khoản 5.3 (d), Mục 2 này cao hơn quy định trần của pháp luật, khoản phạt chậm thanh toán gốc/lãi sẽ áp dụng mức trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật đó.

## 6. THANH TOÁN

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi và các khoản tiền khác của Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định tại Điều Khoản 6, Mục 2 này. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSD) (nếu có).

- (a) Việc thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu khi đến hạn sẽ được Tổ Chức Phát Hành tính toán và thực hiện bằng cách chuyển khoản vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu ghi trong Sổ Đăng Ký. Cụ thể như sau:
- (i) Tiền gốc Trái Phiếu (cùng với các khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) sẽ được thanh toán một lần vào Ngày Đảo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn hoặc ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, tiền gốc mỗi Trái Phiếu là khoản tiền bằng mệnh giá Trái Phiếu.
  - (ii) Tiền lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Tiền lãi Trái Phiếu là khoản tiền lãi được xác định theo Điều Khoản 5.3, Mục 2 cho Kỳ Tính Lãi có liên quan.
- (b) Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đảo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn hoặc ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này (gọi chung là “**Ngày Thanh Toán**”) không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán thực tế lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ là Ngày Làm Việc kế tiếp ngay sau ngày đó (“**Ngày Thanh Toán Thực Tế**”). Trừ trường hợp quy định tại điểm (c) Điều Khoản này, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng bất kỳ khoản lãi hay lợi ích nào khác do việc thanh toán không được thực hiện vào đúng Ngày Thanh Toán do Ngày Thanh Toán không phải là Ngày Làm Việc như trên.
- (c) Nếu Ngày Đảo Hạn và/hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn và/hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn và/hoặc ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái phiếu do mình sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi tính trên gốc Trái phiếu theo Lãi Suất quy định tại



Điều Khoản 5.2, Mục 2 cho giai đoạn tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán đó đến nhưng không gồm Ngày Thanh Toán Thực Tế.

- (d) Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý hoặc danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSD lập tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần thanh toán mới được nhận tiền thanh toán trong lần thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho lần thanh toán có liên quan đó.
- (e) Mọi khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành phân bổ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tính theo mệnh giá tương ứng và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):
  - (i) Thứ nhất, thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh trên tiền lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
  - (ii) Thứ hai, thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh trên tiền gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
  - (iii) Thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
  - (iv) Thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.
- (f) Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán hoặc Ngày Thanh Toán Thực Tế mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành, số tiền gốc và/hoặc tiền lãi Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ, quản lý và không được hưởng lãi và nếu khoản tiền đó là lãi Trái Phiếu thì sẽ không được nhập gốc. Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành thanh toán các khoản tiền đó cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong thời hạn tối đa 01 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (g) Tổ Chức Phát Hành sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh (bao gồm cả phí chuyển tiền của ngân hàng (nếu có) liên quan đến việc thanh toán tiền lãi, gốc và/hoặc các khoản phải thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

## 7. DỊCH VỤ THỰC HIỆN BỞI ĐẠI LÝ

Theo Hợp Đồng Đại Lý đã được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội làm Đại Lý. Cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội sẽ thực hiện những công việc theo quy định dưới đây:

- (i) Vào Ngày Làm Việc thứ 15 (Mười lăm) trước Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày

Đáo Hạn, Đại Lý sẽ gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành để đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành và và đăng trên website của Đại Lý để thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về ngày cuối cùng chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thanh toán tiền lãi và/hoặc tiền gốc Trái Phiếu;

- (ii) Đại Lý sẽ thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn mua lại khác quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”).
- (iii) Trong vòng 02 Ngày Làm Việc kể từ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Đại Lý sẽ gửi danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho Tổ Chức Phát Hành để Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán tiền lãi và gốc Trái Phiếu.

## 8. MUA LẠI VÀ HỦY BỎ TRÁI PHIẾU

### 8.1 Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc và hủy bỏ trước hạn theo Điều Kiện 8, Mục 2 này, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu với giá bằng tổng của mệnh giá và tiền lãi phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn.

### 8.2 Mua Lại Trước Hạn Theo Đề Nghị Của Tổ Chức Phát Hành Sau Khi Trái Phiếu Niêm Yết

(a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, Các Điều Kiện Trái Phiếu này và trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ được thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn sau khi Trái Phiếu đã được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, quy chế VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định bán hoặc không bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai với cùng một điều khoản điều kiện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo tỷ lệ tổng mệnh giá Trái Phiếu mà từng Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ trên Tổng mệnh giá Trái Phiếu chào mua. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp các Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

(b) Trừ khi VSD và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có quy định khác, Tổ Chức Phát Hành

gửi văn bản cho Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") phải nêu rõ phương thức tổ chức mua lại, tổng số Trái Phiếu mua lại, giá mua lại, Ngày Mua Lại Trước Hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng và các điều kiện, điều khoản khác (nếu có). Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn.

- (c) Mức giá mua lại của mỗi Trái Phiếu được tính bằng tổng của các khoản sau: (i) số tiền gốc Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản tiền lãi nào chưa được thanh toán tính trên Trái Phiếu được mua lại đó tính đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại Trước Hạn, (iii) tất cả các khoản tiền khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại mà phải thanh toán vào thời điểm đó theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (nếu có).

### 8.3 Mua Lại Trước Hạn Theo Yêu Cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào đều có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại từng phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu mà mình sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đề nghị mua lại vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp các Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.
- (b) Trừ khi VSD và/hoặc Sơ Giao Dịch Chứng Khoán có quy định khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi văn bản cho Tổ Chức Phát Hành ("**Yêu Cầu Mua Lại**") ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước sự kiện Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn. Yêu Cầu Mua Lại phải nêu rõ thông tin về Người Sở Hữu Trái Phiếu (tên, địa chỉ, người đại diện pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền), thông tin về Trái Phiếu, tổng số lượng Trái Phiếu đang nắm giữ, tổng số lượng Trái Phiếu đề nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại, số tài khoản chứng khoán hoặc tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có). Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc Trái Phiếu tại Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn không bị ràng buộc hay hạn chế chuyển nhượng bởi bất kỳ biện pháp bảo đảm nào và không ở trong tình trạng bị tranh chấp, niêm phong hoặc phong tỏa.
- (c) Mức giá mua lại của mỗi Trái Phiếu được tính bằng tổng của các khoản sau: (i) số tiền gốc Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản tiền lãi nào chưa được thanh toán tính

trên Trái Phiếu được mua lại do tính đến nhưng không bao gồm Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn, (iii) tất cả các khoản tiền khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại mà phải thanh toán vào thời điểm đó theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (nếu có).

#### 8.4 Mua Lại Bắt Buộc Khi Xảy Ra Sự Kiện Vi Phạm

Tại bất kỳ thời điểm nào trước khi nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ, khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm phù hợp với quy định tại Điều Kiện 9, Mục 2 thì Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

#### 8.5 Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Người Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

#### 8.6 Hủy Bỏ

Tất cả Trái Phiếu đáo hạn và được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Điều Kiện 8, Mục 2 này sẽ được hủy bỏ ngay và không được phát hành lại hoặc bán lại.

Bất kỳ Trái Phiếu nào đã được Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào số phiếu được quyền biểu quyết trong các Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và khi lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu.

### 9. SỰ KIỆN VI PHẠM

#### 9.1 Sự Kiện Vi Phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một sự kiện vi phạm (sau đây gọi là “Sự Kiện Vi Phạm”):

(a) *Không Thanh Toán*: Tổ Chức Phát Hành:

- (i) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc nào liên quan đến Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền gốc đó; hoặc
- (ii) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền lãi đó và vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn.
- (iii) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc và khoản tiền

lãi nào liên quan đến Trái Phiếu vào Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn quy định tại Điều Kiện 8.3 và vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Yêu Cầu Mua Lại Trước Hạn.

Để tránh nhầm lẫn, việc không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ gốc/lãi và các khoản thanh toán khác nêu tại Điều Kiện 9.1 (a) này không bao gồm cả không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ gốc/lãi và các khoản thanh toán khác nêu trong trường hợp mua lại trước hạn quy định tại Điều Kiện 8.2; hoặc

- (b) *Vi Phạm Mục Đích Phát Hành*: Tổ Chức Phát Hành vi phạm mục đích phát hành Trái Phiếu nêu tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu và Bản Cáo Bạch (trừ trường hợp Hội đồng quản trị của Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện điều chỉnh phương án sử dụng vốn và vẫn đảm bảo mục đích phát hành đã công bố trong Bản Cáo Bạch và thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định của Pháp luật); hoặc
- (c) *Vi Phạm Quy Định Pháp Luật Về Phát Hành Trái Phiếu Và/Hoặc Phương Án Phát Hành*: Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật áp dụng tại Việt Nam đối với việc phát hành Trái Phiếu hoặc vi phạm Phương Án Phát hành Trái Phiếu mà vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào về vi phạm đó; hoặc
- (d) *Vi Phạm Chéo Của Tổ Chức Phát Hành*: bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Phát Hành bị tuyên bố là đến hạn do xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành (mà vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra vi phạm) liên quan đến Khoản Nợ trong các trường hợp:
  - (i) Đến hạn trả nợ của Khoản Nợ (chủ nợ là Tổ chức tín dụng) mà Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đầy đủ và đúng hạn với điều kiện giá trị Khoản Nợ tối thiểu là 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ Đồng) (hoặc một khoản tiền tương đương bằng loại tiền tệ khác), hoặc
  - (ii) Đến hạn trả nợ của Khoản Nợ (chủ nợ không phải là Tổ chức tín dụng) mà
    - (A) Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tại ngày đến hạn của Khoản Nợ trừ khi tại thời điểm đến hạn Khoản Nợ, Tổ Chức Phát Hành có bằng chứng (mà bằng chứng phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bằng một Quyết định/nghị quyết của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu) chứng minh rằng Khoản Nợ đó có thể bị tranh chấp do hành động gian lận hoặc vi phạm của chủ nợ đó, với điều kiện là nếu Tổ Chức Phát Hành không chấp thuận ý kiến phản đối của Người Sở Hữu Trái Phiếu về bằng chứng cung cấp của Tổ

Chức Phát Hành như trên thì việc không thanh toán Khoản Nợ của Tổ Chức Phát Hành theo điểm (A) này chỉ bị coi là vi phạm nếu có bản án/quyết định có giá trị chung thẩm của cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền tuyên Khoản Nợ đó là Khoản Nợ phải trả của Tổ Chức Phát Hành;

- (B) Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đầy đủ tại ngày theo bản án/quyết định có hiệu lực chung thẩm của cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền tuyên bố Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán Khoản Nợ trước hạn.

với điều kiện giá trị Khoản Nợ tối thiểu là 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ Đồng) (hoặc một khoản tiền tương đương bằng loại tiền tệ khác);

- (c) *Vi Phạm Các Nghĩa Vụ Khác*: Tổ Chức Phát Hành vi phạm việc thực hiện hoặc chấp hành hoặc tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ, cam kết nào khác của Tổ Chức Phát Hành được nêu tại Điều Khoản 4 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Các hành vi nêu tại Điểm này như trên đây sẽ không tính là hành vi vi phạm nếu vi phạm đó được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo của Đại Lý hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào về vi phạm đó; hoặc
- (f) *Mất Khả Năng Thanh Toán*: Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán theo Luật Phá Sản, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn hoặc làm đơn yêu cầu hoặc đồng ý hoặc phải chịu sự chỉ định người tiếp quản, thanh lý viên, hoặc người quản lý tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh, bất động sản, tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Phát Hành, hoặc tiến hành bất kỳ thủ tục nào nhằm điều chỉnh hoặc trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ của mình (ngoại trừ trường hợp được phép điều chỉnh hoặc trì hoãn việc trả nợ theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam) hoặc thực hiện hay ký kết bất kỳ cam kết chuyển nhượng hoặc thoả thuận chung nào hoặc hợp nhất với hoặc vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ nợ; hoặc
- (g) *Phá Sản, Giải Thể, Chia Tách, Sáp Nhập*: Nếu có lệnh hoặc một nghị quyết có hiệu lực được thông qua về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể, chia tách, sáp nhập đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc khi Tổ Chức Phát Hành đã tiến hành bất kỳ thủ tục phá sản, thanh lý hay giải thể, chia tách, sáp nhập nào; hoặc
- (h) *Cưỡng Chế Thực Hiện Nghĩa Vụ*: việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác được áp dụng hoặc cưỡng chế thi hành liên quan đến hoặc đối với phần bất động sản, tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Phát Hành; trừ khi việc tịch thu, tịch biên, thi hành án đó hoặc thủ tục tố tụng khác bị phân bác một cách ngay tính hoặc đình chỉ trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày các biện pháp đó được tuyên hoặc cưỡng chế thi hành; hoặc

- (i) *Đình chỉ Hoạt động Kinh doanh*: Tổ Chức Phát Hành tạm ngưng toàn bộ hoặc một phần các hoạt động kinh doanh chính của mình hoặc ngưng thực hiện tất cả hoặc một phần đáng kể các hoạt động kinh doanh như được tiến hành vào Ngày Phát Hành; hoặc
- (j) *Tình Trạng Pháp Lý của Tổ Chức Phát Hành*: nếu Tổ Chức Phát Hành vi bất kỳ lý do nào phải ngưng hoạt động và không còn tồn tại theo Luật Doanh Nghiệp hoặc bất kỳ nghị định hướng dẫn nào, hoặc bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của các luật này hoặc bất kỳ quy định pháp luật nào, hoặc bất kỳ hành động hoặc thủ tục nào được Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ người nào khác quy định, thực hiện hoặc tiến hành dẫn tới việc Tổ Chức Phát Hành ngưng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của mình hoặc bị giải thể, sáp nhập hoặc hợp nhất hoặc giấy phép thành lập bị thu hồi hoặc bãi bỏ, hoặc có lệnh được đưa ra hoặc nghị quyết có hiệu lực được thông qua đối với việc phá sản, thanh lý Tổ Chức Phát Hành; hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu kiện làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành; hoặc người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành bị truy cứu trách nhiệm hình sự (bắt, khởi tố, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, v.v); hoặc
- (k) *Bất Hợp Pháp, Vô Hiệu*: tại bất kỳ thời điểm nào việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này trở nên bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không thể thực thi; hoặc
- (l) *Cho Phép và Chấp Thuận*: bất kỳ hành động, điều kiện hoặc bất kỳ yêu cầu nào (bao gồm việc xin hoặc thực hiện các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép, miễn giảm, đệ trình hồ sơ, xin giấy phép, hoặc đăng ký) tại bất kỳ thời điểm nào cần phải tiến hành, hoàn thành, hay thực hiện để: (i) cho phép Tổ Chức Phát Hành có thể thực thi hợp pháp quyền của mình cũng như thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, và (ii) đảm bảo rằng các nghĩa vụ đó có giá trị ràng buộc và có thể thực thi về mặt pháp lý, nhưng những hành động, điều kiện hoặc yêu cầu đó vẫn chưa được tiến hành, hoàn thành hoặc thực hiện, mà vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm có liên quan.

Trong các Điều Kiện này:

“**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào của bất kỳ chủ thể nào liên quan đến khoản tiền được vay hoặc huy động, bao gồm (nhưng không chỉ giới hạn ở) bất kỳ khoản nợ nào đối với hoặc liên quan đến:

- (i) các khoản tiền vay;
- (ii) bất kỳ giấy nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ, hoặc các chứng khoản nợ khác;
- (iii) bất kỳ chấp nhận thanh toán nào;

- (iv) các khoản phải thu được bán hoặc chiết khấu (ngoại trừ các khoản phải thu miễn truy đòi);
- (v) chi phí mua tài sản (trong trường hợp chi phí đó được thanh toán trước hoặc sau thời điểm bên có nghĩa vụ thanh toán tiếp nhận hoặc chiếm hữu tài sản đó) được tài trợ thông qua việc cho vay vốn hay cho trả chậm để mua tài sản đó;
- (vi) bất cứ hợp đồng thuê nào được ký kết chủ yếu theo cách thức nhằm huy động vốn hoặc cấp vốn để mua tài sản cho thuê đó;
- (vii) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ, hoán đổi lãi suất nào, theo mức trần hoặc sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào khác được ký kết nhằm mục đích bảo vệ không bị ảnh hưởng hoặc được hưởng lợi từ biến động lãi suất hoặc giá (và trong trường hợp phái thanh toán một khoản tiền, sẽ áp dụng giá thị trường tại thời điểm của giao dịch phái sinh để tính khoản tiền đó);
- (viii) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có tính chất thương mại là vay tiền hay huy động vốn;
- (ix) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoán đổi ứng đối với một bảo lãnh, bồi hoán, trái phiếu, thư tín dụng chứng từ hoặc bất cứ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
- (x) bất cứ bảo lãnh, bồi hoán hoặc các Biện Pháp Bảo Đảm tương tự nào để nhận nợ tài chính đối với bất kỳ người nào theo bất kỳ mục nào được nêu tại các đoạn ở trên.

## 9.2 Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm

- (a) Nếu một Sự Kiện Vi Phạm nào quy định tại một trong các Điều Khoản 9.1 (a), 9.1 (b), 9.1 (c), 9.1 (d), 9.1 (f), 9.1 (g), 9.1(k), 9.1 (l) diễn ra và khi Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được Sự Kiện Vi Phạm đó trước khi kết thúc thời hạn khắc phục tương ứng (nếu có) thì:
  - (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi văn bản thông báo tới Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý tuyên bố Trái Phiếu đến hạn ("Tuyên Bố Đến Hạn") và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại bắt buộc. Trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Tuyên Bố Đến Hạn, Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn đó số tiền bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu cùng với tiền lãi đã phát sinh (nhưng chưa được thanh toán) trên Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố đến hạn năm giữ được tính cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thực tế mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đó nhận được đầy đủ khoản gốc và lãi Trái Phiếu đó. Nếu Tổ Chức Phát Hành không hoàn tất nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn nêu trên, Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố





đến hạn có quyền khởi kiện đến tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán.

- (ii) Tổ Chức Phát Hành cam kết sau khi nhận được Tuyên Bố Đến Hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải ngay lập tức thông báo cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu khác về việc nhận được Tuyên Bố Đến Hạn do Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi và về Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra.

Để tránh hiểu nhầm, việc Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố đến hạn các Trái Phiếu mình đang sở hữu không ảnh hưởng đến quyền quyết định tuyên bố đến hạn của các Người Sở Hữu Trái Phiếu khác đối với Trái Phiếu họ đang nắm giữ.

- (iii) Nếu Trái Phiếu đã đăng ký và/hoặc niêm yết/giao dịch tập trung, việc mua lại Trái Phiếu (bao gồm cả giá mua lại) sẽ theo quy định tại Điều Khoản 9.2 (a), Mục 2 này (trong phạm vi không trái với các quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán) và các quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và/hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.
- (b) Nếu một Sự Kiện Vi Phạm không phải là Sự Kiện Vi Phạm nêu tại Điều Khoản 9.2 (a), Mục 2 diễn ra và khi Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được Sự Kiện Vi Phạm đó trước khi kết thúc thời hạn khắc phục tương ứng (nếu có) thì:
    - (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi văn bản thông báo tới Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm.
    - (ii) Trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu, tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 11, Mục 2 nhằm thông qua một nghị quyết xác định Sự Kiện Vi Phạm có liên quan đã xảy ra và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn
    - (iii) Nếu nghị quyết tại Điều Khoản 9.2 (b) (ii), Mục 2 được thông qua hợp lệ, Trái Phiếu sẽ được coi là đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải mua lại trước hạn toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó theo quy định tại Điều Khoản 9.2 (a) (i), Mục 2 và Điều Khoản 9.2 (a) (iii), Mục 2 trên đây.

## 10. THUẾ

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi khấu trừ bất kỳ các loại thuế, phí, phí thẩm định hoặc bất kỳ lệ phí nhà nước nào ("Thuế") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính Phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

## 11. HỘI NGHỊ NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- (a) Những Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức (i) biểu quyết tại một cuộc họp (trực tiếp hoặc trực tuyến), hoặc (ii) lấy ý kiến bằng văn bản thông qua các hình thức phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác).
- (b) Việc lấy ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại Mục 3 – Quy Định Về Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

## 12. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

### 12.1 Thông Báo

- (a) Mọi thông báo, thư liên lạc gửi cho hoặc từ Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách:
  - (i) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung (nếu áp dụng);
  - (ii) giao trực tiếp tận tay, gửi qua fax, gửi thư điện tử (trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD thì bản gốc thông báo, thư liên lạc phải được gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu) trong thời hạn 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó);
  - (iii) qua tin nhắn điện thoại;
  - (iv) gửi bằng thư báo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ và số fax tương ứng quy định tại Điều Kiện 12.2, Mục 2;
  - (v) gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Lý.
- (b) Bất kỳ thông báo, thư liên lạc nào như vậy sẽ được coi là đã nhận được:
  - (i) được công bố trên website, thời điểm tròn 24 (hai mươi tư) giờ từ thời điểm công bố;
  - (ii) nếu được chuyển giao tận tay, tại thời điểm giao;
  - (iii) nếu được gửi bằng thư báo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện)
  - (iv) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng

thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác;

- (v) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
  - (vi) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn điện thoại đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn điện thoại của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn điện thoại của người gửi);
  - (vii) nếu được gửi bằng hình thức điện tử thông qua tài khoản giao dịch chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Lý, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thông tin trên tài khoản giao dịch chứng khoán; hoặc
  - (viii) nếu gửi qua dịch vụ chuyển phát của công ty chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư liên lạc có liên quan.
- (c) Bất kỳ bên nào cũng có thể thay đổi địa chỉ liên hệ của mình bằng cách gửi thông báo trước 05 (năm) Ngày Làm Việc cho bên kia. Trong trường hợp Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thay đổi thông tin của các bên tuân thủ quy định của VSD tại từng thời kỳ.

## 12.2 Địa Chỉ Đăng Ký

Trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý đã thông báo cho các bên liên quan về việc thay đổi địa chỉ ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc trước ngày gửi thông báo, thư liên lạc theo quy định tại Điều Khoản 12.1, Mục 2 này, địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý sẽ được cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

### Tổ Chức Phát Hành:

Công ty Cổ phần Bamboo Capital

Người nhận: ông Nguyễn Hồ Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 6268 0680

Fax: (84 28) 6299 1188

Email: [info@hambocap.com.vn](mailto:info@hambocap.com.vn)

**Đại Lý:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Người nhận: Bộ phận lưu ký trái phiếu

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex, 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84) 24 38181888 Fax: (84) 24 38181688

Email: [dailyluukytraiptieuh@shs.com.vn](mailto:dailyluukytraiptieuh@shs.com.vn)

### **13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

#### **13.1 Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

- (a) Được Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị Định 155; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán Trái Phiếu khi có yêu cầu;
- (b) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu và các thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành;
- (c) Được tự do chuyển quyền sở hữu bao gồm nhưng không giới hạn ở mua, bán, cho, tặng, để lại thừa kế và các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm phù hợp với các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các quy định của pháp luật có liên quan;
- (d) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký và Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu nếu có yêu cầu;
- (e) Có quyền yêu cầu xác nhận số dư Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Lý;
- (f) Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ khi Tổ Chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;
- (g) Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (như được quy định dưới đây) và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- (h) Các quyền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

#### **13.2 Nghĩa Vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

- (a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này;

- (b) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin về Trái Phiếu dự kiến đầu tư. Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của chính mình;
- (c) Không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu có tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật;
- (d) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- (e) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành khi có sự thay đổi hoặc chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành;
- (f) Đăng ký các thông tin về Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông tin về tài khoản nhận thanh toán liên quan đến Trái Phiếu và thông báo cho Đại Lý về bất kỳ thay đổi thông tin nào đã cung cấp cho Đại Lý phù hợp với thời hạn quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý;
- (g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ pháp lý, Tuyên Bố Đến Hạn và các căn cứ của Tuyên Bố Đến Hạn được gửi bởi chính Người Sở Hữu Trái Phiếu đó cho Tổ Chức Phát Hành;
- (h) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- (i) Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (j) Các nghĩa vụ khác theo Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

#### 14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật pháp Việt Nam.

#### 15. MIỄN TRỪ

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành được hưởng quyền miễn trừ nhà nước hoặc quyền miễn trừ khác về thủ tục tố tụng, thẩm quyền xét xử của tòa án, hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc tài sản của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát

Hành bằng văn bản này từ bỏ vĩnh viễn quyền miễn trừ đó đối với hoặc liên quan tới các Trái Phiếu hoặc bất kỳ Trái Phiếu nào.

## 16. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này, các bên sẽ nỗ lực để giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp tranh chấp đó, không thể được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, sẽ được chuyển đến và giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

## MỤC 3. QUY ĐỊNH VỀ HỘI NGHỊ NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

### L. Quy Định Chung Về Việc Thông Qua Quyết Định Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Việc thông qua các quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể thực hiện theo phương thức tổ chức họp hội nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của những người có quyền biểu quyết tương ứng theo hình thức biểu quyết truyền thống (biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hội nghị hoặc gửi phiếu ý kiến bằng văn bản) hoặc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử. Nếu lựa chọn hình thức bỏ phiếu điện tử, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập họp/yêu cầu lấy ý kiến bằng văn bản và đơn vị tổ chức hội nghị/tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản có nghĩa vụ hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu về kỹ thuật bỏ phiếu điện tử tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp hoặc đợt lấy ý kiến bằng văn bản đó.

#### 1. Hội Nghị

- 1.1 Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tham dự họp theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu ("Hội Nghị")
- 1.2 Hội Nghị có thể được triệu tập theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành hoặc những Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng nhau) sở hữu ít nhất 20% (Hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành;
- 1.3 Hội Nghị được triệu tập và tiến hành theo trình tự và thủ tục quy định tại Phần II Mục 3 của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

#### 2. Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- 2.1 Việc lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm văn bản giấy hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác (như qua tin nhắn SMS, thư điện tử hoặc hình thức khác phù hợp) của những Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thực hiện theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành hoặc (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang

lưu hành đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu.

- 2.2 Việc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác nêu tại Điều Khoản 2.1, Phần I, Mục 3 nêu trên phải được gửi đến tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và sẽ được tiến hành theo trình tự và thủ tục quy định tại Phần II Mục 3 của các Điều Khoản Trái Phiếu này.

### 3. Thông Qua Quyết Định

- 3.1 Ngoại trừ các trường hợp được quy định khác đi tại Điều Khoản 3 này, quyết định/ nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm (i) ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội Nghị (nếu được biểu quyết tại Hội Nghị Trái Phiếu) hoặc (ii) ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm xin ý kiến đó (nếu được biểu quyết bằng cách lấy ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác).
- 3.2 Quyết định/ nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập hoặc lấy ý kiến không đáp ứng quy định tại Phần II Mục 2 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này nếu Quyết định/ nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại Hội Nghị hay bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản hoặc lấy ý kiến khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu).
- 3.3 Quyết định/ nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu được thông qua hợp lệ theo Quy định này sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Người Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị có liên quan hay đưa ra ý kiến hay không).
- 3.4 Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho lần triệu tập Hội Nghị hoặc lấy ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần lấy ý kiến đó.

## II. Trình Tự Và Thủ Tục Tổ Chức Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu

### 1. Triệu Tập Hội Nghị Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký với VSD

- 1.1 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Lý và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị (“**Yêu Cầu Triệu Tập**”). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu bằng văn bản có chữ ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có đầy đủ các thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận

làm cơ sở thông qua quyết định, và (iv) kèm bảo đảm của người yêu cầu triệu tập về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng theo yêu cầu hợp lý của Đại Lý).

- 1.2 Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Lý phải (i) xác định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) xác định thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu (chỉ trong trường hợp một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị), và (iii) gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu về Yêu Cầu Triệu Tập và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đó. Để tránh nhầm lẫn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng theo xác định của Đại Lý trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Lý nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.3 Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Lý phải làm việc với người yêu cầu triệu tập và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu Các Bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo các nội dung nêu tại tài liệu của người yêu cầu triệu tập.
- 1.4 Tại Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng, Đại Lý xác định tổ chức/cá nhân được ghi nhận là Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 1.5 Trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng, Đại Lý phải xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan và không sớm hơn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo mời tham dự Hội Nghị) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Điều Kiện 3.2, phần II, Mục 3 của Các Điều Kiện Trái Phiếu này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

## 2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp của



Hội Nghị và gửi cho Đại Lý.

- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Điều Kiện 3, Phần II, Mục 3 này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Lý chậm nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Lý phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Điều Kiện 2.2, Phần II, Mục 3 vào chương trình họp của Hội Nghị. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung sẽ chỉ được thảo luận trong chương trình họp của Hội Nghị nếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận phù hợp với Điều Kiện 4.9, Phần II, Mục 3 này.

### 3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị có liên quan.
- 3.2 Chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Kiện 3.1, Phần II, Mục 3 trên đây hoặc đại diện hợp pháp của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đó. Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý ("Đại Biểu") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị, tuy nhiên, chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) hoặc người đại diện hợp pháp của họ được biểu quyết tại Hội Nghị.

### 4. Thể Thức Tiến Hành Hội Nghị

- 4.1 Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị, với điều kiện là nếu tham dự thông qua người đại diện, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng đến Đại Lý ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.
- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Lý đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (trường hợp Đại Biểu đó chính là Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

- 4.3 Đại Lý sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.4 Hội Nghị sẽ bầu Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia Ban kiểm phiếu.
- 4.5 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.
- 4.6 Bất kỳ Đại Biểu nào đến sau thời điểm Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Điều Kiện 4.2, Phần II, Mục 3 này và có quyền tham gia biểu quyết (đối với Đại Biểu được quyền biểu quyết) ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Trong trường hợp này, Chủ tọa không được dừng cuộc họp, cuộc họp vẫn được tiến hành bình thường; và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.7 Cho dù có các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuận tiện liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Điều Kiện 2.2, Phần II, Mục 3 này (kể cả việc bầu Ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi toàn bộ các Đại Biểu tham dự Hội Nghị.

## 5. Biên Bản Hội Nghị

- 5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bản bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - (a) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh);
  - (b) thông tin về Trái Phiếu;
  - (c) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
  - (d) chương trình và nội dung Hội Nghị;
  - (e) Chủ tọa và thư ký;
  - (f) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội

dùng chương trình họp;

- (g) số Đại Biểu và tổng số phiếu biểu quyết của các Đại Biểu (có quyền biểu quyết) tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- (h) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Đại Biểu tham dự Hội Nghị; và
- (i) các quyết định đã được thông qua.

**5.2** Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Điều Kiện 5.1, Phần II, Mục 3 mà bất kỳ Đại Biểu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Đại Biểu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Kiện 4.2 (ii), Phần II, Mục 3 này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều Kiện 4.9, Phần II, Mục 3) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

**5.3** Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Lý sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Lý.

## **6. Tổ Chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản**

**6.1** Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

**6.2** Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu, người yêu cầu lấy ý kiến phải gửi cho Đại Lý yêu cầu bằng văn bản về việc lấy ý kiến ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người yêu cầu lấy ý kiến ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và thông tin về người yêu cầu lấy ý kiến, (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Lý cung cấp), và (iv) đính kèm bảo đảm của người yêu cầu lấy ý kiến về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản (bảo đảm đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Lý).

**6.3** Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Lý phải làm việc với người yêu cầu lấy ý kiến và Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung phiếu

lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu Các Bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo các nội dung tại tài liệu của người yêu cầu lấy ý kiến.

- 6.4 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu lấy ý kiến về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày thông nhất được nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nghị quyết/quyết định quy định tại Điều Khoản 6.3, Phần II, Mục 3, Đại Lý phải gửi thông báo lấy ý kiến ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các tổ chức/cá nhân có quyền nhận thông báo theo quy định tại Điều Khoản 6.5, Phần II, Mục 3. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời điểm cuối cùng mà Đại Lý nhận ý kiến từ các Người Sở Hữu Trái Phiếu và phải được gửi ít nhất 20 (hai mươi) ngày (hoặc một thời hạn khác do Đại Lý quyết định) trước thời điểm đó. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.5 Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền nhận Thông Báo Lấy Ý Kiến có liên quan.
- 6.6 Đại Lý phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận Thông Báo Lấy Ý Kiến theo quy định tại Điều Khoản 6.5, Phần II Mục 3, Tổ Chức Phát Hành, tuy nhiên, chỉ có các Người Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan phải được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ.
- 6.8 Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Lý phải được đựng trong phong bì dán kín. Các phiếu lấy ý kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính tại thời điểm kiểm phiếu nếu được gửi cho Đại Lý sau thời điểm kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến.
- 6.9 Đại Lý phải kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - (a) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - (b) số Người Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
  - (c) tổng số phiếu hợp lệ tân thành, không tân thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
  - (d) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Lý trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
  - (e) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của

Đại Lý ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Quy Định Về Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

6.10 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Lý sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Người Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Lý.

#### 7. Triệu Tập Hội Nghị Nều Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký với VSD

Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD thì Tổ Chức Phát Hành vẫn có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các quy định từ Điều Kiện 1 đến Điều Kiện 6, Phần II, Mục 3 nêu trên với những thay đổi cho phù hợp tương ứng trên cơ sở tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy chế của VSD.

#### 8. Các Quy Định Chung

Đại Lý sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Lý ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành trong thời hạn 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Lý sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành trên cơ sở có thu phí hợp lý.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN HỒ NAM**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

*Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 07
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	08 - 09
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	10 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 48



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 30/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.080.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2019: 1.080.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lang, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

### 4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 11 (mười một) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 07 (bảy) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

#### 4.1. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty CP Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**4.2 Danh sách Công ty con trực tiếp**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	52,8%	52,8%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định	69,8%	67,4%
Công ty Cổ phần BCG Land	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,5%	82,2%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	89,0%	89,0%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,0%	99,0%

**4.3 Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang	51,0%	26,9%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	70,0%	37,0%
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định	100,0%	67,4%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	Lô D9-10 Cụm Công nghiệp EaĐar, Huyện Eaكار, Đắk Lắk	98,0%	66,0%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên	95,0%	64,0%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 954, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng	90,0%	89,1%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	70,0%	37,0%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hôn	31 Đường số 10, Ấp 4 Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	98,0%	97,0%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	100,0%	82,2%

*4.3 Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp (tiếp theo)*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	51,0%	50,5%
Công ty Cổ phần Tracodi Training & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	55,0%	29,1%

*4.4 Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Ausino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	49,0%	49,0%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Bến Lức, Long An	48,0%	48,0%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	37,5%	29,9%

*4.5 Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam (Vinn Taxi)	89 Cách Mạng Tháng 8, P.Bến Thành Q.1, TP.HCM	30,0%	15,9%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	50,0%	49,5%
Công ty Cổ phần Tracodi Land	89 Các Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	40,0%	21,1%
Công ty Cổ phần Năng lượng Harwhia - BCG Bàng Dương	90 Đường số 10, ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An	32,5%	32,2%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	45,0%	37,0%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Báp	Côn Báp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	35,1%	28,9%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn	43,0%	29,5%

**5. Kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

**7. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật****Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Anthony Lim	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Ông	Đình Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Dương Đức Hùng	Thành viên
Ông	Tan Bo Quan Andy	Thành viên

**Đại diện theo pháp luật**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Đại diện pháp luật
-----	---------------	--------------------

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán cho các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

**9. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**Đại diện pháp luật**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Nguyễn Hồ Nam**

Số 415/BCKT/TC/2020/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
của Công ty Cổ phần Bamboo Capital

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital được lập ngày 20/03/2020 từ trang 10 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty - Người đại diện pháp luật - chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Lập, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phúc Long Giám đốc

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

DỊCH VỤ TƯ VẤN

TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

PHÍA NAM

QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117.019.596.240</b>	<b>242.269.605.068</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>10.985.162.573</b>	<b>11.346.197.673</b>
1. Tiền	111		2.085.162.573	546.197.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.900.000.000	10.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>980.000.000</b>	<b>980.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		980.000.000	980.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>100.473.252.219</b>	<b>224.379.124.477</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	86.326.904.729	116.103.492.926
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.373.761.892	3.472.654.570
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	3.500.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	7.272.585.598	99.802.976.981
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.579.518.200</b>	<b>4.375.964.239</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	3.579.518.200	4.375.964.239
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.001.663.248</b>	<b>1.188.318.679</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.001.663.248	1.188.318.679
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.860.237.264.151</b>	<b>3.216.688.194.620</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.600.827.373</b>	<b>600.827.373</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	15.600.827.373	600.827.373
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.020.557.199</b>	<b>2.338.734.637</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.020.557.199	2.338.734.637
- Nguyên giá	222		4.153.095.109	5.683.095.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.132.537.910)	(3.344.360.472)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>535.500.000</b>	<b>862.772.728</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	862.772.728
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>2.841.345.513.903</b>	<b>3.209.777.424.293</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.657.350.896.196	2.998.874.268.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	194.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		529.156.293	14.929.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.538.586)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.170.000.000	1.170.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.734.865.676</b>	<b>3.108.435.589</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.734.865.676	3.108.435.589
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.977.256.860.391</b>	<b>3.458.957.799.688</b>

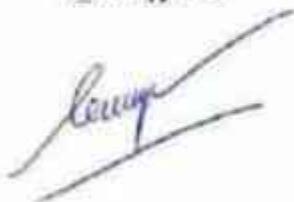
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.751.286.404.778</b>	<b>2.342.736.509.871</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.110.743.733.428</b>	<b>1.493.027.834.521</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.148.587.237	345.029.241.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		196.000.000	2.076.669.207
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	25.047.441.515	1.094.787.663
4. Phải trả người lao động	314		644.724.319	5.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	170.562.526.140	108.575.519.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.863.877.854	298.828.191.554
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	896.280.576.363	737.418.424.904
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>640.542.671.350</b>	<b>849.708.675.350</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	81.150.000.000	94.200.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	279.392.671.350	475.508.675.350
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.11	280.000.000.000	280.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.225.970.455.613</b>	<b>1.116.221.289.817</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>1.225.970.455.613</b>	<b>1.116.221.289.817</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		146.077.855.613	36.328.689.817
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.328.689.817	32.392.182.233
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		109.749.165.796	3.936.507.584
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.977.256.860.391</b>	<b>3.458.957.799.688</b>

Người lập biểu



Lê Tri Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hồ Nam



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	60.866.183.775	86.035.993.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.866.183.775	86.035.993.160
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	33.031.472.381	62.290.330.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.834.711.394	23.745.662.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	262.044.112.388	152.198.114.321
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	134.019.908.691	151.019.382.160
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		132.813.590.243	101.697.482.411
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	41.683.787	699.653.779
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	21.707.461.409	18.936.668.868
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.109.769.895	5.288.072.154
11. Thu nhập khác	31	VI.06	617.979.788	884.913
12. Chi phí khác	32	VI.07	81.191.813	239.543.323
13. Lợi nhuận khác	40		536.787.975	(238.658.410)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		134.646.557.870	5.049.413.744
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	24.897.392.074	1.112.906.160
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		109.749.165.796	3.936.507.584

Người lập biểu

Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hữu Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		134.646.557.870	5.049.413.744
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		827.066.317	1.073.563.239
- Các khoản dự phòng	03		508.538.586	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		17.624.383	(182.670)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(262.007.987.319)	(98.769.130.790)
- Chi phí lãi vay	06		132.815.590.243	101.697.482.411
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.807.390.080</b>	<b>9.051.145.954</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		357.852.788.752	176.057.706.066
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		796.446.039	6.002.857.799
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(301.564.768.454)	14.459.240.624
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.373.569.913	(2.925.713.524)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(70.412.015.407)	(22.210.608.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.009.882.749)	(1.785.605.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.156.471.826)</b>	<b>178.649.022.958</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(327.272.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.436.363.637	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	(1.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.500.000.000	9.130.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.279.486.794.776)	(1.963.762.708.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.308.904.166.580	350.465.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.713.178.209	41.028.019.680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>43.066.913.650</b>	<b>(1.564.866.961.048)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		184.326.727.346	1.484.221.577.969
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(221.580.579.887)	(185.196.217.169)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(37.253.852.541)</b>	<b>1.299.025.360.800</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(343.410.717)	(87.192.577.290)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.346.197.673	98.538.592.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.624.383)	182.670
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	10.985.162.573	11.346.197.673

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hữu Nam



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 30/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.080.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2019: 1.080.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốt, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chần, đệm. Bán buôn vai, lăng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quân gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

**6. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 11 (mười một) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 07 (bảy) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

*a. Danh sách văn phòng đại diện*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty CP Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

*b. Danh sách các Công ty con trực tiếp*

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định
Công ty Cổ phần BCG Land	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp*

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Liên doanh khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Ấp Rô Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, An Giang
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafé	Lô D9-10 Cụm Công nghiệp EaĐar, Huyện Eaكار, Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D6, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (tiếp theo)*

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4 Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

*d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty CP Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Bến Lức, Long An
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	89 Cách Mạng Tháng 8, P.Bến Thành Q.1, TP.HCM
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
Công ty CP Tracodi Land	89 Cách Mạng Tháng 8, P.Bến Thành Q.1, TP.HCM
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, ấp 4. KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Đảo	Côn Đảo, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pàn 1, Xã Vô Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn



## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền đi động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân ảnh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật. Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### **b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

#### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 15
- Thiết bị văn phòng	03 - 05

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### **8. Ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.



Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

## 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí hàng tiền khố...

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

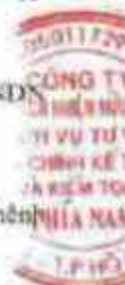
#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### **18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	212.908.561	6.716.900
- Tiền gửi ngân hàng	1.872.254.012	539.480.773
Tiền gửi VND	1.853.923.157	513.315.483
Tiền gửi ngoại tệ	18.330.855	26.165.290
- Các khoản tương đương tiền (*)	8.900.000.000	10.800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.985.162.573</b>	<b>11.346.197.673</b>

Ghi chú:

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).

#### 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>86.326.904.729</b>	<b>116.103.492.926</b>
+ Công ty Cổ phần Thành Phúc	5.841.088.602	373.923.590
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chai Thủy	39.790.422	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus	1.112.956.369	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	364.900.000	-
+ Cổ Văn Đền	-	1.000.000.000
+ Công ty Cổ Phần Tracodi Power	160.969.336	160.969.336
+ Công ty Cổ Phần Đầu tư và Dịch vụ Grechid	68.632.800.000	-
+ Công ty Cổ phần Thành Vũ Tây Ninh	-	65.600.000
+ Dragon Lane Investment Holding Limited	10.168.400.000	22.687.000.000
+ Vũ Phương Chi	-	91.810.000.000
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>6.205.988.602</b>	<b>373.923.590</b>
+ Công ty Cổ phần Thành Phúc	5.841.088.602	373.923.590
+ Công ty Cổ phần BCG Land	364.900.000	-

#### 3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.373.761.892</b>	<b>3.472.654.570</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	3.031.884.732	3.031.884.732
+ Global Asset Solution FZ LLC	227.280.000	227.280.000
+ Đối tượng khác	114.597.160	213.489.838
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a. Chứng khoán kinh doanh****b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm				Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng
<b>b.1 Ngắn hạn:</b>	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000	980.000.000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
<b>b.2 Dài hạn:</b>	1.170.000.000	1.170.000.000	-	1.170.000.000	1.170.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu (2)	1.170.000.000	1.170.000.000	-	1.170.000.000	1.170.000.000	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.150.000.000</b>	<b>2.150.000.000</b>	-	<b>2.150.000.000</b>	<b>2.150.000.000</b>	-

Ghi chú:

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TMCP BIDV. Chi nhánh Bà Chiểu. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu (sơ mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Là khoản đầu tư mua trái phiếu của ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành kỳ hạn 07 năm, đáo hạn vào ngày 19/12/2028



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng  
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.840.684.052.489</b>	<b>2.840.175.513.903</b>	-	<b>3.208.607.424.293</b>	<b>3.208.607.424.293</b>	-
- Đầu tư vào công ty con	2.657.350.896.196	2.657.350.896.196	-	2.998.874.268.000	2.998.874.268.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	299.460.560.000	299.460.560.000	-	299.460.560.000	299.460.560.000	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	270.160.000.000	270.160.000.000	-	270.160.000.000	270.160.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	628.200.000.000	628.200.000.000	-	369.993.808.000	369.993.808.000	-
+ Công ty TNHH MTV Viquo	-	-	-	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Inlacocimur Hoi An Beach Villas	667.530.336.196	667.530.336.196	-	337.000.000.000	337.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG Energy	792.000.000.000	792.000.000.000	-	522.259.900.000	522.259.900.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	182.804.000.000	182.295.461.414	(508.538.586)	194.804.000.000	194.804.000.000	-
+ Công ty TNHH DV BY-Trung Thành Đại Nam Security	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Anacriso Highland Agricultural Turv	1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)	1.104.000.000	1.104.000.000	-
+ Công ty TNHH B O T ĐT&S	103.200.000.000	103.200.000.000	-	103.200.000.000	103.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Nông lượng BCG Bông Dương	78.500.000.000	78.500.000.000	-	78.500.000.000	78.500.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Báo cáo tài chính riêng  
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý							
- Đầu tư vào các đơn vị khác	529.156.293	529.156.293	-	14.929.156.293	-	14.929.156.293	-	-	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam)	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933	-	69.210.933	-	-	-	-	-
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DF Dầu khí VN	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360	-	99.945.360	-	-	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư hạ tầng và năng lượng VN	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	-	360.000.000	-	-	-	-	-
+ Công ty CP HCM Loan 68	-	-	-	14.400.000.000	-	14.400.000.000	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.840.684.052.489</b>	<b>2.840.175.513.903</b>	<b>-</b>	<b>3.208.607.424.293</b>	<b>-</b>	<b>3.208.607.424.293</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.208.607.424.293</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	<b>3.500.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
- Công ty CP Khai thác khoáng sản Bắc Hà (*)	3.500.000.000	5.000.000.000
<i>b. Phải thu về cho vay dài hạn</i>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

Ghi chú:

(\*) Là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 05/2016/HĐVY-DCG-KSBH ngày 15/08/2016 và phụ lục, thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2019, lãi suất 10%/năm.

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
<i>a. Phải thu ngắn hạn khác</i>	<b>7.272.585.598</b>	-	<b>99.802.976.981</b>	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu BHXH	-	-	-	-
- Tạm ứng	564.882.546	-	355.420.880	-
- Ký cược, ký quỹ	11.000.000	-	12.700.000	-
- Cho mượn	-	-	-	-
- Phải thu khác	6.696.703.052	-	99.434.856.101	-
+ Công ty CP Thành Phát	38.406.752	-	8.626.294.946	-
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	-	-	9.047.249.798	-
+ Công ty CP ĐT PT Công Nghiệp và Vận tải	-	-	7.320.863.656	-
+ Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	119.867.556	-	127.777.778	-
+ Công ty CP Viet Golden Farm	-	-	63.621.040.044	-
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security	736.611.112	-	784.853.552	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	67.211.816	-	67.211.816	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	3.435.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bông Dương	62.344.128	-	8.007.025.223	-
+ Khác	237.261.688	-	1.832.539.285	-

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>15.600.827.373</b>	-	<b>600.827.373</b>	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Phải thu về lao động	-	-	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-	-	-
- Phải thu khác	15.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH B.G.T ĐT830 (**)	15.000.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	600.827.373	-	600.827.373	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.873.412.971</b>	-	<b>100.403.804.354</b>	-

Ghi chú:

(\*\*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.G.T ĐT830 để đầu tư mở rộng Dự án nông cấp mở rộng ĐT.830, ĐT.824 tại Long An theo hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BGT830/HTĐT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 5 năm. Theo đó, BCG sẽ được hưởng 11%/năm kể từ khi chuyển tiền.



## 7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	121.857.439	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hóa	3.579.518.200	-	4.254.106.800	-
- Hàng hóa gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>3.579.518.200</b>	-	<b>4.375.964.239</b>	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ừ dụng, kón, mát phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

**Báo cáo tài chính riêng**

Năm 2019

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	-	60.000.000	5.209.015.818	414.079.291	-	5.683.095.109
<b>2. Số tăng trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>3. Số giảm trong kỳ</b>	-	-	1.530.000.000	-	-	1.530.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.530.000.000	-	-	1.530.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	-	60.000.000	3.679.015.818	414.079.291	-	4.153.095.109
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	-	46.666.675	2.890.122.718	407.571.079	-	3.344.360.472
<b>2. Kấu hao trong kỳ</b>	-	13.333.325	807.236.773	6.496.219	-	827.066.317
- Kấu hao tăng trong kỳ	-	13.333.325	807.236.773	6.496.219	-	827.066.317
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>3. Giảm trong kỳ</b>	-	-	1.038.888.879	-	-	1.038.888.879
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.038.888.879	-	-	1.038.888.879
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	-	60.000.000	2.658.470.612	414.067.298	-	3.132.537.910
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Tại ngày đầu kỳ</b>	-	13.333.325	2.318.893.100	6.508.212	-	2.338.734.637
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	-	-	1.020.545.206	11.993	-	1.020.557.199

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang đi thuê chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

1.020.545.205 VND.

1.420.622.382 VND.



**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngân hàng</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	1.734.865.676	3.108.433.589
- Chi phí CCDC xuất dùng	-	85.102.253
- Chi phí khác	1.734.865.676	3.023.333.336
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.734.865.676</b>	<b>3.108.433.589</b>

**10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay ngắn hạn</i>	737.418.424.904	737.418.424.904	1.047.110.731.346	888.248.579.887	896.289.576.363	896.289.576.363
- Vay ngắn hạn	42.966.420.604	42.966.420.604	169.326.727.346	193.796.575.887	18.496.572.363	18.496.572.363
+ Ngân hàng BIDV - CN Hà Chiếu (1)	23.329.555.788	23.329.555.788	42.446.854.561	47.279.817.986	18.496.572.363	18.496.572.363
+ Ông Phạm Anh Tuấn	15.614.912.412	15.614.912.412	106.342.360.660	121.957.272.472	-	-
+ Công ty CP Chứng khoán Everest	4.021.952.704	4.021.952.704	20.537.512.725	24.559.465.429	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	27.784.004.000	27.784.004.000	27.784.004.000	27.784.004.000	27.784.004.000	27.784.004.000
+ Ngân hàng TMCP Sacombank (2)	284.004.000	284.004.000	284.004.000	284.004.000	284.004.000	284.004.000
+ Ngân hàng Nam Á - CN Đà Nẵng (3)	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
- Trái phiếu đến hạn trả	666.668.000.000	666.668.000.000	830.000.000.000	666.668.000.000	830.000.000.000	830.000.000.000
+ Loại phát hành theo mệnh giá (4)	666.668.000.000	666.668.000.000	830.000.000.000	666.668.000.000	830.000.000.000	830.000.000.000



**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Phía sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay dài hạn</b>	<b>179.246.987.000</b>	<b>179.246.987.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>27.784.004.000</b>	<b>166.462.983.000</b>	<b>166.462.983.000</b>
+ Ngân hàng TM/CP Sacombank	496.987.000	496.987.000	-	284.004.000	212.983.000	212.983.000
+ Ngân hàng Nam Á - CN Đà Nẵng (3)	178.750.000.000	178.750.000.000	-	27.500.000.000	151.250.000.000	151.250.000.000
+ Ngân hàng TM/CP Tiên Phong Bank (5)	-	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>916.665.411.904</b>	<b>916.665.411.904</b>	<b>1.062.110.731.346</b>	<b>916.032.583.887</b>	<b>1.062.743.559.363</b>	<b>1.062.743.559.363</b>

**c. Các khoản nợ thuế tài chính**

**d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán**

**e. Trái phiếu thường**

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
(6)	112.929.688.350	6%	3 năm	112.929.688.350	6%	3 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá	183.332.000.000	11%	3 năm	-	-	-
- Loại phát hành có phụ trội	296.261.688.350	-	-	112.929.688.350	-	-
<b>Tổng cộng</b>				<b>112.929.688.350</b>		





**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện tài sản của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của công ty tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Rịa (xem mục F.01, F.04, F.08 trong minh báo cáo tài chính này).

(2) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vốn tài của Công ty (xem mục F.08 trong minh báo cáo tài chính này).

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bà Rịa. Số tiền vay 220 tỷ đồng, thời hạn vay 96 tháng; tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị phần vốn góp của BCG vào Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas.

(4) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài, giá trị 850 tỷ đồng. Lãi suất trái phiếu 11%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

(5) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TPCP Tiên Phong, mục đích góp vốn hợp tác thực hiện "Dự án nâng cấp, mở rộng DTS39 và DTS24 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Dục Hòa tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT" theo hợp đồng hợp tác số 91/2019/HLĐ-BOT/30-HHTD ngày 18/12/2019; thời hạn vay 60 tháng.

(6) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; Lãi suất Trái phiếu 0%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.



## 11. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đào hạn trái phiếu		Số cuối năm	Bên liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	Kỳ hạn gốc (tháng) Phát hành ngày 15/10/2018						
2	Kỳ hạn còn lại (tháng) Phát hành ngày 15/10/2018	33,5				21,5	
3	Số lượng (trái phiếu) Phát hành ngày 15/10/2018	280				280	
4	Mệnh giá (đồng/trái phiếu) Phát hành ngày 15/10/2018	1.000.000.000				1.000.000.000	
5	Lãi suất (%) Phát hành ngày 15/10/2018	0,5%				0,5%	
6	Tỷ lệ chuyển đổi Phát hành ngày 15/10/2018						
7	Lãi suất chiết khấu Phát hành ngày 15/10/2018						
8	Nợ gốc trái phiếu Phát hành ngày 15/10/2018	280.000.000.000				280.000.000.000	
9	Quyền chọn chuyển đổi Phát hành ngày 15/10/2018	280.000.000.000				280.000.000.000	

**11. TRÁI PHIEU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)**

Ghi chú:

(\*) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài. Lãi suất trái phiếu 0,5%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày liền trước ngày đáo hạn toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu BCG, với giá trị mệnh giá tối thiểu 50 tỷ đồng và phần vượt quá là bội số của 10 tỷ đồng. Tại ngày đáo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá chuyển đổi dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Hợp đồng để phản ánh mức độ pha loãng. Giá chuyển đổi thực tế sẽ do HĐQT quyết định tại thời điểm chuyển đổi trên cơ sở đàm phán với Người sở hữu trái phiếu.

Tỷ lệ chuyển đổi: bằng Mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

Cổ phiếu chuyển đổi sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM sau khi chuyển đổi.

## 12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.148.587.237</b>	<b>9.148.587.237</b>	<b>345.029.241.630</b>	<b>345.029.241.630</b>
- Công ty CP Dầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	63.525.242	63.525.242	-	-
- Công ty TNHH DVDL OSC First Holidays Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	632.772.348	632.772.348
- Công ty Cổ phần Phát triển Lộc Phát	4.241.717.972	4.241.717.972	2.228.853.000	2.228.853.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	912.502.599	912.502.599	-	-
- Công ty CP XD&TM Hoàng Phát	22.562.184	22.562.184	-	-
- Hồ Thị Thùy Dung	319.000.000	319.000.000	190.000.000.000	190.000.000.000
- Lê Thị Mai Loan	-	-	33.000.000.000	33.000.000.000
- Trần Thị Kiều Tiên	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	2.881.000.000	2.881.000.000	106.706.000.000	106.706.000.000
- Các đối tượng khác	708.279.240	708.279.240	461.616.282	461.616.282
<b>b. Dài hạn:</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.148.587.237</b>	<b>9.148.587.237</b>	<b>345.029.241.630</b>	<b>345.029.241.630</b>

## c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

## d. Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty CP Dầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	63.525.242	63.525.242	-	-
- Nguyễn Thanh Hùng	2.881.000.000	2.881.000.000	106.706.000.000	106.706.000.000

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>1.094.787.663</b>	<b>25.387.336.363</b>	<b>1.434.682.513</b>	<b>25.047.441.313</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.008.818.972	24.897.392.074	1.009.882.749	24.896.328.297
Thuế thu nhập cá nhân	85.968.691	489.944.291	424.799.764	151.113.218
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>170.562.526.140</b>	<b>108.575.519.563</b>
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	170.562.526.140	108.575.519.563
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>170.562.526.140</b>	<b>108.575.519.563</b>

## 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.863.877.854</b>	<b>298.828.191.554</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	52.992.000	46.570.197
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	3.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.810.885.854	293.781.621.357
+ Công ty TNHH B.C.T ĐTS30	1.550.000.000	1.300.000.000
+ Trần Thị Kiều Tiên	-	53.992.435.357
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh	-	38.650.000.000
+ Đỗ Phương Mai	-	45.989.580.000
+ Trần Thị Tường Vân	-	21.320.000.000
+ Nguyễn Thị Hải	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	222.225.854	20.747.945.800
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	2.034.000.000	-
+ Công ty CP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	-	82.681.000.000
+ Các đối tượng khác	4.660.000	4.100.660.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>81.150.000.000</b>	<b>94.200.000.000</b>
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.150.000.000	94.200.000.000
+ Đỗ Phương Mai	-	15.000.000.000
+ Nguyễn Như Hoàng	(1)	16.000.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	(2)	64.150.000.000
+ Trần Ngọc Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-

Ghi chú:

(1) Đây là khoản BCG nhận từ Ông Nguyễn Như Hoàng theo hợp đồng hợp tác số 68/2017/HĐHT-BCG ký ngày 05/09/2017 và phụ lục hợp đồng. Theo nội dung hợp đồng, Ông Nguyễn Như Hoàng sẽ chuyển 30 tỷ đồng để hợp tác đầu tư dự án Indochina Land Hội An Beach Villas Ltd.

(2) Khoản phải trả theo hợp đồng vay vốn số 07A/2018/HĐVV-IND-BCG ngày 30/08/2018, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBEO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	32.592.182.233	1.112.284.782.233
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.936.507.584	3.936.507.584
- Chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu trong năm	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại HDCC	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	36.328.689.817	1.116.221.289.817
<b>Số dư đầu năm nay</b>	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	36.328.689.817	1.116.221.289.817
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	109.749.165.796	109.749.165.796
- Chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu trong năm	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại HDCC	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	146.077.855.613	1.225.970.455.613



## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
<b>Cộng</b>	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>1.080.057.600.000</b>

## c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
<b>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	-	-

## d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	108.005.760	108.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	108.005.760	108.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	108.005.760	108.005.760
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	108.005.760	108.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	108.005.760	108.005.760

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

## e. Cổ tức

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lý do chưa được ghi nhận	-	-

## 17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản thuê ngoài		
b. Tài sản nhận giữ hộ		
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	793,02	1.130,25
d. Vàng tiền tệ		
đ. Nợ khó đòi đã xử lý		
e. Các thống tin khác		

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu</b>	<b>60.866.183.775</b>	<b>86.035.993.169</b>
+ Doanh thu bán hàng	33.517.183.775	63.266.993.160
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.349.000.000	22.769.000.000
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>17.715.345.920</b>	<b>4.383.566.909</b>
- Công ty Cổ phần Thành Phát	17.351.345.920	4.383.566.909
- Công ty Cổ phần BCG Land	364.000.000	-

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	32.667.472.381	62.216.005.520
- Giá vốn dịch vụ	364.000.000	74.325.000
<b>Cộng</b>	<b>33.031.472.381</b>	<b>62.290.330.520</b>

### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.525.485.399	1.469.130.790
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	53.321.703.481
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	250.233.633.420	97.300.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.248.868.500	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.125.069	107.697.380
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	182.670
<b>Cộng</b>	<b>262.044.112.388</b>	<b>152.198.114.321</b>

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	132.815.590.243	101.697.482.411
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	48.575.134.027
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	28.162.785	668.592.625
- Dự phòng đầu tư tài chính	508.538.586	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.700.000	24.112.481
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.624.383	-
- Chi phí tài chính khác	646.292.694	54.059.616
<b>Cộng</b>	<b>134.019.908.691</b>	<b>151.019.382.160</b>



**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>41.683.787</b>	<b>699.653.779</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí bằng tiền khác	41.683.787	699.653.779
<i>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>	<b>21.707.461.409</b>	<b>18.936.668.868</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.435.055.722	7.899.456.675
- Chi phí vật liệu quản lý	880.486.716	553.558.976
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.648.879.003	1.657.695.568
- Chi phí khấu hao TSCĐ	827.066.317	1.073.563.259
- Thuế, phí và lệ phí	34.788.889	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.136.728.972	6.974.957.001
- Chi phí bằng tiền khác	1.744.455.790	774.437.389

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	617.979.788	-
- Các khoản khác	-	884.913
<b>Cộng</b>	<b>617.979.788</b>	<b>884.913</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	81.191.813	239.543.323
<b>Cộng</b>	<b>81.191.813</b>	<b>239.543.323</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	880.486.716	553.558.976
- Chi phí nhân công	8.435.055.722	7.899.456.675
- Chi phí khấu hao TSCĐ	827.066.317	1.073.563.259
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.136.728.972	6.974.957.001
- Chi phí bằng tiền khác	3.469.807.469	3.134.786.736
<b>Cộng</b>	<b>21.749.145.196</b>	<b>19.636.322.647</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>134.646.557.870</b>	<b>5.049.413.744</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	<b>(10.159.597.500)</b>	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	<b>(10.159.597.500)</b>	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	<b>124.486.960.370</b>	<b>5.049.413.744</b>
- Tổng thu nhập tính thuế	<b>124.486.960.370</b>	<b>5.049.413.744</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<b>24.897.392.074</b>	<b>1.112.906.160</b>
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<b>24.897.392.074</b>	<b>1.009.882.749</b>
+ Khoản thuế TNDN truy thu	-	<b>103.023.411</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Trong kỳ, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền đo doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### a. Các bên liên quan

Đơn vị	Quan hệ
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Liên doanh khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Peges	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Aussino Highland Agricul Ture	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty CP Năng lượng BCG Bằng Dương	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Tracodi Land	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bảo Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV ĐT PT Trường Thành Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt trong Ban điều hành
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

<b>Đơn vị</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Số tiền</b>
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Lương, thưởng, phụ cấp khác	1.876.441.556
	Thu tiền bán khoản đầu tư	103.825.000.000
Phải trả các Bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	147.671.232
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phải trả tiền hàng	63.525.242
Công ty CP Thành Phúc	Phải thu tiền hàng	19.086.480.512
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Cho mượn	5.435.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	Phải thu tiền hàng	364.900.000
	Chuyển tiền góp vốn	258.206.192.000
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Cho mượn	3.300.000.000
	Mượn tiền	18.884.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Trả tiền mượn	14.900.000.000
	Chuyển tiền góp vốn	413.034.502.776
	Lãi phải thu hợp đồng cho vay	479.027.778
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thu tiền lãi vay	486.938.000
	Thu nợ gốc vay	1.500.000.000
	Mượn tiền	25.435.000.000
	Trả tiền mượn	25.435.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	Chuyển tiền góp vốn	269.740.100.600
	Thu lợi tiền cho mượn	7.944.681.095
Công ty CP Năng lượng BCG Bằng Dương	Phải thu tiền hợp tác đầu tư	15.000.000.000
	Mượn tiền	550.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Trả tiền mượn	300.000.000
	Mua hàng	501.471.922
Công ty CP XNK Cà Phê Đà Lạt	Trả tiền mua hàng	501.471.922

**c. Số dư với các bên liên quan**

<b>Đơn vị</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tiền</b>
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Phải trả người bán ngắn hạn	2.881.000.000
	Trái phiếu chuyển đổi	140.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phải trả người bán ngắn hạn	63.525.242
Công ty Cổ phần BCG Land	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	364.900.000
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	195.000.000
Công ty CP Thành Phúc	Phải thu ngắn hạn khác	38.406.756
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.841.088.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Phải trả ngắn hạn khác	2.034.000.000
	Phải trả dài hạn khác	64.150.000.000
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Phải thu ngắn hạn khác	51.986.756
	Phải trả người bán ngắn hạn	36.673.000
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Phân bón Vinacafe	Phải thu ngắn hạn khác	38.406.752
Công ty CP Năng lượng BCG Bàng Dương	Phải thu ngắn hạn khác	62.344.128
	Phải thu ngắn hạn khác	19.203.376
Công ty TNHH B.O.T DT830	Phải thu dài hạn khác	15.000.000.000
	Phải trả ngắn hạn khác	1.550.000.000
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Đặc Hà	Phải thu ngắn hạn khác	119.867.556
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Phải thu ngắn hạn khác	5.435.000.000
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Phải thu ngắn hạn khác	10.000.000

**2. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS).

**3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được đưa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

### 3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình theo loại hình kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	33.517.183.775	27.349.000.000	60.866.183.775
Giá vốn	32.667.472.381	364.000.000	33.031.472.381
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>849.711.394</b>	<b>26.985.000.000</b>	<b>27.834.711.394</b>

Người lập biểu

Lê Tri Hoàng Uyên

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**Đại diện Pháp luật**



# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 07
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	08
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	03 - 05
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06 - 07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 64

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

### **1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty**

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 30/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **1.080.057.600.000 VND**

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2019: **1.080.057.600.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chần, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giấy đẹp. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ, cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

### **5. Cấu trúc tập đoàn - Công ty và các Công ty con**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 11 (mười một) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 07 (bảy) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:





## 5.1. Danh sách văn phòng đại diện

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty CP Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

## 5.2. Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	52,84%	52,84%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định	69,83%	67,38%
Công ty Cổ phần BCG Land	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,52%	82,21%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	99,00%	99,00%

## 5.3. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên	95,00%	64,01%
Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến VLXD An Giang	Ấp Rô Long, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	51,00%	26,95%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	70,00%	36,99%
Công ty TNHH Du Lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu Phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ràng, Quy Nhơn, Bình Định.	100,00%	67,38%
Công ty Cổ phần SXKD Phân Bón Vinacafe	D9-D10 Cụm Công nghiệp Ea Dar, xã Ea Dar, Huyện Ea Kar, Đắk Lắk.	98,00%	66,03%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng	90,00%	89,10%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4 Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	98,00%	97,02%

## 5.3. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, KP4, TT Châu Thành, H. Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	70,00%	36,99%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Lầu 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	100,00%	82,21%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	55,00%	29,06%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	51,00%	50,49%

## 5.4. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An	37,50%	29,91%
Công ty TNHH B.O.T DT830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Taxi Việt Nam (VinaTaxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM	30,00%	15,85%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	45,00%	37,00%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	50,00%	49,50%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, xã Long Thạnh, Huyện Bến Lức Long An	32,48%	32,16%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,55%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Đảo	Côn Đảo, P Cẩm Giang, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam	35,10%	28,86%
Công ty Cổ phần Tracodi Land	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM	40,00%	21,14%

**6. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**7. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật****Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Anthony Lim	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Đăng Hải	Thành viên
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên

**Đại diện pháp luật**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
-----	---------------	---------------

**9. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

**10. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các Công ty con trong năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty và các Công ty con tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty và các Công ty con.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 05 tháng 04 năm 2020

Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

Số: 449 /BCKT/TC/2020/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bamboo Capital

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con được lập ngày 20/03/2020 từ trang 10 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Chức Tổng Giám đốc



**Đỗ Khắc Thanh**

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0084-2018-142-1

Kiểm toán viên

**Nguyễn Vũ**

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.287.189.574.105</b>	<b>1.955.682.429.448</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>150.211.393.104</b>	<b>73.644.944.553</b>
1. Tiền	111		111.703.984.452	45.344.944.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.507.408.652	28.300.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>36.021.748.890</b>	<b>15.821.748.890</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.841.748.890	6.841.748.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.180.000.000	8.980.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.196.331.928.863</b>	<b>1.628.797.201.057</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	644.005.108.259	477.646.990.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	249.924.046.971	220.924.527.858
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	6.500.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	348.568.691.008	949.859.909.673
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(52.811.955.675)	(24.984.710.898)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		146.038.300	350.484.186
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>841.786.455.109</b>	<b>179.890.398.131</b>
1. Hàng tồn kho	141		841.786.455.109	179.967.151.331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(76.753.200)
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.838.048.139</b>	<b>57.528.136.817</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	24.292.930.507	27.182.868.366
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.482.833.677	29.283.422.680
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.19	6.062.283.955	1.061.845.771
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.967.455.173.422</b>	<b>3.364.943.361.229</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.755.475.628.857</b>	<b>1.017.813.981.430</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	2.755.475.628.857	1.017.813.981.430
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310.883.194.742</b>	<b>226.173.938.515</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	295.598.183.302	221.358.206.144
- Nguyên giá	222		443.250.416.648	347.976.127.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.652.233.346)	(126.617.921.412)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.937.535.482	4.135.561.699
- Nguyên giá	225		5.986.068.212	4.253.720.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.048.532.730)	(118.158.904)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.347.475.958	680.170.672
- Nguyên giá	228		10.749.769.000	1.084.391.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(402.293.042)	(404.220.828)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.14</b>	<b>-</b>	<b>653.236.606.670</b>
- Nguyên giá	231		-	653.236.606.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>17.587.179.235</b>	<b>214.400.230.612</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.587.179.235	214.400.230.612
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>1.362.668.987.785</b>	<b>881.963.660.625</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.257.699.831.492	847.039.504.332
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.419.156.293	33.754.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		103.550.000.000	1.170.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>520.840.182.803</b>	<b>371.354.943.377</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	179.463.643.222	38.950.721.751
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		341.376.539.581	332.404.221.626
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.254.644.747.527</b>	<b>5.320.625.790.677</b>
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.630.117.129.620</b>	<b>3.912.914.216.523</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.118.305.879.114</b>	<b>2.883.522.667.907</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	426.043.797.807	688.193.217.159
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	748.047.370.394	502.484.166.134
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	114.368.286.229	58.367.092.759
4. Phải trả người lao động	314		13.142.633.175	9.083.837.253
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	209.453.968.175	127.530.211.768
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	357.244.467.810	568.791.644.142
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.245.432.497.295	923.240.938.438
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.572.858.229	5.831.560.254
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.511.811.250.506</b>	<b>1.029.391.548.616</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	977.387.947.637	45.250.000.000
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.15	1.136.529.199.954	701.640.095.239
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	395.750.000.000	280.000.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.144.102.895	2.501.453.377



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.624.527.617.907</b>	<b>1.407.711.574.154</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>1.624.527.617.907</b>	<b>1.407.711.574.154</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		765.691.285	770.650.692
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		484.644.120	491.981.654
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		133.656.038.624	(10.511.948.317)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.238.219.011	2.215.231.883
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		114.417.819.613	(12.727.180.200)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		409.728.643.878	337.068.290.125
<b>H Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.254.644.747.527</b>	<b>5.320.625.790.677</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Đại diện pháp luật

Nguyễn Hồ Nam

SỐ 17/20  
CÔNG TY  
CƠ SỞ  
TÀI CHÍNH  
KIỂM TRA  
HÀ NAM  
TP. HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.575.879.320.250	1.114.094.273.491
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	773.279.397
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.575.879.320.250	1.113.320.994.094
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.296.835.969.473	881.947.146.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		279.043.350.777	231.373.847.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	327.474.585.666	208.628.320.184
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	185.468.325.232	224.878.059.174
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		176.139.970.926	169.643.124.063
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		15.980.445.945	(3.807.773.282)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	71.375.466.552	64.443.731.118
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	176.125.224.111	105.831.576.188
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		189.529.366.493	41.041.028.277
12. Thu nhập khác	31	VI.07	8.998.123.436	4.373.293.319
13. Chi phí khác	32	VI.08	6.193.039.189	9.812.196.871
14. Lợi nhuận khác	40		2.805.084.247	(5.438.903.552)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		192.334.450.740	35.602.124.725
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	52.169.972.981	24.633.303.947
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(357.350.482)	(357.350.482)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		140.521.828.241	11.326.171.260
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		114.417.819.613	(15.840.892.714)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.104.008.628	27.167.063.975
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.059	(147)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.059	(147)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2020

Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>192.334.450.740</b>	<b>35.602.124.725</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		28.500.881.011	24.475.926.352
- Các khoản dự phòng	03		27.750.491.577	705.423.539
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(45.046.916)	123.073.021
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(318.798.955.135)	(101.983.414.614)
- Chi phí lãi vay	06		176.139.970.926	169.670.124.063
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>105.881.792.203</b>	<b>128.593.257.086</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.327.729.856.481)	(997.190.533.695)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(451.682.333.796)	55.010.819.451
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		989.289.554.531	(178.220.833.358)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(137.622.983.612)	8.970.247.909
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(5.890.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(107.311.911.619)	(89.702.575.391)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.773.849.830)	(18.934.797.178)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	35.416.513.168
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.454.859.852)	(19.055.077.158)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(969.404.448.456)</b>	<b>(1.081.002.979.166)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(52.772.801.142)	(60.062.820.567)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		5.732.959.999	28.743.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(126.080.000.000)	(4.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	52.130.638.889
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.111.108.858.119)	(752.173.179.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.439.106.556.708	554.678.206.435
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.881.231.054	43.217.447.724
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>182.259.108.500</b>	<b>(138.366.070.155)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.605.240.000	194.428.750.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.524.172.190.640	2.198.456.222.049
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(649.735.505.613)	(1.272.242.304.148)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(1.606.021.455)	(611.017.308)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.769.161.981)	(15.044.067.223)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>863.666.741.591</b>	<b>1.104.987.583.370</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>76.521.401.635</b>	<b>(114.381.465.951)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>73.644.944.553</b>	<b>188.005.403.341</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		45.046.916	21.007.163
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>150.211.393.104</b>	<b>73.644.944.553</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2020

Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2019

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 18 ngày 30/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.080.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2019: 1.080.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi ma điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su thô côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi ma điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

## 5. Cấu trúc Công ty và các Công ty con

Tại ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 11 (mười một) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 07 (bảy) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

Tổng số các Công ty con:	16	Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	16	Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	-	Công ty

## a. Danh sách các Công ty con hợp nhất trong báo cáo

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, TX An Nhơn, Bình Định
Công ty Cổ phần BCG Land	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khởi 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

## b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX Sông Cầu, Phú Yên
Công ty TNHH Liên Doanh Khai Thác Chế Biến VLXD An Giung	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Trị Tôn, Tỉnh An Giang
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Du Lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu Phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Bình Định.
Công ty Cổ phần SXKD Phân Bón Vinacafe	D9-D10 Cụm Công nghiệp Ea Dar, xã Ea Dar, Huyện Ea Kar, Đắk Lắk.
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4 Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, KP4, TT Châu Thành, H. Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Lầu 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

c. Danh sách Công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo này theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bông Dương	31 Đường số 10, ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Long An
Công ty Taxi Việt Nam (VinaTaxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bông Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, xã Long Thạnh, Huyện Bến Lức Long An
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Báp	Côn Báp, P Cẩm Giang, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Công ty Cổ phần Tracodi Land	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM



## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân giao quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi đồng cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng khoản đầu tư nắm giữ:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán, nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuế tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04 - 25
- TSCĐ vô hình	02 - 50

**6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

**7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ tăng lợi chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí trong ứng với phần chênh lệch.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.



Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phân ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phân ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lỗ do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



#### **14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho mua hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái...





**17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác ...

**18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**20. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất****a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua.
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ;

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

**b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Khi xác định giá trị phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối kỳ phải loại trừ ảnh hưởng của:

- Cổ tức ưu đãi phải trả;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích lập trong kỳ.

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

**c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con**

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trung nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

*- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác*

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

**e. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phần bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm dần giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP****I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	42.830.997.759	3.207.560.417
- Tiền gửi ngân hàng	68.753.420.217	41.883.531.846
Tiền gửi VND	64.266.801.730	38.982.999.701
Tiền gửi ngoại tệ	4.486.618.487	2.900.532.145
- Tiền đang chuyển	206.975.128	253.852.290
- Các khoản tương đương tiền (*)	38.420.000.000	28.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>150.211.393.104</b>	<b>73.644.944.553</b>

**Ghi chú:**

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con. Trong đó có 28.420.000.000 đồng đã được thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem mục V.15. thuyết minh báo cáo tài chính này).

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>644.005.198.259</b>	<b>477.646.990.238</b>
- Dragon Lane Investment Holding Limited	10.168.400.000	22.687.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	13.102.010.339	12.011.134.242
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid	104.967.831.792	-
- Công ty Cổ phần Hibiscus	1.112.956.369	-
- Công ty Cổ phần MGM HANBIT	3.979.456.945	1.033.281.172
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (Vinapaco)	10.451.263.522	10.451.263.522
- Công ty TNHH ĐT XD TM Bàng Dương	-	16.426.345.611
- Công ty TNHH Thăng Phương	-	480.771.979
- Công ty Cổ phần HCM Loti 68	-	30.589.478.963
- Trần Thị Tường Vân	273.281.625	7.053.281.625
- Nguyễn Thị Ngọc Giàu	9.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Green Solution	-	18.607.347.778
- Công ty TNHH Fujisan	48.297.080.000	64.642.080.000
- Công ty TNHH TM DV Báo Minh Tiến	7.932.732.500	7.932.732.500
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Á Châu Bình Định	6.776.635.178	6.776.635.178
- Công ty Cổ phần Phát triển Lộc Phát	3.907.219.870	26.977.119.055
- Công ty TNHH Phú Sơn	4.450.808.560	3.483.640.310
- Công ty TNHH XS DV Hiệp Hưng	-	1.167.060.565
- Công ty Cổ phần TM XNK Goodlife	-	1.690.960.291
- Direct Global Trade Corp	14.475.650.600	9.050.821.321
- Công ty TNHH Atlantouk CM	1.200.560.499	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Bê tông Việt Nam	1.349.250.000	-
- Công ty Cổ phần XD và TM Hoàng Phát	4.146.461.989	4.857.739.446

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Interbuild Far East (HK) Ltd	2.189.965.997	2.297.981.278
- VB Phương Chi	-	91.810.000.000
- Cổ Văn Điền	-	1.000.000.000
- Phạm Thị Ngọc Thanh	-	7.280.000.000
- Công ty Cổ phần Hibiscus	-	27.640.634.639
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Khách Thủy	3.351.562.732	10.338.804.320
- Công ty Cổ Phần Tracodi Power	166.969.336	-
- Công ty TNHH MTV Nam Địa Tân - HCM	2.935.641.790	2.935.641.790
- Công ty TNHH MTV Đạo Thành Hưng	2.402.443.670	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Lê Thanh	3.999.283.780	3.999.283.780
- Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới	2.402.443.670	876.731.970
- Công ty TNHH TM Xây dựng ADC	1.828.334.310	2.067.550.990
- Công ty Cổ phần Xây Lắp An Giang	7.989.080	991.171.060
- Công ty TNHH Xây Dựng Cầu Đường An Giang	64.072.250	2.199.502.398
- Công ty TNHH TMDV VLXD Thiên Thiên Phúc	23.188.550	5.339.053.860
- Công ty Cổ phần Hoàng An	-	1.353.808.850
- Công ty Cổ phần TV ĐT&XD Việt Nam	211.940	3.508.994.080
- Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ	-	989.313.600
- Công ty TNHH Hiệp Thành	-	1.287.347.050
- Công ty TNHH Trương Thăng	28.932.650	1.165.503.240
- DNTN Thương mại Phan Thông	-	1.739.619.070
- Công ty TNHH Chứa Sĩ	165.000.180	785.537.800
- CN Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	-	769.446.890
- Công ty TNHH XD Vạn Thành	-	5.339.053.860
- Cty TNHH TMDV VLXD Thiên Thiên Phúc	23.188.550	1.882.693.538
- Công ty TNHH Tư vấn TK&XD Quang Phong	13.191.410	4.099.400.690
- Công ty TNHH TV và Bê Tông Cường Thịnh	-	2.886.753.160
- Công ty TNHH TMDV VLXD Phát Trường Thịnh	1.327.200	-
- CN Công ty TNHH MTVXLAG-XNSXBT và Gạch Không Nung	2.304.368.660	-
- Ngô Tùng Phương Trúc	19.562.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương Mại Vũ Tuấn	40.294.139.792	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bảo Sinh	31.633.729.874	-
- Công ty Cổ phần Plus Investment	2.478.943.284	-
- Hanwha Engineering & Construction Corp	210.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	72.626.579.766	47.144.468.567

**b. Phải thu khách hàng dài hạn**

-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

**3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>249.924.046.971</b>	<b>220.924.527.858</b>
+ Công Ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ Orchid	98.375.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	3.031.884.732	3.031.884.732
- Kiều Thị Quang Vinh	-	21.000.000.000
- Công ty Cổ phần XD và TM Hoàng Phát	-	1.167.664.231
- Công ty Cổ phần MGM Haobit	-	47.798.400.800
- Công ty Cổ phần HCM Lot 68	-	31.573.606.019
- Công ty Cổ phần Hibiscus	-	52.198.487.225
- Công ty Cổ phần Green Solution	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư XD TNCons Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
- Indoba GmbH	7.878.900.000	-
- Công ty Cổ phần 3N Construction	17.549.385.431	-
- Phạm Như Quỳnh	18.718.759.652	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy	8.000.000.000	16.182.125.993
- Phạm Thị Ngọc Thanh	15.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM DV Minh Phước	1.048.803.000	1.048.803.000
- Công ty TNHH SX TM Tân Nam Bình	-	2.737.990.780
- Công ty Cổ phần Thăng Phương	-	3.197.105.760
- CN Công ty TNHH Đại Cát Lâm Gia Lai	-	3.100.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Và Dịch vụ Helios	-	2.033.291.223
- Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Hiệp Hưng	-	2.721.438.415
- Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Thị Xã Điện Bàn	3.761.824.000	-
- Đối tượng khác	16.559.490.156	23.133.729.680
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị hợp lý	Dư phòng
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>6.841.748.890</b>	<b>6.841.748.890</b>	-	<b>6.841.748.890</b>	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	6.841.748.890	6.841.748.890	-	6.841.748.890	-
+ Công ty CP Đào hiếm Dầu Khí	853.200	853.200	-	853.200	-
+ Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	53.000.000	53.000.000	-	53.000.000	-
+ Công ty CP Dược phẩm TP. VDIPHA	445.939.200	445.939.200	-	445.939.200	-
+ Công ty CP Cơ Khí An Giang	451.655.840	451.655.840	-	451.655.840	-
+ Công ty CP Viễn Liên	257.400	257.400	-	257.400	-
+ Công ty CP Vật tư kỹ thuật Cần Thơ	43.250	43.250	-	43.250	-
+ Công ty CP Phú Tam Khởi	5.890.000.000	5.890.000.000	-	5.890.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.841.748.890</b>	<b>6.841.748.890</b>	-	<b>6.841.748.890</b>	-

## b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b.1. Nguồn hạn</b>	<b>29.180.000.000</b>	<b>29.180.000.000</b>	<b>8.980.000.000</b>	<b>8.980.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn BIDV - CN Đà Nẵng	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV	5.100.000.000	5.100.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Agribank	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng OCB	13.500.000.000	13.500.000.000	-	-
<b>b.2. Đại hạn</b>	<b>103.550.000.000</b>	<b>103.550.000.000</b>	<b>1.170.000.000</b>	<b>1.170.000.000</b>
- Trái phiếu BIDV	380.000.000	380.000.000	-	-
- Trái phiếu BIDV	1.170.000.000	1.170.000.000	1.170.000.000	1.170.000.000
- Trái phiếu Helios	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
- Trái phiếu BIDV	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>132.730.000.000</b>	<b>132.730.000.000</b>	<b>10.150.000.000</b>	<b>10.150.000.000</b>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng của Công ty CP Bamboo Capital và các Công ty con. Trung đó có 14.080.000.000 đồng đã được thế chấp khoản vay tại các ngân hàng (xem mục V.15 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Là khoản đầu tư mua trái phiếu của Công ty mẹ - BCG do ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành, số lượng 117 trái phiếu, mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 7 năm từ ngày 17/12/2018.

(3) Là khoản đầu tư mua Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và Dịch Vụ Helios với giá trị 100 tỷ Theo NQ Số 47/2019/NQ-TTHDQT-JCD ngày 27/06/2019. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm. Lãi suất đầu tiên 8,5%/năm.

(4) Là khoản đầu tư mua Trái phiếu của NH BIDV với giá trị 2 tỷ. Kỳ hạn 7 năm. Lãi suất đầu tiên 8,2%/năm

	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Số đầu năm	
						Số cuối năm	Dự phòng
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>							
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.238.561.974.807	1.257.699.831.492	-	849.513.407.875	847.039.504.332		
+ Công ty CP Axaxino Highland Agriculture	1.101.000.000	595.461.414	-	1.104.000.000	597.000.619		
+ Công ty TNHH B.O.T DTS10	126.420.000.000	74.767.610.365	-	103.200.000.000	103.200.000.000		
+ Công ty CP Năng lượng BCG Bằng Dương	136.500.000.000	160.621.061.460	-	136.500.000.000	136.500.000.000		
+ Công ty Taxi Việt Nam	34.256.228.875	36.815.391.511	-	34.256.228.875	36.234.553.247		
+ Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Cà phê Đà Lạt	-	-	-	24.869.671.000	19.472.002.640		
+ Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	310.325.845.932	310.325.845.932	-	279.297.608.000	279.297.608.000		
+ Công ty TNHH Sifylight Power	24.529.900.000	23.504.016.479	-	3.285.900.000	4.971.893.749		
+ Công ty CP Hamhwa BCG Bằng Dương	255.000.000.000	300.644.444.330	-	255.000.000.000	255.000.000.000		
+ Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	61.790.000.000	61.790.000.000	-	-	-		
+ Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cẩm Bông	285.000.000.000	285.000.000.000	-	-	-		
+ Công ty CP Tracost Land	3.636.000.000	3.636.000.000	-	-	-		





**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị gốc
				Giá trị hợp lý
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- Đầu tư vào các đơn vị khác	1.419.156.293	1.419.156.293	-	33.754.156.293
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
+ Công ty CP Tracodi Sáng Đà	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
+ Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	-	-	-	9.525.000.000
+ Công ty CP HCM Lot 68	-	-	-	14.400.000.000
+ Công ty CP Thăng Phước	-	-	-	9.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DY Dầu Mỏ VN	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360
+ Công ty Cổ Tracodi Power	590.000.000	590.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.239.981.131.100</b>	<b>1.259.118.987.785</b>	<b>-</b>	<b>883.267.564.168</b>
				<b>880.793.660.625</b>



## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
- Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà (1)	3.500.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH TV TK và XD Quang Phong (2)	3.000.000.000	-
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

**Ghi chú:**

(1) Là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 05/2016/HĐVV-DCG-KSBH ngày 15/08/2016 và phụ lục, thời hạn cho vay đến ngày 31/12/2019.

(2) Theo Hợp đồng vay vốn số 2708/2019/HĐVV ngày 27/08/2019, số tiền vay 3 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, lãi suất 11.5%/năm.

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>348.568.691.008</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>949.859.909.673</b>	<b>(4.885.924.318)</b>
chia	18.048.346	-	-	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	629.645.329	-	-	-
- Tạm ứng	95.279.445.786	(104.717.650)	571.739.094.540	(3.085.924.318)
+ Trần Thị Kiều Tiên	6.475.082.192	-	427.740.000.000	-
+ Phạm Đăng Khoa	1.373.000.000	-	-	-
+ Trần Thị Tường Vân	12.767.896.721	-	6.616.536.169	-
+ Phạm Như Quỳnh	17.466.927.796	-	20.000.000	-
+ Đối tượng khác	57.194.539.077	(104.717.650)	137.362.538.371	(3.085.924.318)
- Ký cược, ký quỹ	17.654.121.986	(1.800.000.000)	2.208.419.834	(1.800.000.000)
+ Khác	17.654.121.986	-	2.208.419.834	-
- Phải thu khác	<b>234.987.429.561</b>	-	<b>375.912.395.299</b>	-
+ Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	-	-	52.200.000.000	-
+ Công ty CP Viet Golden Farm	-	-	63.621.040.044	-
+ Công ty TNHH ĐT XD Bông	-	-	26.242.640.583	-
+ Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	2.199.867.556	-	127.777.778	-
+ Công ty CP Dịch vụ Chí Thủy	1.794.267.760	-	78.827.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios (1)	22.125.989.693	-	12.955.000.000	-
+ Công ty CP Green Solution	2.458.341.666	-	2.458.341.666	-
+ INDOBA GMBH	6.618.096.110	-	4.250.639.060	-
+ Công ty CP Plus Investment (2)	20.022.719.801	-	112.210.944	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh (3)	50.400.000.000	-	-	-
+ Đỗ Phương Mai	10.000.000.000	-	-	-
+ Trần Văn Long (4)	30.050.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Ngọc Trần (4)	25.000.000.000	-	-	-
+ Kiều Chí Thành (4)	45.000.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	19.318.146.973	-	135.117.743.222	-

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>A. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>2.755.475.628.857</b>	-	<b>1.017.813.981.430</b>	-
- Phải thu khác	2.755.475.628.857	-	1.017.813.981.430	-
+ Công ty CP Green Solution	(5) 192.747.590.028	-	45.747.590.028	-
+ Công ty CP Plus Investment (Công ty CP Tracodi Invest)	(6) 289.677.248.267	-	365.200.710.060	-
+ Công Ty Cổ Phần HCM Lott 68	(7) 330.000.000.000	-	-	-
+ Công Ty Cổ Phần Tracodi Land	(8) 470.000.000.000	-	-	-
+ Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Dịch Vụ Orchid	(9) 280.000.000.000	-	-	-
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh	-	-	254.652.000.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	(10) 172.930.270.000	-	102.700.000.000	-
+ Trương Hoàng Vinh	(11) 196.538.000.000	-	1.000.000.000	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	89.400.000.000	-	72.853.000.000	-
+ Đỗ Phương Mai	(12) 149.060.000.000	-	119.500.000.000	-
+ Đối tượng khác	579.759.055.875	-	50.000.000.000	-
- Kỹ cược, ký quỹ	5.363.464.687	-	6.160.681.342	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.104.044.319.865</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>1.967.673.891.103</b>	<b>(4.885.924.318)</b>

Ghi chú:

(1) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty con Tracodi và Công ty CP Hellox, thời hạn 3 năm, lợi nhuận cố định 9,95%/năm.

(2) Là khoản lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác chủ thích tại mục (6)

(3) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh có thời hạn 3 năm giữa Công ty CP BCG Energy và bà Nguyễn Thị Quỳnh. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(4) Công ty TNHH Dịch vụ Du Lịch Casa Marina tham ứng thực hiện Dự án Casa mở rộng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(5) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thời hạn 3 năm với Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Green Solution. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(6) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi) và Công ty CP Plus Investment (Tracodi Invest). Theo đó, Tracodi đồng ý góp vốn hợp tác đầu tư với Plus Investment với số tiền không vượt quá 400 tỷ đồng, thời gian hợp tác không quá 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(7) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP BCG Land và Công Ty Cổ Phần HCM Lott 68. Số tiền hợp tác kinh doanh 330 tỷ đồng. Thời gian hợp tác 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(8) Khoản ứng trước theo hợp đồng dịch vụ bồi thường và đền bù quyền sử dụng đất giữa Công ty CP BCG Land và Công Ty Cổ Phần Tracodi Land. Số tiền ứng trước theo hợp đồng là 470 tỷ đồng. Thời gian thực hiện hợp đồng 36 tháng kể từ ngày chuyển tiền tạm ứng.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

(9) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty TNHH Pegas và Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Dịch Vụ Orchid. Số tiền hợp tác kinh doanh là 330 tỷ. Thời gian hợp tác 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(10) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas và Bà Phạm Thị Ngọc Thanh. Số tiền hợp tác kinh doanh 110.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(11) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas và Ông Trương Hoàng Vinh. Số tiền hợp tác đầu tư 93.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

(12) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Bà Đỗ Phương Mai. Thời gian hợp tác 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận được xác định căn cứ vào kết quả hoạt động của dự án.

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa qua hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	90.921.229.532	(52.811.955.675)	30.457.068.716	(24.984.710.898)
Trong đó:				
+ Phải thu khách hàng	89.016.311.882	(50.997.238.925)	24.046.870.649	(19.310.356.229)
+ Tạm ứng	104.717.650	(104.717.650)	3.085.924.318	(3.085.924.318)
+ Kỳ quỹ	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.300.000.000)
+ Trả trước người bán	-	-	1.524.273.749	(788.430.351)
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.921.229.532</b>	<b>(52.811.955.675)</b>	<b>30.457.068.716</b>	<b>(24.984.710.898)</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	54.804.210.209	(76.753.200)	50.514.806.983	(76.753.200)
- Công cụ, dụng cụ	588.385.013	-	218.507.287	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	700.911.769.281	-	10.496.700.764	-
- Thành phẩm	76.703.927.051	-	55.287.598.641	-
- Hàng hóa	8.778.163.555	-	63.449.537.656	-
- Hàng hóa gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>841.786.455.109</b>	<b>(76.753.200)</b>	<b>179.967.151.331</b>	<b>(76.753.200)</b>

Ghi chú:

(\*) Trong đó có 688.434.829.412 đồng là chi phí đầu tư dự án Malibu Hội An theo Quyết định 2533/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 Khu Nghỉ mát dịch vụ và du lịch tại Xã Điện Dương huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam do Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư. Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất thuộc dự án này đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á (xem thuyết minh V.15).

## 9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

## a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn

## b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản dở dang	16.297.836.735	213.085.973.384
+ Dự án XD/CB dở dang tại Casa Marina Resort	3.939.430.107	1.726.060.164
+ Dự án Đầu tư mở rộng mặt bằng nhà xưởng sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu tại Nguyễn Hoàng	10.682.254.947	-
+ Dự án XD/CB dở dang tại Antraco	1.676.151.681	1.222.943.238
+ Dự án XD/CB dở dang tại Hội An	-	210.136.969.982
+ Dự án Nhà máy Tapiotek	-	-
+ Khác	-	-
- Mua sắm TSCĐ	-	-
- Mua phần mềm	535.500.000	862.772.729
- Khác	753.842.500	451.484.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.587.179.235</b>	<b>214.400.230.612</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà của vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu kỳ	168.126.928.897	144.848.297.077	29.350.423.840	5.543.842.028	107.635.714	347.976.127.556
2. Số tăng trong kỳ	16.386.720.176	72.718.657.319	14.394.728.183	36.990.000	-	103.537.005.678
- Mua trong kỳ	-	2.090.029.318	13.529.028.183	36.990.000	-	15.655.957.501
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	16.313.957.176	70.628.628.601	865.709.000	-	-	87.808.285.177
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	72.763.000	-	-	-	-	72.763.000
3. Số giảm trong kỳ	-	3.293.319.310	4.735.952.520	233.444.756	-	8.262.716.586
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.293.319.310	4.735.952.520	127.058.392	-	8.156.330.222
- Giảm khác	-	-	-	106.386.364	-	106.386.364
4. Số dư cuối kỳ	184.513.649.073	214.273.635.086	39.009.199.503	5.346.297.272	107.635.714	443.250.416.648
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ	22.529.025.384	87.312.106.754	13.727.084.382	2.942.069.178	107.635.714	126.617.921.412
2. Khấu hao trong kỳ	3.294.111.962	18.797.213.639	4.918.284.187	383.202.683	-	27.392.812.471
- Khấu hao tăng trong kỳ	3.294.111.962	18.797.213.639	4.918.284.187	383.202.683	-	27.392.812.471
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	2.333.809.624	3.894.870.392	129.820.521	-	6.358.500.537
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.333.809.624	3.894.870.392	86.401.825	-	6.315.081.841
- Giảm khác	-	-	-	43.418.696	-	43.418.696
4. Số dư cuối kỳ	25.823.137.346	103.775.510.769	14.750.498.177	3.195.451.340	107.635.714	147.652.233.346
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	145.597.903.513	57.536.190.323	15.623.339.458	2.600.772.850	-	221.358.206.144
2. Tại ngày cuối kỳ	158.690.511.727	110.498.124.317	24.258.701.326	2.150.845.932	-	295.598.183.302

**Giải thích:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay nợ.  
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

188.799.103.591 VND.  
 56.795.184.604 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tín, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính</b>					
1. Số dư đầu kỳ	-	4.253.720.603	-	-	4.253.720.603
2. Số tăng trong kỳ	-	1.732.347.609	-	-	1.732.347.609
- Thuế TSCĐ tài chính trong kỳ	-	1.732.347.609	-	-	1.732.347.609
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Trá lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	5.986.068.212	-	-	5.986.068.212
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu kỳ	-	118.158.904	-	-	118.158.904
2. Khấu hao trong kỳ	-	930.373.826	-	-	930.373.826
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	930.373.826	-	-	930.373.826
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Trá lại TSCĐ thuế tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	1.048.532.730	-	-	1.048.532.730
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuế tài chính</b>					
1. Tại ngày đầu kỳ	-	4.135.561.699	-	-	4.135.561.699
2. Tại ngày cuối kỳ	-	4.937.535.482	-	-	4.937.535.482



**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1. Số dư đầu kỳ	513.520.000	-	-	570.871.500	1.084.391.500
2. Số tăng trong kỳ	9.045.000.000	-	-	800.000.000	9.845.000.000
- Mua trong kỳ	9.045.000.000	-	-	800.000.000	9.845.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	179.622.500	179.622.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	179.622.500	179.622.500
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	9.558.520.000	-	-	1.191.249.000	10.749.769.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu kỳ	15.237.783	-	-	388.983.045	404.220.828
2. Khấu hao trong kỳ	12.167.272	-	-	165.527.442	177.694.714
- Khấu hao tăng trong kỳ	12.167.272	-	-	165.527.442	177.694.714
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	179.622.500	179.622.500
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	179.622.500	179.622.500
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	27.405.055	-	-	374.887.987	402.293.042
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
1. Tại ngày đầu kỳ	498.282.217	-	-	181.888.455	680.170.672
2. Tại ngày cuối kỳ	9.531.114.945	-	-	816.361.013	10.347.475.958

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

2.252.824.894 VND  
 - VND





	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>		
<b>a. Ngân hàng</b>		
- Chi phí trả trước thuế hoạt động, TSCĐ		
- Chi phí CCDC xuất dùng	10.216.668.918	12.507.270.385
- NVL xuất dùng	-	-
- Chi phí đi vay	-	-
- Chi phí khác	14.976.261.589	14.675.597.981
	<b>179.463.643.222</b>	<b>38.950.721.751</b>
<b>b. Đối tượng</b>		
- Chi phí lợi thế thương mại chờ phân bổ	13.875.595.804	16.264.552.046
- Chi phí CCDC xuất dùng	2.974.696.326	4.324.774.750
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	4.576.251.891	7.144.608.102
- Chi phí hoa hồng môi giới dự án bất động sản Malibu chờ phân bổ	92.610.624.612	-
- Chi phí nhân viên dự án Malibu	5.863.412.613	-
- Chi phí voucher, tặng thưởng của dự án Malibu chờ phân bổ	17.576.326.378	-
- Chi phí khác	41.986.735.598	11.216.786.853
	<b>203.756.573.729</b>	<b>66.133.590.117</b>
	<b>Tổng cộng</b>	



## 14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	7.658 m2 Khu đất A20 Võ Văn Kiệt, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng	3.829 m2 Khu đất A20 Võ Văn Kiệt, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, TP.Đà Nẵng	Tổng cộng
<b>I. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>			
1. Nguyên giá	-	-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
3. Giá trị còn lại	-	-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá</b>			
1. Nguyên giá	-	-	-
- Số dư đầu kỳ	435.727.367.905	217.509.238.765	653.236.606.670
- Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Số giảm trong kỳ	435.727.367.905	217.509.238.765	653.236.606.670
- Số dư cuối kỳ	-	-	-
2. Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-
- Số dư đầu kỳ	-	-	-
- Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Số dư cuối kỳ	-	-	-
3. Giá trị còn lại	-	-	-
- Số dư đầu kỳ	435.727.367.905	217.509.238.765	653.236.606.670
- Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Số giảm trong kỳ	435.727.367.905	217.509.238.765	653.236.606.670
- Số dư cuối kỳ	-	-	-

*Giải thích:* Giá trị Bất động sản đầu tư đầu năm là các khoản chi phí đầu tư vào quyền sử dụng đất ở Công ty Cổ phần Vipico (công ty con của BCG tại thời điểm đầu năm). Trong năm, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Vipico, theo đó số liệu này cũng được loại trừ khỏi báo cáo hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm			Phát sinh			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>923.240.938.438</b>	<b>923.240.938.438</b>	<b>1.601.744.083.937</b>	<b>1.279.552.529.080</b>	<b>1.245.432.497.295</b>	<b>1.245.432.497.295</b>		<b>1.245.432.497.295</b>
- <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>225.421.370.430</b>	<b>225.421.370.430</b>	<b>716.434.083.937</b>	<b>576.006.961.072</b>	<b>365.848.493.295</b>	<b>365.848.493.295</b>		<b>365.848.493.295</b>
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	13.842.460.712	13.842.460.712	28.182.660.739	33.048.624.243	8.976.497.208	8.976.497.208		8.976.497.208
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài - TK vay trung hạn (qy đổi từ USD - VND)	-	-	11.425.957.855	11.425.957.855	-	-		-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh	67.023.061.772	67.023.061.772	117.549.410.808	114.306.949.080	70.265.523.500	70.265.523.500		70.265.523.500
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình	-	-	50.226.381.828	29.410.825.000	20.815.556.828	20.815.556.828		20.815.556.828
+ NH TMCP TPBank HCM (USD)	-	-	1.141.940.366	1.141.940.366,00	-	-		-
+ NH TMCP Phương Đông HCM (USD)	-	-	7.426.177.566	-	7.426.177.566	7.426.177.566		7.426.177.566
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	5.613.636.409	5.613.636.409	12.963.324.197	13.077.960.606	5.499.000.000	5.499.000.000		5.499.000.000
Tài								
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thị trấn	20.000.000.000	20.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang	-	-	15.000.000.000	14.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa	15.613.137.295	15.613.137.295	34.226.560.000	37.952.032.297	11.887.664.998	11.887.664.998		11.887.664.998
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	59.852.485.000	59.852.485.000	130.000.000.000	59.852.485.000	130.000.000.000	130.000.000.000		130.000.000.000
+ HD Bank Chi nhánh Vạn Hạnh	-	-	5.726.000.000	5.726.000.000	-	-		-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	92.238.943.232	20.757.442.400	71.481.500.832	71.481.500.832		71.481.500.832
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa	23.329.555.788	23.329.555.788	42.446.854.561	47.279.837.986	18.496.572.363	18.496.572.363		18.496.572.363
Tài								
+ Ông Phạm Anh Tuấn	15.614.912.412	15.614.912.412	106.342.360.060	121.957.272.472	-	-		-
+ Công ty CP Chứng khoán Everest	4.021.952.704	4.021.952.704	20.537.512.725	24.559.465.429	-	-		-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Lạt	510.168.338	510.168.338	-	510.168.338	-	-		-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>696.952.004.000</b>	<b>696.952.004.000</b>	<b>885.310.004.000</b>	<b>702.678.004.000</b>	<b>879.584.004.000</b>	<b>879.584.004.000</b>
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	284.004.000	284.004.000	284.004.000	284.004.000	284.004.000	284.004.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
+ Trại phiêu BCG phát hành theo mệnh giá (23)	666.668.000.000	666.668.000.000	850.000.000.000	666.668.000.000	850.000.000.000	850.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trà Tôn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.800.000.000	1.000.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
+ Ngân hàng Nam Á - CN Đà Nẵng	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - CN Văn Hành	-	-	5.726.000.000	5.726.000.000	-	-
- <i>Nợ thuế tài chính đến hạn trả</i>	<b>867.564.008</b>	<b>867.564.008</b>	-	<b>867.564.008</b>	-	-
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sami Trust - CN TP.HCM	867.564.008	867.564.008	-	867.564.008	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>923.240.938.438</b>	<b>923.240.938.438</b>	<b>1.601.744.087.937</b>	<b>1.279.552.529.080</b>	<b>1.245.432.497.295</b>	<b>1.245.432.497.295</b>







**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (6) Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức giữa Công ty con - Công ty Tracodi và Ngân hàng TMCP Nam Á. Hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng, thời hạn vay hạn mức đến ngày 18/04/2020. Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (7) Đây là khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Tracodi; thời hạn vay 09 tháng; mục đích vay: Thu nhập tiền hàng.
- (8) Đây là khoản vay vốn lưu động của Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu, mục đích bổ sung vốn lưu động, báo lữnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vốn tài của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của các công ty tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu (xem mục V.01, V.04, V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (9) Đây là khoản vay của ông Phạm Anh Tuấn, tài sản đảm bảo là toàn bộ tiền và chứng khoán có trong tài khoản giao dịch chứng khoán của BCG tại Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SIS).
- (10) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Tracodi; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Tracodi và Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas để thực hiện Dự án Khu Nghỉ mát và Dịch vụ du lịch Muối.
- (11) Vay dài hạn của Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng thực hiện dự án Đầu tư mở rộng mặt bằng nhà xưởng sản xuất muối (xem mục V.01, V.04 và V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (12) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vật tài của BCG (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (13) Đây là khoản vay của BCG tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng; số tiền vay: 220 tỷ đồng; thời hạn vay 96 tháng.
- (14) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TPMP Tiên Phong của BCG, mục đích góp vốn hợp tác thực hiện "Dự án nâng cấp, mở rộng DTS30 và DTS34 tại cầu An Thuận đến thị trấn Đức Hòa tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT" theo hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOTS/HTHT ngày 18/12/2019; thời hạn vay 60 tháng.
- (15) Đây là khoản vay của Công ty TNHH Du Lịch Casa Martina Resort tại Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Phú Tài, thời hạn vay 36 tháng, số tiền vay 569 triệu đồng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này).



**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(16) Đây là khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký giám đốc số 1469/2018/468-CV ngày 01/11/2018 và các văn bản thỏa thuận của đối tác giữa Ngân hàng TMCP Nam Á và Công ty Cổng ty TNHH Infocentrum Hoi An Beach Villas, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay: đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ mát Malibu (theo mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(17) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay số 39/2018/HETD/TKKHDL MN/01 ngày 05/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Tracodi ; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Tracodi và Công ty TNHH Infocentrum Hoi An Beach Villas để thực hiện Dự án Khu Nghỉ mát và Dịch vụ du lịch Malibu. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư.

(18) Đây là khoản thuế Tài chính theo Hợp đồng số 21818090146/HDCCTC ngày 17/10/2018; Hợp đồng số 21818090151/HDCCTC ngày 22/10/2018; Hợp đồng số 21819000610/HDCCTC ngày 14/01/2019 và Hợp đồng số 21819000065/HDCCTC ngày 17/04/2019 giữa Công ty con - Công ty Tracodi và Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH BIDV SuMi-Trust - CN TP.HCM. Số tiền vay là : 6.538.713.034 đồng, thời hạn vay 03 năm từ ngày giải ngân.

(19) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay số 12394/19MN/HETD ngày 19/04/2019 giữa Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM ( HD Bank ) và Tracodi ; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: mua sắm phương tiện vận tải

(20) Trái phiếu phát hành của BCG theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài, giá trị 850 tỷ đồng.

(21) Trái phiếu phát hành của BCG theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; Lãi suất Trái phiếu 6%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

(22) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; Lãi suất Trái phiếu 11,58%/năm, kỳ hạn 02 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

(23) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài, giá trị 850 tỷ đồng; Lãi suất trái phiếu 11%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.





16. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Số đảo năm	Phát hành trong năm	Đảo hạn trái phiếu		Số cuối năm	Bên liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
<b>1</b>	<b>Kỳ hạn gốc (tháng)</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG	36				36	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy		36			36	
<b>2</b>	<b>Kỳ hạn còn lại (tháng)</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG	33,5				21,5	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy		36			32	
<b>3</b>	<b>Số lượng (trái phiếu)</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG	280				280	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy		1.157.500			1.157.500	
<b>4</b>	<b>Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG	1.000.000.000				1.000.000.000	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy		100.000			100.000	
<b>5</b>	<b>Lãi suất (%)</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG	0,5%				0,5%	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy		7%			7%	
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ chuyển đổi</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG						
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy						
<b>7</b>	<b>Lãi suất chiết khấu</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG						
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy						
<b>8</b>	<b>Nợ gốc trái phiếu</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG	280.000.000.000	115.750.000.000			395.750.000.000	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy	280.000.000.000				280.000.000.000	
			115.750.000.000			115.750.000.000	
<b>9</b>	<b>Quyền chọn chuyển đổi</b>						
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG						
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy						



**16. TRÁI PHIEU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)**

Ghi chú:

(a) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu chuyển đổi cho các tổ chức, cá nhân trong nước của Công ty Cổ phần Bamboo Capital; Lãi suất trái phiếu 0,5%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày đảo hạn toàn bộ hoặc một phần, tại ngày đảo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital, giá chuyển đổi dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu.

(b) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu chuyển đổi cho các tổ chức nước ngoài của Công ty con là Công ty Cổ phần BCG Energy; Lãi suất trái phiếu 7%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu toàn bộ số hạng Trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty CP BCG Energy; giá chuyển đổi dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu.

## 17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÀN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngân hàng</b>	<b>426.043.797.807</b>	<b>426.043.797.807</b>	<b>688.193.217.159</b>	<b>688.193.217.159</b>
- Công ty TNHH Bất Động Sản Era Việt Nam	10.042.995.266	10.042.995.266	-	-
- Công ty CP TVQL Chất Lượng Đầu Tiên	2.133.542.400	2.133.542.400	-	-
- Công ty Cổ Phần Realplus	1.450.108.955	1.450.108.955	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Lộc Phát	4.241.717.972	4.241.717.972	2.228.853.000	2.228.853.000
- Công ty CP Đầu Tư và Dịch Vụ Helios	2.569.558.499	2.569.558.499	52.790.000.000	52.790.000.000
- Công ty CP ĐT & XL Chương Dương	2.198.969.531	2.198.969.531	2.198.969.531	2.198.969.531
- Công ty TNHH Thành An	-	-	23.635.647.869	23.635.647.869
- Công ty TNHH Đông Phong	1.085.369.296	1.085.369.296	7.130.897.700	7.130.897.700
- Công ty TNHH TV TK và XD Quang Phong	2.533.151.353	2.533.151.353	28.794.828.998	28.794.828.998
- Công ty TNHH MTV Tân Trâm	5.366.140.470	5.366.140.470	5.366.140.470	5.366.140.470
- Công ty TNHH Xây Dựng Fico - Corea	547.651.122	547.651.122	547.651.122	547.651.122
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Lê Huỳnh	-	-	7.654.526.600	7.654.526.600
- Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế VÀ XD Lê Gia 19LG	3.232.713.400	3.232.713.400	3.232.713.400	3.232.713.400
- Công ty TNHH TM & DV Huỳnh Gia Cát	6.091.842.062	6.091.842.062	6.316.292.030	6.316.292.030
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Ricovis	86.650.694.086	86.650.694.086	24.244.433.116	24.244.433.116
- Công ty TNHH ĐT - XD - TM Băng Dương	1.344.504.000	1.344.504.000	58.566.494.500	58.566.494.500
- Công ty TNHH Fujisan	-	-	9.172.385.700	9.172.385.700
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Đặng Thiên	7.401.356.050	7.401.356.050	7.401.356.050	7.401.356.050
- Công ty CP 3N Construction	-	-	16.479.221.146	16.479.221.146
- Công ty CP HIBISCUS	6.526.097.041	6.526.097.041	1.183.008.339	1.183.008.339
- Công ty CP Chi Thủy	2.148.743.520	2.148.743.520	-	-
- Công ty TNHH Mai Tiến Thành	75.569.786.874	75.569.786.874	-	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Phố Đông	13.382.344.613	13.382.344.613	-	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phan Vũ	35.796.170.000	35.796.170.000	-	-
- Công ty CP MD Việt Nam	2.992.257.514	2.992.257.514	2.992.257.514	2.992.257.514
- Công ty CP XD và ĐT Khai thác Khoáng sản Thăng Long	1.516.458.562	1.516.458.562	1.516.458.562	1.516.458.562
- DNTN Minh Dung Bình Định	-	-	1.322.334.808	1.322.334.808
- Công ty TNHH SX KD XNK Hoàng Long	-	-	1.063.393.308	1.063.393.308
- Công ty TNHH TM DV Đại Lợi Nhất	-	-	1.242.571.926	1.242.571.926
- Vũ Phương Chi	15.295.021.000	15.295.021.000	-	-
- Lê Thị Mai Loan	-	-	33.000.000.000	33.000.000.000
- Trần Thị Kiều Tiên	15.230.000.000	15.230.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	2.881.000.000	2.881.000.000	110.706.000.000	110.706.000.000
- Hồ Thị Thủy Dung	319.000.000	319.000.000	190.000.000.000	190.000.000.000
- Kiều Thị Quang Vinh	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
- Công Ty CP Phú Tài	-	-	1.288.218.567	1.288.218.567

## 17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công Ty Cổ Phần Viet Golden Farm	20.290.000.000	20.290.000.000	-	-
- Công ty CP HCM Lot 68	5.860.116.319	5.860.116.319	349.726.819	349.726.819
- Công Ty CP Thành Vũ Tây Ninh	10.765.544.957	10.765.544.957	-	-
- Công ty TNHH Hương Phát	2.140.421.567	2.140.421.567	-	-
- Cơ sở KD Vận tải Ngọc Thảo	2.053.628.100	2.053.628.100	4.153.172.800	4.153.172.800
- Từ Kim Huyền	1.145.141.500	1.145.141.500	4.466.648.100	4.466.648.100
- Cơ sở SXKD TMDV Quốc Dũng	-	-	-	-
- Công ty CP TMDV Phi Châu	11.218.149.261	11.218.149.261	10.129.641.987	10.129.641.987
- Huỳnh Phúc Lộc	-	-	2.337.555.000	2.337.555.000
- Công ty TNHH MTV Quách Nguyễn Thông	-	-	2.279.291.700	2.279.291.700
- Công ty TNHH DV TM Tin Phúc	2.714.854.314	2.714.854.314	-	-
- HTX Vận tải Thủy bộ Núi Đai	2.988.930.677	2.988.930.677	4.185.239.890	4.185.239.890
- Công ty TNHH Đại Phú Đạt	-	-	2.219.800.000	2.219.800.000
- Các đối tượng khác	34.319.817.526	34.319.817.526	45.997.486.607	45.997.486.607
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>426.043.797.807</b>	<b>426.043.797.807</b>	<b>688.193.217.159</b>	<b>688.193.217.159</b>

## c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

## d. Phải trả người bán là các bên liên quan

- Nguyễn Thanh Hùng	2.881.000.000	2.881.000.000	110.706.000.000	106.706.000.000
---------------------	---------------	---------------	-----------------	-----------------

## 18. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>748.047.370.394</b>	<b>502.484.166.134</b>		
- Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	87.575.352.999	208.638.916.060		
- Công ty TNHH MTV Vipico	10.000.000.000	-		
- Công ty CP Năng Lượng BCG Băng Dương	-	-		112.045.285.773
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	145.000.000.000	145.000.000.000		145.000.000.000
- Đối tượng khác	(*)	505.472.017.395		36.799.964.301

## b. Người mua trả tiền trước dài hạn

## Ghi chú:

(\*) Trong đó có 497.833.282.530 đồng là khoản người mua trả tiền theo tiến độ hợp đồng Dự án Malibu Hội An.

## 19. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>58.367.092.739</b>	<b>132.422.720.274</b>	<b>76.436.526.804</b>	<b>114.368.286.229</b>
Thuế giá trị gia tăng	15.650.160.866	26.191.464.386	22.714.453.638	19.127.171.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.348.627.864	52.169.972.981	25.759.407.612	51.759.193.233
Thuế thu nhập cá nhân	2.252.349.345	5.434.930.378	5.047.867.089	2.639.412.634
Thuế tài nguyên	10.891.476.721	32.112.844.321	12.487.613.104	30.516.707.938
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.120.826.680	549.240.590	1.589.438.620	80.628.650
Thuế khác	2.508.198.985	4.991.020.058	3.761.176.396	3.738.042.647
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	595.452.298	10.973.247.560	5.061.570.345	6.507.129.513
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Phát sinh giảm</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>b. Phải thu</b>	<b>1.061.845.771</b>	<b>24.752.023</b>	<b>5.025.190.207</b>	<b>6.062.283.953</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	5.014.442.218	5.014.442.218
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.637.989	7.637.989	-
Thuế khác	1.061.845.771	17.114.034	3.110.000	1.047.841.737

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngân hạn</b>	<b>209.453.968.175</b>	<b>127.530.211.768</b>
- Lãi vay, trái phiếu phải trả	185.734.622.755	80.836.800.356
- Trích trước chi phí phát hành trái phiếu	12.375.000.000	-
- Trích trước lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	28.684.689.583
- Tạm trích chi phí giữ vốn xây dựng	9.883.345.575	3.399.079.156
- Trích trước phải trả Công trình Núi Sam	-	1.775.130.790
- Chi phí phải trả khác	1.460.999.845	12.834.511.883
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>209.453.968.175</b>	<b>127.530.211.768</b>

## 21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngân hạn</b>	<b>357.244.467.810</b>	<b>568.791.644.142</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	195.790.133	454.682.392
- Kinh phí công đoàn	110.196.754	137.847.874
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	404.696.379	258.941.679
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	5.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	356.533.784.544	562.940.172.197
<b>Trong đó:</b>	-	-
+ Công ty Cổ Đầu Tư Dịch Vụ Orchid	(1) 60.000.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T Đ7830	1.550.000.000	1.300.000.000
+ Công nợ Đá NM Bột giấy Phương Nam	12.270.680.237	12.270.680.237
+ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC	3.213.038.810	3.213.038.810
+ Ông Mai Năm - CN Tracolli Đà Nẵng	4.438.383.992	7.942.347.376
+ Công ty CP TM Xây Dựng Phúc Bảo Minh	-	36.409.638.889
+ Công ty CP Cơ khí An Giang	15.122.844.090	23.678.839.576

## 21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Tập đoàn Cường Hưng Thịnh	-	15.000.000.000
+ Công ty CP Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	-	82.681.000.000
+ Công ty Cổ Phần MGM Hanbit	4.679.533.152	-
+ Nguyễn Tích Phương	15.905.620.000	19.207.230.597
+ Đỗ Phương Mai	-	45.989.580.000
+ Trần Thị Kiều Tiên	-	53.992.435.557
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh	1.544.300.000	60.132.000.000
+ Nguyễn Thị Hải	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Bùi Thành Lâm	4.111.996.000	16.663.613.827
+ Khác	228.697.388.263	179.459.567.328
<b>b. Dài hạn</b>	<b>977.387.947.657</b>	<b>45.250.000.000</b>
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-
- Nhân ký cược ký quỹ dài hạn	4.950.000.000	13.250.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	972.437.947.657	32.000.000.000
+ Công Ty Cổ Phần Sao Sáng Sài Gòn	6.724.358.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios	(2) 76.559.514.476	-
+ Công ty Cổ Phần MGM Hanbit	(3) 280.000.000.000	-
+ Công Ty CP DV Chí Thủy	(4) 470.000.000.000	-
+ Nguyễn Như Hương	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Vũ Phương Chi	(5) 32.960.470.000	-
+ Nguyễn Tích Phương	11.774.500.000	-
+ Hồ Thị Thủy Dung	16.505.155.500	-
+ Các đối tượng khác	61.913.949.681	16.000.000.000
<b>đ. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản đặt cọc mua sản phẩm căn hộ thuộc Dự án Malibu Hội An

(2) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty con - Công ty Tapiotek với công ty CP Helios ngày 20/4/2019, thời hạn 3 năm.

(3) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/2019 /HD-HTĐY ngày 30/07/2019 giữa công ty TNHH Pegax và Công Ty Cổ Phần MGM Hanbit. Số tiền hợp tác kinh doanh là 330 tỷ. Thời gian hợp tác 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(4) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án BDS giữa Công ty CP Dịch vụ Chí Thủy và Công ty CP BCG Land ngày 19/12/2019, thời hạn 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(5) Đây là khoản Nguyễn Hoàng nhận từ Bà Vũ Phương Chi theo HD 12/03/2019/HĐVV NH-VPC ký ngày 13/12/2018 thời hạn 24 tháng để bổ sung nguồn vốn thực hiện hoạt động kinh doanh.

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.080.057.600.000	(165.000.000)	491.981.654	313.606.537	35.389.526.018	241.200.789.636	1.357.348.503.845
- Lợi nhuận tăng/giảm) trong năm					(15.840.392.714)	27.167.063.975	11.326.171.261
- Tăng(giảm) do hợp nhất Công ty con				457.044.155	(27.495.794.682)	98.497.420.730	71.458.670.203
- Trích lập các quỹ					(2.564.786.939)	(6.810.667.940)	(9.375.454.879)
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con					(23.046.316.276)	(23.046.316.276)	(23.046.316.276)
Số dư tại ngày 31/12/2018	1.080.057.600.000	(165.000.000)	491.981.654	770.650.692	(10.511.948.317)	337.068.290.125	1.407.711.574.154
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.080.057.600.000	(165.000.000)	491.981.654	770.650.692	(10.511.948.317)	337.068.290.125	1.407.711.574.154
- Lợi nhuận trong kỳ này					114.417.819.613	26.104.008.628	140.521.828.241
- Tăng(giảm) do hợp nhất Công ty con			(7.337.534)	(4.959.407)	31.994.646.934	64.409.832.202	96.392.182.195
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con					(2.244.479.606)	(6.084.325.096)	(8.328.804.702)
- Chia cổ tức tại công ty mẹ							-
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con						(11.769.161.981)	(11.769.161.981)
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.080.057.600.000	(165.000.000)	484.644.120	765.691.285	133.656.038.624	409.728.643.878	1.624.527.617.907

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Tổ chức, cá nhân khác  
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>1.080.057.600.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm  
+ Vốn góp tăng trong kỳ  
+ Vốn góp giảm trong kỳ  
+ Vốn góp cuối kỳ

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000

**d. Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành  
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng  
+ Cổ phiếu phổ thông  
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại  
+ Cổ phiếu phổ thông  
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
+ Cổ phiếu phổ thông

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	108.005.760	108.005.760
	108.005.760	108.005.760
	108.005.760	108.005.760
	108.005.760	108.005.760

**e. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận vào nợ phải trả:  
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông;  
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi;  
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lỳ kế chưa được ghi nhận

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển  
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	765.691.285	313.606.537
	484.644.120	491.981.654

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****c. Ngoại tệ các loại**

- USD  
- EUR  
- JPY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	183.692,75	124.094,88
	793,25	804,17
	880.093,00	1.005,00

**d. Vàng tiền tệ**

d. Nợ khó đòi đã xử lý

e. Các thông tin khác



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu</b>	<b>1.575.879.320.250</b>	<b>1.114.094.273.491</b>
+ Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	1.059.854.255.928	904.428.736.651
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.766.093.658	118.396.882.543
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	373.258.970.664	91.268.654.297
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>773.279.397</b>
- Giảm giá hàng bán		771.327.011
- Hàng bán bị trả lại		1.952.386

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	924.996.379.206,00	788.206.679.974
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.180.935.167	26.924.135.698
- Giá vốn xây lắp	334.658.655.100	66.816.330.567
<b>Cộng</b>	<b>1.296.835.969.473</b>	<b>881.947.146.239</b>

### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.000.734.647	3.600.434.511
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.489.341.209	114.154.484
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	268.638.145.420	104.580.800.000
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	36.413.134.239	99.837.777.881
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92.383.510	474.970.576
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.671.299	20.182.732
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	778.175.342	
<b>Cộng</b>	<b>327.474.585.666</b>	<b>208.628.320.184</b>

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	176.139.970.926	169.643.124.063
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	189.624.187	161.851.048
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.624.383	143.255.753
- Lỗ đầu tư cổ phiếu	28.162.785	668.593.625
- Chiết khấu thanh toán, bán hàng chậm trả		12.572.363
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	7.742.400.380	54.040.394.540
- Chi phí tài chính khác	1.350.542.571	208.267.782
<b>Cộng</b>	<b>185.468.325.232</b>	<b>224.878.059.174</b>

## 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>71.375.466.552</b>	<b>64.443.731.118</b>
- Chi phí nhân viên	1.564.232.467	355.747.600
- Chi phí vật liệu, bao bì	422.341.478	986.958.273
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.854.463.803	53.497.156.709
- Chi phí hằng tiền khác	5.534.428.803	9.603.868.536
	Năm nay	Năm trước
<b>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</b>	<b>176.125.224.111</b>	<b>105.831.576.188</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	54.336.849.422	37.576.911.694
- Chi phí vật liệu quản lý	1.191.303.062	831.915.895
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.096.905.826	2.294.696.186
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.631.621.794	4.076.753.204
- Thuế, phí và lệ phí	1.120.520.184	959.922.465
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	35.842.780.999	856.853.974
- Phân bổ lợi thế thương mại	26.893.909.383	24.352.399.115
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.819.064.887	22.228.410.099
- Chi phí khác	15.192.268.554	12.653.713.561
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí QLDN</b>		

## 6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.058.152.650	166.720.395.852
- Chi phí nhân công	105.696.098.771	92.821.300.069
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.500.881.011	24.475.926.352
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.850.362.447	243.436.425.967
- Chi phí bằng tiền khác	80.840.097.354	69.042.821.791
<b>Cộng</b>	<b>1.478.945.592.234</b>	<b>596.496.870.031</b>

## 7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	4.981.647.379	3.401.749.685
- Các khoản khác	4.016.476.057	971.543.634
<b>Cộng</b>	<b>8.998.123.436</b>	<b>4.373.293.319</b>

## 8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	930.385.115	3.090.060.143
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	1.968.739.302	3.921.411.187
- Các khoản khác	3.293.914.772	2.800.725.541
<b>Cộng</b>	<b>6.193.039.189</b>	<b>9.812.196.871</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	192.334.450.740	35.602.124.725
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	69.239.066.026	7.639.923.532
- Tổng thu nhập chịu thuế	261.573.516.767	43.242.048.257
+ Lãi từ các năm trước chuyển sang	(215.113.276)	(615.620.491)
+ Thuế nhập miễn thuế		
- Tổng thu nhập tính thuế	260.849.864.905	42.626.427.766
+ Thuế nhập tính thuế	260.849.864.905	17.993.123.819
+ Thuế nhập không bị tính thuế		24.633.303.947
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	52.169.972.981	24.633.303.947
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	52.169.972.981	24.489.847.603
+ Khoản thuế truy thu		143.456.344

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(357.350.482)	(357.350.482)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(357.350.482)</b>	<b>(357.350.482)</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.417.819.613	(15.840.892.714)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	108.005.760	108.005.760
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.059</b>	<b>(147)</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	114.417.819.613	(15.840.892.714)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	108.005.760	108.005.760
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
- Công cụ tài chính có thể chuyển đổi		
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện		
- Quyền chọn bán đã phát hành		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.059</b>	<b>(147)</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có thể chấp 28.420.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền (xem mục V.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

Ngoài ra, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền đo doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

## a. Các bên liên quan

Đơn vị	Giao dịch	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Lương, thưởng, phụ cấp khác	1.876.441.556
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Phải thu	2.559.027.778
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	Phải thu	140.956.132.747
Công ty TNHH B.O.TĐT830	Phải thu	18.797.595.701
Công ty Cổ phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Phải trả	1.500.000.000
	Phải thu	84.152.475
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	Phải thu	182.162.563.061
	Phải thu	13.460.525.631
Công ty Cổ Phần Tracodi Land	Phải thu	470.000.000.000

## c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Chỉ tiêu	Số tiền
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phải trả người bán ngắn hạn	2.881.000.000
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	Phải thu ngắn hạn khác	62.344.128
	Phải thu dài hạn khác	15.000.000.000
Công ty TNHH B.O.TĐT830	Phải thu ngắn hạn khác	19.203.376
	Phải trả ngắn hạn khác	1.550.000.000
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Phải thu ngắn hạn khác	2.199.867.556
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Tracodi Land	Phải thu dài hạn khác	470.000.000.000
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Phải thu ngắn hạn khác	62.344.128
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	145.000.000.000
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	87.575.352.999

**2. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

**3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình và các công ty con theo loại hình kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.059.854.255.928	142.766.093.658	373.258.970.664	1.575.879.320.250
Giá vốn	924.996.379.206	37.180.935.167	334.658.655.100	1.296.835.969.473
Lợi nhuận gộp	134.857.876.722	105.585.158.491	38.600.315.564	279.043.350.777

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập: ngày 20 tháng 03 năm 2020

Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

*Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 43

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/09/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.360.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.360.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thành Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giấy dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

### 4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### 5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu từ đợt chào bán, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 14/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/03/2021 về việc phân phối cổ phần không bán hết trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. Ngày 16/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã phát hành chào bán thành công 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ Công ty lên là 2.034.681.400.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



## 6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

### Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Anthony Lim	Thành viên HĐQT
Ông	Khuyết Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2020)
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2020)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

### Ban Kiểm soát

Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Kou Kok Yien	Thành viên

### Đại diện theo pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
-----	---------------	----------------------------

## 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## 8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trong yếu tố cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận về các vị phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021

Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

Số: 369/BCKT/TC/2021/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bamboo Capital

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital được lập ngày 15/03/2021 từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - người đại diện pháp luật của Công ty - chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc

DỊCH VỤ TƯ VẤN

TÀI CHÍNH VÀ KIỂM

TOÁN PHÍA NAM

TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Đình Ái

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên



Lê Văn Thắng

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0974-2018-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>191.429.113.591</b>	<b>117.019.596.240</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>12.021.135.270</b>	<b>10.985.162.573</b>
1. Tiền	111		1.611.135.270	2.085.162.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.410.000.000	8.900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>980.000.000</b>	<b>980.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		980.000.000	980.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>177.805.198.443</b>	<b>100.473.252.219</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	165.387.826.916	86.326.904.729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	5.719.500.001	3.373.761.892
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	3.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	6.697.871.526	7.272.585.598
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.000.000</b>	<b>3.579.518.200</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	40.000.000	3.579.518.200
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>582.779.878</b>	<b>1.001.663.248</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		582.779.878	1.001.663.248
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.680.715.158.024</b>	<b>2.860.237.264.151</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>53.105.827.373</b>	<b>15.600.827.373</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	53.105.827.373	15.600.827.373
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.584.602.828</b>	<b>1.020.557.199</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.516.198.786	1.020.557.199
- Nguyên giá	222		7.864.578.382	4.153.095.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.348.379.596)	(3.132.537.910)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	68.404.042	-
- Nguyên giá	228		76.954.546	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.550.504)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>535.500.000</b>	<b>535.500.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>3.622.175.513.903</b>	<b>2.841.345.513.903</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.439.350.896.196	2.657.350.896.196
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		529.156.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.538.586)	(508.538.586)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.170.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>313.713.920</b>	<b>1.734.865.676</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	313.713.920	1.734.865.676
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.872.144.271.615</b>	<b>2.977.256.860.391</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.263.744.284.950</b>	<b>1.751.286.404.778</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>240.016.891.128</b>	<b>1.110.743.733.428</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	47.789.849.216	9.148.587.237
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		195.000.000	196.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	29.759.380.803	25.047.441.518
4. Phải trả người lao động	314		-	644.724.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	27.739.726.026	170.562.526.140
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		100.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	74.699.158.920	8.863.877.854
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	59.733.776.163	896.280.576.363
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.023.727.393.822</b>	<b>640.542.671.350</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	688.310.000.000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	161.150.000.000	81.150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	274.267.393.822	279.392.671.350
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.12	900.000.000.000	280.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.608.399.986.665</b>	<b>1.225.970.455.613</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>1.608.399.986.665</b>	<b>1.225.970.455.613</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		248.507.386.665	146.077.855.613
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.673.247.613	36.328.689.817
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		188.834.139.052	109.749.165.796
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.872.144.271.615</b>	<b>2.977.256.860.391</b>

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Ngày 15 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	170.984.176.760	60.866.183.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.984.176.760	60.866.183.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	43.409.491.373	33.031.472.381
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.574.685.387	27.834.711.394
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	207.207.829.766	262.044.112.388
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	93.386.922.573	134.019.908.691
→ Trong đó: chi phí lãi vay	23		92.287.741.200	132.815.590.243
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	-	41.683.787
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	22.603.672.990	21.707.461.409
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		218.791.919.590	134.109.769.895
11. Thu nhập khác	31	VI.06	13.618.814	617.979.788
12. Chi phí khác	32	VI.07	874.494.400	81.191.813
13. Lợi nhuận khác	40		(860.875.586)	536.787.975
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		217.931.044.004	134.646.557.870
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	29.096.904.952	24.897.392.074
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		188.834.139.052	109.749.165.796

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 15 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT

Lê Trí Hoàng Uyển

Hoàng Thị Minh Châu



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		217.931.044.004	134.646.557.870
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		752.383.730	827.066.317
- Các khoản dự phòng	03		-	508.538.586
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		205.081.373	17.624.383
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(207.218.598.579)	(262.007.987.319)
- Chi phí lãi vay	06		92.287.741.200	132.815.590.243
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>103.957.851.728</b>	<b>6.807.390.080</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(73.123.067.854)	357.852.788.752
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.539.518.200	796.446.039
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		872.090.152.665	(301.564.768.454)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.421.151.756	1.373.569.913
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(234.447.448.843)	(70.412.015.407)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.897.392.074)	(1.009.882.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>648.540.770.578</b>	<b>(6.156.471.826)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.433.010.546)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		130.000.000	1.436.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.670.000.000	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.381.000.000.000)	(1.279.486.794.776)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.744.000.000.000	1.308.904.166.580
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.204.979.766	10.713.178.209
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(619.428.030.780)</b>	<b>43.066.913.650</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.002.697.736.817	184.326.727.346
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(944.369.814.545)	(221.580.579.887)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(86.404.608.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.076.685.728)</b>	<b>(37.253.852.541)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.036.054.070</b>	<b>(343.410.717)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.985.162.573	11.346.197.673
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(81.373)	(17.624.380)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>12.021.135.270</b>	<b>10.985.162.573</b>

Người lập biểu

Lê Tri Hoàng Uyên

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu



Ngày 15 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Hồ Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/09/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.360.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.360.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trung thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chần, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

**6. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 30 (ba mươi) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 12 (mười hai) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

**6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)****a. Danh sách văn phòng đại diện**

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

**b. Danh sách các Công ty con trực tiếp**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	52,46%	52,46%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,35%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,52%	82,07%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,0%	89,0%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99%	99%

**c. Danh sách các Công ty con gián tiếp**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Áp Rò Long, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51%	26,75%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	70%	36,72%
Công ty Cổ phần Du lịch Cusa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70%	57,45%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX. Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95%	63,99%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL-934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90%	89,10%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90%	89,10%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	82,07%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	60%	55,21%

## c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	82,07%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	55%	28,85%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	Quốc lộ 1A, Thôn Bình Long, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định.	85,90%	85,04%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	69%	67,63%
Công ty Cổ phần Greensky Infinite	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	74,9%	73,41%
Công ty TNHH BCG Evergreen	1/10 Ngõ Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	69%	67,63%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	65%	53,35%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,1%	41,12%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phú Cát, Tỉnh Bình Định.	80%	65,66%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51%	50,49%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	57/11 Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	92,66%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	57/11 Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	92,66%
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	99%	98,01%
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long	174 Võ Văn Kiệt, Phường 9, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.	100%	99%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	79%	77,43%

## c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Apollo Development 1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 1	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 2	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 3	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 4	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%

## d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	49,0%	49,0%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,0%	48,0%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,85%

## e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.	30,0%	15,74%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	50,0%	49,5%
Công ty Cổ phần Năng lượng Harwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,16%

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	50,0%	49,5%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,54%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạnh Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.	20,0%	10,5%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	49,0%	48,51%
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	50,0%	49,01%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khương	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.	49,0%	40,22%
Công ty TNHH BCG EVER 5	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40,0%	27,05%
Công ty TNHH BCG EVER 6	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40,0%	27,05%
Công ty TNHH BCG EVER 7	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40,0%	27,05%

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp (thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân giao dịch quyền đi động).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...



Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

*Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:* phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

*Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:* khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.



**d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.



**b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuế hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuế tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tồn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với lương dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03

**6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

11/2020  
CÔNG TY  
KHUỖN  
TỰ VÌ  
KẾ TOÁN  
TRƯỞNG  
NAM  
LIÊN C

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**8. Ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân tách toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kẻ ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty dành giữ lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

## **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phân tích trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về trong, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

## 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	58.240.136	212.908.561
- Tiền gửi ngân hàng	1.552.895.134	1.872.254.812
+ Tiền gửi VND	1.534.949.714	1.853.923.157
+ Tiền gửi ngoại tệ	17.945.420	18.330.855
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.410.000.000	8.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.021.135.270</b>	<b>10.985.162.573</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Châu. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này).

## 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>165.387.826.916</b>	<b>86.326.994.729</b>
- Công ty CP Thành Phúc	-	5.841.088.602
- Công ty CP Hibiscus	1.270.357.580	1.112.956.369
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Orchid	-	68.632.800.000
- Dragon Lane Investment Holding Limited	116.200.500.000	10.168.400.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long	45.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.281.000.000	-
- Phải thu khách hàng khác	1.635.969.336	571.659.758
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2.750.600.000</b>	<b>6.205.988.602</b>
- Công ty CP Thành Phúc	-	5.841.088.602
- Công ty CP BCG Land	1.377.700.000	364.900.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.281.000.000	-
- Công ty CP BCG Energy	91.300.000	-

## 3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>5.719.590.801</b>	<b>3.373.761.892</b>
- Công ty CP Đầu tư D'Sense Island Hội An	5.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	-	3.031.884.732
- Global Asset Solution FZ.LIC	227.280.000	227.280.000
- Đối tượng khác	492.220.001	114.597.160
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
a. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	980.000.000	980.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000
<i>b.1 Ngân hàng</i>	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
<i>b.2 Dài hạn</i>	-	-	1.170.000.000	1.170.000.000
- Trái phiếu	-	-	1.170.000.000	1.170.000.000
<b>Cộng</b>	980.000.000	980.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000

**Ghi chú:**

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Bà Chiểu (xem mục V.11 thuyết minh báo cáo tài chính này).

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.622.684.052.489	3.622.175.513.903	2.840.684.052.489	2.840.175.513.903
- Đầu tư vào công ty con	3.439.350.896.196	3.439.350.896.196	2.657.350.896.196	2.657.350.896.196
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Văn tài	299.460.560.000	299.460.560.000	299.460.560.000	299.460.560.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	270.160.000.000	270.160.000.000	270.160.000.000	270.160.000.000
+ Công ty CP BCG Land	1.014.200.000.000	1.014.200.000.000	628.200.000.000	628.200.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (2)	667.530.336.196	667.530.336.196	667.530.336.196	667.530.336.196
+ Công ty CP BCG Energy	1.188.000.000.000	1.188.000.000.000	792.000.000.000	792.000.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	182.804.000.000	182.295.461.414	182.804.000.000	182.295.461.414
+ Công ty CP Austino Highland Agriculture	1.104.000.000	595.461.414	1.104.000.000	595.461.414
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	103.200.000.000	103.200.000.000	103.200.000.000	103.200.000.000
+ Công ty CP Năng lượng BCG Bàng Dương	78.500.000.000	78.500.000.000	78.500.000.000	78.500.000.000
- Đầu tư vào các đơn vị khác	529.156.293	529.156.293	529.156.293	529.156.293
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	69.210.933	69.210.933
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DV Dầu Khí VN	99.945.360	99.945.360	99.945.360	99.945.360
+ Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Năng lượng VN	360.000.000	360.000.000	360.000.000	360.000.000
<b>Cộng</b>	3.622.684.052.489	3.622.175.513.903	2.840.684.052.489	2.840.175.513.903





## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(2) Khoản đầu tư cổ phần tại Công ty TNHH Inđochina Hội An Beach Villas đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.11).

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	-	3.500.000.000
- Công ty CP Khai thác khoáng sản Bắc Hà	-	3.500.000.000
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	3.500.000.000

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	6.697.871.526	-	7.272.585.598	-
- Tạm ứng	233.427.342	-	564.882.546	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	11.000.000	-
- Phải thu khác	6.445.444.184	-	6.696.703.052	-
+ Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	5.475.000.000	-	5.435.000.000	-
+ Công ty TNHH DV BV Trương Thành Đại Nam Security	736.611.112	-	736.611.112	-
+ Khác	233.833.072	-	525.091.940	-
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	53.105.827.373	-	15.600.827.373	-
- Phải thu khác	52.500.000.000	-	15.000.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 (*)	52.500.000.000	-	15.000.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	605.827.373	-	600.827.373	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.803.698.899</b>	<b>-</b>	<b>22.873.412.971</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

(\*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư mở rộng Dự án năng cấp mở rộng ĐT.830 và ĐT.824 tại Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HĐĐT ngày 18/12/2019 cả thời hạn dự kiến là 05 năm. Tài sản đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh V.11).

## 7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	40.000.000	-	3.579.518.200	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.579.518.200</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	-	60.000.000	3.679.015.818	414.079.291	-	4.153.095.109
2. Số tăng trong năm	-	-	3.851.919.091	503.136.909	-	4.356.056.000
- Mua trong năm	-	-	3.852.919.091	503.136.909	-	4.356.056.000
3. Số giảm trong năm	-	-	644.572.727	-	-	644.572.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	644.572.727	-	-	644.572.727
4. Số dư cuối năm	-	60.000.000	6.887.362.182	917.216.200	-	7.864.578.382
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	-	60.000.000	2.658.470.612	414.067.298	-	3.132.537.910
2. Khấu hao trong năm	-	-	692.429.473	51.603.753	-	744.033.226
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	692.429.473	51.603.753	-	744.033.226
3. Giảm trong năm	-	-	528.191.540	-	-	528.191.540
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	528.191.540	-	-	528.191.540
4. Số dư cuối năm	-	60.000.000	2.822.708.545	465.671.051	-	3.348.379.596
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tỷ ngày đầu năm	-	-	1.020.545.206	11.993	-	1.020.557.199
2. Tỷ ngày cuối năm	-	-	4.064.653.637	451.545.149	-	4.516.198.786

**Chú thích:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

3.159.918.031 VND  
1.420.622.382 VND





**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*a. Nguồn hùn*

*b. Dứt hạn*

- Chi phí CCDC xuất dùng

- Chi phí khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
313.713.920	1.734.865.676
313.713.920	223.199.004
313.713.920	1.511.666.672
<b>313.713.920</b>	<b>1.734.865.676</b>

**11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Phân bổ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay ngắn hạn</i>	896.280.576.363	896.280.576.363	896.280.576.363	932.369.814.545	59.733.776.163	59.733.776.163
- <i>Vay ngắn hạn</i>	18.496.572.363	18.496.572.363	55.533.986.817	54.397.211.913	19.633.347.267	19.633.347.267
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Hà Châu (1)	18.496.572.363	18.496.572.363	55.533.986.817	54.397.211.913	19.633.347.267	19.633.347.267
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	27.784.094.000	27.784.094.000	49.289.027.528	27.972.602.632	40.109.428.896	40.109.428.896
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	284.004.000	284.004.000	510.233.000	402.904.000	391.333.000	391.333.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng (4)	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	-	-	12.278.794.528	69.698.632	12.209.095.896	12.209.095.896
- <i>Trái phiếu đến hạn trả</i>	850.000.000.000	850.000.000.000	-	850.000.000.000	-	-
+ Loại phát hành theo mệnh giá	850.000.000.000	850.000.000.000	-	850.000.000.000	-	-
<i>b. Vay dài hạn</i>	166.462.933.000	166.462.983.000	47.163.750.000	52.289.027.528	161.337.705.472	161.337.705.472
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	212.983.000	212.983.000	891.750.000	510.233.000	594.500.000	594.500.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	15.000.000.000	15.000.000.000	46.372.000.000	24.278.794.528	36.993.205.472	36.993.205.472
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng (4)	151.250.000.000	151.250.000.000	-	27.500.000.000	123.750.000.000	123.750.000.000
Cộng	1.062.743.559.363	1.062.743.559.363	142.986.764.345	984.658.842.073	221.071.481.635	221.071.481.635



**11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- c. Các khoản nợ thuế tài chính
- d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán
- e. Trái phiếu thương

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá (5)	112.929.688.350	6%	3 năm	112.929.688.350	6%	3 năm
<b>Cộng</b>	<b>112.929.688.350</b>			<b>112.929.688.350</b>		

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chấu; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vốn tài của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chấu (xem mục V.01, V.04, V.08 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vốn tài của công ty (xem mục V.08 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong; hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; Thời hạn vay 60 tháng; Tài sản đảm bảo là tài sản liên quan đến dự án năng cấp, mở rộng DT 830 và DT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.06 thuyết minh báo cáo này).

(4) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng, số tiền vay 220 tỷ đồng; thời hạn vay 96 tháng; tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị phần vốn góp của BCG vào Công ty TNHH Indochina Hotel An Beach Villas.

(5) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, cả nhân và nước ngoài; Lãi suất Trái phiếu 6%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu 15/12/2017. Phụ lục 02 ngày 11/12/2020 về việc gia hạn thời gian thanh toán trái phiếu.

## 12. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đào hạn trái phiếu		Số cuối năm	Bên liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	<b>Kỳ hạn gốc (tháng)</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018	36					
	Phát hành ngày 20/05/2020 (**)		36			36	
2	<b>Kỳ hạn còn lại (tháng)</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018	21,5					
	Phát hành ngày 20/05/2020 (**)		36			28,5	
3	<b>Số lượng (trái phiếu)</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018	280		280			
	Phát hành ngày 20/05/2020 (**)		900.000			900.000	
4	<b>Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018	1.000.000.000					
	Phát hành ngày 20/05/2020 (**)		1.000.000			1.000.000	
5	<b>Lãi suất (%)</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018	0,5%					
	Phát hành ngày 20/05/2020 (**)		5%			5%	
6	<b>Tỷ lệ chuyển đổi</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018 (*)			1:100.000			
	Phát hành ngày 20/05/2020						
7	<b>Lãi suất chiết khấu</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018						
	Phát hành ngày 20/05/2020						
8	<b>Nợ gốc trái phiếu</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018 (*)	280.000.000.000					
	Phát hành ngày 20/05/2020 (**)		900.000.000.000	280.000.000.000		900.000.000.000	
9	<b>Quyền chọn chuyển đổi</b>						
	Phát hành ngày 15/10/2018						
	Phát hành ngày 20/05/2020						

**12. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(\*) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 27/05/2020 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 28/NQ-HĐQT-BCG ngày 27/07/2020 về việc chấp thuận cho phép được hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 15/10/2018 thành cổ phiếu. Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 280 trái phiếu phát hành ngày 15/10/2018 thành 28 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

(\*\*) **Mã Trái phiếu là BCG\_BOND2020:** Là Trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ, không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày liền trước ngày đáo hạn toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu BCG, với giá trị mệnh giá tối thiểu 50 tỷ đồng và phần vượt quá là bội số của 10 tỷ đồng. Tại ngày đáo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá chuyển đổi dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Hợp đồng để phản ánh mức độ pha loãng. Giá chuyển đổi thực tế sẽ do HĐQT quyết định tại thời điểm chuyển đổi trên cơ sở đàm phán với Người sở hữu trái phiếu.

Tỷ lệ chuyển đổi: Bằng Mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.



## 13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>47.789.849.216</b>	<b>47.789.849.216</b>	<b>9.148.587.237</b>	<b>9.148.587.237</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	46.547.597.777	46.547.597.777	912.502.599	912.502.599
- Công ty CP Phát triển Lộc Phát	-	-	4.241.717.972	4.241.717.972
- Nguyễn Thanh Hùng	-	-	2.881.000.000	2.881.000.000
- Các đối tượng khác	1.242.251.439	1.242.251.439	1.113.366.666	1.113.366.666
<b>b. Dài hạn</b>	<b>688.310.000.000</b>	<b>688.310.000.000</b>	-	-
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	688.310.000.000	688.310.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>736.099.849.216</b>	<b>736.099.849.216</b>	<b>9.148.587.237</b>	<b>9.148.587.237</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>109.948.520</b>	<b>109.948.520</b>	<b>2.981.198.242</b>	<b>2.981.198.242</b>
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vật tư	-	-	63.525.242	63.525.242
- Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	-	-	36.673.000	36.673.000
- Nguyễn Thanh Hùng	-	-	2.881.000.000	2.881.000.000
- Công ty CP Tracođi Trading & Consulting	109.948.520	109.948.520	-	-

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phát nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>25.047.441.515</b>	<b>35.063.970.115</b>	<b>30.352.030.827</b>	<b>29.759.380.803</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.896.328.297	29.096.904.952	24.897.392.074	29.095.841.175
Thuế thu nhập cá nhân	151.113.218	4.355.912.687	4.182.276.277	324.749.628
Thuế khác	-	1.611.152.476	1.272.362.476	338.790.000
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>27.739.726.026</b>	<b>170.562.526.140</b>
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	27.739.726.026	170.562.526.140
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.739.726.026</b>	<b>170.562.526.140</b>



## 16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>74.699.158.920</b>	<b>8.863.877.854</b>
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	-	52.992.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.699.158.920	8.810.885.854
+ Công ty TNHH B.O.T DT830	200.000.000	1.550.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (1)	52.793.000.000	2.034.000.000
+ Nguyễn Thị Hải	1.600.000.000	3.000.000.000
+ Trương Hoàng Vĩnh	20.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	106.158.920	226.885.854
<b>b. Dài hạn</b>	<b>161.150.000.000</b>	<b>81.150.000.000</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.150.000.000	81.150.000.000
+ Công ty CP Dịch vụ Chi Thủy (2)	80.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (3)	64.150.000.000	64.150.000.000
+ Nguyễn Như Hương (4)	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Trần Ngọc Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản tạm ứng trước cổ tức của Dự án Malibu Hội An

(2) Đây là khoản BCG nhận được theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/2020/HDHTKD-BCG-CHITHUY ngày 27/03/2020 và Phụ lục số 01/2020/HTKD-BCG-CHITHUY giữa Công ty CP Bamboo Capital (BCG) và Công ty CP Dịch vụ Chi Thủy. Thời gian thực hiện 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Khoản phải trả theo hợp đồng vay vốn số 07A/2018/HDVV-IND-BCG ngày 30/08/2018, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0%.

(4) Đây là khoản BCG nhận từ Ông Nguyễn Như Hương theo hợp đồng hợp tác số 68/2017/HDHT-BCG ký ngày 03/09/2017 và phụ lục hợp đồng.

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.080.057.600.000	(165.000.000)	36.328.689.817	1.116.221.289.817
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	109.749.165.796	109.749.165.796
Số dư tại ngày 31/12/2019	1.080.057.600.000	(165.000.000)	146.077.855.613	1.225.970.455.613
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	146.077.855.613	1.225.970.455.613
- Tăng vốn (*)	280.000.000.000	-	-	280.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	188.834.139.052	188.834.139.052
- Chia cổ tức (**)	-	-	(86.404.608.000)	(86.404.608.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.360.057.600.000	(165.000.000)	248.507.386.665	1.608.399.986.665

**Ghi chú:**

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 62/2020/NQ-DHDCD-BCG ngày 27/05/2020 và Nghị quyết số 28/NQ-HDQT-BCG của Hội đồng quản trị ngày 27/07/2020, Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 180 trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 15/10/2018 thành 28 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

(\*\*) Trong năm 2020, công ty tiến hành chia cổ tức 8% mệnh giá bằng tiền mặt thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2020/NQ-DHDCD ngày 27/06/2020 và Nghị quyết HĐQT số 26/2020/NQ-HDQT ngày 03/07/2020.



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
<b>Cộng</b>	<b>1.360.057.600.000</b>	<b>1.080.057.600.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	280.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
<b>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	<b>86.404.608.000</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	136.005.760	108.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	136.005.760	108.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	136.005.760	108.005.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	136.005.760	108.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	136.005.760	108.005.760

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Cổ tức**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	86.404.608.000	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	86.404.608.000	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	779,82	793,02
d. Vàng tiền tệ	-	-
đ. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
e. Các thông tin khác	-	-

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu</b>	<b>170.984.176.760</b>	<b>60.866.183.775</b>
- Doanh thu bán hàng	41.027.376.760	33.517.183.775
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.956.800.000	27.349.000.000
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>19.246.800.000</b>	<b>17.715.345.920</b>
- Công ty CP Thành Phúc	-	17.351.345.920
- Công ty CP BCG Land	3.108.800.000	364.000.000
- Công ty CP BCG Energy	7.058.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	4.360.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	2.520.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	200.000.000	-

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	39.237.913.760	32.667.472.381
- Giá vốn dịch vụ	4.171.577.613	364.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.409.491.373</b>	<b>33.031.472.381</b>

### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	930.998.108	1.525.485.399
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	5.098.424.658	-
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	190.000.000.000	250.233.633.420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.175.557.000	10.248.868.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.850.000	36.125.069
<b>Cộng</b>	<b>207.207.829.766</b>	<b>262.044.112.388</b>

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	92.287.741.200	132.815.590.243
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	28.162.785
- Dự phòng đầu tư tài chính	-	508.538.586
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.700.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	205.081.373	17.624.383
- Chi phí tài chính khác	894.100.000	646.292.694
<b>Cộng</b>	<b>93.386.922.573</b>	<b>134.019.908.691</b>

## 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

## a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí bằng tiền khác

Năm nay	Năm trước
-	41.683.787
-	41.683.787

## b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí vật liệu quản lý

- Chi phí đồ dùng văn phòng

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Thuế, phí và lệ phí

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

Năm nay	Năm trước
22.603.672.990	21.707.461.409
10.291.933.069	8.435.055.722
927.404.282	880.486.716
1.679.969.937	1.648.879.003
752.583.730	827.066.317
13.037.776	34.788.889
7.202.491.953	8.136.728.972
1.736.252.243	1.744.455.790

## 6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.618.814	617.979.788
13.618.814	617.979.788

## 7. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm hành chính

- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
874.467.000	-
27.400	81.191.813
874.494.400	81.191.813

## 8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
927.404.282	880.486.716
10.291.933.069	8.435.055.722
752.583.730	827.066.317
7.202.491.953	8.136.728.972
3.429.259.956	3.469.807.469
22.603.672.990	21.749.145.196

## 9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN

+ Các khoản điều chỉnh tăng

+ Các khoản điều chỉnh giảm

- Tổng thu nhập chịu thuế

- Tổng thu nhập tính thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Định Số: 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020

Năm nay	Năm trước
217.931.044.004	134.646.557.870
(10.096.008.627)	(10.159.597.500)
1.079.548.373	-
(11.175.557.000)	(10.159.597.500)
207.835.035.377	124.486.960.370
207.835.035.377	124.486.960.370
29.096.904.952	24.897.392.074
41.567.007.075	24.897.392.074
(12.470.102.123)	-

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có thể chấp 11.390.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem mục V.01 và V.04 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

Ngoài ra, trong năm Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****a. Các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurni Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Initiative	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bằng Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết

## a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần JK Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER5	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER6	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER7	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**Ghi chú:**

Ngoài thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.2, V.13 và V.11 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

## b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Các bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	12.945.205.478
Công ty CP BCG Land	Chuyển tiền góp vốn Bán cổ phần	386.000.000.000 234.000.000.000
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	Cho mượn	613.000.000
Công ty CP BCG Energy	Cho mượn Chuyển tiền góp vốn	271.500.000.000 396.000.000.000
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Cho mượn	40.000.000
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Lãi phải thu hợp đồng cho vay Chuyển tiền hợp tác đầu tư	355.833.294 60.000.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐTR30	Thu lãi tiền hợp tác Mượn tiền	5.098.424.658 325.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Mượn tiền	50.759.000.000
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	121.738.200

## c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	740.778.574
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	196.125.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	687.150.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	215.000.003
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	434.986.664
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	638.216.662
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	270.686.271
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	196.457.898
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.379.401.073</b>

## d. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mã số trên CDKT	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	339	570.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	52.793.000.000
Công ty CP Năng lượng BCG Bình Dương	337	64.150.000.000
	136	62.344.128
	136	123.082.192
Công ty TNHH B.O.T DT830	216	52.500.000.000
	319	200.000.000
Công ty CP BCG Wind Sọc Trắng	136	5.475.000.000
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	312	195.000.000
Công ty CP Năng lượng Harwha - BCG Bình Dương	136	10.000.000

## 2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	41.027.376.760	129.956.800.000	170.984.176.760
Giá vốn	39.237.913.760	4.171.577.613	43.409.491.373
Lợi nhuận gộp	1.789.463.000	125.785.222.387	127.574.685.387

## 3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu từ đợt chào bán, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 14/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/03/2021 về việc phân phối cổ phần không bán hết trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. Ngày 16/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã phát hành chào bán thành công 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ Công ty lên là 2.034.681.400.000 đồng.

## 4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyển

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu



Nguyễn Hồ Nam



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 59



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/09/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.360.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.360.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê vé các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn gạo và mù cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vật dẹt kim, vôi đen mộc và vôi không dẹt khác. Sản xuất than, than, đẽm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

### 4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 5. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-DHDCĐ-BCG ngày 24/09/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu từ đợt chào bán và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 14/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/03/2021 về việc phân phối cổ phần không bán hết trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. Ngày 16/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã phát hành chào bán thành công 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với số vốn huy động là 674.623.800.000 VND, nâng tổng vốn điều lệ Công ty lên là 2.034.681.400.000 VND.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật****Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Anthony Lim	Thành viên HĐQT
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2020)
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2020)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Kou Kok Yion	Thành viên

**Đại diện theo pháp luật**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
-----	---------------	----------------------------

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai lệch trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

01/12  
JING  
KHEN  
VU 3  
THU XI  
THU 2  
Á N  
P H

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021*

**TM. Hội đồng Quản trị**

**Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật**



**Nguyễn Hồ Nam**



Số: 310/BCKT/TC/2021/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital được lập ngày 20/03/2021 từ trang 08 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người đại diện pháp luật của Công ty - chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Lê Đình Ái

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Thăng

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0974-2018-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>11.338.108.287.953</b>	<b>2.287.189.574.105</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>903.386.455.277</b>	<b>150.311.393.104</b>
1. Tiền	111		816.052.667.698	111.703.984.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.333.787.579	38.507.408.652
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>593.767.088.890</b>	<b>36.021.748.890</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		566.767.088.890	6.841.748.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.000.000.000	29.180.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.083.496.019.552</b>	<b>1.196.331.928.863</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	901.498.322.187	644.005.108.259
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	757.200.946.393	249.924.046.971
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	8.400.000.000	6.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	5.503.703.231.975	348.568.691.008
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(87.320.715.940)	(52.811.955.675)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.234.937	146.038.380
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>2.276.299.016.968</b>	<b>841.786.455.109</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.276.299.016.968	841.786.455.109
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>481.159.707.266</b>	<b>62.838.048.139</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	19.812.812.899	24.292.930.507
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		449.135.237.299	32.482.833.672
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	12.211.657.068	6.062.283.958
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.798.717.405.488</b>	<b>4.967.455.173.422</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.042.279.634.580</b>	<b>2.755.475.628.857</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	6.042.279.634.580	2.755.475.628.857
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>365.145.105.741</b>	<b>310.883.194.742</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	358.998.799.018	295.598.183.302
- Nguyên giá	222		529.839.615.007	443.250.416.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.840.815.989)	(147.652.233.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	3.911.082.302	4.937.535.482
- Nguyên giá	225		5.986.068.212	5.986.068.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.074.985.910)	(1.048.532.730)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.235.224.421	10.347.475.958
- Nguyên giá	228		3.215.021.046	10.749.769.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(979.796.625)	(402.293.042)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>4.033.615.584.636</b>	<b>17.587.179.235</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		9.045.000.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.024.570.584.636	17.587.179.235
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>1.290.612.950.320</b>	<b>1.362.668.987.785</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.036.857.794.027	1.257.699.831.492
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		151.755.156.293	1.419.156.293
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		102.000.000.000	103.550.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.067.064.130.211</b>	<b>520.840.182.803</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	264.807.077.902	179.463.643.222
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		44.503.712.630	-
5. Lợi thế thương mại	269		757.753.339.679	341.376.539.581
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>24.136.825.693.441</b>	<b>7.254.644.747.527</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.173.517.662.549</b>	<b>5.630.117.129.620</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.609.458.384.565</b>	<b>3.118.305.879.114</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	4.780.665.000.177	426.043.797.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.689.338.591.783	748.047.370.394
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	120.653.116.029	114.368.286.229
4. Phải trả người lao động	314		12.974.021.808	13.142.633.175
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	91.507.897.206	209.453.968.175
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.333.333.336	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.863.759.945.048	357.244.467.810
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.19	2.030.728.831.719	1.245.432.497.295
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.497.647.459	4.572.858.229
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.564.059.277.984</b>	<b>2.511.811.250.506</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		688.310.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	40.000.000.000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	5.264.977.995.848	977.387.947.657
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	2.549.399.250.688	1.136.529.199.154
9. Trú phiếu chuyển đổi	339	V.20	2.020.300.000.000	395.750.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.072.051.448	2.144.102.895
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.963.308.030.892</b>	<b>1.624.527.617.907</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>2.963.308.030.892</b>	<b>1.624.527.617.907</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.707.661	765.691.285
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		481.158.791	484.644.120
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		215.211.939.444	133.656.038.624
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.885.036.132	10.238.219.011
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		211.326.903.312	114.417.819.613
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.387.415.624.996	409.728.643.878
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>24.136.825.693.441</b>	<b>7.254.644.747.527</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2021



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.855.006.595.313	1.575.879.320.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		61.675.185	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.854.944.920.128	1.575.879.320.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.434.689.298.404	1.296.835.969.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		420.255.621.724	279.043.350.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	854.305.930.333	327.474.585.666
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	554.636.710.060	185.468.325.232
→ Trong đó: chi phí lãi vay	23		302.906.288.145	176.139.970.926
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(52.390.007.604)	15.980.445.945
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	110.384.533.662	71.375.466.552
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	222.506.858.853	176.125.224.111
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		334.643.441.878	189.529.366.493
12. Thu nhập khác	31	VI.07	12.260.760.294	8.998.123.436
13. Chi phí khác	32	VI.08	13.655.214.226	6.193.039.189
14. Lợi nhuận khác	40		(1.394.453.932)	2.805.084.247
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		333.248.987.946	192.334.450.740
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	88.019.998.348	52.169.972.981
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(21.190.190.979)	(357.350.482)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		266.419.180.577	140.521.828.241
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		211.326.903.012	114.417.819.613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		55.092.277.565	26.104.008.628
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.803	1.059
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.803	1.059

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Ngày 20 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		333.248.987.946	192.334.450.740
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		81.716.468.862	28.500.881.011
- Các khoản dự phòng	03		37.259.941.684	27.750.491.577
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.464.701.237)	(45.046.916)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(824.782.684.557)	(318.798.955.135)
- Chi phí lãi vay	06		302.906.288.145	176.139.970.926
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(73.115.699.157)	105.881.792.203
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(7.802.017.870.458)	(1.327.729.856.481)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(897.646.698.672)	(451.682.333.796)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.645.239.825.877	989.289.554.534
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(51.781.511.343)	(137.622.983.612)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(559.925.340.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(421.550.790.309)	(107.311.911.619)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(58.434.948.059)	(30.773.849.830)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.331.801.795	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.699.762.549)	(9.454.859.852)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.226.000.992.875)</b>	<b>(969.404.448.456)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.128.566.266.172)	(52.772.801.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		6.387.492.443	5.732.959.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.620.000.000)	(126.080.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.070.000.000	3.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.244.248.881.123)	(2.111.108.838.119)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.422.111.850.000	2.439.106.556.708
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.082.888.312	23.881.231.054
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(613.782.916.540)</b>	<b>182.259.108.500</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.605.240.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.609.384.789.291	1.524.172.190.640
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.889.626.221.038)	(649.735.505.613)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(1.166.008.447)	(1.606.021.455)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(125.636.406.651)	(11.769.161.981)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.592.956.153.155</b>	<b>863.666.741.591</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>753.172.243.740</b>	<b>76.521.401.635</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>150.211.393.104</b>	<b>73.644.944.553</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.818.433	45.046.916
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>903.386.455.277</b>	<b>150.211.393.104</b>

Người lập báo



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lên ngày 20 tháng 03 năm 2021

Chức vụ HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/09/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1.360.057.600.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.360.057.600.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hòa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dăm, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

### 6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 05 (năm) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 30 (ba mươi) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 12 (mười hai) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:



## 6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

## a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Khắc Khoan, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

## b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	52,46%	52,46%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,35%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,52%	82,07%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,0%	89,0%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99%	99%

## c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rô Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51%	26,75%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	70%	36,72%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ràng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70%	57,45%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95%	63,99%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90%	89,10%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90%	89,10%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	82,07%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	60%	55,21%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	82,07%

## c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	55%	28,85%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng Lượng Sạch	Quốc lộ 1A, Thôn Bình Long, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định.	85,90%	85,04%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	69%	67,63%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	74,9%	73,41%
Công ty TNHH BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	69%	67,63%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	65%	53,35%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Cồn Bắp, Phường Cẩm Nam, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,1%	41,12%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phú Cát, Tỉnh Bình Định.	80%	65,66%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51%	50,49%
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	57/11 Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	92,66%
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	57/11 Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	92,66%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	99%	98,01%
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long	174 Võ Văn Kiệt, Phường 9, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.	100%	99%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	79%	77,43%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH BCG Evergreen 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%
Công ty TNHH BCG Evergreen 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,63%

*d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	49,0%	49,0%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,0%	48,0%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,85%

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.	30,0%	15,74%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	50,0%	49,5%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,16%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	50,0%	49,5%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pàn 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,54%
Công ty Cổ phần 3K Phú Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.	20,0%	10,5%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	49,0%	48,51%
Công ty Cổ phần Hieu Soliel	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	50,0%	49,01%



*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con (Tiếp theo)*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khương	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.	49,0%	40,22%
Công ty TNHH BCG EVER 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40,0%	27,05%
Công ty TNHH BCG EVER 6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40,0%	27,05%
Công ty TNHH BCG EVER 7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40,0%	27,05%

**II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trương hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.



**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**e. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

*Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:* khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước hàng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### 8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khổ ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng bởi tổ thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh bởi tổ sai sót trong yếu của các năm trước.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đo được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### d. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quá điều, tăng bằng tiền, hiện vật ...

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.





**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**20. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Bảo cáo tài chính hợp nhất****a. Phương pháp kế toán trung giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

#### **b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

#### **c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con**

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

*- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho*

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

*- Các khoản vay trong nội bộ*

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ hoàn toàn. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

*- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác*

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

**a. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	25.378.528.597	42.830.997.759
- Tiền gửi ngân hàng	790.817.956.123	68.753.420.217
- Tiền đang chuyển	69.970.557	206.975.128
- Các khoản tương đương tiền (*)	87.120.000.000	38.420.000.000
<b>Cộng</b>	<b>903.386.455.277</b>	<b>150.211.393.104</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con. Trong đó, có 26.611.300.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (xem mục V.19 thuyết minh báo cáo tài chính này).

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>901.498.322.187</b>	<b>644.005.108.259</b>
- Dragon Lane Investment Holding Limited	116.200.500.000	10.168.400.000
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helion	21.620.443.089	13.102.010.339
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Orchid	-	104.967.831.792
- Công ty TNHH Fujisan	48.297.080.000	48.297.080.000
- Công ty CP Phát triển Lion City	322.250.000.000	-
- Hanwha Engineering & Construction Corp	35.000.000.000	210.000.000.000
- Các đối tượng khác	358.130.299.098	257.469.786.128
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>757.200.946.393</b>	<b>249.924.046.971</b>
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Orchid	98.375.000.000	98.375.000.000
- Công ty CP Green Solution	70.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	94.725.772.843	-
- Công ty CP Plus Investment	160.000.000.000	-
- Công ty CP MGM Hanbit	120.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	214.100.173.550	101.549.046.971
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>	-	<b>6.841.748.890</b>
- Tổng giá trị cổ phiếu	566.767.088.890	566.767.088.890	-	6.841.748.890
+ Công ty CP Bảo hiểm Dầu Khí	853.200	853.200	-	853.200
+ Công ty CP Nhựa điện Bà Rịa	53.000.000	53.000.000	-	53.000.000
+ Công ty CP Dược phẩm Trung ương Vidapha	443.930.200	443.930.200	-	443.930.200
+ Công ty CP Cơ khí An Giang	451.655.840	451.655.840	-	451.655.840
+ Công ty CP Viễn Liên	257.400	257.400	-	257.400
+ Công ty CP Vật tư kỹ thuật Cần Thơ	43.250	43.250	-	43.250
+ Công ty CP Phú Tân Khê	5.890.000.000	5.890.000.000	-	5.890.000.000
+ Công ty CP Dầu tư Xây dựng Xuân Phú Hải (*)	359.925.340.000	359.925.340.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>	-	<b>6.841.748.890</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là khoản đầu tư nhằm mục đích nắm giữ để bán trong ngắn hạn của công ty Cổ phần Xây dựng Xuân Phú Hải - là chủ đầu tư dự án khu du lịch tại Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b.1 Ngân hàng</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>29.180.000.000</b>	<b>29.180.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu	1.580.000.000	1.580.000.000	980.000.000	980.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiền Phong	18.620.000.000	18.620.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Agribank	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng - CN Bến Thành	100.000.000	100.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng OCB	-	-	13.500.000.000	13.500.000.000
<b>b.2 Dài hạn</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>103.550.000.000</b>	<b>103.550.000.000</b>
- Trái phiếu Ngân hàng BIDV	-	-	380.000.000	380.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng BIDV	-	-	1.170.000.000	1.170.000.000
- Trái phiếu Công ty CP Dầu tư và Dịch Vụ Helios	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng BIDV	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>129.000.000.000</b>	<b>129.000.000.000</b>	<b>132.730.000.000</b>	<b>132.730.000.000</b>



## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con. Trong đó, có 19.600.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (xem mục 7.19 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(2) Là khoản đầu tư mua Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Háchia với giá trị 100 tỷ theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-TTĐĐ-TCĐ ngày 27/05/2019 của Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm. Lợi suất đầu tiên là 8,5% /năm, các kỳ tính lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi có nhân 12 tháng cộng với biến đổi 3% /năm.

(3) Là khoản đầu tư mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV) phát hành kỳ hạn 07 năm và 10 năm.

## c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.070.109.944.946	1.036.857.794.027	-	1.238.561.974.807	1.257.699.831.492	-
+ Công ty CP Austino Highland Agriculture	1.104.000.000	638.169.301	-	1.104.000.000	595.461.414	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐY830	126.470.000.000	59.563.522.380	-	126.470.000.000	74.767.610.363	-
+ Công ty CP Năng lượng BCG Bình Dương	136.500.000.000	130.216.505.819	-	136.500.000.000	160.621.061.490	-
+ Công ty Taxi Việt Nam	34.236.228.875	33.116.065.406	-	34.256.228.875	36.815.391.311	-
+ Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	-	-	-	310.325.845.932	310.325.845.932	-
+ Công ty TNHH Skyhigh Power	24.529.900.000	21.843.142.750	-	24.529.900.000	23.504.016.479	-
+ Công ty CP Hưu hĩa BCG Bình Dương	253.900.000.000	277.117.803.275	-	253.900.000.000	300.644.444.330	-
+ Công ty CP Khai thác Khương Sơn Bắc Hà	61.790.000.000	61.790.000.000	-	61.790.000.000	61.790.000.000	-
+ Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	-	-	-	285.000.000.000	285.000.000.000	-
+ Công ty CP White Magrovia	-	-	-	3.636.000.000	3.636.000.000	-
+ Công ty CP Hòa Soleil	5.837.352.302	5.540.104.359	-	-	-	-
+ Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Gia Khương	358.024.463.769	358.024.463.769	-	-	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever5	200.000.000	279.203.806	-	-	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever6	180.000.000	179.200.851	-	-	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever7	183.000.000	182.277.969	-	-	-	-
+ Công ty CP 3K Plus Fight Nam	3.800.000.000	4.009.895.608	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Hưu hĩa BCGE - O&M	2.103.000.000	2.456.135.337	-	-	-	-
+ Công ty CP Năng lượng Dương Phương	60.000.000.000	59.987.219.368	-	-	-	-

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
		Dự phòng		Dự phòng
- Đầu tư vào các đơn vị khác	151.755.156.291	151.755.156.293	-	1.419.156.293
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
+ Công ty CP Tracosth Sáng Tạo	-	-	-	300.000.000
+ Công ty CP White Magnolia	3.636.000.000	3.636.000.000	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DV Đầu tư Khí VN	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360
+ Công ty CP Super Wind Energy Công Lý Cà Mau	147.000.000.000	147.000.000.000	-	-
+ Công ty CP Tracosth Power	590.000.000	590.000.000	-	590.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.221.865.101.239</b>	<b>1.188.612.950.320</b>	<b>-</b>	<b>1.239.981.131.100</b>
				<b>1.259.118.987.785</b>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		<b>8.400.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
- Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà		-	3.500.000.000
- Công ty CP Tapiotek	(1)	5.400.000.000	-
- Công ty TNHH TV TK và XD Quang Phong	(2)	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>		-	-

**Ghi chú:**

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 02/2020/HĐMT-TCDY - TAPIOTEK giữa Công ty CP Tapiotek và Công ty CP Tracodi Trading & Consulting ngày 10/03/2020, thời hạn 12 tháng và được gia hạn không quá 12 tháng tiếp theo.

(2) Theo Hợp đồng vay vốn số 2708/2019/HĐVV giữa Công ty TNHH TV TK và XD Quang Phong và Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải ngày 27/08/2019 và Phụ lục hợp đồng 2708\_01/2020/PLHĐVV ngày 25/08/2020, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.503.703.231.975</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>348.568.691.008</b>	<b>(1.904.717.650)</b>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	22.320.745.814	-	18.048.346	-
- Phải thu BIXH	25.033.580	-	-	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.547.945	-	629.645.329	-
- Tam ờng	406.731.643.701	(104.717.650)	95.279.445.786	(104.717.650)
- Ký cược, ký quỹ	324.971.330.049	(1.800.000.000)	17.654.121.986	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	4.749.643.930.886	-	234.987.429.561	-
+ Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helim	13.191.287.671	-	22.125.989.693	-
+ Công ty CP Green Solution	107.451.780.821	-	2.458.341.666	-
+ Công ty CP Mega Solar	216.743.794.321	-	-	-
+ Công ty CP R & H Construction (1)	300.000.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Dịch vụ Chí Thủy (2)	494.125.808.219	-	-	-
+ Công ty CP Plus Investment	-	-	20.022.719.801	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	23.090.868.325	-	30.400.000.000	-
+ Công ty CP Daffodils (3)	250.000.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Thăng Phương (4)	644.928.904.109	-	-	-
+ Nguyễn Đình Ngôn (5)	285.907.366.666	-	-	-
+ Nguyễn Thanh Lịch (6)	150.306.166.667	-	-	-
+ Đối tượng khác	2.063.897.953.887	-	139.980.378.401	-



## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>6.042.279.634.580</b>	-	<b>2.755.475.628.857</b>	-
- Phải thu khác	6.001.492.455.209	-	2.750.112.164.170	-
+ Công ty CP Green Solution (7)	200.000.000.000	-	192.747.590.028	-
+ Công ty CP Plus Investment (Công ty CP Tracodi Invest) (8)	635.809.248.267	-	289.677.248.267	-
+ Công ty CP Mega Solar (9)	385.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Đầu Tư Vạn Đạt (10)	400.000.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios (11)	1.020.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Gia Khương (12)	290.385.138.000	-	-	-
+ Công ty CP HCM Lot 68 (13)	430.000.000.000	-	330.000.000.000	-
+ Công ty CP White Magnolia (14)	-	-	470.000.000.000	-
+ Công ty CP Đầu Tư Dịch Vụ Orchid (14)	256.000.000.000	-	280.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió Khai Long I (15)	387.500.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.596.598.068.942	-	1.187.687.325.875	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	40.787.179.371	-	5.363.464.687	-
<b>Cộng</b>	<b>11.545.982.866.555</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>3.104.044.319.865</b>	<b>(1.904.717.650)</b>

**Ghi chú:**

(1) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/TCD-R&H ngày 24/09/2020 giữa Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty CP R & H Construction, mục đích hợp tác kinh doanh để mua Cổ phần mục tiêu.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2020/HTKD/CT-TRACODI ngày 21/09/2020 và Phụ lục 2109\_01/2020/PLHDHT/CT-TRACODI giữa Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi) và Công ty CP Dịch Vụ Chí Thủy, số tiền hợp tác đầu tư: 480 tỷ đồng, thời gian hợp tác dự kiến 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty con số 2505/2020/HĐ\_HTĐT-CASA-DAFO ngày 25/05/2020. Thời gian hợp tác 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(4) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Thăng Phương, thời gian hợp tác 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(5) Là các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh có thời gian hợp tác 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(6) Là khoản phải thu theo Hợp đồng số 2712/2020/HĐMT ngày 27/12/2020; Hợp đồng số 3112/2020/HĐMT ngày 31/12/2020 tại Công ty con - Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Đảo.

(7) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2019/HTKD/BCGENERGY-GREEN ngày 22/12/2019 có thời hạn 3 năm giữa Công ty con - Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Green Solution.

(8) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD/TNE\_PLUS ngày 21/12/2020 có thời hạn 3 năm giữa Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và Công ty CP Plus Investments.

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(9) Đây là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 0106/2020/HTKD-MGS-NLS ngày 01/06/2020 giữa Công ty con - Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch và Công ty CP Mega Solar. Thời gian thực hiện là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(10) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.05/HTKD/BCGLAND/VANDAT ngày 07/05/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Vạn Đạt. Thời gian hợp tác 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(11) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp tác kinh doanh giữa các Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Helios với các Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch để thực hiện các dự án.

(12) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1007/2020/HTKD/BCGL-GK ngày 10/07/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Gia Khang. Thời gian hợp tác 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(13) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1507/2020/HTĐT/LOTT-TRACODI ngày 15/07/2020 giữa Công ty CP HCM Latt 68 và Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi). Tổng vốn góp hợp tác đầu tư cho dự án khoảng 530 tỷ đồng, thời gian hợp tác dự kiến 3 năm.

(14) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019 /HD-HTĐT/PEGAS-ORCHID ngày 15/08/2019 giữa Công ty con - Công ty TNHH Pegas và Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Dịch Vụ Orchid. Thời gian hợp tác 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(15) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Điện gió Khai Lung 1 với các Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1, Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2. Thời hạn hợp tác 3 năm kể từ ngày ký.

## 7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	90.668.819.190	(87.320.715.940)	90.921.229.532	(52.811.955.675)
Trong đó:				
+ Phải thu khách hàng	88.504.101.540	(85.215.998.290)	89.016.311.882	(50.907.238.025)
+ Tạm ứng	104.717.650	(104.717.650)	104.717.650	(104.717.650)
+ Kỳ quỹ	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
+ Trả trước người bán	260.000.000	(200.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>90.668.819.190</b>	<b>(87.320.715.940)</b>	<b>90.921.229.532</b>	<b>(52.811.955.675)</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	53.964.871.875	-	54.804.210.209	-
- Công cụ, dụng cụ	314.273.474	-	588.385.013	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang (*)	2.197.225.556.686	-	700.911.769.281	-
- Thành phẩm	24.211.192.872	-	76.703.927.051	-
- Hàng hóa	583.122.061	-	8.778.163.555	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>2.276.299.016.968</b>	<b>-</b>	<b>841.786.455.109</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)****Ghi chú:**

(\*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư dự án Malibu Hội An là 1.054.988.852.552 đồng theo Quyết định 2533/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 Khu Nghỉ mát dịch vụ và du lịch tại Xã Điện Dương huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam do Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư (xem thuyết minh V.19).

- Chi phí đầu tư Dự án King Crown là khu tổ hợp các biệt thự và căn hộ tại phường Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM là 396.137.794.033 đồng theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND TP. HCM phê duyệt do Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn làm chủ đầu tư.

- Và các khoản chi phí xây dựng khác tại các Công ty con của Công ty CP Bamboo Capital

**9. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn</b>	<b>9.045.000.000</b>	-
- Dự án chung cư tại Công ty TNHH Pegas	9.045.000.000	-
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4.024.570.584.636</b>	<b>17.587.179.235</b>
- Xây dựng cơ bản dở dang	3.300.971.123.158	16.782.721.235
+ Dự án Casa Marina Resort	-	3.935.430.107
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Côn Đảo	254.716.831.901	-
+ Dự án Đầu tư mở rộng mặt bằng nhà xưởng sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu tại Công ty CP Nguyễn Hoàng	-	10.652.254.947
+ Dự án XD CB dở dang tại Antraco	-	1.636.151.681
+ Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ	3.045.819.406.757	-
+ Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	434.884.500	434.884.500
- Mua sắm tài sản cố định	535.500.000	535.500.000
- Chi phí xây dựng khác	723.063.961.478	318.958.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.033.615.584.636</b>	<b>17.587.179.235</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vissava Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	184.513.649,073	214.273.635,086	39.009.199,503	5.346.297,272	107.635,714	443.250.416,648
2. Số tăng trong năm	88.198.355,249	181.195.909,306	31.184.810,512	1.319.886,854	-	301.898.961,921
- Mua trong năm	76.879.392,693	165.177.146,553	27.176.203,057	1.319.886,854	-	270.552.629,157
- Đầu tư XDCN hoàn thành	11.318.962,556	15.263.670,829	1.045.454,546	-	-	27.628.087,931
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	848.697,455	-	-	848.697,455
- Phân loại lại	-	318.000,000	2.114.545,454	-	-	2.432.545,454
- Tăng khác	-	437.091,924	-	-	-	437.091,924
3. Số giảm trong năm	146.405.020,526	63.114.345,721	1.647.816,217	4.142.581,098	-	215.309.763,562
- Thanh lý, nhượng bán	127.003.844,521	3.335.000,000	989.816,217	2.001.728,531	-	133.330.389,269
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	19.320.414,199	59.779.345,721	340.000,000	-	-	79.439.759,920
- Phân loại lại	-	-	318.000,000	2.114.545,454	-	2.432.545,454
- Giảm khác	80.761,806	-	-	26.307,113	-	107.068,919
4. Số dư cuối năm	126.306.983,796	332.355.198,671	68.546.193,798	2.523.603,028	107.635,714	529.839.615,007

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

1. Số dư đầu năm	25.823.137,346	103.775.510,769	14.750.498,177	3.195.451,340	107.635,714	147.652.233,346
2. Khấu hao trong năm	5.131.700,874	20.221.906,505	7.966.282,227	465.761,568	-	33.785.651,174
- Khấu hao tăng trong năm	5.131.700,874	19.659.314,577	6.757.789,095	465.761,568	-	32.014.566,114
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	220.402,221	-	-	220.402,221
- Phân loại lại	-	125.500,004	988.090,911	-	-	1.113.590,915
- Tăng khác	-	437.091,924	-	-	-	437.091,924
3. Giảm trong năm	3.445.185,259	3.985.760,327	838.866,384	2.327.256,521	-	10.597.068,531
- Thanh lý, nhượng bán	1.476.894,734	1.278.416,667	681.978,873	1.312.858,497	-	4.750.148,771
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	1.887.528,759	2.707.343,660	213.877,507	-	-	4.626.259,926
- Phân loại lại	-	-	125.500,004	988.090,911	-	1.113.590,915
- Giảm khác	80.761,806	-	-	26.307,113	-	107.068,919
4. Số dư cuối năm	27.509.652,921	120.011.656,947	21.877.914,020	1.333.956,387	107.635,714	170.840.815,989

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình**

1. Tại ngày đầu năm	158.690.511,727	110.498.124,317	24.258.701,326	2.150.845,922	-	295.598.183,302
2. Tại ngày cuối năm	98.797.330,875	212.343.541,724	46.668.279,778	1.189.646,641	-	358.998.799,018

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang dở chế chấp, vẫn có đơn báo cáo các khoản vay, nợ;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

72.917.334,334 VND  
77.882.444,472 VND

**II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
1. Số dư đầu năm	5.986.068.212	5.986.068.212
2. Số tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	5.986.068.212	5.986.068.212
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu năm	1.048.532.730	1.048.532.730
2. Khấu hao trong năm	1.026.453.180	1.026.453.180
- Khấu hao tăng trong năm	1.026.453.180	1.026.453.180
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	2.074.985.910	2.074.985.910
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
1. Tại ngày đầu năm	4.937.535.482	4.937.535.482
2. Tại ngày cuối năm	3.911.082.302	3.911.082.302



## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
1. Số dư đầu năm	9.558.520.000	1.191.249.000	10.749.769.000
2. Số tăng trong năm	-	1.510.252.046	1.510.252.046
- Mua trong năm	-	1.110.252.046	1.110.252.046
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	400.000.000	400.000.000
3. Số giảm trong năm	9.045.000.000	-	9.045.000.000
- Giảm khác	9.045.000.000	-	9.045.000.000
4. Số dư cuối năm	513.520.000	2.701.501.046	3.215.021.046
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	27.405.055	374.887.987	402.293.042
2. Khấu hao trong năm	12.167.272	565.336.311	577.503.583
- Khấu hao tăng trong năm	12.167.272	539.780.754	551.948.026
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	25.555.557	25.555.557
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	39.572.327	940.224.298	979.796.625
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
1. Tại ngày đầu năm	9.531.114.945	816.361.013	10.347.475.958
2. Tại ngày cuối năm	473.947.673	1.761.276.748	2.235.224.421

**Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

239.249.000 VND

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.812.812.899</b>	<b>24.292.930.507</b>
- Chi phí CCDC xuất đúng	786.170.558	10.216.668.918
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	17.982.566.666	-
- Chi phí khác	1.044.075.675	14.076.261.589
<b>b. Dài hạn</b>	<b>264.807.077.902</b>	<b>179.463.643.222</b>
- Quyền sử dụng đất thuê	1.850.376.668	-
- Chi phí chờ phân bổ	6.937.797.902	13.875.595.804
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	9.014.986.593	-
- Chi phí CCDC xuất đúng	14.329.297.026	2.974.696.326
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	9.618.733.635	4.576.251.891
- Chi phí Dự án King Crown chờ phân bổ	27.863.313.342	-
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	180.970.490.820	116.050.363.603
- Chi phí khác	14.222.081.916	41.986.735.598
<b>Cộng</b>	<b>284.619.890.801</b>	<b>203.756.573.729</b>

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.780.665.000.177</b>	<b>4.780.665.000.177</b>	<b>426.043.797.807</b>	<b>426.043.797.807</b>
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Ricons	65.476.418.886	65.476.418.886	86.650.694.086	86.650.694.086
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	1.806.024.180.613	1.806.024.180.613	-	-
- Công ty CP Xây lắp Điện I	101.453.631.016	101.453.631.016	-	-
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	389.083.280.824	389.083.280.824	-	-
- Công ty TNHH Đầu Tư TMDV Thanh Thành Bình	122.493.038.510	122.493.038.510	-	-
- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Orchid	170.510.000.000	170.510.000.000	-	-
- Công ty TNHH Mai Tiến Thành	17.138.861.975	17.138.861.975	75.569.786.874	75.569.786.874
- Công ty TNHH Thái Hòa	330.068.307.692	330.068.307.692	-	-
- Nguyễn Văn Lục	633.259.670.213	633.259.670.213	-	-
- Các đối tượng khác	1.145.157.610.448	1.145.157.610.448	263.823.316.847	263.823.316.847
<b>b. Dài hạn</b>	<b>688.310.000.000</b>	<b>688.310.000.000</b>	-	-
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	688.310.000.000	688.310.000.000	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	<b>2.881.000.000</b>	<b>2.881.000.000</b>
- Nguyễn Thanh Hùng	-	-	2.881.000.000	2.881.000.000

## 15. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.689.338.591.783</b>	<b>748.047.370.394</b>
- Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	-	87.575.352.999
- Công ty CP Super Wind Energy Công Lý Cà Mau	250.000.000.000	-
- Công ty CP Năng Lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	-	145.000.000.000
- Các đối tượng khác	1.439.338.591.783	515.472.017.395
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios	40.000.000.000	-

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>114.368.286.229</b>	<b>455.130.352.833</b>	<b>448.845.523.033</b>	<b>120.653.116.029</b>
Thuế giá trị gia tăng	19.127.171.614	34.802.135.840	45.611.694.334	8.317.613.120
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	226.168.124.073	226.168.124.073	-
Thuế nhập khẩu	-	230.491.130	230.491.130	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.759.193.233	87.204.694.511	53.749.591.951	85.314.295.793
Thuế thu nhập cá nhân	2.639.412.634	9.404.336.689	9.424.570.973	2.619.178.350
Thuế tài nguyên	30.516.707.938	44.079.171.398	60.972.148.730	13.623.730.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	80.628.650	28.680.264.227	28.323.488.377	437.404.500
Thuế khác	3.738.042.647	5.467.298.620	5.205.095.456	4.000.245.849
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.507.129.513	18.993.836.345	19.160.318.009	6.340.647.849
<b>b. Phải thu</b>	<b>6.062.283.955</b>	<b>715.303.838</b>	<b>6.864.676.951</b>	<b>12.211.657.068</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.014.442.218	715.303.838	6.855.676.951	11.154.815.331
Thuế khác	1.047.841.737	-	9.000.000	1.056.841.737

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>91.507.897.206</b>	<b>209.453.968.175</b>
- Lãi vay, trái phiếu phải trả	65.553.507.902	185.734.622.755
- Trích trước chi phí phát hành trái phiếu	-	12.375.000.000
- Tạm trích chi phí giá vốn xây dựng	24.923.165.619	9.883.345.575
- Chi phí phải trả khác	1.031.223.685	1.460.999.845
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>91.507.897.206</b>	<b>209.453.968.175</b>

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.863.759.945.048</b>	<b>357.244.467.810</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	195.790.133
- Kinh phí công đoàn	120.414.640	110.196.754
- BHXH, BHYT, BHTN	203.013.275	404.696.379
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.863.436.517.133	356.533.784.544
+ Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Orchid	139.789.102.465	60.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	(1)	573.893.182.948
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	(2)	215.577.555.671
+ Khác	934.176.676.049	296.333.784.544



## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Dài hạn</b>		<b>5.264.977.995.848</b>	<b>977.387.947.657</b>
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn		3.500.000.000	4.950.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		5.261.477.995.848	972.437.947.657
+ Công ty CP BCG Land Gateway	(3)	1.042.000.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios		-	76.559.514.476
+ Công ty CP MGM Hambits	(4)	256.000.000.000	280.000.000.000
+ Công ty CP DV Chi Thủy		80.000.000.000	470.000.000.000
+ Công ty CP Green Solution	(5)	329.200.000.000	-
+ Công ty TNHH Thanh An An	(6)	550.000.000.000	-
+ Công ty CP Daffodils	(7)	350.000.000.000	-
+ VR Ngọc Tiến		242.500.000.000	-
+ Công ty CP Năng lượng Mặt trời Tân Thành 1	(8)	361.390.000.000	-
+ Công ty TNHH SX - XNK - TM DV Tổng hợp Hoàn Vũ		171.500.000.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh		355.498.900.000	-
+ Nguyễn Duy Kym		253.000.000.000	-
+ Nguyễn Thái Thanh Huy		211.700.000.000	-
+ Các đối tượng khác		658.689.095.848	145.878.433.181

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1208/2020/HTKD/GK-TRACODI ngày 12/08/2020 giữa Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi) và Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang. Thời gian hợp tác 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(2) Đây là các khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty con - Công ty CP BCG Land và Bà Phạm Thu Ngọc Thanh hợp tác đầu tư Khu đô thị sinh thái thông minh Bình Đức.

(3) Đây là các khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa công ty con - Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Năng lượng Sạch với Công ty CP BCG Land Gateway, thời hạn hợp tác từ 03 đến 10 năm từ năm 2020.

(4) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/2019/HĐ-HTĐT ngày 30/07/2019 giữa công ty TNHH Pegas và Công ty Cổ phần MGM Hambits. Số tiền hợp tác kinh doanh là 330 tỷ. Thời gian hợp tác 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(5) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và Công ty CP Green Solution, dự án Krong Pa 2, thời hạn 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(6) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1509/2020/HTĐT/TAA-TRACODI ngày 15/09/2020 giữa Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi) và Công ty TNHH Thanh An An. Thời gian hợp tác 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(7) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 0107/2020/HTĐT/DFD-TRACODI ngày 01/07/2020 giữa Công ty con - Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi) và Công ty CP Daffodils. Thời gian hợp tác 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(8) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 23112020/2020/HTKD-TANTHANH-BCGE ngày 23/11/2020 giữa Công ty con - Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Năng lượng Mặt Trời Tân Thành 1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có Mua bằng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có Mua bằng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<b>- Vay ngắn hạn</b>						
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài (1)	365.848.493.295	365.848.493.295	1.074.205.914.549	855.859.244.981	584.195.162.863	584.195.162.863
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	8.976.497.208	8.976.497.208	9.094.699.505	18.071.196.713	-	-
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài - (1)	-	-	1.129.014.000	1.129.014.000	-	-
+ TK vay trung gian (quy đổi từ USD - VND)	-	-	-	-	-	-
+ NH TMCP Tiên Phong - CN Giu Định - TK vay trung gian (1)	-	-	15.320.160.140	15.320.160.140	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh (1)	70.265.523.500	70.265.523.500	120.020.459.991	120.018.802.955	70.267.180.536	70.267.180.536
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình (1)	20.815.556.828	20.815.556.828	5.638.322.353	26.453.879.181	-	-
+ NH TMCP Phương Đông HCM (USD) (1)	7.426.177.566	7.426.177.566	1.804.212.500	9.230.390.066	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài (1)	5.499.000.000	5.499.000.000	11.724.635.060	11.729.000.000	5.494.635.060	5.494.635.060
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trì Tôn	20.000.000.000	20.000.000.000	30.000.000.000	36.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang	1.000.000.000	1.000.000.000	24.000.000.000	25.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (1)	11.887.664.998	11.887.664.998	6.300.000.002	18.187.665.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Nam Á (1)	130.000.000.000	130.000.000.000	698.800.000.000	410.000.000.000	418.800.000.000	418.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	71.481.500.832	71.481.500.832	88.840.424.181	110.321.925.013	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (1)	18.496.572.363	18.496.572.363	55.533.986.817	54.397.211.913	19.633.347.267	19.633.347.267
<b>- Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	-	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng TNPower	-	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>29.584.004.000</b>	<b>29.584.004.000</b>	<b>54.411.975.744</b>	<b>29.772.692.632</b>	<b>54.223.377.112</b>	<b>54.223.377.112</b>
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	284.004.000	284.004.000	510.233.000	402.904.000	391.333.000	391.333.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bank	-	-	12.278.794.528	69.698.632	12.209.095.896	12.209.095.896
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Trĩ Tôn	1.800.000.000	1.800.000.000	2.400.000.000	1.800.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
+ NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	-	-	148.000.000	-	148.000.000	148.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	1.014.948.216	-	1.014.948.216	1.014.948.216
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành	-	-	10.560.000.000	-	10.560.000.000	10.560.000.000
- <i>Nợ thuế tài chính đến hạn trả</i>	-	-	<b>2.310.291.744</b>	-	<b>2.310.291.744</b>	<b>2.310.291.744</b>
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV-SuMI (14) TRUST - CN TP.HCM	-	-	1.165.095.744	-	1.165.095.744	1.165.095.744
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Vạn Hạnh	-	-	1.145.196.000	-	1.145.196.000	1.145.196.000
- <i>Trái phiếu đến hạn trả</i>	<b>850.000.000.000</b>	<b>850.000.000.000</b>	-	<b>850.000.000.000</b>	-	-
+ Trái phiếu BCG phát hành theo mệnh giá	850.000.000.000	850.000.000.000	-	850.000.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.245.432.497.295</b>	<b>1.245.432.497.295</b>	<b>1.220.928.182.037</b>	<b>1.735.631.847.613</b>	<b>730.728.831.719</b>	<b>730.728.831.719</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincovn Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>A. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
- <b>Vay dài hạn</b>	<b>639.029.002.333</b>	<b>639.029.002.333</b>	<b>749.792.537.232</b>	<b>268.868.910.307</b>	<b>1.119.953.529.258</b>	<b>1.119.953.529.258</b>
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	-	-	90.738.610.706	90.738.610.706	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Tài	4.239.381.197	4.239.381.197	295.060.000	4.424.381.197	110.000.000	110.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trĩ Tôn	9.600.000.000	9.600.000.000	-	3.000.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	212.983.000	212.983.000	891.750.000	510.233.000	594.509.000	594.509.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	151.250.000.000	151.250.000.000	-	27.500.000.000	123.750.000.000	123.750.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	15.000.000.000	15.000.000.000	46.272.000.000	24.278.794.528	36.993.205.472	36.993.205.472
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Sai Gòn)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	305.000.000	305.000.000	690.000.000	312.500.000	682.500.000	682.500.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng	398.421.638.136	398.421.638.136	67.280.160.000	118.103.490.876	347.598.307.260	347.598.307.260
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	30.663.000.000	-	30.663.000.000	30.663.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12 - TP.HCM	-	-	261.537.907.266	-	261.537.907.266	261.537.907.266
+ Ngân hàng SHB - CN Phú Nhuận	-	-	8.336.384.334	-	8.336.384.334	8.336.384.334
+ Ngân hàng TPBank - CN Bến Thành	-	-	16.969.201.784	-	16.969.201.784	16.969.201.784
+ Ngân hàng Vpbank - CN Bến Thành	-	-	126.118.523.142	-	126.118.523.142	126.118.523.142



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincorn Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- <i>Nợ thuế tài chính dài hạn</i>	9.570.509.271	9.570.509.271	-	4.621.496.191	4.949.013.080	4.949.013.080
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust - CN TP.HCM (14)	4.607.973.271	4.607.973.271	-	2.531.104.191	2.276.869.080	2.276.869.080
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Vạn Hạnh (15)	4.962.536.000	4.962.536.000	-	2.290.392.000	2.672.144.000	2.672.144.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>648.599.511.604</b>	<b>648.599.511.604</b>	<b>749.792.537.332</b>	<b>273.489.506.498</b>	<b>1.124.902.542.338</b>	<b>1.124.902.542.338</b>

**Số đầu năm**

	Số đầu năm		Kỳ hạn	Giá trị	Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất			Lãi suất	Kỳ hạn
c. <i>Trái phiếu thường</i>						
- <i>Trái phiếu ngắn hạn</i>						
+ Loại phát hành theo mệnh giá (16)	-	-		1.300.000.000.000	12%	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (17)	-	-		400.000.000.000	12%	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (18)	-	-		200.000.000.000	11%	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (19)	-	-		500.000.000.000	11%	1 năm
- <i>Trái phiếu dài hạn</i>						
+ Loại phát hành theo mệnh giá (20)	487.929.688.350	6%	3 năm	1.424.496.688.350	6%	3 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (21)	112.929.688.350	11,5%	2 năm	112.929.688.350	11,5%	2 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (22)	375.000.000.000	-		375.000.000.000	11%	5 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (23)	-	-		350.000.000.000	11,0%	3 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (23)	-	-		50.000.000.000	11,0%	3 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (23)	-	-		70.000.000.000	11,0%	5 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (23)	-	-		100.000.000.000	11,0%	7 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá (24)	-	-		366.567.000.000	11%	1 năm / ngày
<b>Tổng cộng</b>	<b>487.929.688.350</b>			<b>2.724.496.688.350</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

- (1) Đây là các khoản vay từ ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng của các Công ty con và các ngân hàng, các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, dùng để bổ sung vốn lưu động. Tới năm đáo hạn là nhà xưởng, máy móc thiết bị, khoản phải thu đã hình thành luân chuyển và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của các Công ty con và tài sản của bên thứ ba.
- (2) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay số 39/2019/HĐTD/TKHDNL MN1/01 ngày 05/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Tracodi, thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay: Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Tracodi và Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư.
- (3) Đây là khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 7724/2020-HĐCVĐADTNHCTS42-NGUYỄN HOÀNG ngày 22/09/2020. Hạn mức vay 295.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, (xem mục V.07 chi tiết mục báo cáo tài chính này).
- (4) Khoản vay dài hạn của Antraco tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Trại Tôn theo Hợp đồng tín dụng số 1022/2019/HĐTD ngày 24/06/2019 với hạn mức tín dụng là 12 tỷ đồng với thời hạn hạn mức là 60 tháng để mua sắm thiết bị.
- (5) Đây là khoản vay của Công ty CP Bamboo Capital tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin để mua phương tiện vận tải của công ty.
- (6) Đây là khoản vay của Công ty CP Bamboo Capital tại Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng; số tiền vay 220 tỷ đồng; thời hạn vay 96 tháng; tài sản đảm bảo là giá trị phần vốn góp của BCG vào Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas.
- (7) Đây là khoản vay Công ty CP Bamboo Capital tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng; tài sản đảm bảo là tài sản liên quan dự án năng cấp nước rộng DT 830 và DT 874 tại cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, tỉnh Long An.
- (8) Đây là khoản vay của Công ty CP Du lịch Casa Marina theo hợp đồng vay số BEN/20155 ngày 30/09/2020 của ngân hàng TMCP Việt Nam Thành Vương - CN Bến Thành, số tiền vay 100.000.000.000 VND để mở rộng kinh doanh. Thời hạn vay 48 tháng.
- (9) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, bao gồm:
- Hợp đồng vay dài hạn số 2018-HĐCVĐADTNHCTS42-CASA MARINA ngày 25/02/2018, thời hạn vay 36 tháng. Thẻ chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty.
  - Hợp đồng vay dài hạn số 1528/2020-HĐCVĐADTNHCTS42-CASA MARINA ngày 03/08/2020, thời hạn vay 36 tháng. Thẻ chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty.
- (10) Vay dài hạn là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12 TP. HCM theo hợp đồng vay số 79/2020/HĐCVĐADTNHCTS44-NLS ngày 09/10/2020. Mục đích: cho vay tài sản toàn chi phí đầu tư Dự án. Thời hạn vay 126 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thái Tổ, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Báo cáo tài chính bợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (11) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Phố Nguyễn Huệ, Mục đích: Cho vay vốn đầu tư dự án "Điện mặt trời áp mái 800 kWp", thời hạn vay 10 năm. Hạn mức vay: 9 tỷ đồng.
- (12) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành, bao gồm:
  - Hợp đồng vay dài hạn số 17/2020/HĐVDTTKHDNL AN2/01 ngày 10/07/2020, số tiền vay 10.000.000.000 VND, thời hạn vay 84 tháng. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 9.984.150.000 VND.
  - Hợp đồng vay dài hạn số 17/2020/HĐVDTTKHDNL AN2/02 ngày 17/08/2020, số tiền vay 8.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản của Dự án. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 8.000.000.000 VND.
- (13) Đây là khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn số BSN/20226 ngày 18/12/2020, số tiền vay 150.000.000.000 VND, mục đích vay: đầu tư dự án Điện năng lượng mặt trời, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản liên quan của dự án Dự án.
- (14) Đây là khoản thuế Tài chính theo Hợp đồng số 21818000146/HĐCTTC ngày 17/10/2018; HĐ số 21818000151/HĐCTTC ngày 22/10/2018; Hợp đồng số 21819000010/HĐCTTC ngày 14/01/2019 và Hợp đồng số 21819000065/HĐCTTC ngày 17/04/2019 giữa Tracodi và Công ty Cho Thuế Tài chính TNHH BIDV-SuAB TRUST - CN TP.HCM. Số tiền nợ là: 6.338.711.034 đồng, thời hạn vay 05 năm từ ngày giải ngân.
- (15) Đây là khoản vay theo hợp đồng vay số 12394/19MN/HĐTD ngày 19/04/2019 giữa Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM (HD Bank) và Tracodi, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty (xem mục V.9 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (16) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành. Số lượng 2.500 trái phiếu phát hành ngày 05/05/2020 và số lượng 1.500 trái phiếu phát hành ngày 26/05/2020. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành. Số lượng 2.000 trái phiếu phát hành ngày 11/06/2020. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.
- (17) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành. Số lượng 2.000 trái phiếu phát hành ngày 22/07/2020. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.
- (18) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành. Số lượng 2.000 trái phiếu phát hành ngày 22/07/2020. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.
- (19) Đây là khoản phát hành trái phiếu 500 tỷ theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐQT-TCĐ và được công bố thông tin ngày 24 tháng 09 năm 2020. Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành, số lượng 500.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/Trái phiếu, thời hạn 12 tháng 1 ngày với lãi suất 17%/năm, định kỳ tính lãi 03 tháng/lần. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích vay: tăng quy mô vốn cụ thể là nâng cao năng lực, tái cơ cấu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản và tín dụng.
- (20) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu không chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài, Lãi suất Trái phiếu 6%/năm, kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu 15/12/2017.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (21) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tự vấn phát hành. Số lượng 3.750.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 21/01/2020. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Tài sản bảo đảm cho khoản trái phiếu là tài sản của bên thứ ba.
- (22) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tự vấn phát hành. Số lượng 1.500 trái phiếu được phát hành từ ngày 21/01/2020 và số lượng 2.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 31/12/2020. Mệnh giá: 100.000 đồng/ trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Tài sản bảo đảm cho khoản trái phiếu này là tài sản của bên thứ ba.
- (23) Theo Hợp đồng đặt mua số BCGE/2020/HEADM\_SHS ngày 31/08/2020 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội và Công ty Cổ phần BCG Energy liên quan đến trái phiếu BCGE có tổng mệnh giá 220 tỷ đồng. Phát hành từ ngày 31/08/2020. Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu.
- (24) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư trong nước, Mã Trái phiếu: BOND TNE 2020.01 đến ngày 31/12/2020. Số lượng trái phiếu đã phát hành là 3.663.670/4.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 1 năm 1 ngày; Lãi suất danh nghĩa: 11%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 11%/năm; Thời gian phát hành: ngày 28/12/2020.
- Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo lãnh thành toàn và được đảm bảo bằng tài sản, có lãi suất cố định.





## 20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiết	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đào lập trái phiếu		Số cuối năm
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
<b>1</b>	<b>Kỳ hạn gốc (tháng)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	36				36
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		36			36
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)			12		12
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					
<b>2</b>	<b>Kỳ hạn còn lại (tháng)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	21,5				21,5
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		36			36
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	32				32
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)			12		12
<b>3</b>	<b>Số lượng (trái phiếu)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	280			280	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		900.000			900.000
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	1.157.500				1.157.500
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)		100.455			100.455
<b>4</b>	<b>Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		1.000.000			1.000.000
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	100.000				100.000
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)		10.000.000			10.000.000
<b>5</b>	<b>Lãi suất (%)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	0,5%				5%
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		5%			7%
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	7%				10,5%
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)		10,5%			10,5%
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ chuyển đổi</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)			1.100.000		
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					

## 20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đầu hạn trái phiếu		Số cuối năm
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
7	Lãi suất chiết khấu					
	a Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	395.750.000.000	1.904.550.000.000	280.000.000.000	280.000.000.000	2.020.300.000.000
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	280.000.000.000		280.000.000.000		900.000.000.000
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					115.750.000.000
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					1.004.550.000.000
8	Nợ gốc trái phiếu					
	a Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)	395.750.000.000	1.904.550.000.000	280.000.000.000	280.000.000.000	2.020.300.000.000
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	280.000.000.000		280.000.000.000		900.000.000.000
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					115.750.000.000
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					1.004.550.000.000
9	Quyền chọn chuyển đổi					
	a Trái phiếu chuyển đổi BCG (15/10/2018)					
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					

Ghi chú:

(a) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 27/05/2020 đã chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 15/10/2018 thành cổ phiếu và Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT-BCG của Hội đồng quản trị ngày 27/07/2020 Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 280 trái phiếu phát hành ngày 15/10/2018 thành 28 triệu cổ phiếu.

(b) Trái phiếu phát hành theo hình thức Trái phiếu chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; k) hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu. Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày lần cuối trái phiếu cho đến hạn toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu BCG, với giá trị mệnh giá tối thiểu: 50 tỷ đồng và phần vượt quá là bội số của 10 tỷ đồng. Từ ngày đến hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá chuyển đổi dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Hợp đồng để phản ánh mức độ phản ứng. Giá chuyển đổi thực tế sẽ do HĐQT quyết định tại thời điểm chuyển đổi trên cơ sở đàm phán với Người sở hữu trái phiếu.

Tỷ lệ chuyển đổi: bằng Mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

Cổ phiếu chuyển đổi sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM sau khi chuyển đổi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)**

- (c) Công ty Cổ Phần BCG Energy phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Hamaha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd. theo Hợp đồng ngày 13/05/2019. Mã Trái phiếu: BOND/BE/2019.01
- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành; Quyển chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP BCG Energy với tỷ giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.
  - (d) - Công ty Cổ Phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. Mã trái phiếu: NLS\_BOND\_2020.
  - Số lượng trái phiếu: 100.455 trái phiếu; Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 1 năm 1 ngày; Lãi suất phát hành thực tế: 10,5%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 05/12/2020; Loại hình trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi tạm dồn bù; Phương thức thanh toán gốc và lãi: lãi sẽ được thanh toán tại ngày đáo hạn.
  - Quyển chuyển đổi: sau kỳ hạn kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Lầu 14, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>491.981.654</b>	<b>770.650.692</b>	<b>(10.511.948.317)</b>	<b>337.068.290.125</b>	<b>1.407.711.574.154</b>
- Lợi nhuận (lỗ) (giảm) trong năm	-	-	-	-	114.417.819.613	26.104.008.628	140.521.828.241
- Tăng (giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	(7.337.534)	(4.959.407)	31.994.646.934	64.409.832.202	96.392.182.195
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(2.244.479.606)	(6.084.325.096)	(8.328.804.702)
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	(11.769.161.981)	(11.769.161.981)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>484.644.120</b>	<b>765.691.285</b>	<b>133.656.038.624</b>	<b>409.728.643.878</b>	<b>1.624.527.617.907</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>484.644.120</b>	<b>765.691.285</b>	<b>133.656.038.624</b>	<b>409.728.643.878</b>	<b>1.624.527.617.907</b>
- Tăng vốn (*)	280.000.000.000	-	-	-	-	-	280.000.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	211.326.903.012	55.092.277.565	266.419.180.577
- Tăng (giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	(3.485.329)	(458.983.624)	(40.402.066.289)	969.941.868.682	929.077.333.400
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	(39.231.798.651)	(39.231.798.651)
- Chia cổ tức tại công ty mẹ (**)	-	-	-	-	(86.404.608.000)	-	(86.404.608.000)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(2.964.327.902)	(8.115.366.439)	(11.079.694.341)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.360.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>481.158.791</b>	<b>306.707.661</b>	<b>215.211.939.444</b>	<b>1.387.415.624.996</b>	<b>2.963.308.030.892</b>

**Ghi chú:**

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2020/NQ-DHCD-BCG ngày 27/05/2020 và Nghị quyết số 28/NQ-HDQT-BCG của Hội đồng quản trị ngày 27/07/2020, Công ty CP Bamboo Capital đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 280 trái phiếu phát hành ngày 15/10/2018 thành 28 triệu cổ phiếu.

(\*\*) Trong năm 2020, Công ty CP Bamboo Capital tiến hành chia cổ tức 8% mệnh giá bằng tiền mặt thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2020/NQ-DHCD ngày 27/06/2020 và Nghị quyết HDQT số 26/2020/NQ-HDQT ngày 3/7/2020.



**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**A. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Tổ chức, cá nhân khác

**Cộng**

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
<b>1.360.057.600.000</b>	<b>1.080.057.600.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- **Cổ tức lợi nhuận đã chia**

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1.080.057.600.000	1.080.057.600.000
280.000.000.000	-
-	-
1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
<b>86.404.608.000</b>	-

**d. Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ *Cổ phiếu phổ thông*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ *Cổ phiếu phổ thông*

\* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.900 đồng/cổ phiếu*

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
136.005.760	108.005.760
136.005.760	108.005.760
136.005.760	108.005.760
136.005.760	108.005.760
136.005.760	108.005.760

**e. Cổ tức**

- **Cổ tức đã công bố**

+ *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông*

+ *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi*

- **Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
86.404.608.000	-
86.404.608.000	-
-	-
-	-

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
306.707.661	765.691.285
481.158.791	484.644.120

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Ngoại tệ các loại*

- USD

- EUR

- JPY

**Nợ khó đòi đã xử lý**

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
70.105,90	183.692,75
782,33	793,25
-	880.093,00
<b>8.318.016.819</b>	<b>8.318.016.819</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

### 1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu</b>	<b>1.855.006.395.313</b>	<b>1.575.879.320.250</b>
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	1.016.547.067.737	1.059.854.255.928
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	281.076.191.179	142.766.093.658
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	557.383.336.397	373.258.970.664
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>61.675.185</b>	-
- Giảm giá hàng bán	37.475.185	-
- Hàng bán bị trả lại	24.200.000	-

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	891.860.797.538	924.996.379.206
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	49.824.998.105	37.180.935.167
- Giá vốn xây lắp	493.003.502.761	334.658.655.100
<b>Cộng</b>	<b>1.434.689.298.404</b>	<b>1.296.835.969.473</b>

### 3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.702.506.171	5.000.734.642
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.083.264.560	16.489.341.209
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	371.754.758.285	268.638.145.400
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	465.531.931.150	36.413.134.239
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	549.842.424	92.383.510
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.683.315.743	62.671.299
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	312.000	778.175.342
<b>Cộng</b>	<b>854.305.930.333</b>	<b>327.474.585.666</b>

### 4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	302.906.288.145	176.139.970.926
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	646.474.783	189.624.187
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	210.021.009	17.624.383
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	2.870.558.317	28.162.785
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	198.693.668.141	7.742.400.380
- Chi phí tài chính khác	49.309.899.665	1.350.542.571
<b>Cộng</b>	<b>554.636.710.060</b>	<b>185.468.325.232</b>

### 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>110.384.538.662</b>	<b>71.375.466.552</b>
- Chi phí nhân viên	952.929.321	1.564.232.467
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.369.221.778	422.341.478
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.238.523	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.222.486.514	63.854.463.803
- Chi phí bằng tiền khác	5.832.657.526	5.534.428.804

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

	Năm nay	Năm trước
<b>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</b>	<b>222.506.858.853</b>	<b>176.125.224.111</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	69.526.879.926	54.336.849.422
- Chi phí vật liệu quản lý	1.208.556.039	1.191.303.062
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.456.501.402	3.096.905.826
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.589.128.321	6.621.621.794
- Thuế, phí và lệ phí	2.524.255.923	1.120.520.184
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	35.018.798.809	35.842.780.999
- Phần bổ lợi thế thương mại	55.214.042.048	26.893.909.383
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.539.826.523	31.819.064.887
- Chi phí khác	17.428.869.862	15.192.268.554

**6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	763.125.327.346	303.058.152.650
- Chi phí nhân công	131.340.301.450	105.696.098.771
- Chi phí khấu hao	33.440.224.716	28.500.881.011
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.059.832.925.254	960.850.362.447
- Chi phí bằng tiền khác	152.891.349.526	80.840.097.354
<b>Cộng</b>	<b>3.140.630.128.272</b>	<b>1.478.945.592.234</b>

**7. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	15.778.814	4.981.647.379
- Các khoản khác	12.244.981.480	4.016.476.057
<b>Cộng</b>	<b>12.260.760.294</b>	<b>8.998.123.436</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	930.385.115
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	1.566.386.864	1.968.739.302
- Các khoản khác	12.088.827.362	3.293.914.772
<b>Cộng</b>	<b>13.655.214.226</b>	<b>6.193.039.189</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	333.248.987.946	192.334.450.749
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	229.171.201.792	69.239.066.026
- Tổng thu nhập chịu thuế	562.420.189.738	261.573.516.767
+ Lãi từ các năm trước chuyển sang	(3.704.937.733)	(215.113.276)
+ Thu nhập miễn thuế	-	-
- Tổng thu nhập tính thuế	558.715.252.005	260.849.864.905
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	88.019.998.348	52.169.972.981
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	111.743.050.401	52.169.972.981
+ Khoản thuế truy thu	280.811.723	-
+ Khoản thuế miễn giảm	(24.003.863.776)	-

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(21.190.190.979)	(357.350.482)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại</b>	<b>(21.190.190.979)</b>	<b>(357.350.482)</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	211.326.903.012	114.417.819.613
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	117.186.088	108.005.760
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.803</b>	<b>1.059</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	211.326.903.012	114.417.819.613
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	117.186.088	108.005.760
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.803</b>	<b>1.059</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có thể chấp 46.211.500.000 VND tại khoản mục tiền gửi có kỳ hạn (xem mục V.01 và V.04 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****a. Các bên liên quan**

Đơn vị	Quan hệ
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty CP BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty CP BCG Energy	Công ty con
Công ty Liên doanh khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Tâm nhân Năng lượng Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Greensky Initiative	Công ty con gián tiếp



**a. Các bên liên quan (Tiếp theo)**

<i>Đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Evergreen 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Evergreen 2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Evergreen 3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Evergreen 4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo Development 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo Development 2	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Sustainable Energy Aspiration (SEA JSC)	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Đảo	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Aussino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty CP Năng lượng BCG Bằng Dương	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Đầu tư TM DV Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Bleu Soliel	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER 5	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER 6	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER 7	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

<i>Đơn vị</i>	<i>Chi tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
Phải trả các Bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	12.945.205.478
Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Thu lãi hợp đồng cho vay	475.700.850
	Thu nợ gốc vay	3.500.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Lãi phải thu tiền hợp tác đầu tư	5.098.424.658
	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	60.000.000.000
	Trả lại tiền mượn	1.675.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Gia Khang	Cung cấp dịch vụ	5.000.000.000
	Lãi trái phiếu phải trả	290.585.138.000
	Thu lãi hợp đồng cho vay	2.663.549.704

## c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	1.190.778.574
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	196.125.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	723.150.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	671.774.978
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	434.986.664
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	860.279.998
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	98.700.000
Đình Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	270.686.271
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	196.457.898
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.642.939.384</b>

## d. Số dư với các bên liên quan

Đơn vị	Chi tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T DT830	Phải thu dài hạn khác	52.500.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác	123.082.192
	Phải trả ngắn hạn khác	200.000.000
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.022.361.100
	Phải thu ngắn hạn khác	25.280.878.890
Công ty CP Bleu Soleil	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.054.376.944
	Phải thu khách hàng ngắn hạn	430.829.167
	Phải thu ngắn hạn khác	1.845.905.819
	Phải thu dài hạn khác	37.517.588.995
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	Phải thu ngắn hạn khác	5.920.000.000
Công ty TNHH Ever5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.796.139.945
	Phải thu dài hạn khác	14.438.727.292
Công ty TNHH Ever6	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.796.139.945
	Phải thu dài hạn khác	14.438.727.292
Công ty TNHH Ever7	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.849.804.863
	Phải thu ngắn hạn khác	650.000.000
	Phải thu dài hạn khác	8.710.981.833
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Phải thu ngắn hạn khác	4.965.494.723
Công ty Cổ Phần Đầu Tư TM DV Gia Khang	Phải trả ngắn hạn khác	573.893.182.948
	Phải thu dài hạn khác	290.585.138.000
	Phải thu khách hàng ngắn hạn	5.504.950.000
Công ty TNHH BOT DT 830	Phải thu khách hàng ngắn hạn	22.875.000
Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	Phải thu ngắn hạn khác	4.740.000.000

**2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.016.485.392.552	281.076.191.179	557.383.336.397	1.854.944.920.128
Giá vốn	891.860.797.538	49.824.998.105	493.003.502.761	1.434.689.298.404
Lợi nhuận gộp	124.624.595.014	231.251.193.074	64.379.833.636	420.255.621.724

**3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KÊ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-ĐHĐCD-BCG ngày 24/09/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu từ đợt chào bán và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 14/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 12/03/2021 về việc phân phối cổ phần không bán hết trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. Ngày 16/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã phát hành chào bán thành công 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với số vốn huy động là 674.623.800.000 VND, nâng tổng vốn điều lệ Công ty lên là 2.034.681.400.000 VND.

**4. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

*Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021*



Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 41

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 20 ngày 05/04/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2.034.681.400.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2021: 2.034.681.400.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, dịch vụ.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chần, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ, Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

### **4. Kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-DHDCD-BCG ngày 15/03/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 về việc triển khai phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.034.681.400.000 đồng lên thành 2.975.371.740.000 đồng, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22 tại ngày 24/08/2021.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật**

**Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên độc lập HĐQT
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên độc lập HĐQT
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên độc lập HĐQT
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 15/05/2021)
Ông	Anthony Lim	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/05/2021)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Ông	Đình Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Kou Kok Yow	Thành viên

**Đại diện theo pháp luật**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	
-----	---------------	--

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**9. Cam kết khác**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2021*

**Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật**



**Nguyễn Hồ Nam**



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Bamboo Capital, được lập ngày 03/08/2021, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - kiểm toán thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**



Lê Đình Ai

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>171.422.853.181</b>	<b>191.429.113.591</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	13.862.630.886	12.021.135.270
1. Tiền	111		3.452.630.886	1.611.135.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.410.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	980.000.000	980.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		980.000.000	980.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.540.222.295	177.805.198.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	93.249.008.736	165.387.826.916
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	8.110.618.001	5.719.500.001
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	55.180.595.558	6.697.871.526
IV. Hàng tồn kho	140		40.000.000	40.000.000
1. Hàng tồn kho	141	V.06	40.000.000	40.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	582.779.878
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	582.779.878
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.926.037.792.897</b>	<b>3.680.715.158.024</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		53.105.827.373	53.105.827.373
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	53.105.827.373	53.105.827.373
II. Tài sản cố định	220		4.643.748.905	4.584.602.828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	4.588.170.619	4.516.198.786
- Nguyên giá	222		8.484.705.655	7.864.578.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.896.535.036)	(3.348.379.596)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	55.578.286	68.404.042
- Nguyên giá	228		76.934.346	76.934.346
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.376.360)	(8.550.504)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		535.500.000	535.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	4.867.375.513.903	3.622.175.513.903
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.665.550.896.196	3.439.350.896.196
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.529.156.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.538.586)	(508.538.586)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		377.202.716	313.713.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	377.202.716	313.713.920
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.097.460.646.078</b>	<b>3.872.144.271.615</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.768.550.005.109</b>	<b>2.263.744.284.950</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>130.352.299.637</b>	<b>240.016.891.128</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.768.503.737	47.789.849.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	195.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.254.336.650	29.759.380.803
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	8.174.494.515	27.739.726.026
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	100.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	69.315.694.920	74.600.158.920
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	40.839.269.815	59.733.776.163
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.638.197.705.472</b>	<b>2.023.727.393.822</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	534.310.000.000	688.310.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	793.150.000.000	161.150.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	410.737.705.472	274.267.393.822
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.11	900.000.000.000	900.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.328.910.640.969</b>	<b>1.608.399.986.665</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>2.328.910.640.969</b>	<b>1.608.399.986.665</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.034.681.400.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.034.681.400.000	1.360.057.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		294.394.240.969	248.507.386.665
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		248.507.386.665	59.673.247.613
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		45.886.854.304	188.834.139.052
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.097.460.646.078</b>	<b>3.872.144.271.015</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập ngày 05 tháng 06 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	69.311.239.545	32.735.354.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.311.239.545	32.735.354.760
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	13.621.855.065	18.055.774.510
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.689.384.480	14.679.580.250
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	47.533.113.748	92.826.694.790
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	37.689.231.018	53.760.822.528
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.418.201.674	52.987.222.328
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	18.213.650.573	11.071.384.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.319.616.637	42.674.068.491
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	519.674.503	-
13. Lợi nhuận khác	40		(519.674.503)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.799.942.134	42.674.068.491
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	913.087.830	8.534.813.698
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.886.854.304	34.139.254.793

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.799.942.134	42.674.068.491
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		560.981.196	274.471.142
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(47.237.448.038)	(92.823.244.788)
- Chi phí lãi vay	06		37.418.201.674	52.987.222.528
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.541.676.966	3.112.517.373
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		66.017.754.426	(301.489.776.552)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	1.130.477.300
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		437.262.190.033	110.809.090.869
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(63.488.796)	619.073.483
- Tiền lãi vay đã trả	14		(58.983.433.185)	(213.825.254.205)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.380.131.495)	(10.917.913.659)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>452.394.567.949</b>	<b>(419.501.785.391)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(620.127.273)	(1.580.352.364)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.245.200.000.000)	(1.064.200.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.398.444.400.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.067.449.638	32.307.698.744
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.242.752.677.635)</b>	<b>364.971.746.380</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		674.623.800.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		278.625.748.064	945.219.891.600
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(161.049.942.762)	(892.126.216.536)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>792.199.605.302</b>	<b>53.093.675.064</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.841.495.616</b>	<b>(1.436.363.947)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.021.135.270	10.985.162.573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>13.862.630.886</b>	<b>9.548.798.626</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2021

Trưởng Hội đồng Quản trị HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 20 ngày 05/04/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2.034.681.400.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2021: 2.034.681.400.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Lắp trình máy vi tính, Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở), Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác, Bán mô tô, xe máy, Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy, Cho thuê ô tô, Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình công ích, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chuẩn bị mặt bằng, Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, Hoàn thiện công trình xây dựng, Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, Sản xuất thảm, chần, đệm, Bán buôn vải, hàng may mặc, giầy dép, Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống), Đại lý ô tô và xe có động cơ khác, Bán buôn thực phẩm, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Khai thác gỗ, Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ, Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, Sản xuất đồ gỗ xây dựng, Bán lẻ phân bón, Khai thác quặng sắt, Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

**6. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30/06/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 06 (sáu) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 45 (bốn mươi lăm) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 09 (chín) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

**a. Danh sách văn phòng đại diện**

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Huệ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

**b. Danh sách các Công ty con trực tiếp**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	52,02%	52,02%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,33%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,52%	81,91%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,26%	99,26%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.	80,00%	80,00%

**c. Danh sách các Công ty con gián tiếp**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Trại Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	26,01%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	55,00%	28,61%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	70,00%	36,41%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 - KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	63,97%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Phường Ghềnh Răng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	57,34%

## c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	59,43%	48,68%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,24%
Công ty Cổ phần Helios Village	Số 32, Đường Hoàng Diệu, Tổ dân phố 4, Phường Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.	80,00%	65,53%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	100%	81,91%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	100%	81,91%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,24%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Cồn Bắp, Phường Cẩm Nam, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,10%	41,04%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	60,00%	55,30%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14 - 08A, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định.	90,28%	89,61%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	67,80%
Công ty Cổ phần Greensky Infinite	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	74,90%	73,60%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trĩ, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	50,12%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	50,62%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cần PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,60%	92,91%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Cần PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,50%	92,91%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	98,27%



## c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Số 356, Tổ 13, Ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	50,13%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	79,00%	77,63%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH BCG Ever1	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever2	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever3	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever4	1/10 Ngô Văn Trí, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	50,90%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	98,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH BCG Ever5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG Ever6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG Ever7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,06%

*d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bằng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,78%

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B, Đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	30,00%	15,61%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,24%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,53%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.	20,00%	10,40%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	48,64%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	49,00%	48,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	23,85%

## **II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền đi đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhận đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuế hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuế tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ trích khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư cho tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03

## 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tình chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

## 8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phân ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

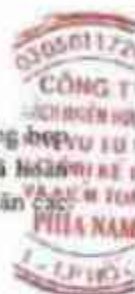
Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí huộc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu công ty chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### **18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
- Tiền mặt	144.132.840	58.240.136
- Tiền gửi ngân hàng	3.308.498.046	1.552.895.134
+ Tiền gửi VND	3.284.828.750	1.534.949.714
+ Tiền gửi ngoại tệ	23.669.296	17.945.420
- Các khoản trong đương tiền (*)	10.410.000.000	10.410.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.862.630.886</b>	<b>12.021.135.270</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Bà Chiểu. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.16 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này).

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>93.249.008.736</b>	<b>165.387.826.916</b>
- Dragon Lane Investment Holding Limited	80.000.185.800	116.200.500.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bất động sản Thăng Long	-	45.000.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Land	5.337.700.000	1.377.700.000
- Phải thu khách hàng khác	7.911.122.936	2.809.626.916
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>12.719.400.000</b>	<b>2.750.000.000</b>
- Công ty Cổ phần BCG Land	5.337.700.000	1.377.700.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	1.389.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	3.209.000.000	1.281.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	2.783.700.000	91.300.000

**3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>8.110.618.001</b>	<b>5.719.500.001</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư DSENSE ISLAND Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
- Global Asset Solution FZ LLC	348.600.000	227.280.000
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	930.528.000	-
- Công ty Cổ phần Fingroup	1.408.000.000	-
- Đối tượng khác	423.490.001	492.220.001
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng gồm niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị hợp lý
<b>a. Chứng khoán khả doanh</b>	-	-	-	-
<b>b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000
<b>b.1 Ngân hàng</b>	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000
<b>b.2 Đất đai</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	980.000.000	980.000.000	-	980.000.000

**Ghi chú:**

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu. Toàn bộ khoản tiền gửi này được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (xem mục V.10 thuộc minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này).

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị hợp lý
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	4.867.884.052.489	4.867.375.513.903	(508.538.586)	3.622.684.052.489
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	4.665.550.896.196	4.665.550.896.196	-	3.439.350.896.196
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (1)	479.460.500.000	479.460.500.000	-	299.460.500.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	270.160.000.000	270.160.000.000	-	270.160.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Land	1.256.400.000.000	1.256.400.000.000	-	1.014.200.000.000
- Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	667.530.336.196	667.530.336.196	-	667.530.336.196
- Công ty Cổ phần BCG Energy	1.608.000.000.000	1.608.000.000.000	-	1.188.000.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cà Trê	384.000.000.000	384.000.000.000	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	182.804.000.000	182.295.461.414	(508.538.586)	182.295.461.414
- Công ty Cổ phần Ausino Highland Agriculture	1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)	595.461.414
- Công ty TNHH B.O.T BTR30	103.200.000.000	103.200.000.000	-	103.200.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	78.500.000.000	78.500.000.000	-	78.500.000.000
<b>Đầu tư vào các đơn vị khác</b>	19.529.156.293	19.529.156.293	-	529.156.293
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Đầu tư Việt Nam	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
- Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	4.867.884.052.489	4.867.375.513.903	(508.538.586)	3.622.684.052.489
				(508.538.586)
				(508.538.586)



**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(1) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2021/NQ-HDQT-BCG ngày 19/01/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải với giá trị là 180 tỷ đồng. Mặt khác Công ty cũng đã thế chấp 8.869.053 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải thuộc sở hữu BCG cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land. Mã hiệu BCGLH1921001.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/2020/NQ-HDQT-BCG ngày 14/07/2020 và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HDQT-BCG ngày 18/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BGG Land với tổng giá trị là 242,2 tỷ đồng.

(3) Khoản đầu tư cổ phần tại Công ty TNHH Indochina Hoi An Beach Villas đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này).

(4) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2021/NQ-HDQT-BCG ngày 18/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BGG Energy với giá trị là 420 tỷ đồng.

(5) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2021/NQ-HDQT-BCG ngày 16/03/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần BCG Land và góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cái Tranh với tổng giá trị vốn đầu tư là 384 tỷ đồng.

(6) Tại ngày 08/04/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp với số tiền là 19.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 19% trên vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>53.180.595.558</b>	-	<b>6.697.871.526</b>	-
- Tam ứng	232.627.100	-	233.427.342	-
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	19.000.000	-
- Phải thu khác	54.928.968.458	-	6.445.444.184	-
+ Công ty Cổ phần BCG Wund Sác Trông	5.475.000.000	-	5.475.000.000	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Thành Đại Nam Security	-	-	736.611.112	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830	173.219.178	-	123.082.192	-
+ Công ty Cổ phần BCG Land	44.160.908.400	-	-	-
+ Khác	5.110.750.880	-	110.750.680	-
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>53.105.827.373</b>	-	<b>53.105.827.373</b>	-
- Phải thu khác	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830 (*)	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	605.827.373	-	605.827.373	-
<b>Cộng</b>	<b>108.286.422.931</b>	-	<b>59.803.698.899</b>	-

**Ghi chú:**

(\*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH B.O.T ĐT 830 để đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 tại Long An theo Hợp đồng hợp tác số 01/2019/HĐ-BOT830/HTDT ngày 18/12/2019 có thời hạn dự kiến là 05 năm. Tài sản đã được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này).

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	40.000.000	-	40.000.000	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>40.000.000</b>	-	<b>40.000.000</b>	-

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
1. Số dư đầu kỳ	60.000.000	6.887.362.182	917.216.200	7.864.578.382
2. Số tăng trong kỳ	-	585.581.818	34.545.455	620.127.273
- Mua trong kỳ	-	585.581.818	34.545.455	620.127.273
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	60.000.000	7.472.944.000	951.761.655	8.484.705.655
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu kỳ	60.000.000	2.822.708.545	465.671.051	3.348.379.596
2. Khấu hao trong kỳ	-	494.993.262	53.162.178	548.155.440
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	494.993.262	53.162.178	548.155.440
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	60.000.000	3.317.701.807	518.833.229	3.896.535.036
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
1. Tại ngày đầu kỳ	-	4.064.653.637	451.545.149	4.516.198.786
2. Tại ngày cuối kỳ	-	4.155.242.193	432.928.426	4.588.170.619

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: 2.313.120.143 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.420.622.382 VND



**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**a. Ngân hạn**

**b. Dứt hạn**

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất đồng  
 Cộng

Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
377.202.716	313.713.920
377.202.716	313.713.920
<b>377.202.716</b>	<b>313.713.920</b>

**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 01/01/2021		Phải sinh		Ngày 30/06/2021	
	Giá trị	Số có nợ bằng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có nợ bằng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>59.733.776.163</b>	<b>59.733.776.163</b>	<b>29.225.748.064</b>	<b>48.120.254.412</b>	<b>40.839.269.815</b>	<b>40.839.269.815</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>19.633.347.267</b>	<b>19.633.347.267</b>	<b>17.225.748.064</b>	<b>22.034.529.464</b>	<b>14.824.565.867</b>	<b>14.824.565.867</b>
- Ngân hàng TMCP Dầu khí và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (1)	19.633.347.267	19.633.347.267	17.225.748.064	22.034.529.464	14.824.565.867	14.824.565.867
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>40.100.428.896</b>	<b>40.100.428.896</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>26.085.724.948</b>	<b>26.014.703.948</b>	<b>26.014.703.948</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	391.333.000	391.333.000	-	231.177.000	160.156.000	160.156.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng (4)	27.500.000.000	27.500.000.000	-	13.750.000.000	13.750.000.000	13.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	12.209.095.896	12.209.095.896	12.000.000.000	12.164.547.948	12.104.547.948	12.104.547.948
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>161.337.705.472</b>	<b>161.337.705.472</b>	<b>261.400.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>416.737.705.472</b>	<b>416.737.705.472</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	594.500.000	594.500.000	-	-	594.500.000	594.500.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	36.993.205.472	36.993.205.472	-	12.000.000.000	24.993.205.472	24.993.205.472
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Đà Nẵng (6)	123.750.000.000	123.750.000.000	-	-	123.750.000.000	123.750.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Liên City (5)	-	-	261.400.000.000	-	261.400.000.000	261.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>221.071.481.635</b>	<b>221.071.481.635</b>	<b>293.625.748.064</b>	<b>60.120.254.412</b>	<b>451.576.975.287</b>	<b>451.576.975.287</b>





**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

c. Các khoản nợ thuế tài chính

- d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán  
e. Trái phiếu thường

	Ngày 01/01/2021		Ngày 30/06/2021	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
- Loại phải lãi theo mệnh giá	112.929.688.350	0%	3 năm	-
<b>Cộng</b>	<b>112.929.688.350</b>			<b>-</b>

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chểu. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vật tư của Công ty và khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chểu (xem mục F.01, F.04, F.07 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này).

(2) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Mục đích vay mua xe ô tô doanh nghiệp. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vật tư của công ty (xem mục F.07 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này).

(3) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là vật án năng cấp, mở rộng DT 210 và DT 824 từ chủ An Thành đến thị trấn Dale Hôa, Tỉnh Long An (xem mục F.03 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

(4) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nạn Á - CN Đà Nẵng. Số tiền vay 220 tỷ đồng. Thời hạn vay 96 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị phần vốn góp của BCG vào Công ty TNHH Indochina Hill An Beach Villas (xem mục F.04 thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

(5) Đây là khoản Công ty Cổ phần Bamboo Capital nhận được theo Hợp đồng vay ngày 07/04/2021 với Công ty Cổ phần Phát triển Lion City. Thời gian cho vay là 18 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021**11. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

STT	Chi tiêu	Số đầu kỳ	Phát hành trong kỳ	Đào hạn trái phiếu		Số cuối kỳ	Bên liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	Kỳ hạn gốc (tháng) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	36	36			36	
2	Kỳ hạn còn lại (tháng) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	28,5	28,5			22,5	
3	Số lượng (trái phiếu) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	900.000	900.000			900.000	
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	1.000.000	1.000.000			1.000.000	
5	Lãi suất (%) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	5%	5%			5%	
6	Tỷ lệ chuyển đổi Phát hành ngày 20/05/2020						
7	Lãi suất chiết khấu Phát hành ngày 20/05/2020						
8	Nợ gốc trái phiếu Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	900.000.000,000	900.000.000,000			900.000.000,000	
9	Quyền chọn chuyển đổi Phát hành ngày 20/05/2020					900.000.000,000	

**Ghi chú:**

(\*) Mã Trái phiếu là BCG\_BOND2020 là Trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ, không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 03 năm, kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày tiêu trừ hoặc ngày đáo hạn toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu BCG, với giá trị mệnh giá tối thiểu 50 tỷ đồng và phần vượt quá là bội số của 10 tỷ đồng. Tại ngày đáo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá chuyển đổi dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Hợp đồng để phản ánh mức độ pha loãng. Giá chuyển đổi thực tế sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định tại thời điểm chuyển đổi trên cơ sở đàm phán với Người sở hữu trái phiếu.

Tỷ lệ chuyển đổi: bằng Mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

## 12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	9.768.503.737	9.768.503.737	47.789.849.216	47.789.849.216
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	7.416.510.929	7.416.510.929	46.547.597.777	46.547.597.777
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	2.080.432.764	2.080.432.764	109.948.520	109.948.520
- Các đối tượng khác	271.560.044	271.560.044	1.132.302.919	1.132.302.919
<b>b. Dài hạn</b>	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>544.078.503.737</b>	<b>544.078.503.737</b>	<b>736.099.849.216</b>	<b>736.099.849.216</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>2.080.432.764</b>	<b>2.080.432.764</b>	<b>109.948.520</b>	<b>109.948.520</b>
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	2.080.432.764	2.080.432.764	109.948.520	109.948.520

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2021		Ngày 30/06/2021	
	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ
<b>a. Phải nộp</b>	29.759.380.803	4.133.126.171	31.638.170.324	2.254.336.650
Thuế giá trị gia tăng	-	465.994.463	425.502.673	40.491.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.095.841.175	913.087.830	29.380.131.495	628.797.510
Thuế thu nhập cá nhân	324.749.628	2.214.043.065	953.745.343	1.585.047.350
Thuế khác	338.790.000	540.000.813	878.790.813	-
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
	<b>a. Ngắn hạn</b>	8.174.494.515
- Tạm trích chi phí giá vốn hàng hóa đã bán	2.000.000.000	-
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	6.174.494.515	27.739.726.026
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.174.494.515</b>	<b>27.739.726.026</b>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngân hạn</b>	<b>69.315.694.920</b>	<b>74.699.158.920</b>
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	105.536.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.210.158.920	74.699.158.920
+ Công ty TNHH B.O.T DT830	200.000.000	200.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (1)	68.924.000.000	52.793.000.000
+ Trương Hoàng Vinh	-	20.000.000.000
+ Các đối tượng khác	86.158.920	1.706.158.920
<b>b. Dài hạn</b>	<b>793.150.000.000</b>	<b>161.150.000.000</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	793.150.000.000	161.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy (2)	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas (3)	64.150.000.000	64.150.000.000
+ Công ty TNHH KD BĐS Thăng Long (4)	378.000.000.000	-
+ Nguyễn Thị Minh Thương (5)	180.000.000.000	-
+ Trần Thủy Dung (6)	74.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	17.000.000.000	17.000.000.000
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản tạm ứng trước cổ tức của Dự án Malibu Hội An.

(2) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/2020-HDHTKD-BCG-CHITHUY ngày 27/03/2020 và Phụ lục số 01/2020/HTKD-BCG-CHITHUY giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Thời gian thực hiện 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng số 07A/2018/HĐVY-IND-BCG ngày 30/08/2018 và Phụ lục hợp đồng số 07A/2018/HĐVY-IND-BCG/PLHD01 ngày 28/08/2020, thời hạn hợp đồng đến ngày 29/08/2022.

(4) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty TNHH KD BĐS Thăng Long. Thời gian thực hiện 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(5) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng số 04/2021/HĐVY-BCG-NTMT ngày 01/02/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Bà Nguyễn Thị Minh Thương. Thời gian hợp đồng là 24 tháng.

(6) Đây là khoản nhận được theo Hợp đồng số 11/2021/HĐVY-BCG-TTD ngày 20/05/2021 giữa Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Bà Trần Thủy Dung. Thời gian hợp đồng là 24 tháng.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	146.077.855.613	1.225.970.455.613
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	34.139.254.793	34.139.254.793
Số dư tại ngày 30/06/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	180.217.110.406	1.260.109.710.406
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.360.057.600.000	(165.000.000)	248.507.386.665	1.608.399.986.665
- Tăng vốn (*)	674.623.800.000	-	-	674.623.800.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	45.886.854.304	45.886.854.304
Số dư tại ngày 30/06/2021	2.034.681.400.000	(165.000.000)	294.394.240.969	2.328.910.640.969

**Ghi chú:**

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 30/09/2020. Công ty đã thực hiện chào bán 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 2.034.681.400.000 đồng.



**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Vốn Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	2.034.681.400.000	1.360.057.600.000
<b>Cộng</b>	<b>2.034.681.400.000</b>	<b>1.360.057.600.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</u>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	674.623.800.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.034.681.400.000	1.080.057.600.000
- <b>Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	-	-

*d. Cổ phiếu*

	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	203.468.140	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	203.468.140	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	203.468.140	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	203.468.140	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	203.468.140	136.005.760

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

*e. Cổ tức*

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-ĐHĐCD-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021, sau ngày khóa sổ lập báo cáo 30/06/2021 Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2020 là 10% (vốn điều lệ (8% bằng tiền mặt, 2% bằng cổ phiếu), Cổ tức công bố trong năm 2020 là 8% (vốn điều lệ (8% bằng tiền mặt) theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 06/2020/NQ-ĐHĐCD-TCD ngày 27/06/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 03/07/2020.

*f. Các quỹ của doanh nghiệp*

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Ngày 30/06/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngopt tợ các loại		
- USD	1.039,82	779,82

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021</i>	<i>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</i>
<b>1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
<i>a. Doanh thu</i>	<b>69.311.239.545</b>	<b>32.735.354.760</b>
- Doanh thu bán hàng	8.362.737.000	18.772.554.760
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.948.502.545	13.962.800.000
<i>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<b>14.924.000.000</b>	<b>6.947.800.000</b>
- Công ty Cổ phần BCG Land	4.320.000.000	1.793.800.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	6.084.000.000	2.434.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	2.880.000.000	1.700.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	1.440.000.000	1.020.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng lượng sạch	200.000.000	-
<b>2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
- Giá vốn hàng hóa	8.054.488.000	17.887.674.510
- Giá vốn dịch vụ	5.567.367.065	168.100.000
<b>Cộng</b>	<b>13.621.855.065</b>	<b>18.055.774.510</b>
<b>3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.682.516	472.559.856
- Lãi hợp đồng hợp tác, đầu tư khác	2.865.767.122	2.350.684.932
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	90.000.000.000
- Có tức, lợi nhuận được chia	44.169.998.400	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	295.665.710	600.002
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.850.000
<b>Cộng</b>	<b>47.533.113.748</b>	<b>92.826.694.790</b>
<b>4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	37.418.201.674	52.987.222.528
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	151.029.344	-
- Chi phí tài chính khác	120.000.000	773.600.000
<b>Cộng</b>	<b>37.689.231.018</b>	<b>53.760.822.528</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	-	-
<i>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>18.213.650.573</b>	<b>11.071.384.021</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.677.342.918	5.688.842.982
- Chi phí vật liệu quản lý	456.591.501	349.422.145
- Chi phí đồ dùng văn phòng	166.936.485	833.191.664
- Chi phí khấu hao TSCĐ	560.981.196	274.471.142
- Thuế, phí và lệ phí	11.748.181	5.937.778
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.929.514.308	3.327.666.864
- Chi phí bằng tiền khác	2.410.535.984	591.851.446

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Các khoản phạt	519.362.701	-
- Các khoản khác	311.802	-
<b>Cộng</b>	<b>519.674.503</b>	-

**7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	456.591.501	349.422.145
- Chi phí nhân công	7.677.342.918	5.688.842.982
- Chi phí khấu hao TSCĐ	560.981.196	274.471.142
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.929.514.308	3.327.666.864
- Chi phí bằng tiền khác	2.589.220.650	1.430.980.888
<b>Cộng</b>	<b>18.213.650.573</b>	<b>11.071.384.021</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.799.942.134	42.674.068.491
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(43.650.635.699)	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	519.362.701	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(44.169.998.400)	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	3.149.306.435	42.674.068.491
- Tổng thu nhập tính thuế	3.149.306.435	42.674.068.491
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	913.087.830	8.534.813.698
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	629.861.287	8.534.813.698
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	283.226.543	-



**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có thể chấp 11.390.000.000 đồng tại khoản mục tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem mục V.01 và V.04 phần thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

**3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác

Từ ngày 01/01/2021  
đến ngày 30/06/2021  

---

17.225.748.064  
261.400.000.000

**4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường

Từ ngày 01/01/2021  
đến ngày 30/06/2021  

---

48.120.254.418  
112.929.688.350

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần ĐT TM DV Gia Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thành Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp

**a. Các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dieu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Dieu Soleil-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Helios Village	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bằng Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần ĐT TM Dịch Vụ An Khang Land	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**Ghi chú:**

Người thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.02, V.12 và V1.01 của Thuyết minh báo cáo tài chính này. Công ty có các nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

**h. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Các bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	10.661.643.835
Công ty Cổ phần BCG Land	Chuyển tiền góp vốn	242.200.000.000
	Mua cổ phần	80.000.000.000
	Cổ tức phải thu	44.169.998.400
Công ty Cổ phần BCG Energy	Chuyển tiền góp vốn	420.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Chuyển tiền góp vốn	180.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinch	Chuyển tiền góp vốn	304.000.000.000
Công ty TNHH B.O.T DT830	Thu lãi tiền hợp tác	2.813.630.130
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Mượn tiền	16.131.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	1.970.484.240



**c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác**

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	420.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	210.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	385.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	103.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	350.000.000
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	140.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	105.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.925.000.000</b>

**d. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mã số trên CBKT	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	315	2.415.068.491
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	68.924.000.000
	337	64.150.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	136	62.344.128
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwa BCG Bàng Dương	136	10.000.000
Công ty TNHH B.O.T DT830	136	173.219.178
	319	200.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	216	32.500.000.000
	136	5.475.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	136	44.169.998.400

## 2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	8.362.737.000	60.948.502.545	69.311.239.545
Giá vốn	8.054.488.000	5.567.367.065	13.621.855.065
Lợi nhuận gộp	308.249.000	55.381.135.480	55.689.384.480

## 3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2021/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 về việc triển khai phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.034.681.400.000 đồng lên thành 2.975.371.740.000 đồng, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22 tại ngày 24/08/2021.

## 4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCs) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 03 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021*

Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 6



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021.

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 20 ngày 05/04/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2.034.681.400.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2021: 2.034.681.400.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chần, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

### 4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### 5. Các sự kiện sau ngày khai sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-DHDCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 về việc triển khai phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.034.681.400.000 đồng lên thành 2.975.371.740.000 đồng, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 22 tại ngày 24/08/2021.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đời hội được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật****Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Khuất Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15/05/2021)
Ông	Anthony Lim	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/05/2021)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Ông	Đinh Hoài Châu	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Kou Kok Yion	Thành viên

**Đại diện theo pháp luật**

Ông	Nguyễn Hồ Nam
-----	---------------

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **9. Cam kết khác**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2021*

**Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật**



**Nguyễn Hồ Nam**

Số: 550 /BCSX/TC/2021/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc tại ngày 30/06/2021, được lập ngày 30/08/2021, từ trang 07 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Lê Đình Ai

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1770-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.294.132.164.690</b>	<b>11.338.108.287.953</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>1.284.820.241.574</b>	<b>903.386.455.277</b>
1. Tiền	111		1.219.164.762.122	816.052.667.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.655.479.452	87.333.787.579
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>650.984.468.890</b>	<b>593.767.088.890</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		566.767.088.890	566.767.088.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		84.217.380.000	27.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.973.607.791.960</b>	<b>7.083.496.019.552</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	607.149.573.064	901.498.322.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.933.735.616.349	757.200.946.393
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	465.684.539.267	8.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	6.054.344.544.283	5.503.703.231.975
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(87.320.715.940)	(87.320.715.940)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.234.937	14.234.937
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>2.127.981.144.923</b>	<b>2.276.299.016.968</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.127.981.144.923	2.276.299.016.968
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>256.738.517.344</b>	<b>481.159.707.266</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	40.887.720.871	19.812.812.809
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		206.155.684.705	449.135.237.299
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	9.695.111.768	12.211.657.068

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22.443.968.689.700</b>	<b>12.798.717.405.488</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.524.913.937.900</b>	<b>6.042.279.634.580</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	12.324.913.937.900	6.042.279.634.580
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.480.034.370.790</b>	<b>365.145.105.741</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.473.553.915.458	358.998.799.018
- Nguyên giá	222		4.775.802.129.279	529.839.615.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(302.248.213.821)	(170.840.815.989)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.393.874.045	3.911.082.302
- Nguyên giá	225		6.998.968.212	5.986.068.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.605.094.167)	(2.074.985.910)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.086.581.287	2.235.224.421
- Nguyên giá	228		3.424.425.046	3.215.021.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.337.843.759)	(979.796.625)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.09	<b>2.579.700.928.943</b>	<b>4.033.615.584.636</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		664.147.654.662	9.045.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.915.553.274.281	4.024.570.584.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.04	<b>1.732.002.284.243</b>	<b>1.290.612.950.320</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.609.883.127.950	1.036.857.794.027
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.119.156.293	151.755.156.293
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		102.000.000.000	102.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.127.317.167.825</b>	<b>1.067.064.130.211</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	307.090.122.687	264.807.077.902
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		59.845.601.504	44.503.712.670
5. Lợi thế thương mại	269		760.381.443.634	757.753.339.679
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>35.738.100.854.390</b>	<b>24.136.825.693.441</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.434.844.397.295</b>	<b>21.173.517.662.549</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.377.579.767.925</b>	<b>10.609.458.384.565</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.247.707.389.408	4.780.665.000.177
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.902.921.174.812	1.689.338.591.783
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	158.142.129.215	120.653.116.029
4. Phải trả người lao động	314		13.093.134.826	12.974.021.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	268.655.982.854	91.507.897.206
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.044.246.578	12.333.333.336
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.301.486.283.056	1.863.759.945.048
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.19	2.470.573.515.044	2.030.728.831.719
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.955.912.132	7.497.647.459
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.057.264.629.370</b>	<b>10.564.059.277.984</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	2.454.201.512.340	688.310.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	40.000.000.000	40.000.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	7.375.551.232.703	5.264.977.995.848
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	10.917.211.884.327	2.549.399.230.688
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.20	2.270.300.000.000	2.020.300.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.072.051.448
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.303.256.457.095</b>	<b>2.963.308.030.892</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>5.303.256.457.095</b>	<b>2.963.308.030.892</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.034.681.400.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.034.681.400.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		304.135.199	306.707.661
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		467.767.792	481.158.791
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		552.305.086.650	215.211.939.444
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		209.436.178.747	3.865.036.432
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		342.868.907.903	211.326.903.012
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.715.663.067.454	1.387.415.624.996
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>35.738.100.854.390</b>	<b>24.136.825.693.441</b>

Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.447.579.410.422	906.941.531.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		257.025.734	15.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.447.322.374.688	906.926.531.769
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	945.306.738.496	759.092.363.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		502.015.636.192	147.834.168.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.021.041.692.060	249.777.724.056
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	645.239.080.411	181.139.913.236
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		426.323.349.824	117.196.686.605
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(27.954.240.703)	(14.375.902.058)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	53.867.849.054	56.556.935.795
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	201.390.726.480	95.033.091.803
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		594.605.431.605	50.506.047.671
12. Thu nhập khác	31	VI.07	8.820.355.795	4.818.464.791
13. Chi phí khác	32	VI.08	5.233.670.563	4.227.623.063
14. Lợi nhuận khác	40		3.586.685.232	590.841.728
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		598.192.116.837	51.096.889.399
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	131.243.643.453	24.177.774.606
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(16.413.940.320)	(178.675.241)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		483.362.413.704	27.097.790.034
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		342.868.907.903	17.078.449.783
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		140.493.505.801	10.019.340.251
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.945	158
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.945	158

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		598.192.116.837	51.096.889.399
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		228.592.959.400	32.119.218.572
- Các khoản dự phòng	03		-	12.880.619.025
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.342.235.759)	13.358.529
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(904.815.801.652)	(249.478.210.214)
- Chi phí lãi vay	06		426.523.349.824	117.196.686.605
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		341.150.388.650	(36.171.438.084)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(4.534.707.748.796)	(3.359.147.889.388)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		150.920.818.798	(232.084.711.340)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.350.776.761.589)	2.460.740.737.658
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(62.626.400.159)	(40.032.814.955)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(308.920.435.458)	(297.921.606.515)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(82.319.582.354)	(36.406.297.302)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.980.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.607.640.000)	(7.735.300.001)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.854.884.380.908)</b>	<b>(1.548.759.319.927)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.916.173.119.429)	(26.793.937.794)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		220.218.181	690.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(387.963.258.890)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.953.504.390.696)	(1.165.429.153.436)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.739.915.598.533	1.730.510.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		188.231.457.066	107.837.781.558
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.329.273.495.235)</b>	<b>655.315.090.328</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.519.973.800.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.403.291.501.603	2.265.342.926.956
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.344.999.694.106)	(1.251.848.595.515)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.528.370.533)	(583.460.575)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10.563.937.236.964</b>	<b>999.910.870.866</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		379.779.360.821	106.466.641.267
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		903.386.455.277	150.211.393.104
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.654.425.476	(13.358.529)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>1.284.820.241.574</b>	<b>256.664.675.842</b>

Người lập báo cáo

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 20 ngày 05/04/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2.034.681.400.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/06/2021: 2.034.681.400.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xác tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất than, than, dăm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

**6. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30/06/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) Văn phòng đại diện, 06 (sáu) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 45 (bốn mươi lăm) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 09 (chín) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

**a. Danh sách văn phòng đại diện**

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**b. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	52,02%	52,02%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,33%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,52%	81,91%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,26%	99,26%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.	80,00%	80,00%

**c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Áp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	31,00%	26,01%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	55,00%	28,61%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	70,00%	36,41%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 - KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	63,97%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Maria Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Phường Giềnh Ràng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	57,34%

## c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	59,43%	48,68%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vesperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,24%
Công ty Cổ phần Helios Village	Số 32, Đường Hoàng Diệu, Tổ dân phố 4, Phường Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.	80,00%	65,53%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	100%	81,91%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	100%	81,91%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,24%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,10%	41,04%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	60,00%	55,30%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14 - 08A, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định.	90,28%	89,61%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	67,80%
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	74,90%	73,60%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	50,12%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thánh Nguyên	Số 26, đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	50,62%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cán PG01-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,60%	92,91%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Cán PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,60%	92,91%
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần BCG-Vĩnh Long (tiền thân là Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long)	Số 356, Tổ 13, Ấp Phú Tấn, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	50,13%

## c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	79,00%	77,63%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%	67,80%
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,50%
Công ty TNHH BCG Ever1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	59,90%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	98,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%

*c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH BCG Ever5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG Ever6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG Ever7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,06%

*d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,78%

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B, Đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	30,00%	15,61%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,24%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,53%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.	20,00%	10,40%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	48,64%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, Khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	49,00%	48,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	23,83%

## **II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Ký kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân giao quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn năng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm mua đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hằng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.





**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

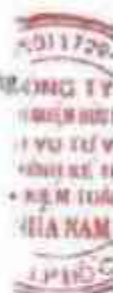
Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuế tài chính

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuế hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuế tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất đo giảm giá trị.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### 8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả sội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phân ảnh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phân ảnh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản dở (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



#### d. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận trong đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

#### **20. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ, Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

#### **b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chi tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - M& số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

#### **c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con**

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phân chính lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

##### *- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho*

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

##### *- Các khoản vay trong nội bộ*

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác*

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.



**e. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giả trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.





**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Đơn vị tính: VND*

**I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Ngày 30/06/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
- Tiền mặt	19.891.374.804	25.378.528.597
- Tiền gửi ngân hàng	1.199.147.723.678	790.817.956.123
- Tiền đang chuyển	125.663.640	69.970.557
- Các khoản tương đương tiền (*)	65.655.479.452	87.120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.284.820.241.574</b>	<b>903.386.455.277</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con. Trong đó, có 55.139.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay và bảo đảm cho Hợp đồng thi công lắp đặt ở Công ty con.

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngày 30/06/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>607.149.573.064</b>	<b>901.498.322.187</b>
- Dragon Lane Investment Holding Limited	80.000.185.800	116.200.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	6.282.399.808	21.620.443.089
- Công ty Mua Bán Điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam	158.587.200.636	-
- Công ty TNHH Fujisan	48.297.080.000	48.297.080.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Lion City	-	322.250.000.000
- Hanwha Engineering & Construction Corp	-	35.000.000.000
- Các đối tượng khác	333.982.706.820	358.130.296.098
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngày 30/06/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.933.735.616.349</b>	<b>737.200.946.393</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	463.201.452.788	98.375.000.000
- Công ty Cổ phần Green Solution	70.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	-	94.725.772.843
- Công ty Cổ phần Plus Investment	689.411.000.000	160.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương Mại V&E Tuấn	173.500.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần MGM Hambit	-	120.000.000.000
- Các đối tượng khác	537.623.163.561	184.100.173.550
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>				
- Tổng giá trị cổ phiếu	566.767.088.890	566.767.088.890	566.767.088.890	566.767.088.890
+ Công ty CP Bảo hiểm Đầu Khí	853.200	853.200	853.200	853.200
+ Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	53.000.000	53.000.000	53.000.000	53.000.000
+ Công ty CP Dược phẩm Trung ương Valipha	445.939.200	445.939.200	445.939.200	445.939.200
+ Công ty CP Cơ khí An Giang	451.655.840	451.655.840	451.655.840	451.655.840
+ Công ty CP Viễn Liên	257.400	257.400	257.400	257.400
+ Công ty CP Vật tư kỹ thuật Cần Thơ	43.250	43.250	43.250	43.250
+ Công ty CP Phú Tam Khô	5.890.000.000	5.890.000.000	5.890.000.000	5.890.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Xuân Phú Hải (*)	559.925.340.000	559.925.340.000	559.925.340.000	559.925.340.000
<b>Cộng</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>

**Giải thích:**

(\*) Đây là khoản đầu tư nhằm mục đích nắm giữ để bán trong ngắn hạn của Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Phú Hải - là chủ đầu tư Dự án khu du lịch tại Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam. Mục khác, Dự án khu du lịch nêu trên đã được Thủ chấp bất thành cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land với MB với mệnh giá là BCG.LH2025001 (xem thuyết minh F.19 báo cáo tài chính này).

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b.1. Ngân hàng</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.217.380.000	84.217.380.000	27.000.000.000	27.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.680.000.000	7.680.000.000	6.680.000.000	6.680.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long	5.725.000.000	5.725.000.000	100.000.000	100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	592.380.000	592.380.000	-	-
<b>b.2. Đất liền</b>				
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	102.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>186.217.380.000</b>	<b>186.217.380.000</b>	<b>129.000.000.000</b>	<b>129.000.000.000</b>





**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHÍNH (TIẾP THEO)**

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào các đơn vị khác	20.119.156.293	20.119.156.293	-	151.755.156.293
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
+ Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	-	-	-	3.636.000.000
+ Công ty Cổ phần Đất tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí Việt Nam	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360
+ Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	-	-	-	147.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tracodi Power	590.000.000	590.000.000	-	590.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.691.208.675.864</b>	<b>1.630.002.284.243</b>	<b>-</b>	<b>1.221.865.101.239</b>



## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÉ CHO VAY

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Phải thu vé cho vay ngắn hạn</b>	<b>465.684.539.267</b>	<b>8.400.000.000</b>
- Công ty TNHH TMTH Phước Tiến (1)	190.000.000.000	-
- Nguyễn Thanh Lịch (2)	113.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tapiotek	4.979.269.580	5.400.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quang Phong	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	21.800.878.890	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	5.920.000.000	-
- Các khoản cho vay khác	126.984.390.797	-
<b>b. Phải thu vé cho vay dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>465.684.539.267</b>	<b>8.400.000.000</b>

**Ghi chú:**

(1) Là khoản cho Công ty TNHH TMTH Phước Tiến vay theo Hợp đồng số: 001/2021/HĐVTS/CBE-PTE ngày 05/04/2021, thời hạn 12 tháng, lãi suất 13,5%/năm.

(2) Là khoản phải thu Nguyễn Thanh Lịch theo Hợp đồng số 0112/2020/HĐCV ngày 01/12/2020; Hợp đồng số 1012/2020/HĐCV ngày 10/12/2020; lãi suất cho vay 6%/năm và Hợp đồng cho vay không lãi suất số 2712/2020/HĐMT ngày 27/12/2020 và Hợp đồng số 3012/2020/HĐMT ngày 30/12/2020.

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>6.054.344.544.283</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>5.503.703.231.975</b>	<b>(1.904.717.650)</b>
- Phải thu BHXH	49.952.679	-	25.033.580	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.547.945	-
- Tam ứng	811.106.477.533	(104.717.650)	406.731.643.701	(104.717.650)
- Ký cược, ký quỹ	20.508.874.845	(1.800.000.000)	324.971.330.049	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	5.222.679.219.226	-	4.771.964.676.700	-
+ Công ty Cổ phần Mega Solar	364.972.287.670	-	216.743.794.521	-
+ Công ty Cổ phần R&H (1)	300.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Construction				
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy	206.201.018.893	-	494.125.808.219	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch vụ Orchid	201.462.554.633	-	-	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh (2)	366.993.775.342	-	-	-
+ Trần Thủy Dung (3)	396.416.339.698	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Daffodils	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thăng Phương (1)	460.037.393.396	-	644.926.904.109	-
Phương				
+ Nguyễn Đình Ngón	-	-	285.907.366.666	-
+ Trần Thị Kiều Tiên (4)	395.576.438.356	-	374.451.506.849	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Vạn Đạt (5)	495.421.095.890	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.475.596.335.348	-	2.005.807.296.336	-

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
<b>h. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>12.524.913.937.900</b>	-	<b>6.042.279.634.580</b>	-
- Tam ứng	278.658.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	12.174.024.059.472	-	6.001.492.455.209	-
+ Công ty Cổ phần Green Solution	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus (6)	803.498.613.359	-	635.809.248.267	-
Investment				
+ Công ty Cổ phần Mega Solar	-	-	585.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân (7)	626.000.000.000	-	-	-
Thành Diamond				
+ Công ty TNHH DV ĐT Vạn Đạt	-	-	400.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Helios	370.000.000.000	-	1.020.000.000.000	-
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Gia Khang	-	-	290.583.138.000	-
+ Công ty Cổ phần HCM Lon 68	360.000.000.000	-	430.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần White (8)	1.981.500.000.000	-	-	-
Magnolia				
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ Orchid (9)	1.487.636.000.000	-	256.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 (10)	2.500.000.000.000	-	587.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió Khai Long 1 (11)	387.500.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn (12)	1.005.050.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	300.071.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang	573.474.520.348	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.379.293.925.565	-	1.596.598.068.942	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	72.231.878.428	-	40.787.179.371	-
<b>Cộng</b>	<b>18.579.258.482.183</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>11.545.982.866.555</b>	<b>(1.904.717.650)</b>

**Ghi chú:**

(1) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/ Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19.1/2020/NQ-TTHĐQT-TCD ngày 26/04/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/ Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của các Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy và Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng với Bà Phạm Thị Ngọc Thanh. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/ Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng thành viên của các Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 với Bà Trần Thủy Dung. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(4) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/ Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy với Bà Trần Thị Kiều Tiên. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(5) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.03/HTKD/BCGLAND/VANDAT ngày 07/05/2020 giữa Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Vạn Đạt. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(6) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của các Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên với Công ty Cổ phần Plus Investment. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(7) Khoản phải thu theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư của các Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Xanh, Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1, Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thanh Diamond với tổng số tiền hợp tác là 626 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(8) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của các Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải, Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang với Công ty Cổ phần White Magnolia. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(9) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của các Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Fugas với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(10) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421/BCG-KL1 ngày 20/04/2021 của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió KDL Khai Long-Giai đoạn 1. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(11) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng thành viên của các Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2 với Công ty Cổ phần Điện Gió Khai Long 1. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(12) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Hợp đồng hợp tác đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của các Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang và Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort với Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

**7. NỢ XẤU**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thành toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	90.668.819.190	(87.320.715.940)	90.668.819.190	(87.320.715.940)
Trong đó:				
+ Phải thu khách hàng	88.304.101.540	(85.215.998.290)	88.304.101.540	(85.215.998.290)
+ Tam ứng	104.717.630	(104.717.630)	104.717.630	(104.717.630)
+ Ký quỹ	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
+ Trả trước người bán	260.000.000	(260.000.000)	260.000.000	(260.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>90.668.819.190</b>	<b>(87.320.715.940)</b>	<b>90.668.819.190</b>	<b>(87.320.715.940)</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30/06/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	92.578.485.978	-	53.964.871.875	-
- Công cụ, dụng cụ	911.603.366	-	314.273.474	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang (*)	2.000.046.372.534	-	2.197.225.556.686	-
- Thành phẩm	33.520.052.989	-	24.211.192.872	-
- Hàng hóa	924.629.855	-	583.122.061	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>2.127.981.144.922</b>	<b>-</b>	<b>2.276.299.016.968</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

(\*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư dự án Malibu Hội An là 1.153.799.283.627 đồng theo Quyết định 2533/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 Khu Nghỉ mát dịch vụ và du lịch tại Xã Điện Dương huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam do Công ty TNHH Inochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư (xem thuyết minh V.19).

- Chi phí đầu tư Dự án King Crown là khu tổ hợp các biệt thự và căn hộ tại Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh là 493.814.218.019 đồng theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND TP. Hồ Chí Minh phê duyệt do Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn làm chủ đầu tư.

- Và các khoản chi phí xây dựng khác tại các Công ty con của Công ty Cổ phần Bamboo Capital.



**9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>664.147.654.662</b>	<b>9.045.000.000</b>
- Dự án chung cư tại Công ty TNHH Pegas	9.045.000.000	9.045.000.000
- Dự án King Crown Infinity Thủ Đức	653.988.154.662	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	1.114.500.000	-
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.915.553.274.281</b>	<b>4.024.570.584.636</b>
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.904.649.350.836	3.300.971.123.158
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Cần Bắp	277.771.227.970	254.716.831.901
+ Các dự án năng lượng điện xanh	131.897.663.989	-
+ Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Lương	338.080.781.791	-
+ Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ	1.136.464.992.586	3.045.819.406.757
+ Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	434.884.500	434.884.500
- Mua sắm tài sản cố định	740.913.800	535.500.000
- Chi phí xây dựng khác	10.162.809.645	723.063.961.478
<b>Cộng</b>	<b>2.579.700.928.943</b>	<b>4.033.615.584.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu kỳ	126.306.983.796	332.355.198.671	68.546.193.798	2.523.603.028	107.635.714	529.839.615.007
2. Số tăng trong kỳ	3.251.167.582.581	847.282.892.318	147.866.200.992	1.192.945.455	-	4.247.509.621.346
- Mua trong kỳ	-	573.283.461.700	9.685.747.000	1.192.945.455	-	584.162.154.155
- Đầu tư XDCH hoàn thành	3.251.167.582.581	258.152.116.283	135.936.858.537	-	-	3.645.256.557.401
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	15.847.314.335	2.243.595.455	-	-	18.090.909.790
3. Số giảm trong kỳ	-	939.107.074	608.000.000	-	-	1.547.107.074
- Thanh lý, nhượng bán	-	939.107.074	608.000.000	-	-	1.547.107.074
4. Số dư cuối kỳ	3.377.474.566.377	1.178.698.983.915	215.804.394.790	3.716.548.483	107.635.714	4.775.892.129.279
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ	27.509.652.921	120.011.656.947	21.877.914.020	1.333.956.387	107.635.714	170.840.815.989
2. Khấu hao trong kỳ	84.764.741.175	38.823.547.702	8.651.577.464	210.223.751	-	132.450.090.092
- Khấu hao tăng trong kỳ	84.764.741.175	38.559.425.797	8.279.670.801	210.223.751	-	131.814.061.526
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	264.121.905	371.906.663	-	-	636.028.568
3. Giảm trong kỳ	-	939.107.074	103.585.186	-	-	1.042.692.260
- Thanh lý, nhượng bán	-	939.107.074	103.585.186	-	-	1.042.692.260
4. Số dư cuối kỳ	112.274.394.096	157.896.097.575	30.425.906.298	1.544.180.138	107.635.714	302.248.213.821
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	98.797.330.875	212.343.541.724	46.668.279.778	1.189.646.641	-	358.998.799.018
2. Tại ngày cuối kỳ	3.265.200.172.281	1.020.802.886.340	185.378.488.492	2.172.368.345	-	4.473.553.915.458

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đầu báo cho các khoản vay, nợ;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.008.996.210.822 VND  
85.983.293.449 VND



## 11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính</b>		
1. Số dư đầu kỳ	5.986.068.212	5.986.068.212
2. Số tăng trong kỳ	1.012.900.000	1.012.900.000
- Thuế TSCĐ tài chính trong kỳ	1.012.900.000	1.012.900.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	6.998.968.212	6.998.968.212
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu kỳ	2.074.985.910	2.074.985.910
2. Khấu hao trong kỳ	530.108.257	530.108.257
- Khấu hao tăng trong kỳ	530.108.257	530.108.257
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.605.094.167	2.605.094.167
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuế tài chính</b>		
1. Tại ngày đầu kỳ	3.911.082.302	3.911.082.302
2. Tại ngày cuối kỳ	4.393.874.045	4.393.874.045



## 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
1. Số dư đầu kỳ	513.520.000	2.701.501.046	3.215.021.046
2. Số tăng trong kỳ	-	209.404.000	209.404.000
- Mua trong kỳ	-	166.904.000	166.904.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	42.500.000	42.500.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	513.520.000	2.910.905.046	3.424.425.046
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu kỳ	39.572.327	940.224.298	979.796.625
2. Khấu hao trong kỳ	6.083.636	351.963.498	358.047.134
- Khấu hao tăng trong kỳ	6.083.636	346.650.999	352.734.635
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	5.312.499	5.312.499
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	45.655.963	1.292.187.796	1.337.843.759
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
1. Tại ngày đầu kỳ	473.947.673	1.761.276.748	2.235.224.421
2. Tại ngày cuối kỳ	467.864.037	1.618.717.250	2.086.581.287

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

391.249.000 VND

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Ngày 30/06/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>40.887.720.871</b>	<b>19.812.812.899</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	759.382.475	786.170.558
- Chi phí bảo hiểm	7.525.851.533	-
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.984.375.000	17.982.566.666
- Chi phí khác	29.618.111.863	1.044.075.675
<b>b. Dài hạn</b>	<b>307.090.122.687</b>	<b>264.807.077.902</b>
- Quyền sử dụng đất thuê	1.827.902.456	1.850.376.668
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	12.045.196.105	9.014.986.593
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.838.665.721	14.329.297.026
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	14.923.718.247	9.618.733.635
- Chi phí Dự án King Crown chờ phân bổ	19.752.667.366	27.863.313.342
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	186.026.875.269	180.970.490.820
- Chi phí khác	57.675.097.523	21.159.879.818
<b>Cộng</b>	<b>347.977.843.558</b>	<b>284.619.890.801</b>

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngày 30/06/2021</i>		<i>Ngày 01/01/2021</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.247.707.389.408</b>	<b>1.247.707.389.408</b>	<b>4.780.665.000.177</b>	<b>4.780.665.000.177</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricots	52.228.195.522	52.228.195.522	65.476.418.886	65.476.418.886
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	498.869.042.637	498.869.042.637	1.806.024.180.613	1.806.024.180.613
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	86.907.922.127	86.907.922.127	101.453.631.016	101.453.631.016
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	33.171.527.196	33.171.527.196	389.083.280.824	389.083.280.824
- Công ty TNHH Đầu Tư TMDV Thanh Thanh Bình	-	-	122.493.038.510	122.493.038.510
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	21.010.000.000	21.010.000.000	170.510.000.000	170.510.000.000
- Công ty TNHH Mai Tiến Thành	-	-	17.138.861.975	17.138.861.975
- Công ty TNHH Thái Hòa	36.990.000.000	36.990.000.000	330.068.307.692	330.068.307.692
- Nguyễn Văn Lực	-	-	633.259.670.213	633.259.670.213
- Các đối tượng khác	518.530.701.926	518.530.701.926	1.145.157.610.448	1.145.157.610.448
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.454.201.512.340</b>	<b>2.454.201.512.340</b>	<b>688.310.000.000</b>	<b>688.310.000.000</b>
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	1.618.413.480.159	1.618.413.480.159	-	-
- Nguyễn Văn Lực	286.527.982.231	286.527.982.231	-	-
- Các đối tượng khác	14.950.049.950	14.550.049.950	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.247.707.389.408</b>	<b>1.247.707.389.408</b>	<b>4.780.665.000.177</b>	<b>4.780.665.000.177</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**15. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.902.921.174.812</b>	<b>1.689.338.591.783</b>
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	779.894.736.842	-
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Super Wind Energy Công Lý Cả Mao)	-	250.000.000.000
- Các đối tượng khác	1.123.026.437.970	1.439.338.591.783
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	40.000.000.000	40.000.000.000

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC**

	Ngày 01/01/2021	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/06/2021
<b>a. Phải nộp</b>	<b>120.653.116.029</b>	<b>212.674.042.552</b>	<b>175.185.029.346</b>	<b>158.142.129.215</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.317.613.120	15.183.083.632	19.672.767.946	3.827.928.806
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	13.828.861.353	13.828.861.353	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.314.295.793	126.953.503.458	81.082.681.584	131.185.117.667
Thuế thu nhập cá nhân	2.619.178.350	7.066.079.903	6.422.110.951	3.263.147.302
Thuế tài nguyên	13.623.730.606	19.607.724.230	28.423.940.005	4.807.514.831
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	437.404.500	10.701.723.538	11.111.955.500	27.172.538
Thuế khác	4.000.245.811	2.356.881.204	2.407.965.399	3.949.161.616
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.340.647.849	16.976.185.214	12.234.746.608	11.082.086.455
<b>b. Phải thu</b>	<b>12.211.657.068</b>	<b>4.084.369.047</b>	<b>1.567.823.747</b>	<b>9.695.111.768</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	330.803.226	330.803.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.154.815.331	4.073.369.047	1.236.900.770	8.316.347.054
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	99.757	99.757
Thuế khác	1.056.841.737	9.000.000	19.994	1.047.861.731

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>268.655.982.854</b>	<b>91.507.897.206</b>
- Lãi vay, trái phiếu phải trả	173.412.263.198	65.553.507.902
- Tam trích chi phí giá vốn xây dựng	2.584.184.737	24.923.165.619
- Trích trước chi phí xây dựng cơ bản	71.470.943.050	-
- Chi phí phải trả khác	21.188.587.869	1.031.223.685
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>268.655.982.854</b>	<b>91.507.897.206</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.301.486.283.056</b>	<b>1.863.759.945.048</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	24.011.917	-
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.188.670.626	323.427.915
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	337.497.600	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.299.936.102.913	1.863.436.517.123
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	2.819.465.753	139.789.102.465
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	-	373.893.182.948
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	50.080.854.794	-
+ Công ty TNHH TMTH Phước Tiến	56.000.000.000	93.005.873.044
+ Nguyễn Minh Sơn	234.566.433.374	172.142.600.767
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	247.670.555.671	213.577.555.671
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn VNGROUP	44.970.149.908	30.570.149.908
+ Khác	663.828.643.413	629.458.032.330
<b>b. Dài hạn</b>	<b>7.375.551.232.703</b>	<b>5.264.977.995.848</b>
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	7.385.038.000	3.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.368.166.194.703	5.261.477.995.848
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	(1) 886.925.000.000	1.042.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn K&H	149.980.000.000	149.980.000.000
+ Công ty TNHH KD BDS Thương Long	378.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần MGM Hanbits	209.200.000.000	256.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	(2) 621.465.081.611	80.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Green Solution	(3) 350.000.000.000	529.200.000.000
+ Công ty TNHH Thanh An An	(4) 470.906.200.000	550.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Daffodils	(5) 700.000.000.000	550.000.000.000
+ Vũ Ngọc Tiến	253.500.000.000	242.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond	(6) 339.790.000.000	361.390.000.000
+ Công ty TNHH SX - XNK - TM DV Tổng hợp Hoàng Vũ	-	171.500.000.000
+ Công ty TNHH Dịch vụ Đầu Tư Vạn Đạt	(7) 605.397.074.505	-
+ Nguyễn Tung Phương Trúc	124.802.500.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	229.873.900.000	355.498.900.000
+ Nguyễn Duy Kym	203.000.000.000	233.000.000.000
+ Nguyễn Thái Thanh Huy	51.660.000.000	211.700.000.000
+ Đặng Đình Quyết	(8) 582.991.000.000	-
+ Các đối tượng khác	811.473.438.587	508.709.095.848

**Ghi chú:**

(1) Đây là các khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh của các Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy, Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 với Công ty Cổ phần BCG Land Gateway. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(2) Đây là các khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang với Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Lợi nhuận thu được sẽ phân chia theo hiệu quả dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.



**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 01/01/2021		Phát sinh		Ngày 30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	(1)	-	89.4.417.581.772	523.145.123.466	955.467.621.169	955.467.621.169
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(2)	120.267.180.536	196.000.000.000	-	196.000.000.000	196.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Phú Tài	(2)	5.494.535.060	66.774.902.708	66.812.646.536	120.229.436.708	120.229.436.708
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trà Tôn	(2)	20.000.000.000	5.486.931.000	5.497.947.466	5.483.618.594	5.483.618.594
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thủ Đức	(2)	-	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành	(2)	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	(2)	-	148.000.000.000	-	148.000.000.000	148.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(2)	418.800.000.000	140.000.000.000	138.800.000.000	420.000.000.000	420.000.000.000
- Các đối tượng khác	(2)	19.633.347.267	37.225.748.064	22.034.529.464	34.824.565.867	34.824.565.867
			250.930.000.000	250.000.000.000	930.000.000	930.000.000
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
- Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower		90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	-
		90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	-



19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 01/01/2021		Phải sinh		Ngày 30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>54.223.377.112</b>	<b>54.223.377.112</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>27.359.724.948</b>	<b>38.863.652.164</b>	<b>38.863.652.164</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	391.333.000	391.333.000	-	231.177.000	160.156.000	160.156.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	27.500.000.000	27.500.000.000	-	13.750.000.000	13.750.000.000	13.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bank	13.224.044.112	13.224.044.112	12.000.000.000	12.104.547.948	13.119.496.164	13.119.496.164
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.400.000.000	2.400.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	148.000.000	148.000.000	-	74.000.000	74.000.000	74.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.560.000.000	10.560.000.000	-	-	10.560.000.000	10.560.000.000
<b>Nợ thuế tài chính đến hạn trả</b>	<b>2.310.291.744</b>	<b>2.310.291.744</b>	<b>104.870.500</b>	<b>1.172.920.533</b>	<b>1.242.241.711</b>	<b>1.242.241.711</b>
- Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV-S&M TRUST - CN TP.HCM	1.165.095.244	1.165.095.244	104.870.500	600.322.533	669.643.711	669.643.711
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	1.145.196.000	1.145.196.000	-	572.598.000	572.598.000	572.598.000
<b>Cộng</b>	<b>730.728.831.719</b>	<b>730.728.831.719</b>	<b>906.522.452.272</b>	<b>641.677.768.947</b>	<b>995.573.515.044</b>	<b>995.573.515.044</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Ngày 31/01/2021		Ngày 30/06/2021		
	Giá trị	Số có phải nộp trợ nợ	Tổng	Giá trị	Số có phải nộp trợ nợ
<b>6. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
<b>Vay dài hạn</b>					
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN TP.HCM	1.119.953.529.258	1.119.953.529.258	1.361.263.216.181	88.872.552.442	2.392.344.192.997
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6.600.000.000	6.600.000.000	693.900.000	78.600.000	615.300.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	594.500.000	594.500.000	-	-	594.500.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	471.348.307.260	471.348.307.260	200.000.000.000	52.266.620.179	619.081.687.081
- Ngân hàng TNHH Indovina	663.000.000	663.000.000	43.517.000.000	-	44.180.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	262.330.407.266	262.330.407.266	260.456.119.544	15.165.000.000	507.621.526.810
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.336.384.334	8.336.384.334	164.225.615.666	2.933.760.835	109.628.239.165
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	226.118.523.142	226.118.523.142	-	-	226.118.523.142
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	143.962.407.236	143.962.407.236	490.970.590.971	18.428.571.428	616.504.416.799
- Công ty Cổ phần phát triển Liên City	-	-	261.400.000.000	-	261.400.000.000
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>4.949.013.080</b>	<b>4.949.013.080</b>	<b>1.264.155.000</b>	<b>260.320.500</b>	<b>5.892.847.580</b>
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIENV-SUMI TRUST - CN TP.HCM	2.276.869.030	2.276.869.030	1.204.155.000	260.320.500	3.220.703.580
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	2.672.144.000	2.672.144.000	-	-	2.672.144.000
<b>Cộng</b>	<b>1.124.902.542.338</b>	<b>1.124.902.542.338</b>	<b>1.362.467.371.181</b>	<b>89.132.872.942</b>	<b>2.398.237.040.577</b>



## 19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 01/01/2021		Ngày 30/06/2021	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
<b>c. Trái phiếu thường</b>				
<b>Trái phiếu ngắn hạn</b>	<b>1.300.000.000.000</b>			<b>700.000.000.000</b>
- Loại phát hành theo mệnh giá	400.000.000.000	12%	1 năm	-
- Loại phát hành theo mệnh giá	200.000.000.000	12%	1 năm	-
- Loại phát hành theo mệnh giá (8)	200.000.000.000	11%	1 năm	200.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (9)	500.000.000.000	11%	1 năm	500.000.000.000
<b>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</b>	-			<b>775.000.000.000</b>
- Loại phát hành theo mệnh giá (11)	-			375.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (19)	-			400.000.000.000
<b>Trái phiếu dài hạn</b>	<b>1.424.496.688.350</b>			<b>8.518.974.843.750</b>
- Loại phát hành theo mệnh giá (10)	112.929.688.350	6%	3 năm	-
- Loại phát hành theo mệnh giá (11)	375.000.000.000	11,5%	2 năm	478.974.843.750
- Loại phát hành theo mệnh giá (12)	350.000.000.000	11%	5 năm	350.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (13)	50.000.000.000	11%	3 năm	50.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (13)	70.000.000.000	11%	5 năm	70.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (13)	100.000.000.000	11%	7 năm	100.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (14)	-			1.000.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (15)	-			1.500.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (16)	-			2.500.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (17)	-			1.470.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (18)	-			1.000.000.000.000
- Loại phát hành theo mệnh giá (19)	366.567.000.000	11%	1 năm 1 ngày	-
<b>Cộng</b>	<b>2.724.496.688.350</b>			<b>9.993.974.843.750</b>

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

- (1) Là khoản vay giữa các Công ty con (Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Điện gió Đông Thành 2) với Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất 1,2%/năm để thực hiện các dự án điện gió.
- (2) Đây là các khoản vay tại các Ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con. Tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị, khoản phải thu đã hình thành luôn chuyên và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và các Công ty con (xem mục F.01 và F.04 Thuyết minh Báo cáo tài chính này) và tài sản của bên thứ ba.
- (3) Hợp đồng vay của Công ty Cổ phần Bamboo Capital và Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas với Ngân hàng TMCP Nam Á. Thời hạn vay 48-96 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị phần vốn góp của BCG với Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas.
- (4) Các khoản vay của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Thời hạn vay từ 24-126 tháng. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay để thực hiện các dự án Casa Marina, Dự án Điện mặt trời Phú Mỹ - Giai đoạn 1.
- (5) Các hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Skylar và Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để thực hiện các dự án. Thời hạn vay từ 48-84 tháng. Tài sản thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.
- (6) Các hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vạn tài và các Công ty năng lượng với Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các dự án. Thời hạn vay là 60-120 tháng.
- (7) Đây là khoản Công ty Cổ phần Bamboo Capital nhận được theo Hợp đồng vay ngày 07/04/2021 với Công ty Cổ phần Phát triển Lion City. Thời gian cho vay là 18 tháng. Lãi suất 0%.
- (8) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu lý, tư vấn phát hành. M7 trái phiếu là BCGLH2021065, số lượng 2.000.000 trái phiếu phát hành ngày 22/07/2020 đến hạn vào ngày 23/07/2021. Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, tài sản đảm bảo là Quyền tài sản (tạm gọi Quyền sở hữu đất đai và đang hình thành trong tương lai, đồng tiền phát sinh và các tài sản khác có liên quan) Dự án B3/ Chủ yếu và đất sản thuộc sở hữu bên thứ ba. Mục đích vay: tăng quy mô vốn cụ thể là tăng cao năng lực, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản du lịch.
- (9) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Côn Đảo, cổ mã CBECH212309) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đức làm đại lý lưu lý, tư vấn phát hành với số lượng 5.000.000 trái phiếu. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Thời hạn 02 năm từ ngày phát hành 05/04/2021. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo là Quyền tài sản và các quyền khác phát sinh từ dự án Côn Đảo. Ngoài ra trái phiếu này cũng được Công ty Cổ phần BCG Loan bảo lãnh thanh toán không hủy ngang và mở Điều kiện

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Ghi chú:**

- (11) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần BCG Land do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành, làm đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là BCGCLH19121001, số lượng 3.750.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 28/11/2019, đến hạn vào ngày 28/11/2021. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất đàm phán. Tài sản bảo đảm cho khoản trái phiếu này gồm: tài sản là cổ phần thuộc sở hữu của một số Công ty thành viên trong Tập đoàn và của bên thứ ba.
- (12) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần BCG Land do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành, làm đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là BCGCLH21025001, số lượng 1.300 trái phiếu được phát hành từ ngày 21/01/2020 và số lượng 2.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 30/12/2020, đến hạn vào ngày 21/01/2023. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất đàm phán cho khoản trái phiếu này là tài sản trong dự án thuộc sở hữu của Công ty Con
- (13) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần BCG Energy do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu bao gồm BCGE.2020.1V, BCGE.2020.5V, BCGE.2020.7V, phát hành từ ngày 11/05/2020 có mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản có lý hạn (xem Mục V.01 Thuyết minh báo cáo tài chính này) và các Dự án điện mặt trời áp mái tại các Công ty con gần tiếp. Ngoài ra, các trái phiếu này cũng được Công ty Cổ phần Bamboo Capital bảo lãnh thành toán không hủy ngang và vô điều kiện.
- (14) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần BCG Energy do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCCH2124002, phát hành từ ngày 26/04/2021 có mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.
- (15) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần BCG Energy do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCCH2124003, phát hành từ ngày 26/03/2021 có mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.
- (16) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần BCG Energy do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành, làm đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là BCLCH2124001, số lượng 25.000.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 11/03/2021 đến hạn vào ngày 31/03/2024. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền.
- (17) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Dầu Tự Thương Mai Dịch Phú Gia Khang có Mã trái phiếu là GKCH2124001, số lượng 15.000.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 02/02/2021. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất đàm phán.
- (18) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Dầu Tự Thương Mai Dịch Phú Gia Khang có Mã trái phiếu là GKCH2124002, số lượng 10.000.000 trái phiếu được phát hành từ ngày 26/04/2021. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất đàm phán.
- (19) Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty TNHH Dầu tự và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu: BOND.TNE.2020.01, phát hành từ ngày 28/12/2020 có mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Dầu tự và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty TNHH Dầu tự và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên.



20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Ngày 01/01/2021	Phát hành trong kỳ	Đạo hạn trái phiếu	
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi
1	Kỳ hạn gốc (tháng)				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		36		36
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		36		36
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)		12		36
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)				12
2	Kỳ hạn còn lại (tháng)				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)			36	31,0
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	28,5			22,5
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	20			14
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	11,5			5,5
3	Số lượng (trái phiếu)				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		250.000		250.000
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	900.000			900.000
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	1.157.500			1.157.500
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	100.455			100.455
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		1.000.000		1.000.000
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	1.000.000			1.000.000
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	100.000			100.000
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	10.000.000			10.000.000
5	Lãi suất (%)				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		6%		6%
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	5%			5%
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	7%			7%
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	10,5%			10,5%
6	Tỷ lệ chuyển đổi				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)				
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)				
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)				
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)				

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021

**29. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)**

STT	Chi tiết	Ngày 01/01/2021	Phát hành trong kỳ	Đảm bảo trái phiếu	
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi
7	<b>Lãi suất chiết khấu</b>				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)				
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)				
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)				
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)				
8	<b>Nợ gốc trái phiếu</b>	2.020.300.000.000	250.000.000.000		2.270.300.000.000
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		250.000.000.000		250.000.000.000
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	900.000.000.000	-		900.000.000.000
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	115.750.000.000	-		115.750.000.000
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	1.004.550.000.000	-		1.004.550.000.000
9	<b>Quyền chọn chuyển đổi</b>				
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)				
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)				
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)				
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)				

**Ghi chú:**

(a) Đây là khoản phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Nhà đầu tư trong nước là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helius. Mã trái phiếu: TCD-CB2020.

- Số lượng trái phiếu: 250.000 trái phiếu, có mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn 03 năm, lãi suất phát hành thực tế 03%/năm, thời gian phát hành là ngày 22/01/2021. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền. Kỳ trả lãi định kỳ 01 năm/lần kể từ ngày phát hành.

- Quyền chuyển đổi: sau 1 năm kể từ ngày phát hành ngoài sốหุ้น Trái phiếu bắt đầu có quyền được chuyển đổi, tối đa sau 03 năm kể từ ngày phát hành, người sở hữu trái phiếu bắt buộc phải chuyển đổi hết. Tỷ lệ chuyển đổi này thuộc theo giá trị thị trường của Cổ phiếu TCD.

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

**Ghi chú:**

(b) Trái phiếu phát hành theo hình thức: Trái phiếu chuyển đổi cho các tổ chức, tổ chức tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài; Mã Trái phiếu là BCG\_BOND2020; Kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành Trái phiếu.

Thời hạn chuyển đổi: 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu cho đến ngày tiền trước ngày đáo hạn toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu BCG, với giá trị mệnh giá tối thiểu 50 tỷ đồng và phần vượt quá là bội số của 10 tỷ đồng. Tại ngày đáo hạn, toàn bộ trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá chuyển đổi dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Hợp đồng để phản ánh mức độ pha loãng. Giá chuyển đổi thực tế sẽ do HĐQT quyết định tại thời điểm chuyển đổi trên cơ sở đàm phán với Người sở hữu trái phiếu.

Tỷ lệ chuyển đổi: bằng Mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi theo xác định tại thời điểm chuyển đổi.

(c) Công ty Cổ Phần BCG Energy phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Hanwha Energy Corporation Singapore Pte Ltd theo Hợp đồng ngày 11/08/2019. Mã Trái phiếu: HONDEBE/2019 01

- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 04/09/2019.

- Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP BCG Energy; với trị giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

(d) - Công ty Cổ Phần Phát triển Tâm nhân Năng lượng sạch phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Laxadar Energy (Vietnam) Pte. Ltd. Mã trái phiếu: NLS\_BOND\_2020

- Số lượng trái phiếu: 100.000 trái phiếu; Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 1 năm 1 ngày; Lãi suất phát hành thực tế: 10,5%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 05/12/2020; Loại hình trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; Phương thức thanh toán gốc và lãi: lãi sẽ được thanh toán tại ngày đáo hạn.

- Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP Phát triển Tâm Nhân Năng lượng sạch. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.





**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Quê Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2021**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>484.644.120</b>	<b>765.691.285</b>	<b>133.656.038.624</b>	<b>409.728.643.878</b>	<b>1.624.527.617.907</b>
- Lợi nhuận (lãng)/(giảm) trong kỳ	-	-	-	-	17.078.449.783	10.019.340.251	27.097.790.034
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	-	(5.790.898.967)	212.455.898.660	206.664.999.693
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(1.490.765.773)	(4.041.161.068)	(5.531.926.841)
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	(13.917.717.091)	(13.917.717.091)
<b>Số dư tại 30/06/2020</b>	<b>1.080.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>484.644.120</b>	<b>765.691.285</b>	<b>143.452.823.667</b>	<b>614.245.004.630</b>	<b>1.838.840.763.702</b>
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>1.360.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>481.158.791</b>	<b>306.707.661</b>	<b>215.211.939.444</b>	<b>1.387.415.624.996</b>	<b>2.963.308.030.892</b>
- Tăng vốn (*)	674.623.800.000	-	-	-	-	-	674.623.800.000
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	342.868.907.903	140.493.505.801	483.362.413.704
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	(13.390.999)	(2.572.462)	(4.198.793.990)	1.208.972.374.503	1.204.757.617.052
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	(16.732.479.880)	(16.732.479.880)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(1.576.966.707)	(4.485.957.966)	(6.062.924.673)
<b>Số dư tại 30/06/2021</b>	<b>2.034.691.400.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>467.767.792</b>	<b>304.135.199</b>	<b>552.305.086.650</b>	<b>2.715.663.087.454</b>	<b>5.303.256.457.095</b>

**Ghi chú:**

(\*) Theo biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-DHĐCĐ-BCC ngày 24/09/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 51/2020/NQ-HĐQT-BCC ngày 30/09/2020, Công ty đã thực hiện chào bán 67.462.390 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng, riêng tổng số vốn điều lệ lên 2.034.691.400.000 đồng.

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
- Tổ chức, cá nhân khác	2.034.681.400.000	1.360.057.600.000
<b>Cộng</b>	<b>2.034.681.400.000</b>	<b>1.360.057.600.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	674.623.800.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.034.681.400.000	1.080.057.600.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

*d. Cổ phiếu*

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	203.468.140	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	203.468.140	136.005.760
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	203.468.140	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	203.468.140	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	203.468.140	136.005.760

\* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

*e. Cổ tức*

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 23/05/2021, sau ngày khóa sổ lập báo cáo 30/06/2021 Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2020 là 10% (vốn điều lệ) (8% bằng tiền mặt, 2% bằng cổ phiếu). Cổ tức công bố trong năm 2020 là 8 % (vốn điều lệ) (8% bằng tiền mặt) theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 06/2020/NQ-ĐHĐCĐ-TCD ngày 27/06/2020, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2020/NQ-HĐQT-BCG ngày 03/07/2020.

*f. Các quỹ của doanh nghiệp*

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
- Quỹ đầu tư phát triển	304.135.199	306.707.661
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	467.767.792	481.158.791

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Ngày 30/06/2021	Ngày 01/01/2021
<i>a. Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	23.577,63	70.105,90
- EUR	776,87	782,33
- JPY	510.046	-
<i>b. Nợ khó đòi đã xử lý</i>	<b>8.318.016.819</b>	<b>8.318.016.819</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Đơn vị tính: VND

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
<b>a. Doanh thu</b>	<b>1.447.579.410.422</b>	<b>906.941.531.769</b>
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	932.006.921.566	382.333.686.980
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.770.407.751	77.352.989.178
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	387.802.081.106	447.254.855.611
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>257.035.734</b>	<b>15.000.000</b>
- Giảm giá hàng bán	3.714.286	-
- Hàng bán bị trả lại	253.321.448	15.000.000

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	555.813.283.401	348.576.204.608
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.503.795.745	6.986.623.390
- Giá vốn xây lắp	357.989.659.350	403.329.515.264
<b>Cộng</b>	<b>945.306.738.496</b>	<b>759.092.363.262</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.935.232.863	20.679.333.796
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	87.203.867	96.178.000
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	440.844.988.781	138.263.120.000
- Lãi hợp đồng hợp tác, đầu tư khác	566.736.367.108	90.440.736.593
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.095.654.682	145.485.667
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.342.244.759	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	152.850.000
<b>Cộng</b>	<b>1.021.041.692.060</b>	<b>249.777.724.056</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	426.523.349.824	117.196.686.605
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	321.507.919	241.963.227
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.000	13.358.529
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	1.319.353.595	-
- Chi phí phải trả theo hợp đồng trợ tác đầu tư	162.450.275.062	55.850.290.030
- Chi phí tài chính khác	54.624.585.011	7.837.616.845
<b>Cộng</b>	<b>645.239.080.411</b>	<b>181.139.915.236</b>

## 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>53.867.849.054</b>	<b>56.556.933.793</b>
- Chi phí nhân viên	335.181.819	627.231.076
- Chi phí vật liệu, bao bì	362.992.505	449.482.674
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.502.464	1.533.336
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.111.620.658	52.040.972.626
- Chi phí bằng tiền khác	13.888.551.608	3.237.716.083
<b>b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>201.390.726.480</b>	<b>95.033.091.803</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	51.868.917.413	35.556.136.444
- Chi phí vật liệu quản lý	743.912.751	648.333.698
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.208.833.807	1.579.192.199
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.092.486.766	4.159.791.101
- Thuế, phí và lệ phí	1.184.552.435	1.390.553.142
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	-	13.044.725.567
- Phân bổ lợi thế thương mại	95.896.054.984	18.833.838.460
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.791.895.730	13.526.811.400
- Chi phí khác	16.604.072.594	6.293.709.792

## 6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.854.312.948	100.214.099.910
- Chi phí nhân công	93.432.438.257	56.103.713.575
- Chi phí khấu hao	228.592.959.400	17.948.484.769
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.264.943.643	595.683.392.034
- Chi phí bằng tiền khác	69.137.994.745	61.763.846.635
<b>Cộng</b>	<b>1.795.282.648.993</b>	<b>831.713.536.923</b>

## 7. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	1.129.967
- Các khoản khác	8.820.355.795	4.817.334.824
<b>Cộng</b>	<b>8.820.355.795</b>	<b>4.818.464.791</b>

## 8. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	318.051.178	-
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	2.297.719.657	223.609.838
- Các khoản khác	2.617.899.728	4.004.013.225
<b>Cộng</b>	<b>5.233.670.563</b>	<b>4.227.623.063</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	598.192.116.837	51.096.889.399
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	219.242.244.678	(7.321.189.512)
- Tổng thu nhập chịu thuế	837.434.361.515	43.775.699.887
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(19.415.235.608)	(2.096.536.018)
+ Thu nhập miễn, giảm thuế	-	-
- Tổng thu nhập tính thuế	818.019.105.907	41.679.163.869
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	131.243.643.453	24.177.774.606
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	147.116.495.834	24.177.774.606
+ Khoản thuế truy thu	614.472.964	-
+ Khoản thuế miễn giảm	(16.487.325.345)	-

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(16.413.940.320)	(178.675.241)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(16.413.940.320)</b>	<b>(178.675.241)</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	342.868.907.903	17.078.449.783
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	176.260.965	108.005.760
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.945</b>	<b>158</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	342.868.907.903	17.078.449.783
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	176.260.965	108.005.760
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.945</b>	<b>158</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**I. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
- Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính	235.412.388.107

**2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có thể chấp 82.530.000.000 VND tại khoản mục tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho các khoản vay, bảo đảm thực hiện Hợp đồng thi công (chi tiết tại mục V.01 và V.04 phần thuyết minh báo cáo tài chính này).

**3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu từ đi vay theo khổ ước thông thường
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác

Từ ngày 01/01/2021  
đến ngày 30/06/2021

1.657.349.502.853  
7.982.407.843.750  
250.000.000.000  
513.534.155.000

**4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ**

- Tiền trả nợ gốc vay theo khổ ước thông thường
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

Từ ngày 01/01/2021  
đến ngày 30/06/2021

744.999.694.100  
600.000.000.000  
1.328.370.533

**5. Số tiền đã thu từ vốn góp trong kỳ**

- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của Công ty mẹ
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con

Từ ngày 01/01/2021  
đến ngày 30/06/2021

674.623.800.000  
845.350.000.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Các bên liên quan**

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegasus	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Đảo	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp

## a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hieu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Hieu Soleil-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar 4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Helios Village	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Ausaino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bằng Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Lạng 2	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Tên đơn vị	Chi tiêu	Số tiền
Các bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	10.661.643.825
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	95.585.647
	Thu hồi tạm ứng	24.519.846.022
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwa BCG Bàng Dương	Cho vay	45.050.000.000
Công ty TNHH B.O.T DT830	Thu lãi tiền hợp tác	2.813.630.136
Công ty Taxi Việt Nam	Lợi nhuận được chia	4.965.494.723
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Cho vay	1.020.000.000

**c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:**

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	630.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	210.000.000
Đái Thành Lâm	Thành viên HĐQT	44.880.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	12.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	403.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	313.969.719
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	906.638.400
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	560.000.000
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	500.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	274.320.000
<b>Cộng</b>		<b>3.854.808.119</b>

**d. Số dư với các bên liên quan**

Tên đơn vị	Chi tiêu	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	315	2.415.068.491
	319	120.874.313.152
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	121	138.744.518
	132	8.290.778.812
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	131	544.114.982
	136	62.344.128
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwa BCG Bàng Dương	136	10.000.000
	135	21.800.878.890
Công ty TNHH B.O.T DT830	136	173.219.178
	319	200.000.000
	216	52.500.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	5.760.000.000



## 2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả Báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên Báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần	931.749.885.832	127.770.407.751	387.802.081.106	1.447.322.374.688
Giá vốn	555.813.283.401	31.503.795.745	357.989.659.350	945.306.738.496
Lợi nhuận gộp	375.936.602.431	96.266.612.006	29.812.421.756	502.015.636.192

## 3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢN SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 15/05/2021, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021 về việc triển khai phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital. Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 2.034.681.400.000 đồng lên thành 2.975.371.740.000 đồng, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 22 tại ngày 24/08/2021.

## 4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hồ Nam

*Báo cáo tài chính riêng*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**  
*Cho giai đoạn Quý 3/2021*

## MỤC LỤC

Trang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

- Bảng cân đối kế toán	01 - 02
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	03
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	04 - 05
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	06 - 37



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>428.533.158.903</b>	<b>191.429.113.591</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>259.928.550.295</b>	<b>12.021.135.270</b>
1. Tiền	111		249.518.550.295	1.611.135.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.410.000.000	10.410.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>33.980.000.000</b>	<b>980.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		980.000.000	980.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133.139.602.208</b>	<b>177.805.198.443</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	105.210.034.996	165.387.826.916
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	16.769.450.001	5.719.500.001
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	11.160.117.211	6.697.871.526
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.485.006.400</b>	<b>40.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	1.485.006.400	40.000.000
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>			<b>582.779.878</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			582.779.878
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.236.723.935.824</b>	<b>3.680.715.158.024</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>63.105.827.373</b>	<b>53.105.827.373</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	63.105.827.373	53.105.827.373
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.333.677.242</b>	<b>4.584.602.828</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.284.511.834	4.516.198.786
- Nguyên giá	222		8.484.705.655	7.864.578.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.200.193.821)	(3.348.379.596)
3. Tài sản cố định vô hình	227		49.165.408	68.404.042
- Nguyên giá	228		76.954.546	76.954.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.789.138)	(8.550.504)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>535.500.000</b>	<b>535.500.000</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.04</b>	<b>5.168.375.513.903</b>	<b>3.622.175.513.903</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.985.550.896.196	3.439.350.896.196
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		529.156.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.538.586)	(508.538.586)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>373.417.306</b>	<b>313.713.920</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	373.417.306	313.713.920
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.665.257.094.727</b>	<b>3.872.144.271.615</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.588.810.757.350</b>	<b>2.263.744.284.950</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>245.323.051.878</b>	<b>240.016.891.128</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.377.273.902	47.789.849.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.000.000.000	195.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	954.229.398	29.759.380.803
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	18.547.647.326	27.739.726.026
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	100.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	179.151.710.920	74.699.158.920
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	32.292.188.332	59.733.776.163
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.343.487.705.472</b>	<b>2.023.727.393.822</b>
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		534.310.000.000	688.310.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	1.178.440.000.000	161.150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	630.737.705.472	274.267.393.822
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	900.000.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.076.446.337.377</b>	<b>1.608.399.986.665</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>3.076.446.337.377</b>	<b>1.608.399.986.665</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		101.239.597.377	248.507.386.665
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.042.334.665	39.673.247.613
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		56.197.062.712	188.834.139.032
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.665.257.094.727</b>	<b>3.872.144.271.615</b>

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lưu: ngày 26 tháng 10 năm 2021

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hồ Nam



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể đến cuối Quý 3/2021	Lấy kể đến cuối Quý 3/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.110.150.542	80.608.869.091
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		871.052.859	479.322.814
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(77.335.872.971)	(105.492.942.949)
- Chi phí lãi vay	06		53.429.449.540	72.849.092.835
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.074.779.970	48.444.341.791
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		35.248.376.113	(81.162.787.464)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.445.006.400)	(660.481.800)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		933.799.318.946	315.456.962.159
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(33.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(64.621.528.240)	(220.288.721.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.380.131.495)	(24.417.913.659)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		874.616.105.508	38.403.756.110
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(620.127.273)	(4.288.416.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.618.814
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.565.200.000.000)	(1.630.890.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.000.000.000	1.618.832.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.335.872.971	11.568.680.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.469.484.254.302)	(4.763.318.012)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		674.623.800.000	280.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		507.344.499.687	967.314.480.232
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(178.315.775.868)	(1.189.941.128.891)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(160.876.960.000)	(86.404.608.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		842.775.563.819	(29.031.256.659)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 3 năm 2021.

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể đến cuối Quý 3/2021	Lấy kể đến cuối Quý 3/2020
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		247.907.415.025	4.609.181.439
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.021.135.270	10.985.162.573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	259.928.550.295	15.594.344.012

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Trí Hoàng Uyên

Hoàng Thị Minh Châu

Nguyễn Hồ Nam



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 22 ngày 24/08/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 2.975.371.740.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/09/2021: 2.975.371.740.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dăm, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

#### 6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/09/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 07 (bảy) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 55 (năm mươi lăm) Công ty con kiểm soát gián tiếp (thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 9 (chín) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

**6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)**

**a. Danh sách văn phòng đại diện**

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Như Kế Tam, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

**b. Danh sách các Công ty con trực tiếp**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	51,43%	51,43%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,30%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,52%	81,69%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,26%	99,26%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phú Cát, Tỉnh Bình Định	80,00%	80,00%
Công ty Cổ Phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%

**c. Danh sách các Công ty con gián tiếp**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	25,72%
Công ty Cổ phần Tracodi Training & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	55,00%	28,29%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	70,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX. Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	93,00%	63,94%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hầm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hòa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Răng, Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	57,19%

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Nghĩa, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.	59,43%	48,55%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,10%
Công ty Cổ phần Helios Village	Số 32 Đường Hoàng Diệu, Tổ Dân Phố 4, Phường Nghĩa Trung, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	80,0%	65,36%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100,0%	81,69%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	81,69%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	65,00%	53,10%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,10%	40,93%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	60,00%	55,25%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định	90,28%	89,61%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	69,00%	67,80%
Công ty Cổ phần Greensky Initiative	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	74,90%	73,60%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	50,12%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	50,62%
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Cán PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	78,00%	77,42%
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	Cán PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	93,60%	92,91%
Công ty Cổ phần Aura Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (tiền thân là Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long)	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	50,50%	50,13%

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	79,00%	77,63%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH BCG Ever 1	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 2	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 3	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 4	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,90%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar 4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	98,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH BCG Ever 5	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%

*c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH BCG Ever 6	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG Ever 7	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	97,28%
Công Ty Cổ Phần BCG-SP Solar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Daisy Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Dịch Vụ BCG-SP Alpha 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Iris Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Ivy Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Lily Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Lotus Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Pine Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Xây Lắp BCG-SP Alpha 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%

*d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Anasino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,68%

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ Kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.	30,00%	15,43%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,24%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 03, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pàn 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,51%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.	20,00%	10,29%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	48,64%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy S14, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	49,00%	48,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, TP. Thủ Đức, TP. HCM	49,00%	23,79%

## II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

###### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không ký hạn và tiền đang chuyển.

###### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

###### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty định giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

###### **a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (mua giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng ký hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty có phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhưng bản chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### **b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### **d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách giúp nhận hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán, nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông

#### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

#### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí bán hàng, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuế hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuế tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (ước tính)
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

## **8. Ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối trọng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu trả lãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phân ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trung kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

## 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc định giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### **18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2021

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
- Tiền mặt	188.862.519	58.240.136
- Tiền gửi ngân hàng	249.529.687.776	1.552.895.134
Tiền gửi VND	249.309.498.830	1.534.949.714
Tiền gửi ngoại tệ	20.188.946	17.945.420
- Các khoản tương đương tiền	10.410.000.000	10.410.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.928.550.295</b>	<b>12.021.135.270</b>

#### 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>105.210.034.996</b>	<b>165.387.826.916</b>
+ Công ty CP BCG Land	4.713.700.000	1.377.700.000
+ Công ty CP BCE Energy	6.129.900.000	
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	4.793.000.000	
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	2.181.000.000	
+ Dragon Lane Investment Holding Limited	67.275.655.800	116.200.500.000
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	19.000.000.000	
+ Công ty TNHH KD DV BDS Thăng Long		45.000.000.000
+ Phải thu khách hàng khác	1.116.779.196	2.809.826.916
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>36.872.600.000</b>	<b>2.750.000.000</b>
+ Công ty CP BCG Land	4.713.700.000	1.377.700.000
+ Công ty CP BCE Energy	6.129.900.000	91.300.000
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	4.793.000.000	1.281.000.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	2.181.000.000	
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	19.000.000.000	
+ Công ty CP Phát triển Tâm nhân Năng Lượng Sạch	55.000.000	

#### 3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>16.769.450.001</b>	<b>5.719.500.001</b>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư D'SENSE ISLAND Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Global Asset Solution FZ LLC	227.280.000	227.280.000
+ Be Great Global Limited	348.600.000	
+ Công ty Cổ phần Gousa	11.000.000.000	
+ Đối tượng khác	193.570.001	492.220.001
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>		

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>				
- Tổng giá trị cổ phiếu	33.000.000,000	33.000.000,000	-	-
Chi tiết số dư như sau:				
+ Ngân hàng TMC.P Tiên Phong	33.000.000,000	33.000.000,000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.000.000,000</b>	<b>33.000.000,000</b>		
<b>b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>b.1 Ngân hạn:</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	980.000,000	980.000,000	980.000,000	980.000,000
<b>b.2 Dài hạn:</b>				
-	-	-	980.000,000	980.000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>980.000,000</b>	<b>980.000,000</b>	<b>980.000,000</b>	<b>980.000,000</b>

Chi tiết:

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TMCP BIDV- Chi nhánh Bà Chiểu theo mục V.10 quyết minh báo cáo tài chính này)

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021			
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị hợp lý	Dư phòng	
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.168.884.052.489	5.168.375.513.903	(508.538.586)	3.622.684.052.489	3.622.175.513.903	(508.538.586)
- Đầu tư vào công ty con	4.985.550.896.196	4.985.550.896.196	-	3.439.350.896.196	3.439.350.896.196	-
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	479.460.560.000	479.460.560.000	-	299.460.560.000	299.460.560.000	-
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	270.160.000.000	270.160.000.000	-	270.160.000.000	270.160.000.000	-
+ Công ty cổ phần BCG Lacol	1.256.400.000.000	1.256.400.000.000	-	1.014.200.000.000	1.014.200.000.000	-
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	667.530.336.196	667.530.336.196	-	667.530.336.196	667.530.336.196	-
+ Công ty Cổ phần HEC Energy	1.608.000.000.000	1.608.000.000.000	-	1.188.000.000.000	1.188.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần BCG KIM công nghiệp Cát Trâm	364.000.000.000	364.000.000.000	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	320.000.000.000	320.000.000.000	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	182.804.000.000	182.295.461.414	(508.538.586)	182.804.000.000	182.295.461.414	(508.538.586)
+ Công ty TNHH DY B/ Trường Thành Đạt Nam Security	-	-	-	-	-	-
+ Công ty CP Anstros Higdonal	-	-	(508.538.586)	-	-	(508.538.586)
Agriical Fure	1.104.000.000	595.461.414	-	1.104.000.000	595.461.414	-
+ Công ty TNHH R.O.T DTS30	103.200.000.000	103.200.000.000	-	103.200.000.000	103.200.000.000	-
+ Công ty CP Năng lượng BCG Bang Damng	78.500.000.000	78.500.000.000	-	78.500.000.000	78.500.000.000	-
- Đầu tư vào các đơn vị khác	529.156.293	529.156.293	-	529.156.293	529.156.293	-
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933	69.210.933	-
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DV Đầu Mài VN	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360	99.945.360	-
+ Công ty CP Đầu tư hạ tầng và năng lượng VN	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.168.884.052.489</b>	<b>5.168.375.513.903</b>	<b>(508.538.586)</b>	<b>3.622.684.052.489</b>	<b>3.622.175.513.903</b>	<b>(508.538.586)</b>



**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	84.503.106		233.427.342	
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000		19.000.000	
- Cho mượn				
- Phải thu khác	11.056.614.105		6.445.444.184	
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	5.475.000.000		5.475.000.000	
+ Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	5.600.000.000		-	
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security			736.611.112	
+ Công ty TNHH B.O.T DT830	454.178.082		123.082.192	
+ Khác	127.436.023		233.833.072	

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>đ. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>63.105.827.373</b>	<b>-</b>	<b>53.105.827.373</b>	<b>-</b>
- Phải thu khác	62.500.000.000		52.500.000.000	
+ Công ty TNHH B.O.T DT830	52.500.000.000		52.500.000.000	
+ Khác	10.000.000.000		-	
- Ký cược, ký quỹ	605.827.373		605.827.373	
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.265.944.584</b>	<b>-</b>	<b>59.803.698.899</b>	<b>-</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí SXKD dở dang				
- Thành phẩm				
- Hàng hóa	1.485.006.400		40.000.000	
- Hàng hóa gửi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>1.485.006.400</b>	<b>-</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>



**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
1. Số dư đầu kỳ	76.954.546	76.954.546
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	76.954.546	76.954.546
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu kỳ	8.550.504	8.550.504
2. Khấu hao trong kỳ	19.238.634	19.238.634
- Khấu hao tăng trong kỳ	19.238.634	19.238.634
3. Giảm trong kỳ	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1. Tại ngày đầu kỳ	68.404.042	68.404.042
2. Tại ngày cuối kỳ	49.165.408	49.165.408

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
<i>a. Ngân hàng</i>				
<i>b. Đãi hạn</i>				
- Chi phí CCDC xuất dùng		373.417.306		313.713.920
- Chi phí khác				
<b>Tổng cộng</b>		<b>373.417.306</b>		<b>313.713.920</b>

**10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 01/01/2021		Phân tích		Ngày 30/09/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay ngắn hạn</i>	59.733.776.163	59.733.776.163	59.733.776.163	63.386.087.518	32.292.188.332	32.292.188.332
- <i>Vay ngắn hạn</i>	19.633.347.267	19.633.347.267	25.944.499.687	32.257.520.096	13.320.326.858	13.320.326.858
+ Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu	19.633.347.267	19.633.347.267	25.944.499.687	32.257.520.096	13.320.326.858	13.320.326.858
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	40.100.428.896	40.100.428.896	12.000.000.000	33.128.567.422	18.971.861.474	18.971.861.474
+ Ngân hàng TMCP Sacombank	391.333.000	391.333.000		346.745.500	44.587.500	44.587.500
+ Ngân hàng Nam Á - CN Đà Nẵng	27.500.000.000	27.500.000.000		20.625.000.000	6.875.000.000	6.875.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bank	12.209.095.896	12.209.095.896	12.000.000.000	12.156.821.922	12.052.273.974	12.052.273.974



11. TRẢ PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong kỳ	Đào hạn trái phiếu		Số cuối kỳ	Liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	Kế hạn gốc (tháng) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	36		36			
2	Kế hạn còn lại (tháng) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	28,5				19,5	
3	Số lượng (trái phiếu) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	900.000		900.000			
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	1.000.000					
5	Lãi suất (%) Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	5%					
6	Tỷ lệ chuyển đổi Lãi suất chiết khấu						
8	Nợ gốc trái phiếu Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	900.000.000,000			900.000.000,000		
9	Quyền chọn chuyển đổi Phát hành ngày 20/05/2020						

Ghi chú:

(\*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 13/05/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCTG ngày 09/07/2021 về việc chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi năm bị trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 20/05/2020 thành cổ phiếu. Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 900.000 trái phiếu phát hành ngày 20/05/2020 thành 90.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ.

**12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn:</b>				
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	9.377.275.902	8.411.340.858	47.789.849.216	47.789.849.216
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	2.182.251.564	2.182.251.564	109.948.520	109.948.520
- Công ty TNHH Tuấn Phong	4.784.082.894	4.784.082.894	46.547.597.777	46.547.597.777
- Các đối tượng khác	1.445.006.400	1.445.006.400		
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	965.935.044		1.132.302.919	1.132.302.919
	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
<b>Cộng</b>	<b>543.687.275.902</b>	<b>542.721.340.858</b>	<b>736.099.849.216</b>	<b>736.099.849.216</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>			<b>109.948.520</b>	<b>109.948.520</b>
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	2.182.251.564	2.182.251.564	109.948.520,0	109.948.520

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC**

	Ngày 01/01/2021	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/09/2021
<b>a. Phải nộp</b>	<b>29.759.380.803</b>	<b>13.099.863.567</b>	<b>41.566.224.972</b>	<b>954.229.398</b>
Thuế giá trị gia tăng		777.692.410	638.770.111	138.922.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.095.841.175	913.087.830	29.380.131.495	628.797.510
Thuế thu nhập cá nhân	324.749.628	9.795.718.618	9.933.958.657	186.509.589
Thuế khác	338.790.000	1.613.364.709	1.613.364.709	
<b>b. Phải thu</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.547.647.326</b>	<b>27.739.726.026</b>
- Tạm trích chi phí giá vốn hàng hóa đã bán	2.000.000.000	
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	16.547.647.326	27.739.726.026
<b>b. Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>18.547.647.326</b>	<b>27.739.726.026</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Ngày 30/09/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
<b>a. Ngân hạn</b>	<b>179.151.710.920</b>	<b>74.699.158.920</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN		
- Nhân kỳ cược, kỳ quỹ ngân hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	179.151.710.920	74.699.158.920
+ Công ty TNHH B.O.T ĐTS30	200.000.000	200.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land	96.850.000.000	
+ Trương Hoàng Vĩnh		20.000.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	80.138.000.000	52.793.000.000
+ Các đối tượng khác	1.983.710.920	1.706.158.920
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.178.440.000.000</b>	<b>161.150.000.000</b>
- Nhận kỳ cược kỳ quỹ dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.178.440.000.000	161.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Khách Sạn	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	64.150.000.000	64.150.000.000
+ Công ty TNHH Kinh Doanh DV BĐS Thăng Long	378.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	246.690.000.000	
+ Nguyễn Thị Minh Trang	180.000.000.000	
+ Trần Thủy Dung	123.500.000.000	
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh	89.100.000.000	
+ Các đối tượng khác	17.000.000.000	17.000.000.000



**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	146.077.855.613	1.225.970.455.613
- Tăng vốn trong kỳ	280.000.000.000				280.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ				188.834.139.052	188.834.139.052
- Chia cổ tức				(86.404.608.000)	(86.404.608.000)
- Giảm khác					-
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.360.057.600.000	(165.000.000)	-	248.507.386.665	1.608.399.986.665
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.360.057.600.000	(165.000.000)	-	248.507.386.665	1.608.399.986.665
- Tăng vốn trong kỳ (*)	1.574.623.800.000				1.574.623.800.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ				56.197.062.712	56.197.062.712
- Chia cổ tức (**)	40.600.340.000			(203.464.852.000)	(162.774.512.000)
Số dư tại ngày 30/09/2021	2.975.371.740.000	(165.000.000)	-	101.239.597.377	3.076.446.337.377

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số BCG ngày 30/09/2020, Công ty đã thực hiện chia năm 67.462.380 cổ phiếu trị giá bằng vốn công chúng với tổng số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng.

51/2020/NQ-HĐQT-

(\*\*) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 20/03/2020 thành cổ phiếu. Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn số 900.000 trái phiếu phát hành ngày 20/03/2020 thành 90.000.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

(\*\*\*) Trong năm 2021, công ty tiến hành chia cổ tức là 10% vốn điều lệ (8% bằng tiền mặt, 2% bằng cổ phiếu) thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<i>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn nhà nước		
- Tổ chức cá nhân khác		
<b>Cộng</b>	<b>2.975.371.740.000</b>	<b>1.360.057.600.000</b>
	<b>2.975.371.740.000</b>	<b>1.360.057.600.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<i>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	1.615.314.140.000	280.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
<i>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	203.464.852.000	-

*d. Cổ phiếu*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	297.537.174	136.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	297.537.174	136.005.760
+ Cổ phiếu phổ thông	297.537.174	136.005.760

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

*e. Cổ tức*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Cổ tức đã công bố:	203.464.852.000	86.404.608.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	203.464.852.000	86.404.608.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
<i>a. Tài sản thuế ngoài</i>		
<i>b. Tài sản nhận giữ hộ</i>		
<i>c. Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	919,82	779,82
<i>d. Vàng tiền tệ</i>		
<i>d. Nợ khó đòi đã xử lý</i>		
<i>e. Các thông tin khác</i>		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
<b>a. Doanh thu</b>	<b>11.936.531.760</b>	<b>61.456.300.000</b>
+ Doanh thu bán hàng	4.424.531.760	9.934.300.000
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.512.000.000	51.522.000.000
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>7.512.000.000</b>	<b>1.315.000.000</b>
- Công ty cổ phần BCG Land	2.160.000.000	1.315.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	3.042.000.000	1.947.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.440.000.000	1.275.000.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	720.000.000	765.000.000
+ Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	150.000.000	30.000.000

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
- Giá vốn hàng hóa	4.226.901.000	9.540.978.900
- Giá vốn dịch vụ	1.214.585.128	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.441.486.128</b>	<b>9.580.978.900</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.550.819.631	1.493.541.159
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	2.947.500.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.685.841.000	11.175.537.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.709.500	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.221.870.131</b>	<b>12.669.098.159</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
- Chi phí lãi vay	16.011.247.866	19.861.870.307
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	85.735.698	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	180.849.000	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.277.832.564</b>	<b>19.861.870.307</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>9.451.700.895</b>	<b>6.758.425.242</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.819.799.918	3.505.812.984
- Chi phí bằng tiền khác	366.387.333	335.061.741
<b>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.819.799.918</b>	<b>3.505.812.984</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	366.387.333	335.061.741
- Chi phí vật liệu quản lý	101.409.220	414.883.580
- Chi phí khấu hao TSCĐ	310.071.663	204.851.673
- Thuê, phí và lệ phí	21.700.000	2.411.110
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.535.929.873	1.679.174.154
- Chi phí bằng tiền khác	296.402.888	616.230.000

**6. THU NHẬP KHÁC**

	<i>Quý 3/2021</i>	<i>Quý 3/2020</i>
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ		
- Các khoản khác		13.618.814
<b>Cộng</b>		<b>13.618.814</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Quý 3/2021</i>	<i>Quý 3/2020</i>
- Các khoản khác	677.173.896	2.941.924
<b>Cộng</b>	<b>677.173.896</b>	<b>2.941.924</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Quý 3/2021</i>	<i>Quý 3/2020</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.387.333	335.061.741
- Chi phí nhân công	3.819.799.918	3.505.812.984
- Chi phí khấu hao TSCĐ	310.071.663	204.851.673
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.535.929.873	1.679.174.154
- Chi phí bằng tiền khác	419.512.108	1.033.524.690
<b>Cộng</b>	<b>9.451.700.895</b>	<b>6.758.425.242</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Quý 3/2021</i>	<i>Quý 3/2020</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.310.208.408	37.934.800.600
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(25.685.841.000)	(11.175.557.000)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(15.375.632.592)	26.759.243.600
+ Lũy từ các năm trước chuyển sang		
- Tổng thu nhập tính thuế	(15.375.632.592)	26.759.243.600
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		5.351.848.720
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		5.351.848.720
+ Khoản thuế TNDN truy thu		

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Các bên liên quan**

Đơn vị	Quan hệ
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con

<b>Đơn vị</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty Cổ Phần BCG Financial	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần ĐT TM DV Gia Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Auri Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con gián tiếp

10/03/2022 10:54:15

<b>Đơn vị</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Helios Village	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG-SP Solar 1	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Daisy Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Dịch Vụ BCG-SP Alpha 1	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Iris Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Ivy Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Lily Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Lotus Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Pine Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Xây Lắp BCG-SP Alpha 2	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Aussino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Harwinia - BCG Băng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Harwinia BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần ĐT TM Dịch Vụ An Khang Land	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

**Ghi chú:**

Ngoài thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.02, V.12 và V1.01 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Đơn vị	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần BCG Land	Tạm ứng cổ tức	96.830.000.000
	Nhận cổ tức	44.169.998.400
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Mượn tiền	11.214.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	101.818.800
	Mượn tiền	246.690.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	Bán cổ phần	19.000.000.000
	Phải thu khác	150.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Thu lãi tiền hợp tác	1.174.657.534
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Thu tiền cung cấp dịch vụ	165.000.000

**c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:**

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	90.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	165.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	45.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	90.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	150.000.000
Đinh Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	45.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>825.000.000</b>
Các Bên liên quan	Lãi trả phiếu phải trả	2.532.876.713

**d. Số dư với các bên liên quan**

Đơn vị	Mã số trên CBKT	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	315	4.947.945.204
Công ty Cổ phần BCG Land	319	96.830.000.000
	315	1.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	315	1.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	80.138.000.000
	337	64.150.000.000
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	136	62.344.128
	136	454.178.082
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	319	200.000.000
	216	52.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	131	19.000.000.000
	337	246.690.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sốc Trắng	136	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	311	2.182.251.564
Công ty CP Năng lượng Hamcha - BCG Băng Dương	136	10.000.000

10/21  
S T  
HAI  
BO  
ITA  
10/21

## 2. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS).

## 3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình theo loại hình kinh doanh

Chi tiêu:	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	4.424.531.760	7.512.000.000	11.936.531.760
Giá vốn	4.226.901.000	1.214.585.128	5.441.486.128
Lợi nhuận thuần	197.630.760	6.297.414.872	6.495.045.632

Người lập biểu

Lê Tri Hoàng Uyên

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lên ngày 26 tháng 10 năm 2021

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hồ Nam





# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
quý 3 năm 2021*

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

*Báo cáo tài chính hợp nhất  
quý 3 năm 2021*



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	01 - 02
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	03
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	04 - 05
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	06 - 47

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.414.282.056.631</b>	<b>11.338.108.287.953</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	689.108.067.503	903.386.455.277
1. Tiền	111		417.923.578.134	816.052.667.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		271.184.489.369	87.333.787.579
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	1.738.734.488.090	593.767.088.890
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.670.117.108.090	566.767.088.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		68.617.380.000	27.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.539.354.246.195	7.083.496.019.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	980.473.809.941	901.498.322.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.540.357.771.583	757.200.946.393
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	584.266.628.470	8.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	4.521.562.517.204	5.503.703.231.975
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(87.320.715.940)	(87.320.715.940)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.234.937	14.234.937
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	2.126.607.329.641	2.276.299.016.968
1. Hàng tồn kho	141		2.126.607.329.641	2.276.299.016.968
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		320.477.925.202	481.159.707.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	31.884.610.702	19.812.812.899
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		279.086.938.784	449.135.237.299
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	9.506.375.716	12.211.657.068
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22.956.929.893.076</b>	<b>12.798.717.405.488</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.221.781.355.875	6.042.279.634.580
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	12.221.781.355.875	6.042.279.634.580
II. Tài sản cố định	220		4.443.600.076.286	365.145.105.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.437.469.496.568	358.998.799.018
- Nguyên giá	222		4.800.726.800.498	329.829.615.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.257.303.930)	(170.840.815.989)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.086.615.749	3.911.082.302
- Nguyên giá	225		6.998.968.212	5.986.068.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.912.352.463)	(2.074.985.910)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	2.043.963.969	2.235.224.421
- Nguyên giá	228		3.336.923.046	3.213.021.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.312.961.077)	(979.796.623)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	3.451.623.423.119	4.033.615.584.636
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		679.253.490.399	9.045.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.772.369.932.720	4.024.570.584.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	1.731.382.801.470	1.290.612.950.320
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.609.263.645.177	1.036.857.794.027
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.119.156.293	151.755.156.293
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		102.000.000.000	102.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.108.542.236.327	1.067.064.130.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	316.582.136.976	264.807.077.902
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		62.136.971.482	44.503.712.630
5. Lợi thế thương mại	269		729.823.127.869	757.753.339.679
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>35.371.211.949.707</b>	<b>24.136.825.693.441</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.012.755.684.636</b>	<b>21.173.517.662.549</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.661.688.297.798</b>	<b>10.609.458.384.565</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.265.506.505.093	4.780.665.000.177
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.066.379.105.770	1.689.338.591.783
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	216.776.965.936	120.653.116.629
4. Phải trả người lao động	314		14.893.107.728	12.974.021.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	184.685.039.421	91.507.897.206
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.469.657.538	12.333.333.336
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	935.539.072.700	1.863.759.945.048
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.962.559.578.480	2.030.728.831.719
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.879.265.132	7.497.647.459
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.351.067.386.838</b>	<b>10.564.059.277.984</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	2.983.397.217.563	688.310.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	40.000.000.000	40.000.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	7.006.471.988.014	5.264.977.995.848
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	10.950.898.181.261	2.549.399.230.688
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.20	1.370.300.000.000	2.020.300.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			1.072.051.448
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.358.456.265.071</b>	<b>2.963.308.030.892</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>6.358.456.265.071</b>	<b>2.963.308.030.892</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.404.860.000	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		301.346.416	306.707.661
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		467.767.792	481.158.791
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		488.075.714.361	215.211.939.444
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.647.333.411)	3.885.036.432
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		508.723.247.771	211.326.903.012
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.872.999.836.503	1.387.415.624.996
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>35.371.211.949.707</b>	<b>24.136.825.693.441</b>

Người lập báo cáo

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu



Nguyễn Hồ Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Quý 3 năm 2021)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
			Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.01	457.439.869.146	781.702.508.459
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	6.095.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		457.439.869.146	781.696.412.503
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.02	236.220.072.140	557.562.668.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		221.219.797.006	224.133.743.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.03	596.332.427.247	102.459.516.732
7. Chi phí tài chính	22	V1.04	434.941.280.589	145.187.919.618
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		318.315.830.656	78.852.521.378
8. Phí lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(9.119.241.536)	(9.541.976.816)
9. Chi phí bán hàng	25	V1.05	18.457.745.610	28.759.313.807
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.05	77.550.084.566	42.569.950.590
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		277.483.871.952	100.534.119.503
12. Thu nhập khác	31	V1.07	562.717.786	5.347.610.521
13. Chi phí khác	32	V1.08	7.899.842.941	3.975.697.993
14. Lợi nhuận khác	40		(7.337.125.155)	1.371.912.528
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		270.146.746.797	101.906.032.031
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.09	54.520.464.823	25.799.999.183
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V1.10	(2.291.369.975)	(89.337.621)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.917.651.949	76.195.370.468
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		165.854.339.868	52.540.777.775
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		52.063.312.081	43.654.592.693

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập Báo cáo Tài chính 10 năm 2021

Đại diện hợp pháp



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		868.338.863.633	153.002.921.430
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		319.565.659.199	41.379.507.697
- Các khoản dự phòng	03			12.880.619.025
- (Lãi)/ổ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.571.721.025)	30.000
- (Lãi)/ổ từ hoạt động đầu tư	05		(1.550.335.644.794)	(309.267.909.575)
- Chi phí lãi vay	06		888.084.607.533	193.916.270.584
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		524.081.764.546	91.911.439.161
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(2.255.100.849.464)	(5.011.347.323.575)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		100.195.107.594	(325.931.810.606)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.305.423.385.616)	4.648.606.411.861
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(65.058.274.720)	1.444.465.730.700
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.103.350.019.200)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(810.444.593.708)	(326.449.595.383)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(86.606.063.309)	(49.729.970.713)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.980.000	7.500.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.607.640.000)	(7.795.455.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(7.009.310.973.877)</b>	<b>471.229.426.445</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.881.529.449.920)	(363.987.256.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.196.493.438	53.618.814
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.026.799.508.921)	(4.620.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		687.061.154.341	1.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.951.011.289.849)	(3.096.584.190.616)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.520.530.790.841	2.045.582.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		519.054.292.059	156.873.236.938
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(3.131.498.018.011)</b>	<b>(1.261.081.690.989)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.650.963.800.000	280.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.868.528.259.888	2.944.842.394.774
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.293.758.091.096)	(1.726.885.647.619)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(1.955.604.791)	(874.734.511)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(298.819.480.912)	(115.589.105.960)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.924.958.883.089</b>	<b>1.381.492.906.684</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trung kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(215.850.108.799)</b>	<b>591.640.642.140</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		903.386.455.277	150.211.393.104
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.571.721.025	(30.000)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>689.108.067.503</b>	<b>741.852.005.244</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu



Ngày 10 tháng 10 năm 2021  
Bộ phận pháp luật

Nguyễn Hồ Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 22 ngày 24/08/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 2.975.371.740.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/09/2021: 2.975.371.740.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe cộ động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe cộ động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe cộ động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe cộ động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

#### 6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/09/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 07 (bảy) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 55 (năm mươi lăm) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 9 (chín) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

**6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)**

**a. Danh sách văn phòng đại diện**

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Như Sơn, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**b. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	51,43%	51,43%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,30%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,52%	81,69%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,26%	99,26%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%

**c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Áp Rô Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	25,72%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	55,00%	28,29%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	70,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	61,94%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thành, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghénh Ráng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	57,19%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Giá Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM	59,43%	48,55%
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,10%

*c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ Kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Helios Village	Số 32 Hoàng Diệu, Tổ dân phố 4, Phường Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	80,00%	65,36%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	81,69%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	81,69%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	65,00%	53,10%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Đảo	Côn Đảo, Phường Cẩm Nam, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,10%	40,93%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	60,00%	55,25%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Xanh	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định.	90,28%	89,61%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	69,00%	67,80%
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	74,90%	73,60%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngõ Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	50,12%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	50,62%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Cần PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	78,00%	77,42%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Cần PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	93,60%	92,91%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần BCG Vinh Long (tiền thân là Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vinh Long)	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	50,50%	50,13%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	79,00%	77,63%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	344/38 DX 90, Đường Phun Dông Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%

*c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH BCG Ever 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty Cổ phần Blue Soleil	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,90%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Blue Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	98,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH BCG EVER 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG EVER 6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG EVER 7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	97,28%

Công Ty Cổ Phần BCG-SP Solar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Daisy Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Dịch Vụ BCG-SP Alpha 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Iris Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Ivy Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Lily Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Lotus Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Pine Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Xây Lập BCG-SP Alpha 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%

*d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Ausino Highland Agriculture	L14-03B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,68%

*e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con*

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.	30,00%	15,43%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,24%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Fendi Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pàn 1, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,51%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.	20,00%	10,29%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	48,64%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	49,00%	48,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, TP. Thủ Đức, TP. HCM	49,00%	23,79%

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **I. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền đi đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, huy động ký hạn, huy động hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thống qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ được sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, hoàn thiện vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối mỗi độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuế tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

## **6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

## **8. Ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phải hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hùn các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên hàng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc dành giữ lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **d. Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**20. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

**a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lỗ phát sinh từ giao dịch mua rõ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

**b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.



**c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con**

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

*- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho*

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

*- Các khoản vay trong nội bộ*

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

*- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác*

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

**e. Lợi thể thương mại**

Lợi thể thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thể thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thể thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30/09/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
- Tiền mặt	18.628.931.536	25.378.528.597
- Tiền gửi ngân hàng	397.442.372.575	790.817.956.123
- Tiền đang chuyển	1.846.035.943	69.970.557
- Các khoản tương đương tiền	371.190.727.449	87.120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>689.108.067.503</b>	<b>903.386.455.277</b>

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Ngày 30/09/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>980.473.809.941</b>	<b>901.498.322.187</b>
- Dragon Lane Investment Holding Limited	67.275.655.800	116.200.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	6.282.399.808	21.620.443.089
- Công ty Mua Bán Điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam	121.817.290.361	-
- Công ty TNHH Fujisan	48.297.080.000	48.297.080.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Lion City	-	322.250.000.000
- Hanwha Engineering & Construction Corp	-	35.000.000.000
- Phan Văn Việt	400.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	336.801.383.972	358.130.299.098
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Ngày 30/09/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.540.357.771.583</b>	<b>757.200.946.393</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	156.202.000.000	98.375.000.000
- Công ty Cổ phần Green Solution	70.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty TNHH Powerechina Việt Nam	-	94.725.772.843
- Công ty Cổ phần Plus Investment	689.411.000.000	160.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương Mại Vũ Tuấn	182.963.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần MGM Harbit	-	120.000.000.000
- Các đối tượng khác	441.781.771.583	184.100.173.550
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>1.670.117.108.090</b>	<b>1.670.117.108.090</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>
- Tổng giá trị cổ phiếu	1.670.117.108.090	1.670.117.108.090	566.767.088.890	566.767.088.890
+ Công ty CP Bảo Hiểm Đầu Tư Việt Nam	853.200	853.200	853.200	853.200
+ Công ty CP Bảo Hiểm Đầu Tư Nhân Ái	53.090.000	53.090.000	53.090.000	53.090.000
+ Công ty CP Dược phẩm Trung ương Việt Nam	445.939.200	445.939.200	445.939.200	445.939.200
+ Công ty CP Ceramix An Giang	451.655.840	451.655.840	451.655.840	451.655.840
+ Công ty CP Viễn Liên	257.400	257.400	257.400	257.400
+ Công ty CP Vật tư kỹ thuật Cần Thơ	43.250	43.250	43.250	43.250
+ Công ty CP Phú Tân Khởi	5.890.000.000	5.890.000.000	5.890.000.000	5.890.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	990.000.000.000	990.000.000.000	990.000.000.000	990.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nông Dân Phát Triển	113.350.019.200	113.350.019.200	113.350.019.200	113.350.019.200
+ Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Xuân Phú Hải (*)	559.925.340.090	559.925.340.090	559.925.340.090	559.925.340.090
<b>Cộng</b>	<b>1.670.117.108.090</b>	<b>1.670.117.108.090</b>	<b>566.767.088.890</b>	<b>566.767.088.890</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là khoản đầu tư nhằm mục đích nắm giữ để bán trong ngắn hạn của công ty con của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Xuân Phú Hải - là chủ đầu tư dự án khu du lịch tại Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b.1 Ngắn hạn</b>	<b>68.617.380.000</b>	<b>68.617.380.000</b>	<b>27.096.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển	7.680.000.000	7.680.000.000	6.680.000.000	6.680.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong	53.020.000.000	53.020.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.725.000.000	5.725.000.000	100.000.000	100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	592.380.000	592.380.000	-	-
<b>b.2 Dài hạn</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Heiles	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng BIDV	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>170.617.380.000</b>	<b>170.617.380.000</b>	<b>129.096.000.000</b>	<b>129.000.000.000</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

i. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.679.589.278.334	1.609.263.645.177	1.076.169.944.946	1.036.857.794.927
+ Công ty Cổ phần Ausstina Highland Agriculture	1.104.000.000.000	637.181.951	1.104.000.000	638.169.101
+ Công ty TNHH B.O.T DTS30	103.200.000.000	38.989.087.163	126.470.000.000	59.303.522.380
+ Công ty Cổ phần Nùng Hưng BCG Bông Dương	136.500.000.000	147.152.508.629	136.500.000.000	130.216.305.818
+ Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	34.356.228.873	31.430.818.103	34.256.228.873	33.110.065.406
+ Công ty TNHH Skylight Power	24.942.712.350	24.001.947.390	24.529.900.000	23.843.142.750
+ Công ty Cổ phần Humcha BCG Bông Dương	255.000.000.000	259.427.611.884	255.000.000.000	277.117.805.275
+ Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	61.790.000.000	61.790.000.000	61.790.000.000	61.790.000.000
+ Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	147.000.000.000	147.435.523.209	-	-
+ Công ty Cổ phần Đất tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	841.191.337.109	832.783.917.118	-	-
+ Công ty Cổ phần Blean Sotail	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đất tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	-	-	5.837.352.362	5.540.104.389
+ Công ty TNHH BCG Ever 5	-	-	358.024.463.769	358.024.463.769
+ Công ty TNHH BCG Ever 6	-	-	280.000.000	279.205.806
+ Công ty TNHH BCG Ever 7	-	-	180.000.000	179.280.851
+ Công ty Cổ phần JK Plus Việt Nam	12.400.000.000	12.500.327.977	183.000.000	182.277.959
+ Công ty TNHH Humcha BCGE - G&M	2.295.000.000	3.610.599.121	3.800.000.000	4.000.895.608
+ Công ty Cổ phần Nùng Hưng Bông Dương Phương	60.000.000.000	59.484.324.630	2.205.000.000	2.436.133.327
			60.000.000.000	59.987.219.368

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào các đơn vị khác	20.119.156.293	20.119.156.293	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam	360.000.000	360.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & DV Dầu Khí Việt Nam	99.945.360	99.945.360	-	-
+ Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Tracost Power	590.000.000	590.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.699.708.434.627</b>	<b>1.629.382.801.470</b>	<b>-</b>	<b>1.188.612.956.320</b>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

		Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
- Công ty TNHH TMTH Phước Tiến	(1)	584.266.628.470	8.400.000.000
- Nguyễn Thanh Lịch	(2)	190.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tapiotek		163.000.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quang Phong		4.979.269.580	5.400.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG - Bình Dương		3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bình Dương		43.971.878.890	-
- Các khoản cho vay khác		5.920.000.000	-
		173.395.480.000	-

b. Phải thu về cho vay dài hạn

Tổng cộng

584.266.628.470 8.400.000.000

Ghi chú:

(1) Là khoản cho Công ty TNHH TMTH Phước Tiến vay theo Hợp đồng số: 001/2021/HĐVTS/CBE-PTE ngày 05/04/2021, thời hạn 12 tháng, lãi suất 13,5%/năm.

(2) Là khoản phải thu Nguyễn Thanh Lịch theo Hợp đồng số 0112/2020/HĐCV ngày 01/12/2020; Hợp đồng số 1012/2020/HĐCV ngày 10/12/2020; lãi suất cho vay 6%/năm và hợp đồng mượn tiền không lãi suất số 2712/2020/HĐMT ngày 27/12/2020 và hợp đồng số 3012/2020/HĐMT ngày 30/12/2020.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	4.521.562.317.204	(1.904.717.650)	5.583.703.231.975	(1.904.717.650)
- Phải thu BHXH	18.391.141	-	25.033.580	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.547.945	-
- Tam ứng	732.273.183.782	(104.717.650)	406.731.643.701	(104.717.650)
- Kỳ cược, kỳ quỹ	2.744.048.932	(1.800.000.000)	324.971.330.049	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	3.786.526.893.349	-	4.771.964.676.700	-
+ Công ty Cổ phần Mejo Solar	357.032.068.493	-	216.743.794.521	-
+ Công ty Cổ phần R&H	-	-	500.000.000.000	-
Construction				
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	10.201.643.835	-	494.125.808.219	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch vụ Orchid	119.166.958.612	-	-	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	332.050.000.000	-	-	-
+ Công ty CP MGM Hubs	151.000.000.000	-	-	-
+ Trần Thủy Dung	502.925.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Daffodils	23.054.794.521	-	250.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thăng Phương	190.469.888.670	-	644.928.904.109	-
+ Nguyễn Đình Ngón	-	-	283.907.366.666	-
+ Trần Thu Kiều Tiên	407.396.661.945	-	374.431.506.849	-
+ Phan Thị Nhật Hoàn	217.743.270.559	-	-	-
+ Công ty TNHH Thanh An An	200.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Đầu Tư Vạn Đạt	59.623.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.213.963.606.714	-	2.005.807.296.336	-

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>12.221.781.355.875</b>	-	<b>6.042.279.634.580</b>	-
- Tạm ứng	278.658.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	11.856.355.477.447	-	6.001.492.435.209	-
+ Công ty Cổ phần Green Solution	-	-	200.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	1.077.683.613.359	-	635.809.248.267	-
+ Công ty Cổ phần Mega Solar	-	-	385.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond	601.742.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH DV ĐT Vạn Đạt	-	-	400.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch Vụ Halim	120.000.000.000	-	1.020.000.000.000	-
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Gia Khang	-	-	290.585.138.000	-
+ Công ty Cổ phần HCM Lot 98	360.000.000.000	-	430.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Walle Magnolia	1.340.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ Orchid	1.461.336.000.000	-	256.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	2.500.000.000.000	-	587.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió Khai Long 1	587.500.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	1.002.135.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thụy	300.071.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	391.250.684.932	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus	540.000.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.371.637.179.156	-	1.596.598.068.942	-
- Kỹ cược, kỹ quỹ	86.767.878.428	-	40.787.179.371	-
<b>Cộng</b>	<b>16.743.343.873.079</b>	<b>(1.904.717.650)</b>	<b>11.545.982.866.555</b>	<b>(1.904.717.650)</b>

7. NỢ XẤU

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	90.668.819.190	(87.320.715.940)	90.668.819.190	(87.320.715.940)
Trong đó:				
+ Phải thu khách hàng	88.504.101.540	(85.215.998.290)	88.504.101.540	(85.215.998.290)
+ Tạm ứng	104.717.650	(104.717.650)	104.717.650	(104.717.650)
+ Kỹ quỹ	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
+ Trả trước người bán	260.000.000	(200.000.000)	260.000.000	(200.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>90.668.819.190</b>	<b>(87.320.715.940)</b>	<b>90.668.819.190</b>	<b>(87.320.715.940)</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.14.447.941.551	-	53.964.871.875	-
- Công cụ, dụng cụ	788.227.717	-	314.273.474	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang (*)	1.974.051.610.266	-	2.197.225.556.686	-
- Thành phẩm	33.658.264.771	-	24.211.192.872	-
- Hàng hóa	3.661.285.336	-	583.122.061	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>2.126.607.329.641</b>	<b>-</b>	<b>2.276.299.016.068</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

(\*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư dự án Malibu Hội An là 1.263.996.718.243 đồng theo Quyết định 2533/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt chỉ tiết quy hoạch 1/300 Khu Nghỉ mát dịch vụ và du lịch tại Xã Điện Dương huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam do Công ty TNHH Inlochima Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư (trên thuyết minh V.19).

- Chi phí đầu tư Dự án King Crown là khu tổ hợp các biệt thự và căn hộ tại phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. HCM là 457.773.787.230 đồng theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND TP. HCM phê duyệt do Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn làm chủ đầu tư.

- Và các khoản chi phí xây dựng khác tại các Công ty con của Công ty Cổ phần Bamboo Capital.

**9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn</b>	<b>679.253.490.399</b>	<b>9.045.000.000</b>
- Dự án chung cư tại Công ty TNHH Pegat	9.045.000.000	9.045.000.000
- Dự án King Crown Infinity Thủ Đức	669.093.990.399	-
- Chi phí SXKD dở dang khác	1.114.500.000	-
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.772.369.932.720</b>	<b>4.024.570.584.636</b>
- Xây dựng cơ bản dở dang	2.768.224.840.270	3.300.971.123.158
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Cồn Bắp	334.721.563.209	254.716.831.901
+ Các dự án trồng lương thực xanh	188.704.405.187	-
+ Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long	344.773.627.473	-
+ Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ	1.899.590.359.991	3.045.819.106.757
+ Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	434.884.500	434.884.500
- Mua sắm tài sản cố định	740.913.800	535.500.000
- Chi phí xây dựng khác	3.404.178.650	723.063.961.478
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.451.623.423.119</b>	<b>4.033.615.584.636</b>



## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu kỳ	126.306.983.796	332.355.198.671	68.546.193.798	2.523.603.028	107.635.714	529.839.615.007
2. Số tăng trong kỳ	3.251.167.582.581	871.886.543.537	147.866.200.992	1.513.965.455	-	4.272.434.292.565
- Mua trong kỳ	-	593.361.150.353	9.685.747.003	1.513.965.455	-	604.566.862.810
- Đầu tư XDCN hoàn thành	3.251.167.582.581	262.678.078.847	135.976.858.537	-	-	3.649.782.519.965
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	15.847.314.335	2.243.595.455	-	-	18.090.909.790
3. Số giảm trong kỳ	-	939.107.074	608.000.000	-	-	1.547.107.074
- Thanh lý, nhượng bán	-	939.107.074	608.000.000	-	-	1.547.107.074
4. Số dư cuối kỳ	3.377.474.566.377	1.203.302.635.134	215.804.394.790	4.037.468.483	107.635.714	4.800.726.800.498
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ	27.509.652.921	120.011.656.947	21.877.914.020	1.333.956.387	107.635.714	170.840.815.989
2. Khoản hao trong kỳ	127.017.873.051	53.116.197.323	12.792.634.340	532.475.487	-	193.459.180.201
- Khoản hao ứng trong kỳ	127.017.873.051	52.852.075.418	12.420.727.677	532.475.487	-	192.823.151.633
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	264.121.905	371.906.663	-	-	636.028.568
3. Giảm trong kỳ	-	939.107.074	103.585.186	-	-	1.042.692.260
- Thanh lý, nhượng bán	-	939.107.074	103.585.186	-	-	1.042.692.260
4. Số dư cuối kỳ	154.527.525.972	172.188.747.196	34.566.963.174	1.866.431.874	107.635.714	363.257.303.930
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	98.797.330.875	212.343.541.724	46.668.279.778	1.189.646.641	-	358.998.799.018
2. Tại ngày cuối kỳ	3.222.947.040.405	1.031.113.887.938	181.237.431.616	2.171.136.609	-	4.437.469.496.568

**II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính</b>		
1. Số dư đầu kỳ	5.986.068.212	5.986.068.212
2. Số tăng trong kỳ	1.012.900.000	1.012.900.000
- Thuế TSCĐ tài chính trong kỳ	1.012.900.000	1.012.900.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	6.998.968.212	6.998.968.212
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu kỳ	2.074.985.910	2.074.985.910
2. Khấu hao trong kỳ	837.366.553	837.366.553
- Khấu hao tăng trong kỳ	837.366.553	837.366.553
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.912.352.463	2.912.352.463
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuế tài chính</b>		
1. Tại ngày đầu kỳ	3.911.082.302	3.911.082.302
2. Tại ngày cuối kỳ	4.086.615.749	4.086.615.749

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
1. Số dư đầu kỳ	513.520.000	2.701.501.046	3.215.021.046
2. Số tăng trong kỳ	-	341.904.000	341.904.000
- Mua trong kỳ	-	299.404.000	299.404.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	42.500.000	42.500.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	513.520.000	3.043.405.046	3.556.925.046
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu kỳ	39.572.327	940.224.298	979.796.625
2. Khấu hao trong kỳ	9.125.454	524.038.998	533.164.452
- Khấu hao tăng trong kỳ	9.125.454	518.726.499	527.851.953
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	5.312.499	5.312.499
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	48.697.781	1.464.263.296	1.512.961.077
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
1. Tại ngày đầu kỳ	473.947.673	1.761.276.748	2.235.224.421
2. Tại ngày cuối kỳ	464.822.219	1.579.141.750	2.043.963.969

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.884.610.702</b>	<b>19.812.812.899</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	726.584.953	786.170.558
- Chi phí bảo hiểm	4.822.292.860	-
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.843.750.000	17.982.566.666
- Chi phí khác	23.491.982.889	1.044.075.675
<b>b. Dài hạn</b>	<b>316.582.136.976</b>	<b>264.807.077.902</b>
- Quyền sử dụng đất thuê	1.816.665.350	1.850.376.668
- Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	9.374.233.575	9.014.986.593
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	12.562.534.291	14.329.297.026
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	17.528.785.636	9.618.733.635
- Chi phí Dự án King Crown chờ phân bổ	16.272.513.860	27.863.313.342
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	197.148.988.772	180.970.490.820
- Chi phí khác	61.878.415.492	21.159.879.818
<b>Cộng</b>	<b>348.466.747.678</b>	<b>284.619.890.801</b>

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.265.506.505.093</b>	<b>1.265.506.505.093</b>	<b>4.780.665.000.177</b>	<b>4.780.665.000.177</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ricons	46.328.195.522	46.328.195.522	65.476.418.886	65.476.418.886
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	450.003.260.299	450.003.260.299	1.806.024.180.613	1.806.024.180.613
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	45.987.324.478	45.987.324.478	101.453.631.016	101.453.631.016
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	160.859.607.782	160.859.607.782	389.083.280.824	389.083.280.824
- Công ty TNHH Dầu Tư TMDV Thanh Thanh Bình	-	-	122.493.038.510	122.493.038.510
- Công ty Cổ phần Dầu tư Dịch vụ Orchid	49.036.375.200	49.036.375.200	170.510.000.000	170.510.000.000
- Công ty TNHH Mai Tiến Thành	-	-	17.138.861.975	17.138.861.975
- Công ty TNHH Thái Hòa	31.990.000.000	31.990.000.000	330.068.307.692	330.068.307.692
- Nguyễn Văn Lục	-	-	633.259.670.213	633.259.670.213
- Các đối tượng khác	481.301.741.812	481.301.741.812	1.145.157.610.448	1.145.157.610.448
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.983.397.217.563</b>	<b>2.983.397.217.563</b>	<b>688.310.000.000</b>	<b>688.310.000.000</b>
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	2.147.609.185.382	2.147.609.185.382	-	-
- Nguyễn Văn Lục	286.527.982.231	286.527.982.231	-	-
- Các đối tượng khác	14.950.049.950	14.950.049.950	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.265.506.505.093</b>	<b>1.265.506.505.093</b>	<b>4.780.665.000.177</b>	<b>4.780.665.000.177</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**15. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.066.379.105.770	1.689.338.591.783
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (đổi tên từ Công ty Cổ phần Super Wind Energy Công Lý Cà Mau)	929.900.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	250.000.000.000
	1.136.479.105.770	1.439.338.591.783
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	40.000.000.000	40.000.000.000
	40.000.000.000	40.000.000.000

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC**

	Ngày 01/01/2021	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/09/2021
<b>a. Phải nộp</b>	120.655.116.029	348.071.136.037	251.947.286.130	216.776.965.936
Thuế giá trị gia tăng	8.317.613.120	27.283.552.368	25.581.852.582	10.019.312.906
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	56.324.568.863	56.324.568.863	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.314.295.793	181.309.220.272	85.093.474.820	181.530.041.245
Thuế thu nhập cá nhân	2.619.178.350	19.440.222.832	19.131.978.629	2.927.422.553
Thuế tài nguyên	13.623.730.666	27.068.059.972	37.479.325.433	3.212.463.145
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	437.404.500	11.034.103.529	11.457.921.760	13.586.269
Thuế khác	4.000.245.811	2.998.738.997	2.897.661.645	4.101.323.163
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.340.647.849	22.612.669.204	13.980.502.398	14.972.814.655
<b>b. Phải thu</b>	12.211.657.068	4.740.470.543	2.035.189.191	9.506.375.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.154.815.331	4.731.470.543	2.019.493.917	8.442.838.705
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	15.675.280	15.675.280
Thuế khác	1.056.841.737	9.000.000	19.994	1.047.861.731

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	184.685.039.421	91.507.897.206
- Lãi vay, trái phiếu phải trả	128.992.425.262	65.553.507.902
- Tạm trích chi phí giá vốn xây dựng	6.714.337.875	24.923.165.619
- Trích trước chi phí xây dựng cơ bản	10.683.091.740	-
- Chi phí phải trả khác	38.295.184.544	1.031.223.685
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	184.685.039.421	91.507.897.206

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
<b>a. Ngân hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ xử lý	935.539.072.700	1.863.759.945.048
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	24.011.917	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.454.974.815	323.427.915
+ Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Orchid	934.060.085.968	1.863.436.517.133
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	-	139.789.102.465
+ Công ty TNHH TMTH Phước Tiến	-	373.893.182.948
+ Nguyễn Minh Sơn	36.000.000.000	93.005.873.044
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	146.993.152.784	172.142.600.767
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn VNGROUP	2.167.652.931	215.577.555.671
+ Khác	44.070.149.908	39.570.149.908
	683.929.130.345	629.438.052.330
<b>b. Dài hạn</b>	<b>7.006.471.988.014</b>	<b>5.264.977.995.848</b>
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	7.385.038.000	3.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.999.086.950.014	5.261.477.995.848
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	502.923.000.000	1.042.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn R&H	149.980.000.000	149.980.000.000
+ Công ty TNHH KD BĐS Thương Long	378.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần MGM Harbort	185.900.000.000	256.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy	658.040.256.099	80.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Green Solution	550.000.000.000	329.200.000.000
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	540.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Thanh An An	-	550.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Daffodils	350.000.000.000	350.000.000.000
+ FR Ngọc Tiên	253.500.000.000	242.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond	687.282.000.000	361.390.000.000
+ Công ty TNHH SX - XNK - TM DV Tổng hợp Hoàng Việt	-	171.500.000.000
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Đầu Tư Vạn Đạt	621.408.855.327	-
+ Nguyễn Tung Phương Trúc	98.258.500.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	228.873.900.000	355.498.900.000
+ Nguyễn Duy Kym	183.923.000.000	253.000.000.000
+ Nguyễn Thái Thành Huy	39.000.000.000	211.700.000.000
+ Đặng Đình Quyết	582.991.000.000	-
+ Các đối tượng khác	988.932.438.588	508.709.095.848

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 01/01/2021		Ngày 30/09/2021		
	Giá trị	Số có đầu năm trả nợ	Tổng	Giá trị	Số có đầu năm trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
- Vay ngắn hạn	584.195.162.863	564.561.815.596	921.444.331.258	543.583.784.568	962.055.709.553
+ Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower			196.000.000.000		196.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	120.267.180.536	120.267.180.536	142.380.814.387		119.890.814.387
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.494.635.060	5.494.635.060	9.156.627.340		4.574.783.364
+ Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	40.000.000.000		20.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			19.239.784.944		19.339.784.944
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng			148.000.000.000		148.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	418.800.000.000	418.800.000.000	300.000.000.000		420.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	19.633.347.267		65.562.104.587		33.320.326.858
+ Các đối tượng khác			1.005.000.000	75.000.000	930.000.000
- Nợ thuế tài chính ngắn hạn	90.000.000.000	90.000.000.000		90.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	90.000.000.000	90.000.000.000		90.000.000.000	
- Vay dài hạn đến hạn trả	54.223.377.112	54.223.377.112	12.000.000.000	41.314.515.638	24.888.861.474
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	391.333.000	391.333.000		346.745.500	44.587.500
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	27.500.000.000	27.500.000.000		20.625.000.000	6.875.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bank	13.224.944.112	13.224.044.112	12.000.000.000	13.171.770.138	12.052.273.974
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.400.000.000	2.400.000.000		1.800.000.000	600.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	148.000.000	148.000.000		111.000.000	37.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	10.560.000.000	10.560.000.000		5.280.000.000	5.280.000.000
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	2.310.291.744	2.310.291.744	104.870.500	1.800.154.791	615.007.453
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNEH BIDV-SuMI TRUST - CN TP.HCM	1.165.095.744	1.165.095.744	104.870.500	941.257.791	328.708.453
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	1.145.196.000	1.145.196.000		858.897.000	286.299.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>730.728.831.719</b>	<b>711.095.484.452</b>	<b>933.549.201.758</b>	<b>676.718.454.997</b>	<b>987.559.578.480</b>

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày: 6/10/2021		Ngày: 30/09/2021	
	Giá trị	Số có khác bằng, trả nợ	Tổng	Giá trị trả nợ
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>				
- <b>Vay dài hạn</b>				
+ Ngân hàng VIB - CN TP.HCM	1.119.953.529.258	-	1.119.953.529.258	2.420.193.562.848
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6.600.000.000	6.600.000.000	13.200.000.000	576.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	594.500.000	594.500.000	1.189.000.000	6.600.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	344.591.512.732	384.591.512.732	729.183.025.464	594.500.000
+ Ngân hàng TNHH Indovina	663.000.000	663.000.000	1.326.000.000	520.324.892.553
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	262.330.407.266	262.330.407.266	524.660.814.532	42.980.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.336.384.334	8.336.384.334	16.672.768.668	357.584.624.459
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	226.118.523.142	226.118.523.142	452.237.046.284	106.812.508.708
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	230.719.201.784	230.719.201.784	461.438.403.568	218.418.523.142
+ Công ty Cổ phần phát triển Lâm City	-	-	-	684.902.513.986
- <b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>	4.949.013.080	4.949.013.080	9.898.026.160	481.400.000.000
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust - CN TP.HCM	2.276.869.080	2.276.869.080	4.553.738.160	5.892.847.580
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	2.672.144.000	2.672.144.000	5.344.288.000	3.220.703.580
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.124.902.542.338</b>	<b>1.124.902.542.338</b>	<b>2.249.805.080.698</b>	<b>2.476.086.410.428</b>
				<b>2.672.144.000</b>
				<b>2.476.086.410.428</b>



19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 01/01/2021		Ngày 30/09/2021	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
				Kỳ hạn
<b>c. Trái phiếu thường</b>				
- <b>Trái phiếu ngắn hạn</b>				
+ Loại phát hành theo mệnh giá	1.300.000.000.000	11%	200.000.000.000	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	400.000.000.000	12%	-	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	200.000.000.000	12%	-	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	200.000.000.000	11%	2.000.000.000.000	1 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	300.000.000.000	11%	-	1 năm
- <b>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</b>				
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	775.000.000.000	2 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	373.000.000.000	11,5%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	400.000.000.000	11%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	1.424.496.688.350	-	8.324.811.770.833	1 năm 1 ngày
- <b>Trái phiếu dài hạn</b>				
+ Loại phát hành theo mệnh giá	112.929.688.350	6%	481.228.437.500	2 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	-	2 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	373.000.000.000	11,5%	350.000.000.000	5 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	350.000.000.000	11%	50.000.000.000	3 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	50.000.000.000	11%	70.000.000.000	5 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	70.000.000.000	11%	100.000.000.000	7 năm
+ Loại phát hành theo mệnh giá	100.000.000.000	11%	1.000.000.000.000	10%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	1.500.000.000.000	10%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	2.495.833.333.333	11%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	1.481.250.000.000	11%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	996.500.000.000	11%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	365.567.000.000	11%	-	1 năm 1 ngày
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.724.496.688.350</b>		<b>9.499.811.770.833</b>	

## 20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiết	Ngày 01/01/2021	Phát hành trong kỳ	Điều hạn trái phiếu		Ngày 30/09/2021
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
<b>1</b>	<b>Kỳ hạn gốc (tháng)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		36			36
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)		36		36	36
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)		12			12
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					
<b>2</b>	<b>Kỳ hạn còn lại (tháng)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		-		36	36
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	28,5				28,0
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	20				19,5
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	11,5				11
<b>3</b>	<b>Số lượng (trái phiếu)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		250.000			250.000
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	900.000			900.000	
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	1.157.500				1.157.500
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	100.455				100.455
<b>4</b>	<b>Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		1.000.000			1.000.000
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	1.000.000			1.000.000	
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	100.000				100.000
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	10.000.000				10.000.000
<b>5</b>	<b>Lãi suất (%)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		6%			6%
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	5%				5%
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	7%				7%
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	10,5%				10,5%
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ chuyển đổi</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)				1.100	
b	Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					
c	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
d	Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

STT	Chi tiết	Ngày 01/01/2021	Phát hành trong kỳ	Đến hạn trái phiếu		Ngày 30/09/2021
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
7	<b>Lãi suất chiết khấu</b>					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)					
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					
8	<b>Nợ gốc trái phiếu</b>	2.020.300.000.000	250.000.000.000	900.000.000.000	1.370.300.000.000	1.370.300.000.000
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)		250.000.000.000		250.000.000.000	250.000.000.000
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)	900.000.000.000	-	900.000.000.000	900.000.000.000	900.000.000.000
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	115.750.000.000	-	-	115.750.000.000	115.750.000.000
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)	1.004.550.000.000	-	-	1.004.550.000.000	1.004.550.000.000
9	<b>Quyền chọn chuyển đổi</b>					
	a Trái phiếu chuyển đổi TCD (25/01/2021)					
	b Trái phiếu chuyển đổi BCG (20/05/2020)					
	c Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
	d Trái phiếu chuyển đổi Năng lượng sạch (05/12/2020)					

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL**

27C Hoàng Thượng, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2021

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a. Bảng bất biến tiến động của *Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>1.000.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>484.644.120</b>	<b>133.656.035.624</b>	<b>765.691.285</b>	<b>409.728.643.878</b>	<b>1.624.527.617.907</b>	
- Tăng vốn	280.000.000.000	-	-	-	-	-	280.000.000.000	
- Lợi nhuận tăng (giảm) trong kỳ	-	-	-	49.619.227.559	-	53.673.032.944	103.293.160.503	
- Tăng(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	(13.402.524.917)	(2.221.672)	384.882.062.746	371.477.316.157	
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	(1.490.765.773)	-	(4.041.161.068)	(5.531.926.841)	
- Chia cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	(86.404.638.000)	-	-	(86.404.638.000)	
- Cổ tức đã chia cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	(18.886.531.881)	(18.886.531.881)	
<b>Số dư tại 30/09/2020</b>	<b>1.360.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>484.644.120</b>	<b>81.977.367.493</b>	<b>763.469.613</b>	<b>825.357.126.619</b>	<b>2.268.475.207.845</b>	
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>1.360.057.600.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>481.158.791</b>	<b>215.211.939.444</b>	<b>306.707.661</b>	<b>1.357.415.624.996</b>	<b>2.963.368.030.892</b>	
- Tăng vốn	1.574.623.800.000	-	-	-	-	-	1.574.623.800.000	
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	508.723.247.771	-	192.556.817.882	701.280.065.653	
- Tăng(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	(13.390.999)	(8.912.530.031)	(5.361.245)	1.347.087.659.002	1.338.156.376.726	
- Cổ tức đã chia tại công ty con	40.000.340.000	-	21.404.860.000	(21.404.860.000)	-	(48.151.218.527)	(48.151.218.527)	
- Cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	(205.464.852.000)	-	-	(162.774.512.000)	
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	(5.077.230.823)	-	(5.909.046.850)	(7.986.277.673)	
<b>Số dư tại 30/09/2021</b>	<b>2.975.371.740.000</b>	<b>(165.000.000)</b>	<b>467.767.792</b>	<b>488.075.714.361</b>	<b>301.346.416</b>	<b>2.872.919.836.503</b>	<b>6.358.456.265.071</b>	



**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*b. Chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Tổ chức, cá nhân khác	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
<b>Cộng</b>	<b>2.975.371.740.000</b>	<b>1.360.057.600.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<u>Từ ngày 01/01/2021</u> <u>đến ngày 30/09/2021</u>	<u>Từ ngày 01/01/2020</u> <u>đến ngày 30/09/2020</u>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	1.615.314.140.000	280.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- <b>Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	-	-

*d. Cổ phiếu*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	297.537.174	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	297.537.174	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	297.537.174	136.005.760

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

*e. Cổ tức*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- <b>Cổ tức đã công bố:</b>		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i>	203.464.852.000	86.404.698.000
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:</i>	203.464.852.000	86.404.698.000
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lấy kế chưa được ghi nhận</i>	-	-

*f. Các quỹ của doanh nghiệp*

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	301.346.416	306.707.661
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	467.767.792	481.158.791

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<i>Ngọai tệ các loại</i>	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- USD	19.891,42	70.105,90
- EUR	774,14	782,33
- JPY	510,046	-
<b>Nợ phải đòi đã xử lý</b>	<b>8.318.016,819</b>	<b>8.318.016,819</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Đơn vị tính: VND

**a. Doanh thu**

- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây lắp

Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
457.439.869.146	781.702.508.459
401.983.629.231	269.062.784.010
7.490.094.713	89.923.106.990
47.966.145.202	422.716.617.450

**b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

	6.093.956
	-
	6.093.956

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán
- Giá vốn cung cấp dịch vụ
- Giá vốn xây lắp

Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
193.104.750.047	232.587.145.913
8.773.663.144	7.791.038.950
34.341.658.949	317.184.484.038
<b>236.220.072.140</b>	<b>557.562.668.901</b>

**Cộng**

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
7.353.698.824	704.062.965
238.098.499.650	19.411.280.000
350.722.556.185	82.170.530.396
157.672.588	173.331.371
-	312.000
<b>596.332.427.247</b>	<b>102.459.516.732</b>

**Cộng**

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Chi phí tài chính khác

Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
304.299.118.930	78.852.521.378
85.735.698	-
111.422.719.694	66.180.695.643
271.785.593	154.702.597
18.861.920.674	-
<b>434.941.280.589</b>	<b>145.187.919.618</b>

**Cộng**

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
18.457.745.610	28.759.313.807
159.031.222	334.412.153
189.752.686	276.511.819
7.738.524	-
17.361.571.999	27.084.901.508
739.651.179	1.063.488.327

## 5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

*b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ*

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
- Chi phí nhân viên quản lý	77.550.084.566	42.569.930.390
- Chi phí vật liệu quản lý	28.445.438.659	19.988.270.210
- Chi phí đồ dùng văn phòng	696.396.985	465.442.338
- Chi phí khấu hao TSCĐ	577.168.063	897.797.483
- Thuế, phí và lệ phí	2.775.280.087	2.332.614.303
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	1.553.479.975	258.558.707
- Phân bổ lợi thế thương mại		-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.557.500.791	3.607.079.144
- Chi phí khác	3.810.955.949	9.277.234.117
	9.133.864.057	5.742.934.288

## 6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.046.841.403	88.977.201.364
- Chi phí nhân công	44.385.450.242	29.781.144.886
- Chi phí khấu hao	193.787.018.946	9.880.624.517
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.611.339.604	464.846.438.708
- Chi phí bằng tiền khác	37.329.061.665	25.950.043.706
<b>Cộng</b>	<b>514.159.711.860</b>	<b>619.435.453.181</b>

## 7. THU NHẬP KHÁC

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	257.386.364	13.618.814
- Các khoản khác	305.331.422	5.333.991.707
<b>Cộng</b>	<b>562.717.786</b>	<b>5.347.610.521</b>

## 8. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ		-
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	340.398.437	128.889.806
- Các khoản khác	7.559.444.504	3.846.808.187
<b>Cộng</b>	<b>7.899.842.941</b>	<b>3.975.697.993</b>

## 9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	270.146.746.797	101.906.032.031
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	303.035.368.536	3.747.880.247
- Tổng thu nhập chịu thuế	573.182.115.333	107.653.912.278
+ Lệ tức các năm trước chuyển sang	(5.281.239.264)	(243.943.890)
+ Thu nhập miễn, giảm thuế	-	-
- Tổng thu nhập tính thuế	567.900.876.069	107.409.968.388
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.520.464.823	25.799.999.183
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	62.663.991.088	25.799.999.183
+ Khoản thuế truy thu		-
+ Khoản thuế miễn giảm	(8.343.526.265)	-

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	<i>Quý 3 năm 2021</i>	<i>Quý 3 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.291.369.975)	(89.337.621)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại</b>	<b>(2.291.369.975)</b>	<b>(89.337.621)</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Quý 3 năm 2021</i>	<i>Quý 3 năm 2020</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	165.854.339.868	32.540.777.775
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	279.498.717	136.005.760
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>593</b>	<b>239</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Quý 3 năm 2021</i>	<i>Quý 3 năm 2020</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	165.854.339.868	32.540.777.775
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	279.498.717	136.005.760
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>593</b>	<b>239</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Các bên liên quan**

<i>Đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Giá Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Winé Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thuận Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp



<i>Dơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vinh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar 4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Helios Village	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG-SP Solar 1	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Daisy Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Dịch Vụ BCG-SP Alpha 1	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Iris Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Ivy Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Lily Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Lotus Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Pine Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Xây Lắp BCG-SP Alpha 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Arossino Highland Agriculture	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hoaifa - BCG Bàng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hoaifa BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

## b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

<i>Đơn vị</i>	<i>Chi tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Lãi trái phiếu phải trả	2.532.876.713
Công ty Cổ phần BCG Land	Tạm ứng cổ tức	96.830.000.000
	Nhận cổ tức	44.169.993.400
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Mượn tiền	11.214.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	101.818.800
	Mượn tiền	246.690.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	Hàn cổ phần	19.000.000.000
	Phải thu khác	150.000.000
Công ty TNHH B.O.T DT830	Thu lãi tiền hợp tác	1.174.657.534
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Thu tiền cung cấp dịch vụ	165.000.000

## c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Số tiền</i>
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	285.000.000
Phạm Nguyễn Thiện Chương	Thành viên HĐQT	90.000.000
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	18.000.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	6.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	174.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	152.556.600
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	435.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	255.000.000
Đình Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	240.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	121.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.776.556.600</b>

## d. Số dư với các bên liên quan

<i>Đơn vị</i>	<i>Chi tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	315	4.947.945.204
Công ty Cổ phần BCG Land	319	96.830.000.000
	313	1.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	313	1.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	80.138.000.000
	337	64.150.000.000
Công ty CP Năng lượng BCG Bàng Dương	136	62.344.128
	156	454.178.082
Công ty TNHH B.O.T DT830	319	200.000.000
	216	52.500.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	131	19.000.000.000
	337	246.690.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	311	2.182.251.564,00
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	136	10.000.000

## 2. THÔNG TIN VỀ BẢO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trọng ký công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần	401.983.629.231	7.490.094.713	47.966.145.202	457.439.869.146
Giá vốn	193.104.750.047	8.773.663.144	34.341.658.949	236.220.072.140
Lợi nhuận gộp	208.878.879.184	(1.283.568.431)	13.624.486.253	221.219.797.006

## 3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## 4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2020.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

